ANDREW LANE

YOUNG SHERLOCK HOLMES - BLACK ICE

THỜI NIÊN THIẾU CỦA SHERLOCK HOLMES

BĂNG ĐEN

Võ Thoại Dung dịch

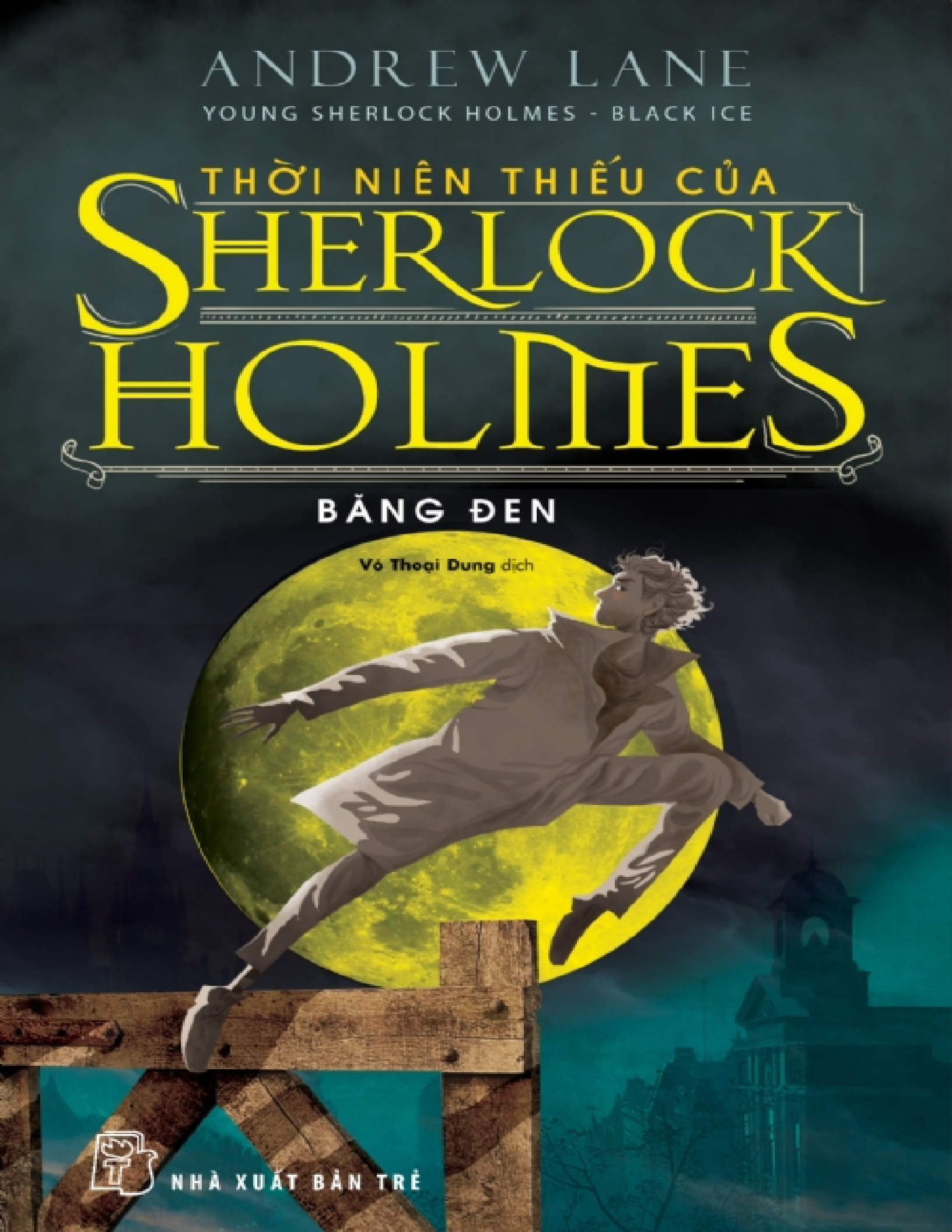

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

THỜI NIÊN THIẾU CỦA SHERLOCK HOLMES TẬP 3

BĂNG ĐEN

Andrew Lane

Võ Thoại Dung

Nhà xuất bản Trẻ 2016

---

ebook©vctvegroup

CHƯƠNG 1

Ánh nắng lấp lánh trên mặt nước, hất những tia sáng dội thẳng vào mắt Sherlock khiến cậu phải nháy mắt liên hồi, và nheo lại để tránh bớt cái nắng chói chang.

Chiếc thuyền con bập bềnh giữa hồ. Xung quanh hồ, từ ngay mé nước, cỏ mọc tứ tung, che lấp cả các bụi rậm và cây thưa thớt. Chiếc ghe như thể nằm trong một cái bát màu xanh lá, với cái nắp là bầu trời trong xanh không một gợn mây ở trên.

Sherlock ngồi ở phía mũi, mặt quay về hướng đuôi ghe. Amyus Crowe ngồi ở phần lái, sức nặng của ông làm cho phần đuôi ghe bị ấn sâu xuống nước đẩy phần mũi tàu nơi Sherlock đang ngồi vênh lên cao. Crowe giữ chiếc cần câu trên mặt nước hồ. Một đoạn dây câu mảnh khảnh nối chóp chiếc cần câu với một túm lông đang nổi lềnh bềnh trên mặt nước: đó là mồi nhử để con cá nào đói bụng tưởng đấy là con ruồi.

Dưới chân họ, trên đáy ghe, là một chiếc giỏ đan bằng cọng liễu gai đang nằm chỏng chơ rỗng không.

Sherlock hỏi, giọng càu nhàu, "Sao chú mang theo chỉ mỗi một chiếc cần câu vậy?"

"Bữa nay đâu phải là ngày đi câu," Crowe từ tốn trả lời, mắt đăm đăm nhìn vào chiếc mồi nhử bồng bềnh, "chỉ giả dạng thôi. À không, thực ra đây là một bài học về các kĩ năng sống."

"Đáng lẽ cháu nên đoán ra từ trước." Sherlock làu bàu.

"Tuy nhiên đây cũng là cách để kiếm vài con cá để chú và

Virginia ăn tối nay." Crowe thú thực. "À, và luôn như thế, nếu có thể, cố gắng thu xếp một công đôi ba việc."

"Vậy cháu chỉ ngồi đây xem chú kiếm cá để nấu bữa chiều thôi sao?" Sherlock nói.

"Điều này thì còn tùy theo mức độ." Crowe cười.

"Có lâu không?"

"Ồ, cũng còn tùy."

"Tùy vào cái gì ạ?"

"Tùy việc ta có phải là người câu cá giỏi hay không."

"Làm sao thì chú mới trở thành người câu giỏi được?" Sherlock lên tiếng hỏi, biết rằng mình đang bị Crowe dẫn dắt nhưng cậu không dừng lại được.

Thay vì trả lời, Crowe quay cuộn dây câu có tay nắm bằng xương ở phần đuôi chiếc cần, khéo léo thu dây câu về. Chiếc mồi nhử bằng lông nhảy bổng khỏi mặt nước, rồi lơ lửng trong không khí, khiến mấy giọt nước lấp lánh rơi xuống, khuấy động nhẹ mặt hồ. Ông giật ngược chiếc cần. Dây câu vụt ngang qua đầu, miếng mồi nhử loe ra khi bay theo. Crowe lại vụt mạnh chiếc cần, miếng mồi nhử lại vẽ hình số 8 trên nền trời xanh biếc khi bay qua đầu ông và rơi tõm nhẹ xuống phía khác của hồ. Ông mỉm cười khi nhìn miếng mồi nhử trôi vật vờ.

"Người thợ câu giỏi nào cũng biết," Crowe lên tiếng, "là các loại cá sẽ có phản ứng khác nhau tùy theo nhiệt độ và theo từng mùa trong năm. Chẳng hạn, cá không bao giờ đớp câu lúc tảng sáng mùa xuân. Dòng nước còn rất lạnh và ánh nắng chỉ sượt trên mặt

nước chưa đủ sưởi ấm vì lúc này mặt trời chưa lên cao, khiến lũ cá đờ đẫn. Máu của chúng chảy rất chậm vì trời còn lạnh và bị ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh. Chờ đến nửa buổi sáng hoặc gần trưa, khi mọi thứ bắt đầu rục rịch thay đổi. Lũ cá sẽ trở nên linh hoạt hơn, lâu lâu sẽ đớp một lần, vì lúc này mặt trời đang chiếu thẳng xuống mặt nước, làm cho nước ấm lên. Đương nhiên lúc này có gió làm chao động lớp nước ấm bề mặt, kể cả lũ côn trùng tí teo và những thứ thức ăn của bọn chúng, và là một người câu cá, cháu phải chú ý và di chuyển theo những chuyển động thay đổi đó. Không ích gì khi câu trong làn nước lạnh, hoặc khi cá không có đồ ăn xung quanh. Những thứ này đều thay đổi tùy theo mùa trong năm."

"Liệu cháu có phải ghi lại không?" Sherlock hỏi.

"Hãy dùng cái đầu nằm trên vai cháu ấy. Nên ghi nhớ sự kiện". Ông khịt mũi rồi tiếp: "ví dụ, vào mùa đông, nước sẽ lạnh, thậm chí còn đóng băng nữa, cá bơi lờ đờ. Chúng sống được là nhờ đến phần dự trữ có được từ hồi mùa thu, đại loại như vậy. Chẳng ích lợi gì khi đi câu vào mùa đông. Nào, nãy giờ cháu đã học được những gì?"

"Để xem nào." Sherlock lẹ làng soát lại những gì có trong đầu. "Vào mùa xuân tốt nhất nên chơi vào sáng sớm hoặc buổi xế chiều, còn mùa đông thì tốt hơn nên đi ra chợ để mua thứ gì đó từ mấy bà bán hàng rong."

Ông Crowe phá lên cười. "Tóm tắt sự kiện thế là tốt, nhưng nên nghĩ thêm về những điều nằm sau sự kiện đó. Giải thích các sự kiện theo qui luật nào?"

Sherlock trầm ngâm một lúc. "Điều quan trọng là nhiệt độ của nước và yếu tố quyết định nhiệt độ của nước là sức nóng của mặt trời, khi chiếu thẳng hay chiếu nghiêng xuống nước. Phải xem vị trí của mặt trời đang ở đâu, kiếm xem chỗ nào nước chỉ ấm nhưng không quá nóng, đó là nơi mà ta sẽ tìm được lũ cá".

"Khá chính xác"

Chiếc mồi nhử giật nhẹ, ông Crowe chồm ra trước, mở to đôi mắt xanh dưới hàng mày rậm ri, nhìn không chớp.

"Mỗi loài cá ưa một nhiệt độ khác nhau," ông khẽ khàng nói tiếp. "Người câu cá giỏi là người biết kết hợp kiến thức về nhiệt độ nào mà lũ cá ưa với kiến thức về các mùa trong năm, thời khắc trong ngày và các điều kiện xáo chuyển nước trong hồ để đoán ra loài cá nào sẽ lui tới khúc nào trong hồ vào một thời điểm nào đó trong năm."

"Tất cả thật thú vị," Sherlock đáp thận trọng, "nhưng cháu không ưa môn câu cá mấy. Tức là mình phải bỏ quá nhiều thời gian chỉ để ngồi chờ đợi một cái gì đó sắp xảy ra. Nếu phải ngồi lâu như thế, chẳng thà cháu cầm quyển sách còn hơn chiếc cần câu".

Ông Crowe đáp trả một cách kiên nhẫn, "Theo ý kiến quê kệch, mộc mạc của chú thì nếu muốn tóm cái gì đó, ta cần phải làm một cách bài bản. Ta cần phải hiểu về các thói quen của con mồi, cần phải biết những thói quen này thay đổi tùy theo hoàn cảnh và môi trường xung quanh. Bài học này áp dụng cho cả cá lẫn cho người. Người cũng có những sở thích, những nơi ưa lui tới, vào các thời điểm khác nhau trong ngày, những sở thích này có thể thay đổi tùy theo lúc nắng hay mưa, lúc họ đói, khi họ no. Rồi sau đó, ta có thể

đưa ra một mồi nhử - giống như túm lông mà ta buộc lại bằng sợi chỉ - một thứ gì đó mà đối tượng của ta cứ muốn đớp lấy."

"Cháu hiểu rồi." Sherlock lên tiếng. "Mình về được chưa ạ?"

"Chưa đâu. Chú vẫn chưa kiếm xong bữa chiều." Crowe đảo mắt nhìn quanh mặt hồ, tìm kiếm cái gì đó. "Một khi ta hiểu được con mồi và các thói quen của nó, ta sẽ đi tìm dấu hiệu xem nó có quanh quẩn ở đó hay không. Nó không ngoi đầu lên để tự giới thiệu đâu. Không hề, nó chỉ lòng vòng xung quanh, cẩn trọng lắm, còn ta thì phải tìm những dấu hiệu phảng phất cho biết chú chàng đang ở đó." Mắt ông dán vào một mảng nước ở cách con thuyền chừng bốn thước. "Này, nhìn về đằng kia kìa," ông hất đầu nói. "Cháu thấy gì không?"

Sherlock nhìn theo. "Nước phải không?"

"Còn gì nữa không?"

Sherlock nheo mắt nhìn, cố gắng tìm xem Crowe đã thấy những gì. Bỗng chốc, một khoảnh nước dường như dúm nhẹ xuống, kiểu như một con sóng lật ngược. Nhưng ngay sau đó, mặt nước trở lại bình thường. Và khi biết mình đang tìm cái gì, Sherlock lại thấy thêm nhiều điểm hõm xuống, bất chợt và chỉ thoáng qua trong khi mặt nước trong hồ chỉ hơi gợn nhẹ. "Đó là cái gì?"

"Cái đó gọi là "hớp"," Crowe trả lời. "Nó xảy ra khi con cá - trong trường hợp này là một loại cá hồi - hếch mũi sát mặt nước, chờ có con côn trùng non nào bay qua hay không. Khi thấy con mồi, chú cá sẽ há miệng ra hút ngụm nước và táp cả con mồi đi theo. Những gì mà chúng ta thấy qua các chỗ lõm nhỏ trên mặt nước đó là chỗ nước bị hút kéo xuống, kéo theo con côn trùng non. Qua đó sẽ cho

biết con cá hồi nằm chỗ nào, anh bạn ạ."

Ông Crowe giữ chặt chiếc cần câu để cho miếng mồi trôi bồng bềnh trên mặt nước đến chỗ mà Sherlock thấy chú cá hồi đang hút nước để kéo con côn trùng non xuống. Mọi thứ vẫn im lìm, rồi chiếc mồi nhử đột nhiên bị kéo giật xuống dưới mặt nước. Crowe ngay lập tức lôi mạnh cần câu, vừa cố hết sức quay nhanh cuộn dây câu. Mặt nước tung tóe những giọt nước lấp lánh, ở giữa là một con cá đang vùng vẫy. Miệng cá mắc vào chiếc lưỡi câu nằm sâu trong mồi nhử, những chiếc vảy lốm đốm nâu. Crowe đánh vụt chiếc cần lên cao một cách thành thạo và con cá hầu như bay thẳng vào trong thuyền, giãy đành đạch. Một tay giữ chặt cần câu, ông Crowe vòng tay kia ra sau rút một chiếc chày gỗ dưới chỗ ngồi. Một nhát đập mạnh và thế là con cá hết cựa quậy.

"Thế thì hôm nay chúng ta đã học được những gì nào?" Ông Crowe gỡ cái lưỡi câu ra khỏi miệng con cá hồi, vừa từ tốn hỏi. "Biết được thói quen của con mồi, biết được thứ mồi mà nó thích và biết được các dấu hiệu báo cho biết nó đang quanh quẩn đâu đây. Thực hiện tất cả các bước đó, cơ hội tóm được con mồi sẽ là tối đa."

"Nhưng không biết đến khi nào cháu mới có thể săn tìm ai đó hoặc cái gì đó nhỉ?" Sherlock hỏi, bởi cậu hiểu hết những điều cơ bản của bài học nhưng không biết làm thế nào để áp dụng vào mình. "Cháu biết chú đã từng là thợ săn tiền thưởng lúc còn ở bên Mỹ, nhưng cháu không chắc mình có làm nghề này được hay không. Nhiều khả năng là cháu sẽ làm việc trong ngân hàng hay là một việc gì đó." Khi nói những lời này tim cậu gần như chùng

xuống. Công việc cuối cùng trên thế giới mà cậu muốn gắn chặt đời mình vào là một việc bàn giấy chán ngấy, nhưng cậu cũng không chắc là có gì khác phù hợp với mình.

"Ồ, cuộc đời có biết bao nhiêu thứ mà ta muốn với tới," ông Crowe nói, ném con cá vào giỏ và đậy nắp lại. "Cháu có thể muốn vơ vét hết tiền của mấy nhà đầu tư cho những kế hoạch hái ra tiền mà cháu ấp ủ. Hay cháu có thể nghĩ đến việc kiếm một cô vợ vào một lúc nào đó. Cháu có thể truy bắt kẻ nợ tiền của mình. Có hàng tá các lý do mà một người muốn săn tìm một ai đó. Và các nguyên tắc cơ bản đều như nhau." Đảo cặp mắt dưới hàng lông mày rậm ri liếc nhìn Sherloch, ông Crow nói thêm: "Theo kinh nghiệm ta đã trải qua, thì bao giờ cũng có những tay giết người và tội phạm mà cháu sẽ gặp trong đời." Ông giữ chặt chiếc cần câu và đánh vụt cái mồi nhử bay vòng qua đầu thành hình số 8 rơi xuống nước. "Rồi, sau khi mọi việc đã đâu vào đó xong, thì sẽ đến chuyện xả hơi với hươu, lợn rừng, và cá."

Sau khi bắt được thêm hai con nữa, gỡ ra và ném vào giỏ, ông Amyus Crowe đặt chiếc cần xuống mũi ghe và vươn vai. "Chú nghĩ đến lúc đi về rồi, trừ khi cháu muốn tự tay làm thử?"

"Cháu biết làm gì với con cá bây giờ?" Sherlock hỏi lại. "Nhà chú và thím của cháu có một đầu bếp. Chẳng cần đến cháu phải lo cũng có người dọn cho ba buổi ăn sáng trưa chiều rồi."

"Phải có ai đó bắt thú thì mới có cái dọn ra mâm được chứ." Ông Crowe đáp. "Rồi sẽ có cái ngày mà cháu tự hỏi không biết lấy đâu ra bữa ăn tiếp theo." Ông ta cười. "Hoặc cháu cũng có thể làm cho bà Eglantine đáng yêu kia phải ngạc nhiên khi mang về một con cá

hồi béo đẫy để làm bữa tối đó."

"Cháu sẽ nhét nó vào giường bà ấy," Sherlock thầm thì. "Việc đó thế nào nhỉ?"

"Có lý đấy," ông Crowe cười lớn, "nhưng mà thôi."

Ông nắm lấy mái chèo và đưa con thuyền quay vào bờ. Sau khi buộc thuyền vào chiếc cọc đóng trên mặt đất, ông cùng Sherlock quay về ngôi nhà nhỏ của mình.

Con đường mòn dẫn họ lên một sườn dốc bao quanh hồ nước. Crowe cắm cúi đi trước, tay mang chiếc giỏ kết bằng liễu. Thân người đồ sộ của ông bước đi khẽ khàng một cách đáng ngạc nhiên. Sherlock theo sau, vừa mệt vừa chán.

Khi đến bờ rìa ở đỉnh dốc, phía trước trở nên bằng phẳng, không còn dốc đứng như đằng sau, Crowe ngừng lại để cho Sherlock bắt kịp.

"Một điểm nữa cần lưu ý," ông Crowe vừa nói vừa vung tay chỉ xuống mặt hồ xanh biếc. "Nếu đi săn, thì đừng bao giờ có ý định dừng chân tại một chỗ như thế này, dù để ngắm cảnh hoặc để tìm chỗ nhìn cho rõ địa thế xung quanh. Cứ nghĩ chúng ta như bất cứ con thú nào trong rừng mà đứng chênh vênh trên rìa. Xa hàng dặm cũng còn bị thấy đấy."

Trước khi Sherlock thốt ra được tiếng nào thì ông Crowe đã tiếp tục rảo bước, vừa đi vừa gạt đám bụi cây thấp. Sherlock thầm nghĩ không biết làm sao người đàn ông này thạo đường mà chẳng cần đến la bàn. Cậu muốn hỏi, nhưng lại thôi và tìm cách tự giải thích. Ông Crowe đi được là nhờ quan sát những thứ xung quanh. Mặt trời mọc đằng đông, lặn đằng tây, nhưng điều đó cũng không

ích gì vì mặt trời giữa trưa đang rọi ngay trên đỉnh đầu. Nhưng mà có thực như thế không? Nghĩ một thoáng, Sherlock nhận ra rằng mặt trời chỉ thực sự rọi thẳng trên đầu vào giữa trưa tại một số nơi nào đó tại vùng xích đạo. Đối với một xứ ở bắc bán cầu như nước Anh, điểm gần nhất trên đường xích đạo sẽ nằm ở phía nam, cho nên vào giữa trưa mặt trời sẽ ở về phía nam của một điểm chiếu thẳng từ đỉnh đầu. Có lẽ đây là cách thức mà ông Crowe tính toán.

"Rêu thường mọc rậm ở hướng bắc của cây," ông Crowe quay đầu lại nói. "Phía này râm mát hơn, cho nên cũng ẩm hơn."

"Sao chú làm được như thế?" Sherlock kêu lên.

"Làm cái gì?"

"Nói được điều mà người khác đang suy nghĩ, rồi ngắt lời họ vào đúng thời điểm?"

"À," ông Crowe cười lớn. "Có mẹo cả đấy, lúc khác ta sẽ giải thích."

Sherlock quên bẵng thời gian khi họ đi xuyên qua rừng, nhưng rồi Crowe ngừng bước, cúi mình và đặt chiếc giỏ xuống.

"Chú thấy gì à?" cậu lên tiếng hỏi.

Sherlock cúi xuống bên cạnh Crowe. Trên nền đất mềm dưới một cái cây, cậu thấy một dấu móng nhỏ có hình trái tim.

"Có một con hươu qua lối này?" Sherlock thăm dò, cố nhảy sang suy diễn ngay dựa trên những gì mình thấy.

"Đúng vậy, nhưng nó đi theo hướng nào, nó già non ra sao?"

Sherlock nhìn kĩ dấu chân, cố mường tượng ra chiếc móng của

con hươu nhưng đành chịu.

“Lối này?” vừa nói cậu vừa chỉ vào hướng có phần hình tròn của dấu chân thú.

“Hướng khác.” Ông Crowe chỉnh ngay. “Cháu đang nghĩ đến chiếc móng ngựa mà phần tròn của hàm thiết nằm ở phía trước. Còn phần nhọn của móng hươu thì luôn chỉ theo hướng nó đi tới. Con hươu này còn non. Cháu cứ dựa theo những hình xoang nhỏ nằm đằng sau dấu chân. Đó là do mấy cái móng huyền để lại.”

Ông nhìn quanh. “Nhìn đằng kia kìa,” ông nói, nghiêng đầu sang một bên. “Cháu có nhìn ra một con đường mòn nhỏ chạy xuyên qua các lùm cây và bụi cỏ không?”

Sherlock nhìn theo, ông Crowe nói đúng - có một đường mòn, rất mờ, những bụi cây nhỏ và cỏ bị đẩy dạt ra hai bên.

Cậu đoán nó chỉ rộng chừng hơn một thước.

“Mấy con hươu di chuyển cả ngày từ chỗ chúng rải ổ đến chỗ uống nước yêu thích, để tìm thức ăn,” ông Crowe nói, người vẫn còn cúi xuống. “Một khi chúng tìm được con đường an toàn là chúng cứ giữ mãi cho đến khi nào có cái gì đó làm cho chúng hoảng sợ. Nhưng theo cháu thì điều này có ý nghĩa gì?”

“Nếu không bị quấy rầy thì con mồi cứ làm theo thói quen chăng?” Sherlock thận trọng trả lời.

“Khá đúng. Hãy ghi nhớ điều này. Nếu cháu đang tìm kiếm một người ưa rượu chè, thì hãy đến kiểm tra các quán rượu. Nếu truy tìm người thích cá cược, hãy đến trường đua. Nếu có ai cần đi đâu đó, thì ta nên gặp tài xế hoặc nhân viên soát vé - hỏi xem họ có nhớ được người mà ta muốn tìm hay không.”

Ông Crowe đứng dậy, quơ lấy chiếc giỏ và cất bước đi xuyên qua các hàng cây. Sherlock đi theo, đưa mắt nhìn xung quanh. Nhờ ông Crowe vạch những điểm cần chú ý, cậu mới nhận ra một loạt các dấu chân khác nhau trên mặt đất: một vài dấu của hươu, kích cỡ khác nhau, một số khác chắc hẳn là của loài khác – có thể là lợn lòi, hay con lửng, cũng có thể là chồn. Cậu cũng thấy được những lối mòn chạy qua các bụi cây, có dấu các cây bụi và cỏ bị một thứ gì đó đẩy dạt sang hai bên khi di chuyển. Những gì trước đây hầu như vô hình bỗng chốc trở thành rõ ràng dưới mắt cậu. Giờ thì cũng cảnh đó nhưng lại có nhiều thứ hơn khi nhìn đến.

Phải mất đến nửa giờ họ mới tới được cổng trang viên nhà Holmes.

"Chú phải tạm biệt cháu ở đây thôi," ông Crowe nói. "Sẽ tiếp tục vào ngày mai. Chú sẽ tìm thêm mấy thứ để chỉ về cách theo dấu và săn tìm."

"Chú ghé vào chơi một lúc đi?" Sherlock mời mọc. "Cháu sẽ bảo chị bếp dọn trà, và nhờ người làm ruột mấy con cá cho chú."

"Cháu quả là tử tế," ông Crowe cười ồ lên. "Còn chú thì nhận lời ngay."

Họ cùng rảo bước trên lối đi rải sỏi dẫn đến mặt tiền đồ sộ của trang viên nhà Holmes. Lần này Sherlock đi trước.

Cậu đẩy mạnh cửa trước vào nhà mà không gõ cửa.

"Bà Eglantine!" Sherlock gọi to.

Một dáng hình mặc đồ đen lướt ra khỏi bóng tối từ dưới chân cầu thang.

“Chào cậu chủ Sherlock,” bà quản gia trả lời, giọng khô như ngói. “Hình như cậu xem đây chỉ là quán trọ chứ không phải là nhà của chính gia đình mình.”

“Còn bà thì xem mình như bà chủ chứ không phải là người giúp việc,” Sherlock cự lại, giọng lạnh tanh nhưng trong bụng thì run. “Ông Crowe đây sẽ dùng trà buổi chiều với tôi. Bà lo chuẩn bị đi.” Cậu đứng chờ, không biết bà ta có làm theo lệnh của mình hay cộc lốc từ chối. Cậu có cảm giác là chính bà ta cũng không biết mình sẽ làm gì, nhưng sau một lúc, bà quản gia quay đi, hướng về phía nhà bếp, không nói không rằng.

Đột nhiên cậu cảm thấy không dằn được cái ý nghĩ táo bạo, muốn chọc tức người đàn bà đã gây đủ thứ khó chịu cho mình trong năm rồi.

“Ồ,” cậu nói thêm, tay chỉ về phía chiếc giỏ gai dưới chân ông Crowe, “và ông Crowe có câu được mấy con cá. Bà làm ơn bảo ai đó làm cá giùm cho ông ấy nhé.”

Bà Eglantine quay lại, với vẻ mặt có thể làm cho sữa đông lại và cừu thì sợ hãi đến mức phải đẻ non. Miệng bà ta mím lại như thể phải dằn cái điều đang muốn thốt ra. “Dĩ nhiên rồi,” cuối cùng bà nói, giọng rít qua kẽ răng. “Tôi sẽ cho người mang chiếc giỏ xuống dưới nhà. Tốt hơn hết có lẽ cậu cứ để nó ở đây và lên phòng khách đi.”

Bà ta dường như lỉnh ngay vào trong bóng tối.

“Cậu nên coi chừng người đàn bà này,” ông Crowe nói khẽ khàng. “Cứ nhìn thấy cậu là ánh mắt mụ ta xộc lên hung tợn.”

“Không biết vì lẽ gì mà chú thím cháu cứ chịu đựng mãi bà ta

nữa." Sherlock đáp lại. "Không hẳn vì bà ta là quản gia tốt. Gia nhân trong nhà khiếp sợ bà ấy đến mức làm cái gì cũng lóng cóng. Còn mấy cô phụ bếp hễ thấy bà ta là tay run lẩy bẩy, chén bát tuột khỏi tay ngay."

"Đối tượng này đáng được điều tra thêm," ông Crowe trầm ngâm. "Nếu, như cháu nói, mụ ta chẳng phải là quản gia giỏi thì phải có một lý do đặc biệt khác để giữ mụ ta lại, dù tính tình có quá quắt. Có lẽ chú thím cậu mắc nợ mụ ta hoặc gia đình mụ cái gì đó, nên phải trả nợ. Hoặc có lẽ mụ ta biết được chuyện gì đó mà gia đình cậu muốn giấu kín, thành ra mụ lên mặt và tự cho mình lên đời."

"Cháu nghĩ là anh Mycroft biết," Sherlock nói, nhớ lại lá thư anh trai gởi mình lúc mới đến trang viên Holmes. "Cháu nghĩ anh cháu đã cảnh báo cho cháu biết về bà này."

"Anh cậu thì biết khối chuyện," ông Crowe mỉm cười nói. "Còn thứ mà cậu ta không biết thì nói chung cũng không đáng phải biết."

"Chú đã từng dạy cho anh ấy phải không?" Sherlock hỏi.

Ông Crowe gật đầu.

"Vậy chú cũng dẫn anh ấy đi câu à?"

Ông Crowe phá lên cười, xóa tan vẻ điềm tĩnh vốn có. "Chỉ có một lần," ông thừa nhận, cố nén tiếng cười. "Anh của cậu không hợp với khung cảnh ngoài trời. Quả là lần độc nhất vô nhị ta mới thấy một kẻ đi bắt cá bằng cách lùa cá về hang của nó."

"Anh cháu lặn xuống để theo bắt con cá à?" Sherlock vừa nói vừa cố mường tượng.

“Cậu ta nhảy xuống nước, cố chụp con cá. Khi ta kéo cậu chàng lên, cậu ta nói rằng sẽ không bao giờ nhấc chân ra khỏi mặt đất khô ráo, và nếu mặt đất khô ráo là mặt đường lát đá thì càng tốt hơn nữa.” Crowe ngừng một lúc. “Nhưng nếu cháu hỏi thì cậu ta vẫn dư sức nói cho cháu nghe về cách ăn mồi và cách bơi của mọi loài cá ở châu Âu. Cậu ta có thể kém về hoạt động thể chất, nhưng đầu óc thì sắc bén như túi kim của thợ may vậy.”

Sherlock cười to. “Chúng ta vào phòng khách đi,” cậu nói. “Trà có lẽ xong rồi.”

Phòng khách nằm sát sảnh chính, ngay phía trước tòa nhà. Sherlock gieo mình xuống chiếc ghế êm ái, còn ông Crowe thì chọn chiếc trường kỷ lớn tương xứng với cái thân thể đồ sộ của mình. Sức nặng của ông làm chiếc ghế kêu rắc rắc. Sherlock ước đoán ông Amyus Crowe có lẽ cũng nặng bằng Mycroft Holmes, nhưng xương và cơ săn chắc hơn.

Có tiếng gõ cửa nhẹ báo hiệu của cô hầu gái đang bưng đến một chiếc khay bạc. Trên khay là bình trà, hai chiếc cốc và đĩa, một bình nhỏ đựng sữa và một đĩa bánh. Có lẽ hôm nay bà Eglantine trở nên hào phóng khác thường hoặc một gia nhân nào đó muốn làm cho khách vui lòng.

Có thêm một phong bì nhỏ, màu trắng kèm theo.

“Ngài có một lá thư,” cô hầu nói nhưng mắt lại tránh nhìn Sherlock. Cô ta đặt chiếc khay xuống bàn. “Ngài có cần thêm gì khác không?”

“Không, cám ơn cô.”

Cô hầu gái vừa đi ra, Sherlock đã nôn nóng cầm lấy ngay chiếc

phong bì. Chẳng mấy khi cậu có thư từ khi về trang viên Holmes, và khi có thư, thì hầu như đều từ…

“Mycroft!”

“Đó là thực tế hay suy diễn?” Ông Crowe hỏi.

Sherlock vẫy chiếc phong bì về phía ông Crowe. “Cháu nhận ra tuồng chữ và dấu bưu điện tại Westminster, gần văn phòng, nhà trọ và câu lạc bộ của anh cháu.”

Cậu bóc mở chiếc phong bì, gỡ phần nắp bị cục xi gắn dính.

“Chú nhìn này,” Sherlock giơ tờ giấy lên cao. “Giấy viết thư có tiêu đề của Câu lạc bộ Diogenes.”

“Kiểm tra xem dấu bưu điện đóng trên phong bì. Đóng lúc nào?” Crowe nói nhỏ.

“Lúc 3.30 chiều ngày hôm qua,” Sherlock trả lời, hơi hoang mang. “Sao ạ?”

Crowe chăm chú nhìn Sherlock. “Buổi xế của ngày làm việc mà anh cậu lại ngồi viết thư tại câu lạc bộ thay vì tại văn phòng? Cậu không thấy có gì bất thường về hành vi của anh cậu à?”

Sherlock suy nghĩ trong chốc lát. “Có lần anh ấy bảo là nhiều khi anh đi qua bên câu lạc bộ để ăn trưa. Chắc là anh ấy vừa dùng bữa trưa vừa viết thư, rồi nhờ hầu bàn đi gởi giúp. Bên bưu điện họ gom thư vào đầu buổi chiều, thư đến văn phòng lựa thư khoảng 3 giờ, sau đó được đóng dấu nửa tiếng sau đó. Điều đó đâu có gì đáng ngờ, phải không?”

Crowe cười. “Chẳng có gì đâu. Ta chỉ muốn chứng minh rằng có lô lốc các sự kiện mà ta có thể suy diễn từ một lá thư thông

thường. Nếu dấu bưu điện là Salisbury thay vì Westminster, thì đây là điều bất thường, cần phải đặt thêm nhiều câu hỏi. Nếu cháu biết rằng anh mình không bao giờ ra khỏi bàn giấy trong ngày, thậm chí để ăn trưa – theo ta là chuyện khó có – nhưng giấy viết thư lại có tiêu đề của câu lạc bộ thì quả đúng là điều bất thường. Trong tình huống nay, cháu có thể ngờ rằng cậu ta vừa mất việc, hoặc bị vướng chuyện gì đó đến nỗi không đi làm việc được, hoặc ra về sớm."

"Hoặc anh ấy chỉ lấy một ít văn phòng phẩm của Câu lạc bộ Diogenes để viết tại phòng làm việc," Sherlock gợi ý.

Ông Crowe trông có vẻ bối rối. "Ta đoán rằng bao giờ cũng có câu giải thích phòng hờ."

Sherlock lướt qua lá thư, càng đọc cậu càng muốn phát sốt với sự phấn khích đang tăng cao.

Sherlock của anh,

Anh viết vội cho em trong khi chờ người dọn món thịt nướng kèm với bồ dục hầm. Anh muốn làm cho xong trước khi quay lại văn phòng.

Anh tin rằng em vẫn khỏe, mấy vết sẹo từ những chuyến phiêu lưu mới đây của em sớm lành. Anh cũng mong rằng chú thím cũng khỏe, còn bà Eglantine quí hóa cũng đừng cau có quá mức.

Em sẽ vui khi nghe việc này, anh chắc thế, là mọi việc đã sắp xếp ổn thỏa để em có thể tiếp tục việc học hành tại trang viên nhà Holmes. Anh đoán rằng em cũng chẳng mấy bất ngờ khi được tin là không phải quay lại trường Deepdene nữa.

Ngài Amyus Crowe sẽ tiếp tục hướng dẫn em về cuộc sống thực tế cùng các hoạt động mang tính thể thao. Còn chú Sherrinford thì đồng ý lo

dạy dỗ cho em về vấn đề tôn giáo và văn học, như vậy chỉ còn thiếu có môn toán. Anh sẽ cân nhắc việc này, và sẽ báo cho em biết khi anh có quyết định. Dĩ nhiên cái đích cuối cùng là để chuẩn bị cho em vào đại học trong vài năm tới. Sau đó chúng ta sẽ bàn việc em thích trường nào Oxford hoặc Cambridge.

Nhân tiện, sáng nay anh mới nhận được thư của cha. Chắc hẳn cha đã gởi thư này từ Ấn Độ ngay khi đến nơi, vì cha kể tóm tắt mọi thứ đã xảy ra trong suốt chuyến đi. Anh chắc rằng em muốn tự mình đọc thư của cha thay vì nghe anh kể. Nên anh mời em cùng dùng bữa với anh, đương nhiên, tại câu lạc bộ vào tối mai.

Nhờ em chuyển giúp anh lời mời đến ngài Crowe: anh muốn bàn với ông ta một số chi tiết về việc học hành của em. Chuyến tàu 9.30 sáng tại Farnham sẽ chở em đến Waterloo đúng 12 giờ.

Anh chờ gặp em ngày mai để nghe em kể mọi thứ từ khi anh em ta gặp nhau lần sau cùng.

Anh của em,

Mycroft.

“Có gì thú vị không?” Ông Amyus Crowe hỏi.

“Chúng ta sẽ đi London ngày mai.” Sherlock đáp, nhe răng cười.

CHƯƠNG 2

Sherlock đến Farham buổi trưa hôm đó, dưới một trận mưa nhỏ vừa đủ tạo mấy vũng nước trên đường, nước mưa nhỏ thành giọt xuống cổ dù cậu đã kéo cao cổ áo lên hoặc cố rụt đầu vào. Cậu cưỡi con ngựa mà cậu đã "giải phóng" từ tay Bá tước Maupertuis – cậu còn phải tìm cho nó một cái tên, phải có lúc nào đó.

Cậu chỉ không thể nào hiểu được vì sao người ta lại phải đặt tên cho loài vật. Con vật chẳng cần biết chúng có tên, có số, hay chẳng có gì cả, điều này chỉ nói lên sự đồng cảm và ngang hàng vốn dĩ không hề có. Thú vật chỉ là thú, còn người thì bao giờ cũng là con người.

Trong lúc con ngựa phóng nhanh về hướng phố xá, Sherlock nhận ra mình đang miên man suy nghĩ về sự khác biệt lạ lùng giữa thú nuôi và thú vật. Nếu ta có thể ăn thịt bò, như miếng bíp-tết chẳng hạn, thế thì tại sao ta không ăn thịt ngựa? Dường như chẳng có lý do hợp lý nào để không ăn thịt ngựa – mà theo như cậu biết, thì thịt ngựa không chứa thứ gì độc hại cả.

Cũng như thế, nếu thịt chó, mèo không có trong thực đơn thế thì tại sao thỏ lại bị đưa vào nồi hầm? Điều này chẳng nói lên cái gì cả. Ai đó đã tùy tiện đưa ra một con đường phân chia trong giới động vật khi nói "Được rồi, mấy con vật này anh cứ ăn thịt tùy thích, nhưng những con kia thì anh dành dắt đi dạo, vuốt ve, chăm sóc và khi chúng chết thì đem mai táng."

Trong lúc nước cứ thấm vào mọi ngóc ngách quần áo, thì cậu tự

hỏi không biết ở xứ khác có những qui luật tréo ngoe như thế hay không? Liệu có những xứ xở nào đó mà người dân ăn thịt chó thịt ngựa, nhưng lại cho bò cái là thiêng liêng? Nếu quả như vậy, chứng tỏ rằng mọi thứ đều chỉ mang tính chủ quan, nếu không nói là tùy tiện, nhưng nếu xứ nào cũng phân biệt giống như thế thì có lẽ con người có điểm chung gì đó khi tất cả đều xem bò là để ăn thịt còn ngựa là bạn bè.

Cậu lơ đãng vỗ vỗ vào cổ con ngựa đang cưỡi. Liệu cậu có thể ăn thịt nó? Liệu cậu có thể bình tâm ngồi xuống thưởng thức miếng thịt nướng béo ngậy, trong khi biết đó là thịt của con vật mà chỉ mới mấy giờ trước mình còn cưỡi? Về lý luận mà nói thì điều này khả thi, nhưng trên thực tế, cậu thấy rằng đầu óc của mình có phần câu nệ. Có lẽ chỉ khi nào cậu sắp chết đói. Có lẽ khi cậu và con ngựa bị cuốn trong cơn bão tuyết, và chỉ còn có một con đường duy nhất để sống sót là phải ăn thịt con vật. Điều này thì còn có lý một chút.

Khi con ngựa lọc cọc chạy vào khu ngoại ô của Farnham, một ý nghĩ rối rắm lóe lên trong đầu Sherlock. Nếu cậu sẵn sàng ăn thịt ngựa, trên nguyên tắc, thế thì tại sao lại không ăn thịt bạn được? Nếu cậu và Matty bị cuốn vào một cơn bão tuyết…

Chỉ cần nghĩ đến điều này thôi cũng làm cậu phát ốm, và cậu gạt phăng ngay, nhưng nỗi nghi ngờ thì vẫn vương vấn mãi. Về lý mà nói, giữa côn trùng và con người chẳng hạn có một mức độ xê dịch về mặt thông minh và sự phát triển chung. Cứ cho là cá và ếch gần gũi nhiều hơn với côn trùng, còn chó và mèo thì gần với người hơn. Đó chẳng phải là điều mà Ngài Charles Darwin gần đây đã

viết trong quyển sách Bàn về nguồn gốc các loài của ông ta sao – quyển sách mà cậu có nghe chú Sherrinford ca cẩm trong bàn ăn mấy tuần trước? Theo Darwin, con người chỉ là một dạng động vật, chẳng có gì đặc biệt hoặc do Chúa tạo ra gì cả. Nếu ta gạt bỏ không thảo luận về tôn giáo, nếu ta thừa nhận rằng con người chỉ là động vật nhưng biết chế ra công cụ, biết nói, thế thì tại sao ta không được phép ăn thịt con người như ta được phép ăn thịt con bò?

Quá nhiều câu hỏi, và lý luận cũng không giúp được gì. Lý luận cho cậu biết rằng nếu điều này đúng thì điều kia cũng đúng, nhưng bản năng mách cho cậu biết rằng có sự khác biệt. Có những giới hạn. Cái khó là cậu không biết những giới hạn đó đến từ đâu cũng như làm sao nghĩ đúng về những giới hạn đó.

Tất cả cũng chỉ vì cậu chưa đặt tên cho con ngựa.

"Tao sẽ gọi mày là Philadelphia," cậu thầm thì, vỗ vỗ vào cổ con ngựa lần nữa.

Sherlock mỉm cười. Khi nói đến tên, lại có cả một loạt các ý nghĩa kèm theo. Virginia – cô con gái của Amyus Crowe - đã đặt tên cho con ngựa của mình là Sandia theo tên một rặng núi ở Mỹ, thế thì cậu cũng có thể lấy tên một thành phố của Mỹ để đặt tên cho con ngựa của mình. Có một chuyến tàu mà cậu, Virginia và Matty đã bị kẹt mấy tháng trước, sau khi Matty bị đám tay sai của Duke Balthassar bắt cóc, thuộc về tài sản của Công ty Đường sắt Philadelphia, và cái tên này luôn nhắc cậu nghĩ đến những gì mà họ đã từng nếm trải. Dạng rút gọn của Philadelphia là Philly, và "filly" là một cái tên khác dành cho con ngựa cái còn non, cũng còn

có nghĩa là một chuyện đùa. Tùy lúc mà áp dụng thôi.

Cậu buột miệng, "Mày là Philadelphia nhé". Con ngựa hí lên như thể nó hiểu được và đồng ý. Như thế, mới đúng với điều mà Sherlock đã tưởng tượng.

Giờ thì họ đã đến trung tâm thị trấn, Sherlock xuống ngựa – con Philadelphia và cột nó cạnh chợ ngũ cốc rồi đi dọc theo hàng cột gạch, đưa mắt tìm Matty. Lúc này cậu đã biết được thói quen của Matty – biết nơi tìm cậu ta bất kể ngày hay đêm. Cậu ta dường như bị sa vào một thói quen gì đó. Thay vì ngồi trên chiếc thuyền hẹp và mải mê tìm đến các thị trấn mới với cơ hội mới, cậu ta dừng chân tại Farnham, ít nhất cũng vài ngày. Trong thâm tâm Sherlock mong rằng Matty làm thế là vì cậu – vì tình bạn giữa hai người. Cậu thích Matty, cậu sẽ thấy nhớ khi cậu ấy bỏ đi – nếu quả đúng như vậy.

Matty đang ngồi cạnh bờ sông, mắt nhìn mông lung, mặc dù Sherlock biết rằng cậu ta đang chờ chiếc xà lan chở những thùng cá ướp đá từ phía bờ biển lên. Matty phát hiện là nếu có chiếc thùng cá nào bị vỡ tung khi rớt xuống thì cậu ta có thể thó được một hoặc hai con cá trước khi có người bắt gặp. Đôi khi Sherlock tự hỏi không biết có khi nào Matty ngáng chân đám công nhân khuân vác hàng từ trên tàu xuống, làm cho họ sẩy chân và đánh đổ những chiếc thùng họ vác hay không, nhưng cậu không bao giờ hỏi đến. Tốt nhất là đừng nên biết.

"Chào cậu." Matty reo lên. "Tớ đang tự hỏi không biết là cậu có đến không đấy."

"Ngày mai tớ đi London," Sherlock trả lời. Cậu muốn bắt đầu

cuộc trò chuyện, để tìm hiểu xem gần đây Matty đã ở đâu và làm gì, nhưng không được. Cậu không giỏi miệng lưỡi. "Tớ phải đến nhà ga để lấy vé."

"Chúc cậu may mắn." Matty nói khẽ.

"Cậu đi với tớ cũng được," Sherlock thận trọng bảo, nhưng cậu không chắc liệu Mycroft có sẵn lòng mời thêm Matty hay không.

"Đến nhà ga à? Cám ơn, nhưng tớ đã thấy nó rồi."

"Đi London chứ!" Sherlock cáu.

"Tớ sẽ không hỗ trợ cậu ở Smoke đâu. Tớ vẫn còn nhớ chuyện xảy ra vừa rồi. Sau khi cậu và Ginnie bị gã Bá tước Maupertus bắt cóc, tớ đã phải đi về tận chỗ Farnham này với cha cô ấy. Ông già này cố dạy cho tớ đọc chữ!" Cậu ta rống lên. "Tớ bảo là tớ không có muốn đọc, nhưng ông ta cứ cố nói mãi là "chữ a nằm trước chữ e trừ khi sau chữ c" và nhiều thứ khác. Khi ông ấy cùng tớ giong buồm sang Pháp để tìm hai cậu, ông ta cứ dạy mãi như thế. Không lúc nào ngưng nghỉ."

"Tớ thì cho rằng ông ta chỉ thích dạy thế thôi. Còn cậu là người nghe duy nhất." Sherlock nói.

"Ôi, tớ sẽ không phạm phải sai lầm đó lần nữa đâu."

"Cậu có gặp Virginia không?" Sherlock dò hỏi.

"Mấy ngày nay thì không."

"Thế cậu có muốn đi tìm cô ấy không?"

Matty lắc đầu, mắt không rời dòng kênh. "Không, tớ đi kiếm ăn còn hay hơn."

"Hay là tớ mua cho cậu một cái bánh nhân thịt nhé." Sherlock đề

nghị.

Có vẻ Matty xiêu lòng, nhưng cậu ta vẫn lắc đầu. "Đâu phải lúc nào cậu cũng quanh quẩn ở đây," cậu nói. "Tớ chẳng bao giờ tin ai khác đưa thức ăn cho mình. Tớ tự giải quyết lấy được, tức là tớ phải luyện tay nghề đấy. Tớ phải chắc là tớ có khả năng xoáy được một cái bắp cải hoặc một cái giò heo mà không bị ai chú ý."

"Được thôi," Sherlock nói nhỏ nhẹ. "Không phải bố thí đâu. Chỉ bạn bè thôi mà."

"Giống như bố thí," Matty lầm bầm. "Và tớ không nhận của bố thí. Không bao giờ."

Sherlock gật đầu. "Tớ hiểu rồi." Cậu nhìn xung quanh. "Tớ phải băng qua chỗ nhà ga đây. Gặp cậu sau nhé?"

"Còn tùy kiếm được bữa trưa lúc nào nữa." Matty ủ rũ nói.

Sherlock quay lưng, phân vân chưa biết sẽ đi đâu. Cậu cảm thấy bứt rứt. Sherlock muốn đi London ngay, nhưng cậu biết phải chờ đến mai. Mycroft vốn là người rất kĩ tính.

Cậu lang thang dọc theo Đường lớn một lúc, ngang qua các quán rượu lúc này đã nhộn nhịp khách mặc dù mới đầu buổi chiều, dạo qua các cửa hàng bán bánh với các khung cửa sổ chất đầy các ổ bánh cuộn vòng, bên trên có rắc hạt, qua các cửa hiệu bán rau cải, trái cây, dụng cụ làm vườn và hạt giống, hoặc quần áo đủ thứ từ đắt tới rẻ, lách qua đám dân địa phương đang lăng xăng buôn bán hoặc chỉ đứng lông bông tán gẫu.

"Sherlock!" Chợt có tiếng ai đó gọi.

Cậu ngạc nhiên quay lại, tức thời chưa nhận ra người đàn ông

dong dỏng cao, tóc dài đang đứng cười với mình ở bên kia đường. Nói đúng hơn, cậu biết là mình đã biết người này nhưng không nhớ gặp ở đâu. Cậu nhìn kĩ quần áo và đôi tay của anh ta theo cách đã được ông Amyus Crowe hướng dẫn, để tìm các dấu hiệu cho biết người này làm nghề gì, nhưng ngoài chỗ sờn trên vai trái bộ áo vét bằng nhung kẻ vá víu và lớp cáu bẩn màu vàng cam dưới móng tay, thì không còn manh mối gì cả.

Ngoại trừ...

"Ông Stone!" Sherlock kêu lên, vừa lúc trong đầu thoáng nhận ra người đàn ông này là một nhạc sĩ vĩ cầm đang thất nghiệp, cứ nhìn dấu hiệu trên quần áo thì rõ.

Rufus Stone toét miệng cười càng rộng hơn, để lộ chiếc răng vàng mà Sherlock còn nhớ trong lần đi New York, chính là người đã dạy cho cậu chơi vĩ cầm để giết thời giờ.

"Tôi đã bảo cậu rồi," Stone vừa hét to vừa dợm bước ngang qua đường, tránh mấy chiếc xe ngựa lọc cọc chạy qua và né luôn những đống phân do mấy con ngựa kéo xe để lại. "Chỉ có mấy ông chủ mới gọi tôi là "Ông Stone", nhưng mấy tháng nay số lượng những vị này còn ít hơn mấy chiếc răng trong mỏ con gà."

"Anh đã gặp chuyện gì từ khi chúng ta xuống bến Southampton vậy?" Sherlock cố kìm lại chút giọng thương hại, làm như thể đây chỉ là một câu hỏi bình thường, nhưng cậu đã nghĩ rằng người nhạc sĩ vĩ cầm này đã đến Farnham khi tàu cập bến và tìm được chỗ làm gia sư rồi.

Stone cau mày. "À, tôi cần phải thú thực đây. Tôi đã sẵn sàng chui vào cái xó xỉnh này kiếm sống rồi, nhưng lại trôi dạt sang

Salisburry hết mấy tuần. Chẳng qua là ở đó có một nữ nghệ sĩ, và dàn nhạc đệm của nhà hát Salisbury lại thiếu một chỗ, nhờ đó tôi mới có cơ hội chiêm ngưỡng dung nhan của nàng mỗi buổi tối khi chơi đàn và nàng cũng tỏ vẻ dành cho tôi chút ít tình cảm."

"Vậy chuyện gì đã xảy ra?" Sherlock hỏi.

"Đương nhiên là nàng cũng đem tình cảm tương tự trao cho tay nhạc trưởng." Stone nheo mắt trả lời. "Dĩ nhiên là họ luôn phởn chí như thế khi có nhiều người trong dàn nhạc giương mắt ngưỡng mộ. Sau này tôi mới biết là lũ chúng tôi ai cũng tham gia dàn nhạc vì cô ả cả, và ai cũng nhận mức lương thấp hơn bình thường chỉ vì tưởng được nhận vào đã là một ân sủng rồi." Stone thở dài đầy kịch tính. "Ôi, là thế. Chúng ta học từ cuộc sống. Mà này - cậu có nghĩ rằng tại Hampshire này có chỗ cho một thầy giáo giỏi dạy violon không?"

"Chắc là có. Quanh đây có đôi ba trường cũng tốt, còn vùng phụ cận cũng có vài ngôi nhà lớn." Sherlock trả lời.

"Còn cậu sao rồi?" Stone hỏi. "Cậu vẫn còn tập những bài tôi dạy chứ?"

"Em đang tìm xem có cây đàn nào giá rẻ," Sherlock thú thực. "Nhắc cái này mới nhớ – cây đàn của anh đâu rồi?"

"Tôi mới kiếm được chỗ trọ ở gần đây. Mọi tài sản của tôi – cũng chỉ là thế – và cây đàn đều để ở trong phòng. Quên nữa – tôi đang chạy việc vặt cho bà chủ nhà, mà phải để cho bà ta tin tưởng. Nếu trong vòng một giờ mà tôi không kiếm được con gà nào mang về, thì chắc là sẽ bị tống ra ngoài đường thôi. Nói cho tôi biết, có thể tìm cậu ở đâu để ta tiếp tục bài học?"

“Trang viên Holmes,” Sherlock bảo. “Em cần một hai ngày bàn lại với anh trai và chú, nhưng em nghĩ họ sẽ đồng ý thôi.”

Stone cười, chìa tay ra. “Rất vui được gặp lại, cậu Holmes ạ,” anh nói khi Sherlock nắm lấy. Bàn tay anh ta khô và ấm, Sherlock nhận thấy Stone không siết mạnh khi họ bắt tay nhau. Có lẽ anh ta sợ làm hư mấy ngón tay. “Sẽ sớm gặp lại.” Anh ta quay lưng rồi biến vào đám đông ngay.

Lòng rất vui khi gặp lại Rufus Stone, Sherlock quay lại chỗ cũ để lấy con ngựa.

Nhà ga nằm ở ngoài rìa thị trấn. Chưa có chuyến tàu nào đến vào buổi xế trưa này, nhà ga vắng tanh khi Sherlock xuống ngựa, đi vào quầy vé.

Cậu nói với một ông già ngồi sau quầy. “Cho cháu hai vé đi London. Chuyến tàu khởi hành lúc 9.30 sáng ngày mai. Một người lớn, một trẻ em, vé hạng nhì.”

Người bán vé nhướng mắt nhìn lên, lầm bầm. “Có đủ tiền cho hai vé hạng nhì không đấy? Hay cậu định nói là ngày mai mới trả tiền, sau khi được cho tiền bỏ túi?”

Sherlock đẩy một nắm tiền đồng lên quầy. Mycroft thường xuyên chuyển tiền cho cậu theo đường bưu điện, hơn nữa cậu cũng chẳng tiêu pha gì nhiều nên để dành cũng được kha khá. Anh cậu không nói rõ tiền mua vé lấy ở đâu ra, trong thư gởi đến cũng chẳng có kèm theo tiền nên Sherlock nghĩ rằng anh Mycroft muốn cậu tự trả bằng tiền của chính mình. Đó cũng là cách để cậu dần biết trách nhiệm khi thành người lớn.

“Hai vé,” người bán vé lại lầm bầm. “Một người lớn, một trẻ em.

Vé hạng nhì." Ông ta đẩy hai tấm vé nhỏ bằng bìa cứng cùng với một cọc nhỏ đồng xu sang phía bên kia quầy. "Tiền thối lại đây."

"Cảm ơn ông." Sherlock bỏ hai chiếc vé vào một bên túi, mấy đồng xu túi bên kia rồi quay lưng. Cậu chỉ vừa kịp nhận ra một bóng người mặc quần áo đen bước vào ngõ hẻm bên hông nhà ga. Cậu nghĩ đó là một phụ nữ.

Sherlock có cảm giác rợn xương sống. Có phải bà Eglantine bám theo dõi cậu không? Hay vì bị cậu làm cho bẽ mặt quá sức nên bà ta tìm cách trả thù? Cậu rảo bước xuống con dốc dẫn vào khách sạn, bước ra ngoài đường lớn trước khi rẽ vào ngõ hẻm, phòng trường hợp có ai đón lõng mình, nhưng khi cậu vượt qua góc tòa nhà thì con hẻm trống trơn. Cậu quan sát mấy bức tường, nhưng không hề thấy có cánh cửa nào để cái bóng đó nấp cả. Hầu như mất hẳn tăm dạng.

Hay là cậu tưởng tượng? Hay là đầu óc cậu nhìn gà hóa cuốc? Hoặc đơn giản hơn - một phụ nữ ở gần đó đã chọn cách đi tắt băng qua khách sạn để đến chỗ cần tới.

Sherlock đi vào con hẻm, cúi xuống để xem kĩ dưới đất. Có nhiều vết dấu chân tỏa ra. Những chỗ lõm để lại trên bùn cho thấy những dấu chân này nhọn ở phần mũi dày, nhỏ ở phần gót chân. Dấu đế giày lành lặn, không lõm, không miếng vá, chứng tỏ giày này còn mới hoặc được xài kĩ, hoặc cả hai khả năng.

Cậu kiểm tra kĩ mặt đất lần nữa rồi tiến thêm vài mét vào phía trong ngõ hẻm, nhưng cũng chẳng thấy gì khác.

Ngổn ngang suy nghĩ trong đầu, cậu cưỡi con Philadelphia đi về phía nhà Amyus Crowe để đưa cho ông ta vé tàu hỏa.

Có người trong nhà khi cậu tới nơi, và con ngựa của Virginia đang gặm cỏ trong sân. Cậu phấn chấn xuống ngựa, bước vào căn nhà cửa đang mở.

Virginia không có trong phòng lớn, nhưng ông Amyus Crowe đang ngồi chễm chệ xem sách trong ghế bành. Khi thấy Sherlock bước vào, ông ngước mắt nhìn cậu bé qua cặp kính đặt lưng chừng trên sống mũi. "Cháu có lấy được vé không?"

"Có ạ." Sherlock ngừng lại một chút, rồi thêm. "Cháu có gặp Rufus Stone. Anh ta đang ở Farnham."

"Hẳn rồi." Crowe mím môi lại. "Cái lạ là tại sao anh ta xuất hiện ở đây, đúng tại nơi cháu đang trú ngụ."

"Cháu có nói cho anh ta biết mình đang ở đâu. Cháu cũng bảo anh ta có thể đến Farnham để dạy violon."

"Cháu quả là nhân hậu," ông Crowe thừa nhận, đưa cặp mắt xanh nhạt nhìn Sherlock. "Chú có thể hiểu được ý cháu, nhưng chưa hiểu được là Stone có lợi gì không."

"Anh ta cũng phải có nơi để sống chứ," Sherlock nêu ý kiến, lòng áy náy khi thấy ông Crowe chẳng hứng thú gì khi biết tin Rufus Stone đang có mặt trong vùng. "Có người muốn học đàn thì anh ta sống được thôi."

"Cũng như chú vậy thôi."

"Thì đúng thế."

Crowe đặt quyển sách xuống đùi, gỡ kính đeo mắt xuống. "Âm nhạc là một món tiêu khiển, Sherlock," ông ta nói giọng không có vẻ gì cay cú. "Nhưng nó lại không phải là trò giải trí phù hợp cho

một người đang quan tâm học hỏi những điều thực tế. Hãy nghĩ xem đầu cháu có bao nhiêu chỗ để nhồi nhét tất cả các nốt nhạc của một bản nhạc hoa mỹ nào đó. Chỗ đó nên để dành để ghi nhớ những dấu tích do con thú để lại hoặc tai người ta có hình dạng gì, hoặc những vết tích còn sót lại trên bàn tay, trên quần áo của những thứ họ mó tới trong ngày. Vất bỏ âm nhạc đi, con trai ạ. Âm nhạc chẳng được tích sự gì đâu."

"Cháu không đồng ý," Sherlock lên tiếng, cảm giác thất vọng lạ kỳ khi thấy Amyus Crowe cứ gạt đi những điều mà mình ngày càng yêu thích. Cậu nhớ lại những suy nghĩ của mình trong khi đang cưỡi ngựa đi vào thị trấn, về sự khác nhau – hoặc không khác nhau giữa thú vật và con người. "Vâng, cháu có thể ghi nhớ hết mọi thứ đó – cháu có thể biết tất cả các loại nấm ăn được, nói được tình trạng hôn nhân của một người đàn ông dựa trên các vết ố trên chiếc mũ ông ta đội, nhưng tại sao phải như thế? Vấn đề là cái gì? Mấy thứ đó chỉ biến cháu thành một loài săn mồi bậc cao với khả năng truy tìm con mồi thông qua các dấu hiệu hầu như vô hình. Có chắc nó nói lên được điều gì chăng? Có chắc rằng cuộc đời sẽ có ý nghĩa hơn khi trở thành một con vật giỏi giang hơn?

"Và âm nhạc là thứ làm cho ta khác với thú vật phải không?" Crowe hỏi lại, mắt vẫn dè chừng.

"Một trong nhiều thứ."

Crowe nhún vai. "Nói sao mà ta không có nhiều thời gian dành cho việc này. Đối với ta, con người là phải chăm sóc cho người thân, tự chăm sóc mình và cố làm sao để cho mọi người quanh mình quan tâm đến nhau. Nếu điều này làm cho ta thành một loài

động vật khác, thì ta chính là loài đó."

"Nhưng tất cả những thứ đó là để làm gì?" Sherlock bật hỏi. "Nếu không có thứ gì làm cho chúng ta cảm thấy..." cậu cố tìm đúng chữ, "được an ủi, thế thì có ý nghĩa gì đâu khi làm một công việc gì đó."

"Để tồn tại," Crowe trả lời ngắn gọn. "Chúng ta sống là để tồn tại."

"Chỉ thế thôi sao?" Sherlock hỏi chán ngán. "Cứ cắm cúi đi thì mới tiếp tục đi được sao? Chúng ta sống để tồn tại và tồn tại để sống sao?"

"Chính là như thế," Crowe xác nhận. "Môn triết học tuy khó hiểu, nhưng có lợi thế là cô đọng và khó chối bỏ. Mà này, cháu ở lại ăn cơm hay quay về nhà người bà con?"

Sherlock đè nén những lập luận chuẩn bị trong đầu, thất vọng vì ông Crowe đã thay đổi chủ đề quá đột ngột, nhưng cũng vui vì cả hai không phải tranh luận nữa. Cậu thích Amyus Crowe, và cũng không muốn xích mích vì chuyện mấy bài học âm nhạc cỏn con. "Virginia có ở nhà không ạ?"

"Nó ra ngoài, lấy nước cho con Sandia. Nếu cháu muốn thì đi tìm nó đi."

Lúc Sherlock quay lưng ra phía cửa chính, giọng ông Crowe vang lên: "Nói cho cậu biết Rufus Stone cũng là tên một ngôi làng gần Southampton. Có lẽ là tình cờ trùng hợp... hoặc có lẽ có lúc anh ta không muốn xưng tên, cứ lấy đại một cái tên nào thoáng qua trong đầu mà anh ta chộp được ven đường. Chỉ nghĩ thế thôi."

Ý nghĩ này làm cho Sherlock chột dạ. Cậu cho rằng ông Amyus

Crowe hơi nhỏ nhen khi đưa ra ý này.

Sherlock gặp Virginia ở ngoài nhà. Cô vừa mang đến một xô nước, con Sandia đang cắm cúi uống nước.

"Cha cậu có điều gì bực bội với Rufus Stone à?" Cậu hỏi.

"Và chào đón cậu nữa mà." Cô liếc xéo về phía Sherlock.

"Đừng nói là cậu không biết gì hết chứ?"

"Mình chẳng biết gì thật," cậu thừa nhận.

Virginia lắc đầu. "Mình đã từng nói và bây giờ thì lập lại đây: một chàng trai thông minh như cậu cũng có lúc ngốc nghếch thật."

"Nhưng điều này chẳng có nghĩa lý gì cả!" Sherlock phản đối. "Mình nghĩ là cha cậu sẽ vui khi thấy mình có bạn mới và tìm được những điều quan tâm mới chứ."

Virginia quay phắt về phía cậu, chống nạnh sừng sộ. "Để mình hỏi cậu câu này nhé. Nếu cha cậu vẫn còn ở đây, thay vì đi Ấn Độ, liệu ông có hiểu cha mình không? Liệu hai người có hợp tính nhau?"

Sherlock cau mày, suy nghĩ. Cuối cùng cậu nói. "Chẳng biết nữa. Hai người thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, người này thì..."

Cậu lơi gọng, không biết nói thế nào cho đúng với những gì mình nghĩ.

"Thì sao?" Virginia nhắc.

"Một mặt nào đó, cha cậu sẽ làm những gì mà cha mình sẽ làm nếu có ông ấy ở đây." Sherlock cảm thấy hơi ngượng khi nói nhữnglời này. "Dạy dỗ mình ấy mà. Theo kiểu sẽ dẫn mình đi dạo. Cho lời khuyên nhủ."

“Đúng thế. Ông ấy đang xử sự như một người cha đối với cậu.”

Sherlock nhìn cô tần ngần. “Cậu không phiền chứ?”

Cô cũng cười theo. “Vui vì có cậu ở đây.” Cô nhìn ra xa rồi quay lại. “Cậu nói đúng đấy – cha cậu sẽ ganh tị khi thấy cậu đang gần gũi với người coi cậu như con. Nhất là khi người đó dạy những điều mà ông ấy không dạy được.”

Trong đầu Sherlock lóe lên một tia sáng như ngôi sao xẹt khi cậu hiểu ra vấn đề. “Còn cha cậu thì ganh tị với Rufus Stone khi ông nghĩ rằng Rufus xử sự như một người cha với mình phải không?” Ý nghĩ này quá lớn, quá to tát đến nỗi đầu óc cậu dường như bị choáng ngợp. “Nhưng như thế quả là ngu ngốc!”

“Tại sao?”

“Bởi vì Rufus không hề giống gì một người cha. Anh ta chỉ đáng làm anh cả, hoặc là ông chú trẻ tuổi đại loại thế. Hơn nữa, việc mình học đàn của Rufus không có nghĩa là mình coi nhẹ các bài học của cha cậu. Hai việc hoàn toàn tách biệt. Không… hợp lý chút nào!”

Cô bé nhìn thẳng vào mặt cậu, lắc đầu. “Xúc cảm không có lý trí, Sherlock. Nó không theo luật nào cả.”

“Thế thì mình không ưa xúc cảm đâu,” Sherlock chống chế. “Mấy thứ này chẳng ích lợi gì cả, chỉ tổ gây bối rối, đau khổ mà thôi.”

Những lời này rung lên như một tiếng chuông làm giữa họ chợt có một khoảng lặng kéo dài trong phúc chốc.

“Cũng có một vài xúc cảm đáng có,” cô gái quay đi, nói khẽ. Cô cúi xuống và nhấc xô nước lên. “Ít nhất đó là ý nghĩ của mình, dù

cậu không thích đi chăng nữa."

Cô bước ra sau nhà. Sherlock nhìn theo mãi đến khi cô mất hút. Cậu cảm thấy đã có một điều gì đó to lớn vừa xảy ra, nhưng lại không biết chính xác là gì.

Một lúc sau, cậu rảo bước về phía con ngựa của mình. Cậu thậm chí còn chưa nói cho Virginia biết cậu đã đặt tên cho con ngựa là Philadelphia. Có lẽ cậu không hiểu nhiều về cảm xúc, nhưng cũng đủ biết rằng giờ không phải là lúc quay lại để nói rõ với cô bé.

Nhắm hướng quay về trang viên Holmes, đầu óc cậu mãi quay cuồng với những suy đoán về Amyus Crowe, Virginia, Rufus Stone và cha mình, hiện đang ở rất xa. Cậu không thích những phỏng đoán này. Tất thảy đều rối rắm, dành cho người lớn và không hợp với lý luận. Chỉ là xúc cảm mà thôi.

Về đến nhà, cậu đi tìm chú Sherrinford để nói cho ông biết về lá thư của Mycroft. Không hẳn là xin phép đi London, nhưng cũng không hẳn báo cho Sherrinford là cậu sẽ đi dù ông có đồng ý hay không. Cậu chỉ muốn cho chú biết đây là một việc đã rồi. Cũng may là ông chú của cậu đang lo soạn một bài thuyết giảng để bán cho các cha xứ trên toàn nước Anh, mỗi bài giá vài bảng. Việc ông không thèm bận tâm có nghĩa là ông sẵn lòng chấp thuận những gì mà Sherlock muốn làm, miễn là những điều đó phù hợp với ý kiến của Mycroft.

Sáng hôm sau, khi cậu thức dậy, mặt trời chỉ vừa mới lên khỏi các ngọn cây, bầu trời trên cao xanh biếc không gợn chút mây. Những lo nghĩ của đêm qua giờ trở nên vặt vãnh dưới ánh mặt trời xán lạn. Cậu mặc nhanh quần áo, và sau khi ăn vội bữa sáng

gồm cháo và bánh mì nướng, cậu hỏi xem liệu có chiếc xe ngựa nào có thể chở cậu ra ga tàu hỏa. Còn hơn là buộc con ngựa của cậu ở đó hàng nhiều giờ trong lúc cậu đi London.

Amyus Crowe đang chờ cậu trên sân ga, bộ quần áo màu trắng và chiếc mũ trắng làm cho vóc dáng của ông trở nên đồ sộ và đầy ấn tượng. Ông gật đầu chào Sherlock.

"Chiều hôm qua có vẻ như mọi việc không mấy vui giữa chúng ta," ông nói to. "Ta rất tiếc vì đã có chút căng thẳng và vô lý với cháu."

"Không có gì đâu ạ," Sherlock trấn an. "Nếu chú tin vào cái gì đó thì chú phải nói ra. Nếu không làm thế mới là đạo đức giả."

Crowe tằng hắng giọng. "Mẹ của Ginnie rất thích nhạc kịch," ông nói trong trầm ngâm. "Nhất là nhạc sĩ người Đức tên là Wagner. Sau khi bà ấy mất, chú không tài nào chịu được âm thanh hòa nhạc, ngay cả tiếng hát của một ca sĩ cũng không."

"Cháu hiểu," Sherlock nói nhỏ.

"Thế là cháu khôn ngoan hơn chú nhiều rồi đó."

May mắn thay lúc đó con tàu đã vào ga trước khi câu chuyện trở nên thêm ngượng nghịu.

Hai người tìm ra chỗ của mình trên một khoang tàu tươm tất. Ghế ngồi có bọc nệm và khá tiện nghi. Hơi nước từ đầu máy bốc ra nhìn như những đám mây bay là đà ngang cửa sổ, và Sherlock ngồi ngắm cảnh thôn quê đang trải dài trước mắt.

Khi tàu vừa qua Woking, một nhân viên soát vé đến kiểm tra vé. Khi anh ta bước ra khỏi khoang và cánh cửa đóng lại, Crowe lên

tiếng: "Cháu có nhận xét gì về anh chàng vừa đi ra không?"

Do quen với cách suy nghĩ của ông Crowe nên Sherlock đang chờ một câu hỏi như thế.

"Đôi giày của anh ta mới đánh bóng," cậu trả lời, "áo sơ mi cũng mới ủi. Hoặc là anh ta kiếm được người giúp việc hoặc anh ta mới cưới vợ, nhưng mà cháu không cho rằng một nhân viên soát vé có điều kiện thuê người giúp việc để ủi quần áo cho nên cháu nghĩ rằng có nhiều khả năng là anh ta mới lấy vợ."

"Được đấy," Crowe ậm ừ.

"Vợ anh ta lớn tuổi hơn." Sherlock thăm dò.

"Dựa vào đâu mà nói thế"?

"Anh ta mới khoảng 30 tuổi, nhưng cổ áo thì theo kiểu cũ. Giống như cổ áo chú của cháu. Cổ áo cũng chưa mòn, tức là ông ta cũng chưa dùng lâu. Chắc là người nào chăm sóc quần áo của ông ta thích cổ áo theo kiểu cũ, còn nếu là vợ thì bà này phải nhiều tuổi hơn ông ta"

"Cháu quên tính đến khả năng là anh ta có cô vợ trẻ có gốc gác gia đình kiểu cổ, nhưng cách giải thích của cháu có vẻ thích hợp nhất," Crowe thừa nhận.

"Mắt phải của anh ta nhìn không rõ lắm," Sherlock tổng kết một cách đắc thắng.

Crowe gật đầu. "Đúng vậy. Nhưng dựa vào đâu?"

"Anh ta đã cạo mặt và cổ phía bên trái rất cẩn thận, nhưng phía bên phải thì vẫn còn chân râu lỗ chỗ. Từ đó suy ra là anh ta gặp khó khăn khi nhìn bằng mắt phải."

“Rất xuất sắc. Cháu tiếp thu kĩ năng quan sát khá nhanh đấy.”

“Cháu còn sót điều gì không?” Sherlock hỏi, mỉm cười.

Crowe nhún vai. “Thực ra thì còn nhiều điểm. Người đàn ông này đã từng có vợ, nhưng vợ anh ta chết rồi. Hiện nay anh ta có vợ nhưng lại không có con khiến cho bà vợ khá dằn vặt. Mà này, chú tin rằng anh ta còn xoáy vặt tiền của công ty đường sắt nữa, nhưng đó chỉ là suy đoán mà thôi.”

Sherlock không nhịn cười được. “Sao chú có thể biết hết những điều đó?”

“Luyện tập,” Crowe vừa cười vừa nói. “Thêm tài năng bẩm sinh. Ngày nào đó cháu cũng sẽ làm được như thế.”

Sherlock lắc đầu. “Cháu không tin,” cậu bật cười to nói. “Thực sự cháu không tin đâu.”

CHƯƠNG 3

Chặng đường đến nhà ga Waterloo dường như ngắn hơn so với những lần mà Sherlock từng đi. Suốt chuyến đi, ông Crowe luôn vui vẻ, đưa ra các suy diễn đối với những người lên xuống toa tàu và tại các nhà ga mà họ đi qua. Đôi khi, chỉ để trêu Sherlock, ông gợi chuyện với họ và để họ nói ra những điều mà ông đã kể với Sherlock. Sự áy náy khó xử giữa hai người liên quan đến Rufus Stone dường như đã kết thúc.

Đoàn tàu rú còi khi vào ga Waterloo, chạy chầm chậm rồi ngừng hẳn ở sân ga. Hai người bước xuống tàu và băng qua nhà ga để tìm một chiếc xe ngựa.

Sherlock đã từng quen thuộc với cảnh nhộn nhịp của nhà ga Waterloo, nhưng khi cùng với ông Amyus Crowe len lỏi lách qua đám người đội mũ cao, cậu cảm thấy như đang chen qua một khung cảnh ảm đạm đầy các các ống khói nhô lên từ những nhà máy xám xịt. Hơi nước từ các con tàu trôi bồng bềnh xung quanh nhà ga càng làm cho sự so sánh trở nên tệ hại hơn. Bực mình, cậu cố gạt hình ảnh đó sang một bên. Không phải lúc nào trong đầu cậu cũng lóe lên những tưởng tượng như thế, và cậu cũng không thích khi điều này xảy ra. Chẳng hợp lý chút nào khi gán ghép những chiếc mũ cao với cảnh vật ám khói của khu công nghiệp. Đó là một sự so sánh thi ca, chứ không phải là một so sánh phân tích.

Ông Amyus Crowe cũng sẽ không đồng tình.

Tuy nhiên Rufus Stone có lẽ sẽ chấp nhận những tưởng tượng

này. Ý nghĩ ấy làm cho cậu khựng lại không mấy dễ chịu.

Crowe cất tiếng gọi một chiếc xe ngựa hai bánh đứng bên ngoài nhà ga. Họ không mang theo hành lý vì sẽ về ngay trong ngày. Cả hai trèo vào trong xe và đi.

Chiếc xe giống như một cái hộp đặt trên 2 bánh, người đánh xe ngồi trên mui, con ngựa được buộc vào càng xe phía trước bằng dây cương và bộ yên. Chiếc xe chạy dằn xóc mạnh trên các con đường London gập ghềnh.

"Đến Câu lạc bộ Diogenes," ông Crowe bảo người đánh xe.

"Ở nơi nào thế, thưa ngài?" người đánh xe hỏi lại.

"Đi về hướng Bộ Hải quân," ông Crowe nói to. "Tôi sẽ chỉ đường cho anh." Ngồi thụt sâu trong ghế khi chiếc xe vụt đi, ông mở chuyện: "Câu lạc bộ này mới mở ra chừng một năm gì đó. Dường như cậu Holmes là một trong những người sáng lập, cậu ta đã bảo thế. Câu lạc bộ đặt theo tên một triết gia Hi lạp là Diogenes người xứ Sinope. Diogenes là một trong những người lập ra môn triết học yếm thế, hoặc chủ nghĩa yếm thế như tên gọi."

"Cháu có nghe từ "yếm thế"," Sherlock nói, "nhưng không hiểu rõ nghĩa là gì."

"Các triết gia yếm thế cho rằng mục đích của cuộc đời là để sống một cuộc đời đức hạnh hòa hợp với tự nhiên, có nghĩa là trên thực tế họ từ bỏ mọi ham muốn thông thường về tiền tài, quyền lực, sức khỏe, danh vọng, và sống một cuộc đời giản dị không hề bận tâm đến của cải vật chất. Ta không thể chê trách gì họ về tư tưởng này, mặc dù điều này ít nhiều không giúp cho xã hội tiến bộ về mặt công nghiệp. Các triết gia yếm thế cũng tin tưởng rằng thế giới này

ai cũng có phần như nhau,và những đau khổ là do sự phán xét sai lầm về những thứ được coi là có giá trị và do những tập tục, những qui ước vô bổ đầy rẫy trong xã hội." Ông dừng lại. "Không biết áp dụng như thế nào đối với cậu Holmes, hoặc cho câu lạc bộ, nhưng cháu phải biết là Câu lạc bộ Diogenes có một qui định rất chặt chẽ. Không ai được phép chuyện trò bên trong tòa nhà. Một lời cũng không được. Ngoại lệ duy nhất là Phòng dành cho khách, nơi mà ta cho rằng cậu Holmes sẽ tiếp chúng ta. Nếu không, chúng ta sắp có một ngày không mấy dễ chịu."

Khi chiếc xe lóc cóc chạy qua cầu Westminster, Sherlock chăm chú nhìn vô số con tàu xuôi ngược, hoặc băng ngang dòng nước màu nâu bẩn thỉu. "Diogenes và Plato có sống cùng thời không?" cậu chợt hỏi khi nhớ đến quyển sách mà anh trai đã tặng mình khi cậu lên tàu đi Mỹ - quyển Nền Cộng Hòa của Plato.

"Họ sống cùng thời," Crowe trả lời, "nhưng không hợp nhau. Ta sẽ kể chuyện nay khi có dịp."

Đến mạn bắc của cầu, chiếc xe rẽ trái, rồi rẽ phải vào một con đường lớn có hàng cây chạy rợp hai bên. Đến đầu đường, Sherlock nhận ra Quảng trường Trafalgar, nơi có tượng đài tưởng niệm Lord Nelson. Cậu đã thấy tượng đài này khi đến London lần trước.

Chiếc xe dừng lại mấy giây sau đó. Hai người bước xuống vỉa hè, ông Crowe trả cho người đánh xe mấy xu tiền thuê xe.

Họ vẫn ở trên con đường lớn, rợp bóng cây, nhưng ở đầu đường – chỗ uốn cong lại thành một con đường khác. Có một cánh cửa nhỏ gắn vào bức tường trước mặt. Bên mé cửa có một tấm bảng đồng khắc chữ Câu lạc bộ Diogenes.

Ông Crowe lấy đầu gậy gõ nhẹ vào cửa. Một lúc sau, cánh cửa mở toang. Ông Crowe bước vào bên trong, đầu hơi cúi xuống để tránh chiếc rầm thấp. Sherlock đi theo.

Họ đang đứng trong một sảnh hẹp có tường xung quanh ốp gỗ sồi, sàn nhà lát đá cẩm thạch. Có một cầu thang dẫn lên tầng một, bên hông sảnh có một cửa nhỏ có lối dẫn vào một phòng lớn kê đầy các ghế bành da màu xanh lá. Xung quanh im lặng nặng nề đến nỗi Sherlock cảm thấy sự tĩnh mịch như ép mạnh vào tai. Trong sảnh vọng lại tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ khuất ở nơi nào đó.

Một người đàn ông nhỏ thó và nhanh nhẹn đi ra mở cửa. Với dáng vẻ của một người từng đi lính, anh ta mặc bộ đồng phục màu xanh biếc dành cho hầu bàn chỉn chu không chê vào đâu được. Tuy không phải là chuyên gia, nhưng Sherlock cũng nhận thấy anh ta rất tươm tất, đôi ủng bóng lộn đến mức Sherlock có thể soi mặt. Ông Crowe đưa cho người này tấm danh thiếp. Anh ta đưa mắt nhìn qua, gật đầu rồi ra dấu mời ông Crowe và Sherlock theo mình đi ra khỏi sảnh, băng qua căn phòng có những chiếc ghế bành màu xanh lá. Nhiều người đang ngồi đọc báo ở đó, anh hầu bàn dẫn họ đi một vòng đến cánh cửa nằm ở tận cuối phòng. Anh ta gõ cửa.

Vài người rời mắt khỏi tờ báo và ngước nhìn theo nơi có tiếng động phát ra.

Sherlock lắng tai nghe nhưng chẳng thấy ai trả lời. Cậu bứt rứt: nếu trong câu lạc bộ không ai được phép nói chuyện thì chắc chắn cũng chẳng có ai mở miệng nói "Mời vào!" Rõ ràng là anh hầu bàn đang chờ người mở cửa.

Không chút động tĩnh. Người hầu bàn lại gõ lần nữa.

Lần này có tiếng lục cục trong phòng. Có cái gì đó động vào cánh cửa. Chốt cửa bật ra, rồi cửa mở.

Mycroft Holmes đứng ngay cửa, thân hình đồ sộ của anh che ngáng căn phòng. Trông Mycroft đầy bối rối.

Anh giơ cao hai bàn tay như muốn sờ lấy trán, và ngỡ ngàng không kém Sherlock, Crowe và người hầu bàn khi phát hiện ra mình đang cầm một con dao.

Mycroft nhìn trừng trừng vào con dao như thể chưa bao giờ thấy nó. Anh quay đầu nhìn ngược vào trong phòng. Khi quay nhìn, Mycroft bước xéo sang một bên, nhờ vậy Sherlock có thể nhìn vào bên trong.

Căn phòng có tường ốp gỗ giống như những nơi khác trong câu lạc bộ nhưng lại không có cửa sổ. Giữa phòng có một cái bàn lớn. Xung quanh là ghế lót nệm được xếp đối xứng nhau.

Một trong những chiếc ghế đó có người ngồi. Căn cứ theo vết máu loang lổ trên áo sơ mi, và cặp mắt vô hồn nhìn chòng chọc vào chiếc đèn chùm treo trên trần thì ông ta đã chết rồi. "Anh Mycroft?" Sherlock kêu lên.

Một đợt sóng ngạc nhiên dấy lên trong phòng, sau đó là những tiếng suỵt bất bình vì cậu đã ngang nhiên vi phạm các qui định ở đây, nhưng Sherlock bất cần. Cậu chỉ muốn biết việc gì đã xảy ra.

Người hầu bàn dợm lui đi, mắt vẫn trố nhìn. Crowe níu lại, đưa tay lên miệng ra dấu huýt còi. Anh ta gật đầu, quay lưng lại rồi vụt đi ngay.

Crowe nắm lấy cánh tay Sherlock kéo vào Phòng dành cho khách, rồi đóng cánh cửa sau lưng lại. Sherlock chú ý là mặt sau của cánh cửa được lót rất dày, có lẽ để giữ cho những lời trò chuyện không chui vào phòng họp. Mycroft lùi lại, mắt vẫn đầy bối rối, trên tay còn cầm con dao.

"Tôi không... hiểu gì cả." Anh ấp úng.

"Anh Homes," ông Crowe ngắt lời, "anh cần phải tập trung. Chuyện gì đã xảy ra? Cho chúng tôi biết hết đi."

"Tôi đang chờ... hai người," Mycroft trả lời, giọng bình tĩnh trở lại. "Tôi đã tính trước giờ mọi người đến dựa trên lịch tàu chạy và hành trình thường ngày giữa ga Waterloo tới câu lạc bộ vào thời điểm này trong ngày. Rồi có tiếng gõ cửa. Anh hầu bàn Brinnell mang đến một tấm danh thiếp đặt trên cái khay. Rõ ràng là có người muốn gặp tôi. Tôi không biết anh ta là ai, tôi tính không tiếp cho đến khi thấy mấy chữ nguệch ngoạc ở mặt sau danh thiếp. Đó là những dòng chữ mà... mà tôi đã từng liên lạc trong công việc. Những dòng chữ của việc quan trọng. Tôi ra lệnh cho Brinnel dẫn người đó vào đây tức là phòng tiếp khách."

Anh dừng lại, cau mày như thể đang cố nhớ một điều gì khó khăn.

"Tôi đứng chờ ở đây," anh nói tiếp. "Rồi có tiếng gõ cửa. Thay vì gọi vọng ra, tôi đi ra mở cửa. Đây là tập tục của câu lạc bộ Diogenes nhằm tránh những lời vô ý làm phiền các hội viên. Có một người đàn ông đang đứng bên ngoài..."

"Chính người này?" Crowe vừa hỏi vừa giơ tay chỉ vào cái xác thu lu trong chiếc ghế.

“Vâng,” Mycroft đáp, mặt nhăn lại. “Chính người này đây. Tôi ra hiệu mời anh ta vào. Anh ta làm theo. Tôi đóng cửa đằng sau lưng anh ta, và rồi…”

Giọng anh lạc đi. Bàn tay anh ta – không phải bàn tay đang cầm con dao – giơ lên như thể muốn sờ gì đó trên đầu mình. “Đó là tất cả những thứ mà tôi nhớ được cho tới khi có một tiếng gõ cửa khác. Tôi nghĩ rằng tôi đã trải qua cái giây phút mà người Pháp gọi là ký ức ảo giác, là khi anh tin rằng đã từng gặp cái đang thấy. Khi tôi mở cửa ra cứ tưởng là thấy Brinnell và người khách kia đang ở phía ngoài, nhưng té ra là mọi người. Cả hai người luôn. Tôi lúng túng, quay lại để xem vị khách có ở đằng sau mình không.” Mycroft chỉ vào các xác nằm chết trên ghế. “Tôi thấy anh ta rồi,” anh tiếp tục, cái vẻ khô khốc quen thuộc luồn vào giọng anh, “nhưng lại không giống như điều tôi mong đợi.”

“Anh Holmes,” ông Crowe nói, “cho đúng thủ tục, và vì thế nào cảnh sát cũng sẽ hỏi câu này, anh có giết người này không?”

“Tôi không nhớ gì về việc giết người cả.” Mycroft thận trọng đáp.

“À, vậy tôi khuyên anh nên trả lời ngắn gọn “không” khi được hỏi câu này lần sau. Nhưng không có nghĩa là nó sẽ giúp được gì cho anh.” Crowe thở dài. “Anh có biết luật sư giỏi nào chưa?”

“Câu lạc bộ Diogenes luôn có một luật sư thường trực.” Mycroft trả lời. “Brinnell sẽ cho ông biết thêm về vị này.”

“Vậy thì dù chuyện gì sẽ xảy ra, chúng ta phải bảo đảm đều có luật sư của Diogenes tham gia. Và chúng tôi sẽ tìm mọi cách để họ thả anh.”

Mycroft quay lại nhìn cái xác. "Sẽ khó khăn đây." Anh nói trong sầu não. "Có quá ít bằng chứng, và tất cả bằng chứng ít ỏi đó đều chĩa mũi vào tôi."

"Anh không giết ông ta." Sherlock nói quả quyết. "Em không rõ lắm những gì đã xảy ra ở đây, nhưng em tin như thế."

Mycroft cười nhẹ, vỗ vỗ lên vai Sherlock. "Cám ơn em," anh nói. "Anh nghĩ là anh cần nghe những điều như thế." Sự ồn ào bên ngoài báo cho họ biết là cảnh sát đã tới.

"Tôi nghĩ là ông nên đặt con dao lên bàn." Ông Crowe nói. "Chẳng lợi ích gì khi cảnh sát vào mà lại thấy mình đang cầm hung khí."

Mycroft bước tới phía bàn, vừa đặt con dao xuống thì cánh cửa mở tung, một nhóm người mặt đồng phục màu xanh tiến vào. Ông Crowe bước ra trước, lấy thân mình che bớt cử động của Mycroft.

"Đã xảy ra án mạng," ông lên tiếng. "Cái xác phía bên kia chiếc bàn, còn kia là con dao có lẽ đã đươc sử dụng để thực hiện tội ác."

"Và anh là ai?" Viên trưởng toán cảnh sát cất tiếng hỏi.

"Tôi là Amyus Crowe. Thế còn anh?"

"Ra là một quí ông người nước ngoài," viên cảnh sát vừa đưa mắt lướt qua các đồng sự vừa nhận xét. "Ông có mặt ở đây khi tội ác xảy ra không?"

"Tôi đã hỏi ông tên gì," Crowe trả lời, giọng lễ độ nhưng khá sắc bén.

"Tôi là hạ sĩ Coleman," viên cảnh sát trả lời, chỉnh lại tư thế. "Bây giờ có lẽ đến lúc mời ngài trả lời." Anh ta dằn giọng. "Thưa

Ngài."

"Tôi đứng bên ngoài cánh cửa," Crowe nói, "với cậu bé kia. Người hầu bàn có thể làm chứng."

"Và cậu bé kia tên gì?"

"Sherlock Holmes," Sherlock trả lời.

"Thế thì người nào đang ở trong phòng?" viên hạ sĩ hỏi dồn.

Ông Crowe ngần ngừ, trán thoáng cau lại. "Tôi nghĩ rằng quí ông kia ở trong phòng." Ông ta hất đầu chỉ Mycroft.

Viên hạ sĩ bước tới trước. "Có đúng vậy không, thưa ngài?" anh ta hỏi Mycroft.

Mycroft gật đầu. "Tôi ở trong phòng," anh trả lời rành rọt.

"Xin ngài cho biết tên?"

"Mycroft Siger Holmes."

"Ngài có giết người này không?"

"Tôi không giết người này."

Sherlock nhận thấy môi ông Crowe mím lại khi nghe giọng chắc nịch của Mycroft. Viên hạ sĩ có vẻ sửng sốt.

"Thưa ngài, tôi e rằng tôi phải bắt ngài thôi. Ngài sẽ được dẫn về Scotland Yard để phỏng vấn có tuyên thệ." Anh ta liếc nhìn cái xác, rồi nhìn sang một đồng sự. "Cử người đi tìm bác sĩ pháp y. Lão Murdock đang trực phiên hôm nay. Gọi ông ta tới mang cái xác đi. Mang theo con dao này nữa để trình cho quan tòa, cứ thế mà làm."

Những lời này giống như tiếng rung buốt tai của một cái chuông lớn dội vào đầu Sherlock. Cậu hoảng loạn khi thấy Mycroft bị xốc nách dẫn ra khỏi phòng dành cho khách, băng ngang qua phòng

câu lạc bộ để tới sảnh lớn. Một viên cảnh sát thận trọng nhón lấy chỗ cán con dao và mang đi.

"Chú Crowe..." Sherlock mở lời.

"Không phải lúc này." Ông Crowe xẵng giọng. "Ta biết cháu đang chấn động. Dễ hiểu thôi. Vấn đề là nếu ta muốn bảo vệ thanh danh cho anh cháu và đưa cậu ta ra khỏi nhà giam thì chúng ta phải nhanh tay, ta cần phải hành động hết sức chính xác và đúng đắn. Xúc động lúc này chỉ tổ làm ta trì trệ và làm cho sự phán đoán của ta lùng bùng mà thôi. Cháu có hiểu những gì chú đang nói không?"

"Vâng," Sherlock thở mạnh.

"Hãy dẹp qua một bên những đau khổ và bàng hoàng. Cứ nghĩ rằng cháu đang cuốn tất cả mấy thứ đó vào một cái chăn, bó chặt lại rồi chất gọn trong một góc đầu. Chú chẳng bắt cháu phải quên luôn, nhưng chỉ lúc này thôi. Cháu có thể nhớ đến những xúc cảm đó sau này, khi mọi việc đã an toàn, lúc ấy cháu có thể nghiền ngẫm tùy thích. Nhưng không phải lúc này."

"Vâng, cháu nghe đây." Sherlock nhắm mắt lại, cố làm theo những lời Crowe vừa nói. Cậu cố mường tượng các cảm xúc đang sôi sục của mình giống như một quả cầu lửa treo lơ lửng bên trong đầu, rồi cậu lại tưởng tượng đến một tấm vải chống cháy đen kịt như bóng đêm bọc lấy quả cầu đang ngùn ngụt này. Từ trong chỗ tối hiện ra những dây, những xích quấn quanh tấm vải, buộc chặt cho đến lúc quả cầu tắt ngấm. Rồi cậu hình dung tiếp quả cầu này chìm dần vào bóng tối cho đến lúc đụng đến sàn nhà, chui vào trong một ngăn tủ bếp đầy bụi bặm, nằm ở phía sau của đầu mình. Và cậu đóng sập cánh cửa lại.

Cậu mở mắt và hít một hơi mạnh. Khá hơn rồi. Bớt hoảng loạn. Cậu biết rằng các xúc cảm còn nằm đó, nằm trong ngăn tủ, nhưng cậu không dò tìm. Cậu có thể lấy ra khi mình muốn, nhưng hiện thời cậu không chắc rằng có lúc nào đó mình muốn hay không.

"Cháu ổn chứ?"

"Cháu ổn. Ta cần phải làm gì bây giờ?"

"Ta cần khám xét cái xác, ta cần khám xét căn phòng. Chú làm việc thứ nhất, cháu làm việc thứ hai."

"Vâng." Cậu ngẫm nghĩ. "Tại sao cảnh sát lại cho chúng ta ở lại đây... với cái xác?"

Crowe nhướng mắt. "Vấn đề của nghề chống tội phạm là họ ưa những đáp án đơn giản. Họ phát hiện có hai người trong một căn phòng khóa kín, một người thì chết, người kia thì không. Đối với họ, câu trả lời quá đơn giản, về phần mình, chú phải thú thật là nếu chú không quen biết cậu Holmes, thì vụ việc này cũng trở nên đơn giản như thế. Tới lúc này thì họ cho rằng đã tìm ra thủ phạm. Con dao còn hơn là một chiến tích đối với họ – họ có thể vẫy cao trong phòng xử án để dọa quan tòa. Còn cái xác – đã chết rồi nên chẳng đi đâu được chỉ chờ tay bác sĩ pháp y đến để mang đi. Như thế ta còn đủ thời gian để tìm những thứ mà họ chán không muốn thấy. Thôi nhé, nói đủ rồi. Ra tay nào!"

Trong lúc Crowe mãi bận bịu ở chỗ bàn thì Sherlock bắt đầu từ một góc phòng và xem xét một cách hệ thống từng chút một. Cậu không biết mình đang tìm cái gì nên để ý đến những thứ mà cậu cho là không bình thường. Cậu kiểm tra mấy bức tường lát gỗ, mấy bức tranh treo trên đó, thậm chí cậu còn kéo một chiếc ghế từ

chỗ bàn đến tận bức tường để trèo lên kiểm tra những dây buộc nối phần trên của bức tranh chạy lên tận trên trần nhà. Rồi cậu leo xuống, kiểm tra tấm thảm để xem có thứ gì rớt từ tay hoặc ví của ai đó còn mắc kẹt giữa các thớ vải không.

"Có tìm thấy thứ gì không?" Lát sau ông Crowe hỏi.

"Chưa có gì ạ," Sherlock ngán ngẩm trả lời.

Cậu rảo khắp trong phòng, đảo mắt nhìn mọi thứ. Khi bước đến góc bàn, cậu nhận ra có một thứ gì nằm trên sàn dưới bàn: một chiếc hộp da nhỏ, nằm khuất trong bóng của cái chân bàn như thể có ai muốn giấu đi cho nhanh.

"Cháu tìm thấy cái này," cậu kêu lên, tay kéo chiếc hộp ra và đặt lên bàn.

Ông Crowe đi vòng qua thi thể để xem Sherlock tìm được gì. Ông khám xét kĩ càng.

"Khung bằng gỗ, lót da, bản lề, khóa, bệ lót đều bằng đồng," ông ta lầm bầm. "Chẳng có gì đặc biệt hoặc bất thường. Bệ lót không trầy, tay cầm không mòn, chứng tỏ cái này còn mới. À, nhìn chỗ tay cầm kìa – cháu có thấy có một sợi dây buộc quanh không? Có thể để buộc miếng giấy báo giá tiền. Người này, hoặc ai đó, đã giật bỏ miếng giấy đi nhưng lại quên tháo sợi dây buộc. Quả là một sơ suất." Ông với lấy chiếc hộp và bật mở khóa. "Hộp không khóa, càng tốt cho chúng ta." Ông ta mở chiếc hộp để Sherlock cùng nhìn vào bên trong.

Chiếc hộp được lót vải đỏ, có lẽ là lụa hay satin. Lớp lót được độn rất dày đến mức khi đóng nắp hộp lại, phần nắp và đáy của chiếc hộp sẽ ép chặt vào bất cứ món đồ gì đặt vào trong hộp.

“Thấy hai chỗ lõm trong lớp lót không?” Crowe đưa tay chỉ 2 chỗ nơi lớp độn bị ép vào, cho thấy rằng chiếc hộp đã đựng hai món đồ, nhưng Sherlock đã để ý thấy rồi. “Mờ quá nên ta khó biết hình dạng như thế nào, nhưng chúng hình như khác nhau.”

“Lớp độn quanh một trong hai chỗ lõm có màu khác,” Sherlock nhận xét. “Màu hơi đậm hơn.”

“Có thể là do bị sờn,” ông Crowe càu nhàu.

“Nhưng chiếc hộp này chỉ vừa mới mua”.

“Cái đó thì đúng.” Crowe sờ tay vào bề mặt của lớp lót. “Hơi bị ẩm. Lạ thật. Có thứ gì làm chỗ này bị ướt – có thể là một cái chai chứa chất lỏng gì đó bị rò chảy ra ngoài.”

Sherlock nhìn quanh phòng. “Cái chai chứa gì?”

“Chưa rõ. Cứ thu thập thông tin rồi tính sau.” Ông Crowe đóng nắp chiếc hộp lại và nhìn quanh phòng. “Còn những khung gỗ trên tường thì sao - có cánh cửa bí mật nào không? Có dấu hiệu nào cho thấy có khung cửa nằm bên dưới không? Hẳn có ai đã bí mật chui vào rồi đi ra khỏi phòng này.”

“Cháu cũng đã nghĩ tới điều này, nhưng trên tường không hề có bản lề hoặc chỗ nối. Cháu cũng đã thử gõ vào tường, nhưng không chỗ nào nghe âm rỗng cả.”

“Được rồi”

“Chú có muốn kiểm tra không?”

“Tại sao phải kiểm tra chứ?” ông Crowe tỏ vẻ ngạc nhiên. “Cháu có đôi mắt tinh thông, đầu óc tỉnh táo mà. Còn tấm thảm thì sao?”

“Có vẻ như được làm sạch mỗi ngày, và cháu cũng chẳng thấy có

thứ gì rơi vãi lên đó ngày hôm nay cả."

"Vậy là," Crowe ngán ngẩm, "không có gì cả".

"Ngoại trừ..." Sherlock chen ngang.

"Ngoại trừ cái gì?"

"Ngoại trừ một mảng nước thấm ở chỗ này trên thảm. Chỗ đó lại lạnh nữa."

Ông Crowe quay lại, nhìn chằm chằm Sherlock. "Một cái gì?"

"Một mảng nước thấm. Có lẽ có người làm đổ ly nước."

Crowe nhướng mày. "Thú vị đây. Ta có một chiếc hộp bên trong chứa một cái chai chứa một thứ gì đó, ta lại có một mảng nước thấm có thể do chai nước đổ ra, nhưng cái mà ta không có là cái chai, và những thứ nằm bên trong nó. Đây là điều bất thường, và chính những cái bất thường là thứ mà ta muốn có ngay bây giờ. Có cái gì không khớp ở đây."

Sherlock không hiểu lắm. "Thế nghĩa là sao ạ?"

Người đàn ông đồ sộ nhún vai. "Chú cũng chưa biết, nhưng chú đang tập hợp các thông tin để xem xét sau, cháu cũng nên làm vậy. Còn bây giờ, tiếp tục quan sát. Khi tìm được một thứ, không có nghĩa là không còn gì để tìm nữa."

Sherlock mất thêm mười phút nữa lục soát những chỗ còn lại trong căn phòng, nhưng khi quay lại cái góc mà cậu đã bắt đầu, Sherlock dừng lại. Dường như Amyus Crowe đã khám xong thi thể: ông đứng lùi ra và đưa mắt nhìn khắp căn phòng.

"Chú tìm thấy gì chưa?" Sherlock hỏi.

Ông Crowe nhún vai. "Vài điểm nhỏ đáng chú ý. Trước hết,

người đàn ông này bị bệnh. Gần đây ông ta sụt cân khá nhanh, ông ta đang được điều trị. Chú tìm được cái này...” vừa nói ông ta đưa ra một cái chai thủy tinh nhỏ, bên trên gắn một thứ giống như nút chai xịt khi bấm xuống. “Ta nghĩ là một thứ thuốc gì đó, cần phải kiểm tra mới rõ được.”

“Cháu xem được không?” Sherlock hỏi. Ông Crowe trao nó cho Sherlock. Cái chai này bằng cỡ ngón tay cái của cậu. Cái nút ấn trên đầu chai hình như là để xịt nước ra khỏi chai qua một đầu xịt nhỏ nằm bên hông. Sherlock đưa đầu xịt lên mũi ngửi và hơi dội lại. Có điều gì đó quen thuộc về vị đắng này, nhưng cậu chưa nhớ ra.

“Quần áo thì trông giống một quí ông,” Crowe tiếp tục, “nhưng hình xăm trên cánh tay chứng tỏ điều ngược lại.”

Sherlock đút gọn lọ thủy tinh nhỏ vào túi áo và đi qua phía bên kia đứng cạnh Crowe. Người đàn ông này gầy ốm, trên má lộ ra những mạch máu xanh li ti. Đầu anh ta ngửa ra sau, hai con mắt đỏ ngầu trợn trừng nhìn lên trần nhà. Da anh ta trắng bệch, Sherlock không chắc đó là màu da tự nhiên hoặc do người này vừa mới chết.

Phần trước chiếc sơ mi anh ta mặc lấm tấm đầy máu đã khô. Phần áo vùng trước tim có một vết rách toạc: nơi mũi dao đâm vào, Sherlock căng óc suy nghĩ.

Ai là người đã cầm con dao?

Cậu nhìn gần hơn. Chỗ vết áo rách có một cái gì đó khiến cậu chú ý, nhưng còn chưa rõ đó là cái gì.

“Phát hiện ra điều gì à?” ông Crowe hỏi.

Sherlock ngần ngừ. “Cháu cố nhớ hình dạng con dao như thế

nào - con dao trong tay anh Mycroft ấy mà."

"Thú thực là chú chưa nhìn kĩ con dao đó," ông Crowe thừa nhận.

"Cháu nhìn rồi," Sherlock nói. "Loại dao mỏng, như dao rọc thư, nhưng chỗ rách trên áo sơ mi thì quá lớn. Lớn hơn nhiều so với con dao mà cháu nhớ đã thấy."

"Thú vị đây." Crowe trầm ngâm. "Chú cũng vừa nhìn qua vết thương. Khá lớn. Chú nghĩ là lưỡi dao phải to, nhưng nếu cháu nói rằng cái con dao mà cảnh sát mang đi có lưỡi hẹp... thì đây là một bất thường khác cần lời giải thích."

"Có khi nào người này vùng vẫy?" Sherlock hỏi. "Khiến cho lưỡi dao xé rộng chỗ rách trên áo và... chỗ da bị đâm không?"

"Có thể lắm." Ông Crowe trầm ngâm một lúc. "Ta phải làm một thí nghiệm để kiểm chứng điều này."

"Cái gì?" Sherlock kêu lên. "Ý chú là ta phải đâm một người nào đó, và hy vọng anh ta sẽ vùng vẫy chống trả?"

Crowe phá lên cười. "Không, ý chú là ta sẽ kiếm một con heo đã bị giết, mặc cho nó một cái áo sơ-mi, rồi một trong hai chúng ta sẽ cầm con dao rọc giấy đâm nó một nhát còn người kia vừa giữ lấy cái xác vừa lắc lư qua lại. Để xem chúng ta có thể tạo ra một vết rách và một vết thương tương tự như trên người này hay không. Phỏng đoán cũng chỉ tới đây thôi – cái ta cần là thêm chứng cứ." Ông ra dấu về phía cửa ra vào. "Cháu đi tìm tay hầu bàn Brinnell về đây. Có mấy câu ta cần hỏi cậu ta."

Sherlock bước ra, đi vào phòng họp. Những người trong phòng khó chịu ngước nhìn khi cậu đi qua – họ đã thấy cảnh sát đến, và

hiển nhiên là biết đã xảy ra một điều gì bất thường, nhưng họ cố giả vờ như mọi thứ vẫn êm ả như mọi ngày trong phạm vi của câu lạc bộ. Sherlock cố thu người và đi nhẹ nhàng hết mức có thể. Khi len lỏi qua đám ghế bành sang trọng màu xanh lá, cậu phải thú nhận rằng không biết anh mình tìm được cái gì trong câu lạc bộ này. Đây là chỗ nhàm chán nhất mà cậu từng được thấy – trừ vụ án mạng vừa qua, và cậu cho rằng câu lạc bộ Diogenes không phải là nơi thường xảy ra án mạng.

Cậu tìm thấy Brinnell đứng trong sảnh. Tay hầu bàn có vẻ lo lắng. Sherlock sắp sửa gọi anh ta quay lại Phòng dành cho khách thì Brinnell đưa ngón tay lên môi làm dấu hiệu giữ im lặng. Sherlock lấy tay chỉ Brinnell rồi chỉ ngược về phòng tiếp khách. Brinnell gật đầu. Anh ta vượt lên trước Sherlock, đi qua cầu thang đến một cánh cửa có lẽ dẫn vào khu vực nhân viên phục vụ. Một lúc sau anh ta quay lại, dẫn theo một người hầu bàn khác, người này già hơn, đầu hói nhiều hơn. Sau khi để người này đứng trong sảnh chắc là để trông chừng và không cho người lạ lai vãng hay gây ồn, Brinnell theo Sherlock quay lại phòng họp.

Ông Crowe vẫn đứng nguyên ở chỗ cũ khi Sherlock đi ra ngoài.

"Cám ơn anh đã dành cho chúng tôi ít thời gian," ông nói với người hầu bàn khi Sherlock đóng cửa lại. "Chắc bây giờ anh đã sẵn sàng nói cho chúng tôi biết mọi thứ liên quan đến vụ án mạng chứ."

"Quả là một sự việc chấn động," Brinnell nói. "Thật sự chấn động." Anh ta liếc nhìn về phía cái xác. "Và chính chúng tôi cũng cần phải làm sáng tỏ việc này."

“Có phải anh là người dẫn quí ông đây đi tới phòng khách?”

“Vâng, chính tôi, thưa ngài.”

“Ông ta gặp anh như thế nào?”

Brinnell suy nghĩ một lúc. “Ông ta bước vào cửa chính, cũng như các quí ông. Ông ta đưa cho tôi một tấm danh thiếp. Trên mặt sau có viết tên Ngài Holmes cùng với vài chữ khác mà tôi không rõ lắm.”

“Những chữ đó là gì?”

Brinnell cau mày lại, cố nhớ. “Tôi nghĩ rằng đó là tên của một câu lạc bộ khác,” anh ta nói, “nhưng tôi không thể nhớ được đó là câu lạc bộ nào. Tôi thoáng nghĩ là quí ông này đã đi nhầm chỗ đến khi thấy được tên Ngài Holmes viết ở mặt sau tấm danh thiếp.”

Một câu lạc bộ khác. Có một điểm gì đó trong lời nói của người hầu bàn làm cho Sherlock phải chú ý. Một câu lạc bộ khác... Cậu gác lại dòng suy nghĩ để sau này sẽ đi vào chi tiết hơn.

“Tức là anh ta biết rõ phong cách của câu lạc bộ Diogenes,” Crowe chỉ ra. “Anh ta đủ biết là không nên mở lời ở đây.”

“Tôi nghĩ là anh ta biết, thưa ngài”.

“Thế sau đó anh làm gì?”

“Tôi đặt tấm danh thiếp lên một cái khay và mang vào cho Ngài Holmes. Ngài Holmes đang đứng chờ ngay chỗ này. Ngài có vẻ bực mình, như thể đang chờ ai khác chứ không phải người đàn ông này. Khó chịu, Ngài Homes trông đúng như thế. Tôi nghĩ rằng Ngài Holmes sẽ không tiếp gã này, nhưng ông ấy lật ngược tấm danh thiếp và đọc những chữ nằm ở mặt sau. Ngài Holmes dường như

đổi ý và nói: "Mời ông bạn này vào, anh Brinnell." Vì vậy tôi quay ra tìm anh ta và dẫn vào."

"Việc này xảy ra bao lâu trước khi chúng tôi tới?"

Người hầu bàn suy nghĩ một lúc. "Không nhiều hơn 5 phút," cuối cùng anh ta nói. "Hoặc 10 phút gì đó."

"Có tiếng ồn hoặc lộn xộn gì không?"

"Không hề, thưa ngài."

Crowe gật đầu. "Thế anh nghĩ gì về vị khách này? Anh có nhận xét gì không?"

Brinnell nhăn mặt. "Thưa ngài, đây không phải là việc của tôi," anh ta ấp úng.

Crowe chìa tay ra. Một đồng nửa crown lấp lánh giữa mấy ngón tay. "Tôi đánh giá cao ý kiến của anh," ông nói. "Ngoài chúng ta ra, không ai biết đâu."

Brinnell ngần ngừ. "Không cần phải thế đâu," cuối cùng anh ta lên tiếng. "Tôi quí Ngài Homes. Ông ấy lúc nào cũng tử tế với tôi. Vâng, rất tốt với tôi. Nếu ông tìm cách giúp ông ấy, thì tôi cũng rất sẵn lòng."

"Anh tốt lắm," Crowe nói. Nửa đồng crown biến mất khỏi bàn tay đồ sộ của ông.

"Tôi cho rằng gã này ăn diện vượt quá vị trí xã hội của mình, ngài hiểu ý tôi chứ," người hầu bàn nói.

"Tôi hiểu chính xác hàm ý của anh, và đánh giá cao sự thành thật này."

"Anh ta có mang theo cái gì không?" Sherlock chen ngang. Ông

Crowe gật đầu. "Một câu hỏi hay đấy."

Brinnell nhíu mày cố nhớ lại. "Tôi tin là ông ta có mang theo một cái hộp nhỏ. Tôi nhớ là tôi có bảo ông ta để lại phòng gởi áo, nhưng ông ta cứ khư khư giữ lấy như thể nó rất quí giá. Tôi nghĩ rằng ông ta cần đến nó khi gặp Ngài Holmes.

"Rất có lợi," Crowe nói.

Cánh cửa lớn đột ngột mở toang, và một trong những viên cảnh sát có mặt lúc nãy bước vào. "Hạ sĩ Coleman muốn mời ông đến Scoland Yard để lấy lời khai."

"Rất sẵn lòng," Crowe đáp lời. "Tôi cũng muốn biết ông ta tiến hành điều tra như thế nào."

"Cái gì mà điều tra?" viên cảnh sát cười, lập lại. "Không cần đâu. Chúng tôi đã bắt được kẻ phạm pháp, chắc chắn là thế."

Viên cảnh sát dẫn họ ra khỏi phòng dành cho khách, đi ngang qua phòng họp. Khi họ đi ra, có vẻ như Brinnell muốn nói thêm điều gì, nhưng thay vào đó anh ta băng qua và đưa cho Sherlock một mảnh giấy nhỏ. Liếc vào, Sherlock thấy những chữ sau: Orville Jenkinson, Luật sư và một địa chỉ. Chắc đây là tên người luật sư mà Mycroft nhắc tới – luật sư có hợp đồng làm việc cho Câu lạc bộ Diogenes. Sherlock mỉm cười và gật đầu cám ơn Brinnel.

Ra đến bên ngoài thoáng đãng, khi viên cảnh sát sải bước đi dọc theo vỉa hè, Sherlock quay sang phía Amyus Crowe để hỏi một câu đã nung nấu trong đầu cậu suốt cả giờ qua. "Chú Crowe – nếu ta không chứng minh được là anh cháu vô tội, thì việc gì sẽ xảy ra?"

"Phải ra tòa," Crowe trả lời dứt khoát, "và sau đó nếu có tội, ta sợ rằng cậu Holmes sẽ bị treo cổ cho đến chết."

CHƯƠNG 4

Đồn cảnh sát Bow Street và tòa án là một tòa nhà lớn với các tảng đá trắng nguyên khối nằm ở một bên góc của Vườn Covent. Khi đến gần, Sherlock đưa mắt nhìn kĩ ngôi nhà, cố gắng ghi nhớ từng chi tiết. Cậu có một cảm giác rất lạ là tòa nhà này sẽ trở nên quan trọng đối với mình, mặc dù cậu không muốn vậy vì chính tại đây anh cậu sẽ bị kết án treo cổ.

Tường của tòa nhà là những hàng đá nhấp nhô nối tiếp nhau, phần mái có đặt những lỗ châu mai khiến nơi đây trông giống như một lâu đài thời trung cổ hơn là chốn thực thi luật pháp. Sherlock bật cười khi nhìn đến những tảng đá này. Nếu Matty Arnatt có mặt ở đây, hẳn cậu ta sẽ lấy đó làm bậc thang để bám leo lên mái.

Các cánh cửa lớn phía góc tòa nhà mở ra ngang mặt đường, không có bậc thang để bước lên. Bên ngoài treo những chiếc đèn màu trắng. Amyus Crowe ngước nhìn lên mấy chiếc đèn rồi quay sang viên cảnh sát.

"Anh có chắc là dẫn chúng tôi đến đúng chỗ không?" ông hỏi. "Tôi cứ tin rằng tất cả các bót cảnh sát ở xứ này đều đặt đèn màu xanh bên ngoài, chứ không phải là màu trắng."

"Có qui định như vậy," viên cảnh sát thú thực. "Đó là cách đây khoảng 7 năm rồi, Nữ Hoàng không đồng ý việc đặt đèn màu xanh bên ngoài tòa nhà này. Lý do là Nhiếp chính vương chết trong một căn phòng màu xanh, cầu Trời phù hộ linh hồn Ngài, và từ đó Nữ Hoàng không thể nào chịu đựng nỗi khi thấy màu này. Nữ Hoàng

thường đến Nhà hát nằm ở phía dưới con đường này một chút, và mỗi khi xe chạy qua những ngọn đèn xanh đều làm cho Người thấy khó ở. Vì thế ngài yêu cầu phải thay thế. Vâng, nói là "yêu cầu" nhưng tôi nghĩ Người chỉ là bảo Quan cảnh sát trưởng thay thế mấy cái đèn đó, nếu không Người cách chức ông ta."

"Quả là điều thú vị," Crowe nói to, "khi một người đàn bà có nhiều quyền hành đến thế tại một xứ sở từ chối quyền bầu cử và cơ hội sở hữu tài sản của phụ nữ."

Viên cảnh sát dẫn họ vào bên trong, đi ngang qua một cái bàn lớn ở sảnh trước và vào tận bên trong của tòa nhà. Có nhiều người đàn ông mặc đồng phục và trang phục chỉn chu tấp nập qua lại, người nào cũng có vẻ đang lo một công việc quan trọng. Viên cảnh sát đưa họ đi dọc theo hành lang, vòng qua góc cua rồi lên một loạt bậc thang, sau đó ra hiệu cho họ đi vào một căn phòng trong đó có một cái bàn với 3 chiếc ghế xung quanh: 2 chiếc nằm một phía còn một chiếc nằm ở phía bên kia. Tường bao quanh làm bằng gạch sơn màu xanh lá xám xịt.

"Vui lòng chờ ở đây," anh ta bảo. "Chút nữa Hạ sĩ sẽ đến. Và đừng rời khỏi phòng."

Khi anh ta đi ra, ông Crowe gieo phịch người xuống ghế. Chiếc ghế kêu răng rắc vì sức nặng ở trên. "Cháu cũng nghỉ thoải mái chút đi," ông ta nói. "Chúng ta còn ngồi ở đây lâu đấy. Chắc là anh ta muốn ta ngồi rục ở đây, mong cho ta cảm thấy bực mình mà trả lời ngay những câu hỏi của họ." Ông khịt mũi. "Và dĩ nhiên, nếu chú là anh ta, chú sẽ tách đôi hai người ra để hỏi cung từng người một."

"Tại sao ạ?" Sherlock hỏi, xích lại sát ông Crowe.

“Nếu hỏi cung riêng từng người, sau đó anh ta có thể kiểm tra lại xem chúng ta có trả lời khớp nhau hay không. Nếu không khớp, anh ta sẽ biết ngay những điểm mà chúng ta có thể nói dối. Nếu anh ta thẩm vấn chúng ta cùng một lúc, thì cháu có thể dựa vào câu trả lời của ta để nói cho khớp, và ta cũng thế.”

Ông ta dựa lưng vào ghế và nhắm mắt lại, kéo chiếc mũ lên để che bớt ánh sáng.

Sherlock đảo mắt quanh phòng, không có gì đáng chú ý cả. Họ cố ý để căn phòng trơ trụi, không bài trí chút gì.

Cậu lại nghĩ đến Mycroft. Chắc là anh ấy đang ở gần đâu đây, nhưng dù là ở đâu thì cũng không được tiện nghi như căn phòng mà Sherlock và Amyus Crowe đang ngồi.

Chừng 15 phút sau, cánh cửa bật mở, viên hạ sĩ Cloeman mà họ đã gặp sầm sập đi vào, trên tay cầm một cuốn sổ và một cây bút chì.

“Có một số chi tiết cần phải làm rõ,” chưa kịp ngồi xuống anh ta đã nói. “Tôi không nghĩ đây là trường hợp khó khăn gì cả. Mọi thứ khá rõ ràng.”

Ông Amyus Crowe giở mũ ra và nhướng mày. “Biết đâu ngài sẽ ngạc nhiên,” ông nói.

“Các tình tiết có lẽ không thể chối cãi được,” viên hạ sĩ bảo. “Các ông có thể ngắt lời nếu tôi nói sai, nhưng cửa phòng thì đóng, chỉ có một lối ra vào duy nhất – đó là cái cửa lớn. Bên trong là hai người. Khi cửa phòng mở ra, một người thì phát hiện đã chết, người kia đang cầm trên tay một con dao. Liệu tôi có kể thiếu chi tiết nào không?”

“Không thấy dấu máu trên con dao,” Sherlock đưa ra ý kiến.

“Máu đã được lau vào áo sơ mi của người chết khi con dao được rút ra rồi.”

“Vậy ông có kiểm tra dấu hiệu lau máu trên áo sơ mi hay đó chỉ là giả định?” ông Crowe hỏi.

“Ngài không thể phủ nhận là trên áo sơ mi có dính máu,” viên hạ sĩ quả quyết.

“Máu từ vết thương vọt ra, đúng là thế, nhưng có dấu hiệu nào chứng tỏ lưỡi dao bị cố ý hay vô tình được lau vào cái áo không? Dấu vết máu do lau và do phun vọt ra rất khác nhau.”

“Chẳng có liên quan gì cả,” Coleman ngắt lời ngay. “Máu lúc nào chả là máu, và trong phòng chỉ có một con dao. Còn bây giờ, quí ông cần cho tôi biết là quí ông đến thăm bị cáo để làm gì?”

“Anh ấy là anh trai tôi,” Sherlcock nói khẽ. “Ông Crowe là người bạn của gia đình. Chúng tôi đến gặp anh Mycroft để ăn trưa.”

“Tức là án mạng này không có chủ mưu,” Coleman nói, dùng bút chì ghi chú vào quyển sổ. “Không ai giết người khi họ biết khách của mình sẽ đến ăn trưa trong ít phút. Đây chỉ là việc xảy ra trong chốc lát.”

“Nhưng vì động cơ gì mới được chứ?” Ông Crowe hỏi.

Viên hạ sĩ rời mắt khỏi quyển sổ nhìn lên. “Việc làm ăn không suôn sẻ, cãi nhau vì một người đàn bà – biết bao nhiêu là lý do. Nói cho cùng, đó chỉ là một tiểu tiết. Cái quan trọng là có án mạng và có sát nhân. Đó là tất cả những gì các quan tòa quan tâm.” Anh ta dừng một chút. “Còn bây giờ xin hai người cho biết tên họ đầy đủ

và địa chỉ để tôi đưa vào hồ sơ."

Ông Crowe cung cấp các thông tin, Coleman chăm chú ghi vào sổ. Nhìn theo cái cách viên hạ sĩ này để tay trên bàn, chân dợm đứng dậy, Sherlock biết rằng buổi thẩm vấn sắp xong. Cậu có cảm tưởng như thể mình đang đi tàu hỏa, và khi tàu đã đi vào đường ray qui định, thì lúc này không còn cách nào để dừng và rẽ sang hướng khác.

"Chúng tôi có thể gặp anh Mycroft không?" cậu buột miệng. "Chỉ vài phút thôi?"

Viên hạ sĩ Coleman tỏ vẻ lưỡng lự.

"Có chết ai đâu?" Ông Crowe lên tiếng nhẹ nhàng. "Dù thế nào đi nữa, họ là anh em. Biết đâu khi gặp được em mình thì tù nhân của anh lại dễ bảo hơn. Có nhiều khả năng tự thú hơn."

Sherlock liếc nhìn ông Crowe, kinh ngạc, nhưng người Mỹ đồ sộ này đã lén nháy mắt với cậu, không để cho Coleman thấy.

Tay cảnh sát suy nghĩ một hồi, lộ vẻ bất đắc dĩ. "Thôi được," cuối cùng anh ta cũng miễn cưỡng. "Tôi cũng nghĩ chẳng hại gì."

Anh ta tiến về phía cánh cửa, mở ra. Một viên cảnh sát, người đã hộ tống họ từ chỗ câu lạc bộ Diogens, đang đứng gác phía bên ngoài.

"Dẫn hai người này đi gặp bị cáo," Coleman ra lệnh. "Chỉ cho họ gặp mười phút thôi, rồi dẫn họ ra cửa trước." Anh ta quay lại nhìn ông Crowe và Sherlock. "Tôi không muốn làm mất thì giờ của quí ông. Đây chỉ là chuyện không may, nhưng xin nhớ cho là nếu không có người phạm tội thì chúng tôi cũng chẳng có việc gì để làm, tôi chỉ có nước về nhà nối nghiệp cha tôi chăm sóc cửa hàng

buôn bán kim chỉ của gia đình."

Coleman bỏ đi, còn viên cảnh sát ra hiệu cho hai người đi theo mình. Anh ta dẫn cả hai quay lại đi xuyên qua nhiều lối vòng vèo như mê cung, xuống nhiều cầu thang đến tầng hầm, xung quanh là tường gạch không tô và trên sàn gạch ánh lên mấy vũng nước đen ngòm. Dọc suốt chiều dài hành lang là một loạt các cánh cửa sắt. Đi được một phần ba hành lang, viên cảnh sát dẫn họ đến một cánh cửa, rồi móc ở thắt lưng ra một xâu chìa khóa, chọn một cái để mở cửa phòng. Anh ta ra hiệu cho họ đi vào trong. "Chỉ được mười phút thôi, không thêm một giây. Tôi đứng bên ngoài đây để canh chừng nếu có sự cố."

Ông Crowe ra hiệu cho Sherlock đi vào trước rồi theo sau.

Mycroft đang ngồi thẳng lưng trên một chiếc ghế dài kê dọc theo vách, hai bàn tay đặt trên đùi. Hai mắt nhắm nghiền, nhưng khi Sherlock bước vào, anh mở mắt ra và ngước lên nhìn. Căn phòng lấy ánh sáng từ một khe hở hẹp có chắn song và lợp kính trên bức tường xa xa mà có lẽ hướng ra đường. Phòng giam quá nhỏ cho ba người. Chẳng có chỗ nào để cho Sherlock và Crowe ngồi nên họ đứng luôn.

"Cám ơn hai người đến thăm," Mycroft lên tiếng. "Xin lỗi vì hoàn cảnh bất tiện này."

Ông Crowe nhìn quanh rồi lên tiếng. "Cũng khá ấm cúng.

Hồi tôi đi tàu từ Mỹ sang Anh tình cảnh còn tệ hơn nữa."

"Đúng thế," Mycroft xác nhận, "nhưng anh còn có cơ hội đi xuống khi tàu cập bến."

"Một nhận định đúng," ông Crowe ghi nhận, "nhưng ít ra anh

không phải trả tiền chỗ ở này. Tôi phải trả tiền đấy."

"Hai người thôi được không!" Sherlock chen ngang. "Chuyện này nghiêm trọng đó."

Mycroft gật đầu. "Anh hiểu. Anh chỉ muốn làm cho tình hình bớt nghiêm trọng thôi mà."

"Giờ thì anh thấy thế nào?" Sherlock hỏi.

"Đầu nặng như búa bổ, anh thấy người như mụ đi. Có lẽ do choáng khi bị mấy tay cảnh sát bự con lôi qua nhiều con phố." Anh nhún vai. "Chẳng mấy khi anh bước một trăm thước quá câu lạc bộ Diogenes. Chỗ làm việc và chỗ ở của anh đều ở gần đó thôi." Anh liếc nhìn Crowe. "Ông có nghĩ thêm được điều gì về vụ án mạng không? Tôi nghĩ đến bảy giả thuyết khác nhau nhưng thiếu chứng cứ để tách bạch chúng."

Sherlock cau mày. Đến bảy giả thuyết ư? Còn mình một cái cũng chẳng có.

"Người đàn ông đến gặp anh có mang một cái hộp." Ông Crowe lên tiếng.

"Tôi nhớ ra rồi".

"Cái hộp này bên trong lót vải. Có chứa 2 món đồ. Ít nhất một trong hai thứ bị ẩm nước – hoặc ít nhất thứ này cũng để lại dấu vết là chất lỏng."

Myroft nhăn trán lại. "Thứ chất lỏng này có mùi gì đặc biệt không? Có dính vào da không?"

Crowe lắc đầu. "Chỉ ngửi có mùi nước."

"Thế trên sàn nhà có vũng chất lỏng gì không?"

“Có đấy, Sherlock tìm thấy một vũng.”

“Thông tin có ích đây,” Mycroft gật đầu, “điều đó thu hẹp đáp án vào một khả năng.”

“Đúng thế,” Crowe tán đồng, “nhưng bằng chứng lại biến mất.”

Sherlock cảm thấy hai tay mình siết chặt lại thành nắm đấm. “Hai người đang nói cái quái quỉ gì thế? Đáp án gì?”

Hai người đàn ông đưa mắt nhìn nhau. Rồi Mycroft ra hiệu nhờ Crowe giải thích.

“Cứ cho là không thể có người khác trong phòng,” ông Crowe bắt đầu. “Phòng không có cửa sổ, không có chỗ nào để nấp, mà chúng ta cũng chẳng thấy ai khi cậu Holmes ra mở cửa.”

“Đồng ý,” Sherlock nói.

“Mà cậu Holmes cũng không giết người đàn ông đó.”

“Đương nhiên là không rồi.”

“Thế thì anh ta tự sát.”

Sherlock cảm thấy như chỗ đất mình đang đứng bỗng nhiên sụt xuống. “Anh ta làm gì?”

“Anh ta tự giết mình. Có hai người trong phòng, một người bị giết, còn người kia ta đã biết là không hề giết anh ta. Như vậy, chính anh ta tự giết mình.”

“Nhưng mà…” giọng Sherlock lạc đi một lúc. “Nhưng mà anh Mycroft lại đang cầm con dao đó”.

“Anh ta đang cầm một con dao.” Crowe chỉnh. “Nạn nhân bước vào phòng mang theo một cái hộp bên trong chứa hai món đồ vật. Một thứ là con dao mà ta bắt gặp anh cậu đang cầm. Không có vết

máu trên con dao, bởi vì đây không phải là con dao làm anh ta chết."

"Nhưng mà có con dao nào khác đâu!" Sherlock chống chế.

"Nhưng," Mycroft ngắt lời, "có một chỗ ẩm trong chiếc hộp và một chỗ ẩm trên tấm thảm."

Crowe liếc mắt nhìn Mycroft, anh nhún vai.

"Tôi xin lỗi," Mycroft nói thêm, "Tôi không thể không chen ngang." Anh ta nhìn lại về phía Sherlock. "Giờ nói anh nghe, chỗ ẩm trên tấm thảm có còn lạnh không?"

"Còn lạnh," Sherlock nhớ lại, rồi cậu hiểu ra. "Nước đá?"

Cậu kêu lên. "Con dao được làm bằng nước đá?"

"Rõ như ban ngày," Crowe nói. "Món đồ thứ hai nằm trong chiếc hộp là một con dao làm bằng nước đá. Miếng lót là để cho nước đá khỏi tan, mặt dù nước có thấm qua lớp lụa satanh. Chắc hẳn là chiếc hộp đã được giữ lạnh trước khi đem ra dùng, để tránh làm cho con dao tan ra nước."

"Người khách này đã làm cho tôi mất khả năng kháng cự," Mycroft khẳng định.

"Bằng cách nào, hồi sau chúng ta xem xét tiếp. Sau khi làm cho tôi bất tỉnh, anh ta đặt con dao thật vào tay tôi. Sau đó anh ta ngồi xuống và lấy con dao bằng nước đá đâm vào chính mình. Còn chút sức tàn, anh ta rút con dao nước đá ra khỏi lồng ngực và ném xuống sàn ở cái chỗ mà ta thấy nó tan ra vì nhiệt độ trong phòng."

"Cũng có rủi ro là anh ta chết nhanh quá không kịp rút con dao ra," Crowe chỉ ra, "nhưng trong trường hợp này, chút hơi ấm còn

sót lại trên cái xác lạnh dần của anh ta cũng đủ làm cho nước đá tan đi."

"Nhưng tại sao phải dùng đến hai con dao?" Sherlock phản biện. "Tại sao anh ta không đâm một nhát bằng con dao thật rồi cứ để nguyên tại chỗ?"

Crowe liếc nhìn Mycroft đầy thông cảm. "Kẻ bày ra trò ma mãnh này đã muốn cho cậu Holmes không còn đường cựa quậy. Nếu cậu Holmes bị phát hiện ở trong phòng có một xác chết, mà trên ngực lại có con dao, thì cậu ta có thể khai là đã thấy nó nằm ở đó, và định kêu lên tìm người giúp đỡ. Nhưng khi cậu Holmes bị phát hiện tay đang cầm một con dao, còn tại vết thương thì không có con dao nào, thì làm sao mà giải thích cho người ta tin được."

"Một sự sắp xếp tinh vi," Mycroft thừa nhận. "Tôi hoàn toàn nể phục tay nào đã nghĩ ra kịch bản này."

"Thế thì vì sao người đó lại tự giết mình?" Sherlock cáu tiết hỏi. "Lý do gì mới được chứ?"

"Đó chỉ là suy đoán của chúng ta mà thôi," Crowe nói, "nhưng tôi cho rằng con người này trông vẻ rất bệnh hoạn. Anh ta xanh xao gầy ốm, phải đi khám bệnh. Giả sử rằng anh ta không có tiền, lại sắp chết vì bệnh lao hoặc ung thư gì đó chẳng hạn. Lại giả sử rằng có một người nào đó mà hiện nay ta chưa biết tìm gặp anh ta đề nghị một thỏa thuận. Người giấu mặt này trả cho gia đình anh ta một món tiền lớn nếu anh ta đồng ý chết trước vài tuần bằng cách tự sát để phục vụ cho mục đích của hắn. Con người sắp chết kia đồng ý, và được cấp cho một bộ cánh tử tế, một cái hộp chứa một con dao thật và một con dao nước đá, kèm theo các chỉ dẫn phải

làm gì."

"Một câu hỏi đặt ra là," Mycroft ngắt lời, "bằng cách nào mà anh ta làm cho tôi bị mê đi để có thể đặt con dao vào tay tôi."

"Anh nhớ được những gì?" Crowe hỏi.

Mycroft nhắm mắt lại cố nhớ. "Anh ta đi vô phòng, đặt chiếc hộp lên trên bàn. Anh ta lên cơn ho. Tôi hỏi thăm có thể giúp được gì không. Anh ta bảo không, nhưng nói thêm rằng anh ta có mang theo một thứ thuốc giúp cho mình thở dễ dàng hơn. Anh ta cho tay vào áo khoác và lấy ra một chiếc lọ con. Chiếc lọ này có cái nắp khá lạ, giống như là một cái nút bấm hơn là nắp đậy. Anh ta nhờ tôi giúp một tay. Tôi bước đến gần anh ta và rồi... không biết gì cả. Sau đó tôi nhớ là có nghe tiếng hai người gõ cửa." Anh ta dừng một chút, rồi nói tiếp. "À về cái mùi. Tôi nhớ là có cái mùi. Rất nặng, rất gắt."

"Tôi dám cá rằng," ông Crowe nói, "cái chai đó thực ra là một chai thuốc xịt chứa dung dịch cồn thuốc phiện. Hắn ta xịt dung dịch này vào mặt anh, làm cho anh bị mê đi một lát. Anh không nhớ gì hết là do bị đánh thuốc mê theo kiểu này. Nhờ đó anh ta có đủ thời gian để dàn cảnh."

Dung dịch cồn thuốc phiện, còn gọi là dung dịch cồn laudanum - là thứ mà Bá tước Maupertuis đã dùng để làm cho Sherlock bị mê đi khi bắt cóc cậu từ Anh đem sang Pháp. Sherlock còn nhớ lại cái cảm giác bất tỉnh mê mệt, những giấc mơ và sự mất trí nhớ khi mình bị đánh thuốc. Một cảm giác lạ, nhưng dễ chịu, cảm giác hơi rã rượi. Cậu lắc đầu để xua đi những kí ức đó. Không có thời gian để hồi tưởng nữa.

Ông Crowe tiếp tục: "Nếu thứ này bị cảnh sát hoặc bác sĩ pháp y tìm thấy, thì họ sẽ cho rằng anh ta chỉ mang theo để chữa bệnh. Chẳng hạn như làm dịu bớt cơn đau do chứng bệnh đang làm cho anh ta chết mòn."

"Thế thì lọ thuốc đâu rồi?" Mycroft hỏi.

"Sherlock cầm rồi." Crowe nhún vai. "Còn hơn là để cho cảnh sát làm mất."

Mycroft gật đầu. Anh suy nghĩ trong giây lát. "Một lọ thuốc xịt có thể làm cho người ta mất tri giác tạm thời. Thú vị thật. Tôi có thể thấy những cách sử dụng chính thức và không chính thức thứ này."

"Được rồi." Sherlock ngần ngừ, cố sắp xếp lại dòng tư tưởng. "Ta đã biết cách thức họ thực hiện rồi. Ta có một lý thuyết phù hợp với tất cả các sự kiện. Câu hỏi là: Tại sao? Tại sao phải làm vậy?"

Mycroft nhún vai. "Về điểm này mà nói, thì anh có tham gia nhiều cuộc thương lượng đầy khó khăn với các chính phủ nước ngoài. Có lẽ có chính phủ nào đó muốn loại anh ra trong một thời gian để có lợi cho họ. Ngoài ra, trong quá khứ công việc của anh làm nhiều khi lại dẫn đến việc ký kết hiệp ước với nước này mà lại không kí với nước khác. Có lẽ những nước đó phản đối các hành động của anh và muốn trả thù." Một ý nghĩ như lóe lên trong đầu anh. Theo những gì biểu lộ trên nét mặt thì đó là một ý nghĩ cực quan trọng.

"Ngoại trừ..."

"Ngoại trừ cái gì?" Ông Crowe hỏi.

Thay vì trả lời, Mycroft cho tay vào trong áo khoác. "Tôi còn giữ

tấm thiếp mà người chết đưa cho Brinnell. Có mấy chữ viết trên ấy. Mấy chữ này khiến cho tôi phải tiếp anh ta."

Mycroft lấy ra một tấm danh thiếp để ở túi trong. "John Robertshaw," anh đọc lên, "cùng với địa chỉ tại khu Chelsea – Đường Glassblowes. Có thể đây là địa chỉ giả, chỉ để làm cho tấm thiếp có vẻ đúng cách thôi."

"Nhưng ta cũng nên kiểm tra lại," ông Crowe nêu ý kiến.

"Đúng vậy. Tôi không muốn bỏ đi một manh mối nào vì sơ suất." Anh xoay tấm thiếp lại. "Có tên tôi, chữ viết tay, để cho Brinnell biết là anh ta cần gặp ai. Và ba chữ khác." Anh ngước mắt lên nhìn Sherlock. Bốn ánh mắt chạm nhau. "Viện Paradol," anh nói, giọng nghiêm trọng.

Sửng sốt. Đầu Sherlock thoáng nhớ lại thời gian cậu bị Bá tước Maupertuis bắt giữ. Bá tước có nhắc tới Viện Paradol. Ông ta không nói đó là cái gì, nhưng lại ám chỉ như thể đó là cơ quan ông ta làm việc cho họ, hoặc phải báo cáo cho họ.

Như thể đó là một điều đầy quan trọng và bí mật.

"Giờ thì tôi nhớ ra rồi," Mycroft tiếp tục. "Khi thấy những chữ này, và nhớ là em đã từng nói Bá tước Maupertuis có đề cập đến chúng, anh gọi Brinnell dẫn anh ta vào để hỏi cho ra lẽ. Nhưng tấm thiếp này là một cái mồi nhử trong một cái bẫy."

"Và rồi anh đã mắc bẫy," ông Crowe khẽ khàng nhận xét. "Chính tại chỗ của tôi," Mycroft chống chế, "lúc tôi đang ở một nơi quen thuộc, và không hề mong chờ sự gây hấn nào cả."

"Thế mà có đấy," ông Crowe khoát mạnh tay. "Không sao cả. Ta phải tiếp tục hành động thôi. Tôi sẽ tìm cho anh một luật sư tin

cậy. Sherlock, cháu còn giữ tên và địa chỉ của luật sư mà người hầu bàn đưa cho khi ở câu lạc bộ Diogenes không?"

Sherlock gật đầu và đưa ra mảnh giấy cậu còn giữ trong túi áo.

"Và Sherlock này," ông Crowe tiếp tục, "cháu sẽ tìm hiểu thêm về tấm danh thiếp này." Crowe đưa cho Sherlock tấm thiếp mà Mycroft tìm thấy trong áo khoác. Sherlock lật ngược tấm danh thiếp, rùng mình khi đọc lên những dòng chữ hắc ám Viện Paradol.

"Cháu phải làm như thế nào đây?" Sherlock hỏi.

"Hãy ngửi xem tấm thiếp có mùi gì," ông Crowe chỉ dẫn.

Sherlock đưa tấm thiếp lên mũi. Có một mùi hăng nhè nhẹ nhưng còn nhận ra được. Cậu lên tiếng. "Cái gì thế ạ?"

"Mực in đấy," Crowe trả lời. "Tấm thiếp này mới in, có lẽ là chỉ in có một cái để giúp cho người đàn ông lọt vào câu lạc bộ. Xét cho cùng, thì không có câu lạc bộ danh giá nào lại tiếp một người đến mà không có danh thiếp. Căn cứ theo địa vị xã hội, thì anh ta chưa bao giờ có đến một tờ danh thiếp, và ông chủ giấu mặt của anh ta thì không thể giao cho anh ta danh thiếp của chính mình. Không, tấm danh thiếp này mới in đây thôi, tức là in ở gần đâu đây." Ông quay sang anh của Sherlock. "Anh Holmes, trong khu vực này có bao nhiêu nhà in?"

Mycroft suy nghĩ một chút. "Tôi có thể nhớ được bốn cái, tất cả đều nằm ở khu vực đường Chancery. Tôi có địa chỉ đây." Anh lấy trong túi ra giấy bút và bắt đầu viết.

"Hãy đi kiểm tra từng nhà in một," ông Crowe bảo Sherlock. "Hỏi xem họ có nhận ra tấm thiếp này không. Hỏi xem họ biết gì về

người đã đặt in thiếp này."

"Vâng."

"Hai giờ nữa thì quay lại gặp chú bên ngoài khách sạn Sarbonnier. Cháu còn nhớ chỗ đó không?"

"Chỗ mà lần trước chúng ta nghỉ tại London à? Vâng, cháu nhớ rồi."

"Thế thì tốt."

Cánh cửa bật ra khi ông Crowe đang nói dở dang. "Hết giờ rồi," viên cảnh sát lên tiếng. "Mời quí ông đi thôi."

"Mycroft, đừng lo lắng nhé, chúng tôi sẽ đưa anh ra khỏi nơi này." Ông Crowe nói.

"Tôi chỉ mong sẽ ra khỏi đây trước bữa ăn tối," Mycroft cười giọng mệt mỏi. "Buổi cơm trưa đi tong rồi, nhưng cũng không chắc là thức ăn ở đây có hợp khẩu vị của tôi hay không."

Anh ta chìa tay cho Sherlock nói. "Cố đừng nghĩ đến anh trong tình trạng này."

"Dù ở đây, ở câu lạc bộ, hay bất cứ nơi đâu," Sherlock vừa cầm tay Mycroft vừa nói, "anh là anh trai của em. Anh đã lo cho em. Giờ là lúc em phải lo cho anh - nếu em có thể làm được."

"Em làm được," Mycoft nói. "Và em sẽ làm được. Anh biết là khi em đã quyết làm việc gì, thì việc đó phải xong. Đây là tính cách mà anh em ta thừa hưởng từ cha chúng ta."

Viên cảnh sát hắng giọng, Sherlock đành bước theo Amyus Crowe ra khỏi phòng giam.

Tiếng cửa sập mạnh đằng sau lưng khiến cho tim Sherlock thắt

lại. Cậu ghét khi phải nghĩ đến những gì mà Mycroft phải chịu đựng khi nghe thứ tiếng động này.

"Giờ thì chúng ta đi đâu?" cậu lên tiếng hỏi khi họ ra ngoài hít thở không khí trong lành tại công viên Covent.

"Cháu đi tới đường Chancery Lane, tức là theo hướng này." Crowe giơ tay chỉ đại khái. "Còn chú..." ông nhìn lại tấm danh thiếp, "đến đường Glassblowers, khu Chelsea. Ta sẽ gặp nhau sau."

Crowe quay lưng lại và sải chân bước về phía trước không hề ngoái lại, để Sherlock ở lại nhìn theo với lòng đầy bất an. Cậu lại một mình đơn độc tại London. Và không thể không nhớ đến những gì đã xảy ra trong lần trước.

Cuối cùng cậu cũng quay lưng, bắt đầu đi theo hướng mà Crowe đã chỉ. Cậu đi qua những quán rượu, cửa hàng, các quầy bán hàng trong chợ và người bán hàng rong đứng ở các góc đường. Đủ các hạng người – từ người sang trọng quần áo bảnh bao đến lũ nhóc rách rưới. Quả thật London là nơi tụ tập của tất cả các thành phần trong xã hội.

Cậu định hỏi thăm đường đến Chancery Lane thì chợt để ý một bảng hiệu bên hông một con đường mà mình vừa đi. Cậu quay lại. Khu vực này có vẻ trong lành hơn khu vực cậu vừa đi qua: căn cứ theo những tấm bảng đồng gắn trên các tòa nhà cho thấy con phố này chủ yếu là văn phòng của các luật sư, thỉnh thoảng có xen kẽ một phòng mạch khám bệnh.

Chừng năm phút sau cậu gặp cái nhà in đầu tiên. Đến giờ cậu mới hiểu được ý nghĩa của địa điểm này: rõ ràng là các luật sư và trạng sư ở khu vực này cần nhiều đến dịch vụ in ấn. Hồi hộp, cậu

đẩy mạnh cửa bước vào.

Bên trong nồng nặc một thứ mùi mà cậu đã ngửi được từ tấm danh thiếp: một thứ mùi vừa khô, vừa mốc và cay xộc vào mũi. Đó là chưa kể đến tiếng ồn. Tiếng lách cách ồn ào của nhiều máy in ở phía sau làm cho cậu hầu như không nghe được tiếng mình nói: "Làm ơn cho tôi hỏi thăm!"

Một người đàn ông quay lại nhìn Sherlock. Ông ta mặt áo sơ mi trần nhưng lại đội mũ quả dưa, có một bộ râu rậm rạp không chỉ che mất cái miệng mà còn phủ luôn cả cằm.

"Không có việc làm ở đây đâu," ông ta cất tiếng, "đã có đủ thợ in rồi. Đi ngay cho."

"Tôi chỉ muốn hỏi một câu thôi," Sherlock nói.

Người đàn ông nhìn trừng trừng, tỏ vẻ nghi ngờ. "Cái gì?" Sherlock đưa ra chiếc danh thiếp. "Ông có in cái này không?"

Ông ta lật qua lật lại xem kỹ càng. "Không hề. Giờ thì xéo đi."

Sherlock quay lưng đi khi người đàn ông trở lại công việc. Nếu nhà in nào cũng thô bạo như thế này thì cậu có thể hoàn tất công việc chỉ trong vòng vài phút, và sẽ không biết làm gì trong suốt thời gian còn lại chờ gặp Amyus Crowe.

Nhà in thứ hai thân thiện hơn. Lần này Sherlock có thể nhìn vào bên trong cửa hiệu, nơi có mấy cậu con trai tuổi còn nhỏ hơn Sherlock đang dùng hết sức nặng cơ thể quay đẩy mấy chiếc tay cầm của những ống đồng lớn có khắc các con chữ nhỏ xíu trên bề mặt kim loại. Mấy cái ống ép mạnh vào các băng giấy bên dưới, khi băng giấy kéo qua, chữ sẽ được in trên giấy. Bọn nhóc đứa nào cũng dính mực, trên da đầy những mảng trắng đen loang lổ.

Sherlock lập lại cùng câu hỏi, cũng đưa ra tấm danh thiếp đó, nhưng tiệm này cũng không in mặc dù ông chủ luôn tươi cười và cố gắng giúp đỡ.

Sherlock gặp may mắn với nhà in thứ ba.

Người đàn ông này gầy cao lêu nghêu, có bộ tóc mai màu hung phủ như một dải ruy-băng trên hai gò má gầy gò. Khi nhìn ông ta, Sherlock nhớ đến những gì mà Amyus Crowe đã chỉ dạy trên tàu lửa là mỗi người đều mang dấu ấn nghề nghiệp của mình, Sherlock bắt đầu nghĩ đến những đặc điểm của một người thợ in: mực in ăn sâu vào mặt dưới của móng tay, những gờ chai da trên đầu ngón tay do nhiều năm dùng móng tay cạy con chữ kim loại ra khỏi máy in, những vết đứt trên lòng bàn tay do băng giấy chạy nhanh qua cắt phải. Tất cả những dấu vết đó đều hiện diện trên con người mà Sherlock muốn gặp.

"Ồ vâng," ông ta gật đầu nói. "Tôi nhớ ra cái này rồi. Một yêu cầu kỳ lạ. Bình thường thì người ta đặt in bốn năm trăm cái, để gởi lại cho người cần gặp, đúng không? Ý tôi là cậu chẳng khi nào đưa danh thiếp ra xong sau đó lại thu về. Nhưng kẻ này chỉ muốn in độc nhất một chiếc. Anh ta đưa cho tôi một mẩu giấy nhỏ với mấy chữ nguệch ngoạc." Ông ta nhún vai. "Thế là tôi mở máy lên và chỉ in đúng một chiếc. Tôi cũng đã bảo anh ta là nếu có in đến một trăm chiếc cũng chỉ tốn có một bảng, nhưng anh ta từ chối." Ông ta suy nghĩ một lát. "Thực ra, anh ta cũng không nói không – mà anh ta đi ra ngoài để trao đổi với một tay khác và sau đó quay vào nói không cần."

"Còn người kia - ông tả sơ qua được không ạ?"

“Gã này không mấy xa lạ,” người thợ in nói, “nhưng tôi nhận ra hắn ta. Còn hắn không biết tôi. Chẳng ai thèm nhớ đến những người phục vụ họ cả.”

“Còn cháu, cháu sẽ nhớ,” Sherlock hứa hẹn.

“Thế thì cậu tốt hơn những người kia. Lúc trước tôi làm cho một nhà in ở dưới đường Drury Lane trước khi dời về đây.Tôi từng in nhiều thứ cho các nhà hát: nào là chương trình, tuồng kịch, áp phích quảng cáo – đại loại những thứ như thế. Gã này – tay đứng ở phía ngoài ấy – thỉnh thoảng cũng có đến đấy. Hắn có dây mơ rễ má với một quán rượu gần đây. Hắn bảo vệ quán, có nhiệm vụ tống ra khỏi quán người nào quá say xỉn, không trả được tiền rượu hoặc muốn gây ẩu đả. Quán Shaftesbury thì phải. Tôi thường in cho họ nào là thực đơn, áp phích quảng cáo cùng với nhiều thứ khác.”

“Ông tả qua hắn ta được không?” Sherlock nín thở hỏi.

Người thợ in nhún vai. “Nhỏ con, trông như giống chó đua. Tóc dài và bết lại. Râu đen. Mặc một chiếc áo khoác sờn cũ. Kiểu mà người ta gọi là áo lông asktrakhan. Không nhớ được tên hắn.”

“Cám ơn ông,” Sherlock nói. “Nếu khi nào cần in cái gì, cháu sẽ nhớ đến ông.”

Lòng đầy phấn chấn, cậu bước đi. Nhìn đồng hồ, Sherlock thấy còn đến một tiếng rưỡi nữa mới đến hẹn gặp ông Amyus Crowe. Còn đủ thời gian để kiểm tra quán rượu Shaftebury không nhỉ? Làm vậy, ít nhất cậu cũng có thể nói cho Crowe biết ai là người đã thuê người đàn ông đến gặp Mycroft, và còn theo dõi được anh ta nữa.

Sherlock hỏi thăm một phụ nữ đi ngang đường Drury ở chỗ nào, rồi đi theo hướng đó. Chỉ mất có mười phút.

Hai bên đường Drury là các rạp hát và quán rượu. Một số nhà hát rõ ràng là các phòng ca nhạc, nơi trình diễn nhiều chương trình tạp kỹ như nhào lộn, hát và ảo thuật trốn thoát. Một số nhà hát cao cấp hơn, trình bày các vở kịch cổ điển. Một số nhà hát khác dành cho các nhạc sĩ độc tấu, và Sherlock chợt nhớ việc học vĩ cầm khi thấy một phụ nữ tên Wilma Norman-Neruda (một nữ nhạc công vĩ cầm cơ đấy!) trình diễn tại một trong những nhà hát đó.

Sherlock phát hiện quán Shaftebury ở nửa đường phía dưới. Quán này sát bên hông một nhà hát đang quảng cáo một vở giao hưởng hài kịch của F. C. Burnand and A. Sullivan mang tên Thuyền trưởng và Chiếc hộp. Nghe không được lôi cuốn lắm.

Sherlock ngồi xuống bậu cửa một quán rượu nằm ở bên kia đường và chờ đợi. Cậu ngồi sụp xuống, đầu ngoẹo sang một bên dựa vào khung cửa ra vẻ như đang ngủ, nhưng thực ra cậu đang căng mắt để trông chừng sự xuất hiện của người đàn ông nhỏ con tóc dài bết lại thành lọn.

Khoảng chừng bốn mươi lăm phút sau, trước quán rượu, một người đàn ông đúng như những gì mà Sherlock được mô tả ở đường Shaftebury xuất hiện. Gã này ăn mặc y như người thợ in đã phác họa. Gãta nhìn trước nhìn sau con đường, sau đó rẽ sang phía tay phải.

Sherlock đi theo. Có lẽ người này sẽ dẫn Sherlock tới nơi hắn ở. Như thế cũng sẽ có cái gì đó để báo cáo cho Amyus Crowe!

Người đàn ông dẫn Sherlock đi dọc theo đường Drury, băng

ngang qua chỗ gọi là Ngã Bảy rồi sau đó đi dọc theo Quảng trường Trafalgar. Sherlock đã bắt đầu biết chút ít về London và cậu cố ghi nhớ được càng nhiều càng tốt. Khi đến quãng trường Trafalgar gã rẽ trái, lướt qua mặt tiền lộng lẫy của nhà ga Charing Cross và khách sạn Charing Cross. Gã rảo bước nhanh, Sherlock phải tất bật mới theo kịp.

Đến đường Aldwych, gã ta rẽ phải, lúc này Sherlock nhận ra là gã hướng về phía sông Thames, vượt qua cầu Waterloo. Gã ngừng lại trước một trạm nhỏ ở chân cầu và đưa ra vài đồng xu. Sherlock tự hỏi không biết có nên tiếp tục đi theo hay quay về để gặp Amyus Crowe? Nhưng có gì để báo cáo cho Amyus Crowe đây? Báo rằng mình đã tìm thấy người đàn ông này sau đó lại để mất dấu? Không, cậu phải đi tiếp – ít nhất cũng qua phía đầu cầu bên kia để xem gã ta đi về hướng nào.

Sherlock mò trong túi để tìm mấy đồng xu lẻ. Giá qua cầu là một xu. Cậu trả tiền rồi lách qua người thu phí cầu, và cố đuổi kịp con mồi.

Gã nhỏ con này vẫn cứ lầm lũi đi mãi không hề ngó quanh quất trước sau.

Qua đầu cầu bên kia, gã đi về phía mà Sherlock nhận ra là nhà ga Waterloo, nhưng thay vì đi thẳng đến nhà ga, gã rẽ trái. Sherlock đi theo, cố núp đằng sau những người khác để phòng gã đột ngột quay lại.

Gã không quay lại, nhưng bất ngờ rẽ phải, đi vào một lối đi có mái vòm.

Khi Sherlock đi đến cổng lối đi, cậu dừng bước và nhìn vào mé

bên trong của khung vòm bằng gạch đổ nát. Bên trong cổng tối om nên cậu không tài nào thấy được gã đàn ông nọ.

Sherlock bước lên một bước, rồi một bước nữa cho khi đến chỗ tranh tối tranh sáng. Không thấy tăm hơi của gã đâu cả.

Sherlock quay lại, định về gặp Amyus Crowe.

Gã đàn ông nhỏ thó, tóc dài bết lại thành lọn đang đứng ngay sau lưng cậu.

"Nãy giờ mày đi theo tao à," gã nói. "Tao muốn nghe mày nói lý do. Rồi sau đó, chỉ để cho vui, tao muốn nghe tiếng mày khóc thét."

CHƯƠNG 5

ng ơi, ông có một xu không?" Sherlock van vỉ, cố thu mình lại. "Tôi đói mấy ngày rồi. Chỉ xin ông một xu lẻ để mua bánh mì."

"Mày đừng có chơi trò người bắt thỏ khờ với tao," gã gầm lên. "Tao không mắc lừa đâu."

"Được thôi," Sherlcock đứng thẳng người lên, lấy lại giọng bình thường. "Thế thì người bắt thỏ khờ là gì?"

Gã nhe răng cười, khoe hàm răng sún đen. "Mày muốn biết con thỏ khờ là gì à? Thỏ khờ là một con thỏ được người ta nuôi để ăn thịt, vì vậy nó bị thuần hóa và không bỏ chạy khi bị tóm rồi vặn cổ. Người bắt thỏ khờ là người giả bộ đi bắt con thỏ khờ - để chuyện dễ trở thành khó."

"Ồ, đó là một tên bịp," Sherlock nói.

"Chính xác. Giờ dẹp chuyện này đi, tại sao mày theo đuôi tao?"

"Tôi không hề theo đuôi ông!" Sherlock chống chế.

Gã nhướng cao đôi mày rậm ri. "Nên nhớ, tao có thể nhìn thấu từng thớ giả tạo của mày, thằng nhãi con ạ. Mày bắt đầu theo tao ngay từ chỗ rạp hát, rồi bám tao đến tận đây. Điều tao muốn biết là tại sao?" Hắn ta nhìn Sherlock từ đầu đến chân. "Mày không phải là thằng giật dọc." Hắn để ý đến biểu hiện tỏ vẻ không hiểu trên mặt Sherlock.

"Là đồ móc túi ấy," gã giải thích. "Thế mày muốn tìm cái gì?"

"Tôi chẳng tìm gì cả."

"Mày đã đi theo tao khắp cả London, đi ngang qua cầu Waterloo,

đi cả vào đường hầm."

"Chỉ là trùng hợp thôi," Sherlock lên tiếng.

"Làm gì có chuyện đó hử." Gã nhún vai. "Mày không cần phải nói, nếu mày không muốn. Bắt mày phun ra là chuyện dễ ợt. Mà tao thích thế. Cũng lâu rồi từ khi tao đập tan xác một thằng. Qui tắc của tao là làm việc gì cũng phải kín đáo. Mấy tuần rồi chưa thấy rượu vang đỏ, tao đang nhớ nó đây."

"Rượu vang đỏ?" Sherlock lên tiếng hỏi mà biết rằng mình sẽ không thích nghe câu trả lời.

"Máu, máu đấy, con ạ." Gã cho tay vào trong túi. Khi rút ra, trên tay gã có hai thứ đồ kim loại chạm nhau kêu xủng xẻng. "Tao chắc mười mươi là mày đang làm cho một băng nhóm nào ở quanh đây, bọn chúng muốn biết trong nhà hát xảy ra chuyện gì, hoặc là mày phát hiện có việc gì khác thường tại nhà hát và mày muốn tâu báo cho bọn cớm để lấy mấy đồng xu teng." Gã thọc nhanh mấy ngón của bàn tay phải vào một trong hai món đồ kim khí. Sherlock thấy thứ này trông giống như một chuỗi vòng được kết lại với nhau, trên các khớp ngón tay tủa ra các gai nhọn. "Đằng nào đi nữa thì mày cũng phải trả giá cho cái tính tò mò này." Gã tròng thứ đồ kim loại kia vào các ngón tay của bàn tay trái, rồi giơ cao tay lên để Sherlock nhìn thấy. Một tia sáng yếu ớt lóe lên từ các đầu đinh gai kim loại. Hai bàn tay của gã đã chuyển thành món vũ khí chết người mà chỉ cần để gần cũng có thể xé nát mặt Sherlock. "Nào, bắt đầu nào? Tao không rề rà đâu. Còn nhiều việc phải làm, nhiều người phải gặp lắm."

Sherlock bắt đầu lùi lại, tim đập càng lúc càng nhanh. Gã ta đã

chặn đường thoát ra khỏi cổng tò vò, nhưng chắc hẳn có một con đường khác, đâu đó phía sau lưng cậu, phía bóng tối. Sherlock phải tìm ra thôi.

Kẻ đối diện cười lạnh tanh, cho một tay vào túi áo, đinh gai trên quả đấm sắt cào vào lớp vải. Khi gã rút tay ra, giữa các ngón tay là một nắm xu bằng bạc.

"Thưởng nửa đồng crown cho đứa nào tóm được thằng nhóc này đầu tiên đem cho tao!" Gã gọi to. "Bọn mày có nghe rõ không? Bọn mày có thể sống như vua trong một tháng với món tiền này nếu muốn. Nửa đồng crown, gãy chân gãy tay cũng chẳng hề gì, chỉ cần nó còn miệng trả lời cho tao là được rồi."

Bầu không khí xung quanh Sherlock hình như rung lên như thể nó cũng có sự sống riêng vậy. Lúc đầu cậu nghĩ chỉ có mình cậu và gã này trong khung vòm dưới chân cầu Waterloo, nhưng rồi sau đó bóng tối bắt đầu chuyển động, tách ra thành năm, sáu, mười khuôn mặt. Hình như chúng từ trong các bức tường bước ra và từ dưới nền đất lầy nhầy chui lên. Tất cả đều thấp bé – bé hơn Sherlock, bé hơn Matty bạn cậu – còn lớp da của chúng lộ ra qua lớp quần áo rách nát tả tơi, những mảng cáu ghét xám xịt lâu đời như ăn sâu vào da của chúng. Toàn là con nít. Lũ con nít sống dưới đường hầm, không cha mẹ, vất vơ vất vưởng cào bới trong đống rác để tìm những thứ khách bộ hành ở bên trên vất xuống. Mắt của chúng thao láo như lũ chuột, còn móng tay, móng chân dài nhọn cáu bẩn. Miệng mồm của chúng biến dạng: những cặp môi dộp, nứt nẻ, hở các nướu răng sưng phồng. Mấy chiếc răng còn sót lại đều đen nhẻm, lổm nhổm như các hòn núi cổ. Lũ trẻ thậm chí

cũng không đứng thẳng được do nhiều năm bò lê qua các đường hầm chật hẹp, mò mẫm trong lớp bùn để tìm những đồng xu bị đánh rơi, thành ra chúng bị khòm lưng.Tay chân chúng khẳng khiu và vặn vẹo như cành cây, nhưng bụng ỏng ra một cách kỳ dị. Tóc chúng bê bết che đầy mặt. Sherlock không thể biết đứa nào là trai đứa nào là gái: đói ăn và cáu bẩn làm cho chúng trông giống hệt nhau. Còn mùi người nữa: lạy Chúa, mùi tanh tưởi, mùi thối rữa từ người chúng bốc ra nồng nặc đến mức Sherlock thấy không khí chung quanh chúng dường như dợn sóng. Cậu bước thụt lùi, tự hỏi, làm sao người ta có thể sống như thế này được. Khi chúng di chuyển về phía cậu, trong mắt chúng chỉ thấy cái đói cồn cào, ngoài ra không còn gì khác. Đối với bọn chúng, cậu chẳng là gì cả, chỉ là phương tiện để chúng kiếm một bữa ăn mà thôi.

Đầu óc của cậu di chuyển từ cực này sang cực khác. Trong khoảnh khắc này, bọn chúng là những quái vật, những sinh vật của bóng tối sẵn sàng lăn xả vào hạ gục cậu, để rồi ngay sau đó, bọn chúng chỉ là những đứa trẻ, chúng phải làm vậy chỉ vì quá đói. Xúc cảm của cậu lay động dữ dội giữa nỗi kinh khiếp và sự thông cảm. Làm sao mà người ta – làm sao mà lũ trẻ con - lại phải sống như vậy được? Như thế là k hông đúng.

“Mấy em không cần phải làm thế,” cậu lên tiếng, chân vẫn tiếp tục đi lùi. Lũ trẻ hoang dại ngẩng đầu lên khi nghe những lời này, nhưng Sherlock không chắc là bọn chúng hiểu được không. Mà nếu hiểu được, chúng cũng chẳng quan tâm. Những gì mà chúng biết là người đàn ông có râu kia sẽ trả nhiều tiền để chúng bắt Sherlock đem nộp, và nếu chúng phải bẻ gãy tay chân Sherlock để

cậu khỏi trốn thoát thì cũng chỉ là việc mà chúng phải làm mà thôi.

Sherlock có cảm giác là chúng đã từng làm những chuyện tệ hơn thế nữa, ngay trong bóng tối kia.

Cậu quay lưng định chạy, nhưng đã có bốn – không, năm - đứa trẻ đứng ngay sau cậu. Chúng lặng lẽ chui ra từ bóng tối. Có một bàn tay bấu vào ống tay áo của Sherlock.

Cậu rùn người lại, giật ngược ống áo ra khỏi mấy ngón tay xương xẩu, nghe tiếng vải bị móng tay nhọn xé rách toạc. Cậu đã bị bao vây.

Qua ánh đèn hắt từ phía ngoài đường vào, Sherlock có thể nhìn thấy cái bóng kềnh càng của người đàn ông kia. Cả tiếng hắn cười nữa.

Tuyệt vọng, cậu cố hết sức nén nỗi kinh hoàng đang dâng lên trong lồng ngực. Cậu phải suy nghĩ, mà phải suy nghĩ thật nhanh.

Một bàn tay khác bấu vào cùi chỏ. Cậu hất mạnh nó ra. Làn da cậu vừa chạm phải có vẻ nhầy nhụa. Một cách vô thức, cậu đưa tay chùi vào áo khoác.

Trong nháy mắt chúng sẽ bu quanh cậu. Cậu nhìn quanh, cố tìm thứ gì đó, bất cứ thứ gì để thoát ra khỏi chỗ này.

Bức tường. Niềm hy vọng duy nhất của cậu là vòm tường nằm ở bên tay trái. Xung quanh cậu là lũ trẻ hoang dã, nhưng ngay phía bức tường thì không có đứa nào.

Cậu chạy về phía trước, nhảy lên khi còn cách bức tường vài bước. Hai chân cậu đạp cuống cuồng để tìm kẽ hở nơi gạch bị tróc đi, còn hai tay tìm cách bấu vào những hòn gạch nằm cao hơn ở

phía trên. Cậu đu người lên, cảm thấy đầu mình như sắp đụng phần cong của mái tò vò. Cậu cố bò lên càng cao càng tốt. Sức nặng của thân thể trì cậu xuống. Phía bên dưới, lũ trẻ cũng đang bấu vào bức tường để đuổi theo, nhưng phần cong của mái vòm cho biết cậu đang ở gần chính tâm của đường hầm.

Cậu đạp mạnh chân vào tường để bật ra ngoài, nửa rơi, nửa nhảy vượt qua đầu lũ trẻ. Cậu chạm phải lớp đất nhão ở ngay giữa đường hầm, tuy lảo đảo nhưng đã lấy lại được thăng bằng. Trước khi những kẻ truy đuổi kịp nhận ra, thì cậu đã cắm đầu chạy biến vào bóng tối – là hướng duy nhất mà cậu có thể thoát.

Trong tích tắc, cậu bị bóng tối nuốt chửng. Cậu có thể nghe được tiếng chân trần giậm trên nền đất ẩm ướt xa xa đằng sau lưng. Lũ trẻ vẫn không bỏ cuộc.

Cậu chạy mãi, cố mong gặp may không húc phải tường của đường hầm. Không biết do mắt cậu giờ đây đã quen dần với bóng tối hoặc có chút ánh sáng từ đâu trên cao hắt xuống, hay có đám rêu mốc phát sáng nào đó bám vào vách đường hầm, nhưng cậu thấy mình có thể nhận ra đường gờ của các viên gạch khi chạy qua.

Cậu phát hiện ra đường cong của cổng tò vò thứ hai nằm ở một bên – một đường hầm khác nối với đường hầm mà cậu đang chạy qua. Sherlock rẽ sang đường hầm đó. Nếu có cơ may nào giúp cậu thoát được đám trẻ đang truy kích phía sau, thì đây là chỗ làm cho chúng lúng túng không biết cậu đã biến đi đâu. Nếu cứ tiếp tục chạy thẳng, chắc chắn chúng sẽ tóm được cậu, và khi đó... cậu không chắc liệu lời hứa thưởng đồng nửa crown có giúp cho

chúng vượt qua được cơn đói ngay, hay chúng vẫn cứ muốn sục sạo lấy sạch mấy đồng xu cậu có trên người.

Một bức tường đen chắn ngang đường hầm, và Sherlock suýt đâm đầu vào bức tường đó. Nhờ mùi hôi thối đột ngột xộc lên trong không khí, cảnh báo cho cậu biết là phía trước đã bị chắn. Cậu đứng lại, đưa tay ra phía trước dò dẫm. Bước tường trước mặt cậu cao chừng năm tấc. Nếu không nhận ra đúng lúc, chắc hẳn cậu đã đụng đầu vào đó, bất tỉnh và trở thành mồi ngon cho đám trẻ hoang dại đang truy sát.

Có nên quay trở lại và tìm cách trốn thoát khỏi bọn chúng chăng?

Có một luồng gió thổi nhẹ trên mặt cậu, một làn hơi ấm và tù hãm, nhưng chắc chắn là luồng gió. Có lẽ đây không phải là đường cụt. Có lẽ đây là chỗ nối giữa phần cuối của đường hầm với một đường hầm khác.

Cậu rẽ sang trái và bắt đầu chạy, tay giơ về phía trước phòng khi đụng phải bức tường. Nhưng không có gì – đường hầm cứ mở ra phía trước đến nơi quái quỉ nào đó có luồng gió mà cậu không hề biết.

Một tiếng động bất ngờ như sấm dội phía trên đầu làm Sherlock chùn bước. Nó cứ ầm ầm như không bao giờ dứt. Những giọt nước nặng mùi từ trên nóc đường hầm rớt xuống trán cậu. Một chuyến tàu chăng? Có lẽ cậu đang đứng dưới đường tàu tỏa ra từ ga Waterloo.

Có lẽ đây là chuyến tàu chạy về Farham nơi có bạn bè của cậu. Liệu cậu có còn được gặp lại họ hay sẽ chết ở đây, trong bóng tối,

và bị chôn vùi mãi mãi?

Cậu cảm thấy nghẹn thở. Nơi nào đó ở trên kia là thế giới bình yên, trật tự với những con người ăn mặc tươm tất, đi lại nhộn nhịp vì công việc. Ở phía trên là bầu trời xanh, những bức tường gạch vững chắc, các sàn nhà bằng đá cẩm thạch bóng loáng và ánh đèn hơi khí. Đó là thiên đường. Còn dưới đây là những khối gạch mục nát rỉ nước, với nền đất chỗ cứng chỗ mềm nhũn, quyện với mùi nồng nặc của những thứ cáu cặn, phân người, cây cỏ mục nát và những đứa trẻ khốn khổ không khác gì con vật. Nơi đây đúng là địa ngục.

Sherlock hầu như không bước nổi. Cậu muốn ngồi xuống, co người lại và mong giữ được đầu óc tỉnh táo không phải nghĩ đến cơn ác mộng này. Phải chăng đây là một cơn ác mộng? Không thể nào có một chỗ như thế này trong cái thế giới tươm tất trật tự mà cậu đang sống.

Nhưng đây là sự thật. Cậu biết đó là thật. Cậu không thể đầu hàng được. Cậu phải tìm một lối thoát.

Mycroft đang chờ đợi cậu.

Xa đằng trước cậu có thể thấy một luồng sáng từ trên rọi xuống vắt qua đường hầm. Có lẽ đây là một chút ánh sáng mặt trời yếu ớt chui qua khe gạch nứt nhưng với đôi mắt đã quen với bóng tối của cậu, nó trông giống như một chiếc cột bằng vàng. Cậu mò mẫm đi về phía đó, hy vọng là một khe nứt đủ lớn để cậu có thể bám vào và trèo lên phía nhà ga. Ở trên kia là sự an toàn và trật tự.

Nhưng không. Khe nứt chỉ đủ lớn để cậu đút mấy ngón tay vào, và chỗ ánh sáng thực ra chỉ là một chút le lói, lấp lánh qua dòng

nước nhỏ rỉ từ trên cao xuống. Sherlock bực bội cào mạnh vào chỗ gạch, không ngừng hy vọng là mình có thể mở rộng được cái khe nứt. Lúc đầu chẳng hề hấn gì, nhưng sau đó lớp gạch vỡ vụn ra, rớt xuống sàn của đường hầm.

Bên dưới lớp gạch, cậu chợt thấy có gì đó động đậy: một thứ màu đen cứng mà lại lấp lánh. Cậu trố mắt nhìn, không hiểu chuyện quái quỉ gì đây, nhưng sau đó khựng lại vì kinh sợ khi nhận ra là mình đang nhìn thấy một đám bọ cánh cứng, hoặc là lũ gián đang cuống cuồng chạy trốn ánh sáng và không khí do cậu đã phá bỏ bức tường che sào huyệt của chúng. Trong nháy mắt chúng biến mất ngay, tất cả chỉ còn lại là một cái hõm xù xì. Sherlock nhìn quanh quất, ớn lạnh. Chẳng lẽ phía sau mỗi bức tường, hòn gạch nào trong đường hầm cũng là cảnh tương tự như thế? Chẳng lẽ có một thế giới thứ hai, khuất kín đầy những con dán không có mắt, sống trong các hang hốc, bới nhặt những thứ mà thậm chí lũ trẻ con hoang dã cũng vất đi?

Khi chăm chú lắng tai, cậu nghĩ mình đã nghe thấy tiếng lũ gián đang lặng lẽ di chuyển ở khắp xung quanh. Để bao vây. Chôn vùi cậu.

Ú ớ kêu lên với nỗi sợ hãi tột cùng, cậu bắt đầu bật chạy.

Nhưng xuống đường hầm chừng mười bước, có một cái gì từ bóng tối phía trên rớt xuống người cậu.

Sherlock kêu thét lên, hai tay cào vào cái thứ đang phủ trước mặt mình. Trong đầu cậu nghĩ đến một khối lúc nhúc những con bọ cánh cứng quấn vào nhau, hoặc có lẽ đó chỉ là một con gián khổng lồ to bằng đầu người, nhưng khi mấy ngón tay của cậu vồ

trúng nó Sherlock mới nhận ra mình đang chạm phải một đống giẻ rách và lớp da xương xẩu. Một bàn tay cố tìm cách bấu vào cằm cậu. Một bé gái! Một trong những đứa bé hoang dã đang lùng sục tìm cậu trong đường hầm! Bằng cách nào đó nó đã vượt qua trước, dán chặt thân mình của nó vào các hốc gạch, chờ đợi nhào xuống người cậu phía bên dưới. Sherlock sờ đụng cổ nó, vừa đúng lúc cảm thấy cái miệng của nó với mấy cái răng còn sót lại, cố gắng ngoạm một miếng vào má cậu. Con bé vừa nhỏ con vừa yếu ớt, và dù bị nó bám chặt, cậu dùng bàn tay kia cố giật lấy cái chân, hoặc có lẽ là cái tay của nó. Cậu hơi chần chừ khi biết rằng đó là một đứa trẻ, một bé gái, và biết rằng người văn minh không làm hại đến trẻ con, phụ nữ, nhưng mà mấy ngón tay của nó cứ cào vào da cậu đau điếng. Sherlock không có lựa chọn nào khác. Cậu giật mạnh nó ra khỏi người mình và ném qua phía bên kia đường hầm. Người nó bay xuống lớp đất mềm nhoẹt rồi lăn ra xa. Qua chút ánh sáng nhá nhem trong đường hầm, cậu thấy mắt nó rực lên. Nó rít lên rồi lủi vào bóng tối nhưng cậu biết nó không đi xa. Nó chỉ quanh quất ở đây, rình chờ cơ hội.

Trong lòng Sherlock dấy lên sự thương cảm, và cậu cảm thấy se lại khi nghĩ đến Matty, đang vất vả mưu sinh, lúc nào cũng phải lo nghĩ đến việc kiếm từng bữa ăn. Cần phải có bao nhiêu bước để đẩy Matty đến một cuộc sống như thế này? Sherlock ngờ rằng cũng không nhiều lắm. Bọn chúng chỉ là trẻ con, trời ạ! Chúng không phải là lũ dơi hút máu!

Cậu tiếp tục di chuyển, tai vẫn còn nghe tiếng quờ quạng trong bóng tối của con bé đang theo đuôi cậu từng bước. Ở nơi nào đó

đằng sau là tiếng kêu ư ử không thành lời của lũ trẻ còn lại đang lục lọi.

Trẻ con hay dơi hút máu, điều này không quan trọng. Cậu sắp chết đến nơi. Không tìm ra đường thoát. Cậu cảm thấy tim mình đập thình thịch trong lồng ngực, phổi không còn thở được, các bắp cơ ở chân thì như bốc lửa khi người cậu lảo đảo. Cậu không hề muốn thế.

"Một đồng farthing để đổi lấy mạng đi," một giọng nói the thé rít lên ngay sau lưng cậu.

"Được rồi,"Sherlock thở một hơi dài. "Thì một đồng farthing vậy."

"Phải đưa ra coi mới được," giọng nói khăng khăng.

Sherlock thọc tay vào túi và móc ra một nắm các đồng xu lẻ. "Cho mày hết chỗ này nếu mày cứu tao ra được bên ngoài."

Đứa bé đứng trong bóng tối cũng hít một hơi dài. "Chưa bao giờ thấy nhiều xu như thế này!" Nó thầm thì. "Chắc anh giàu lắm nhỉ."

"Giàu cũng chẳng giúp gì nếu tao phải chết ở đây," Sherlock lập bập nói, nghe ngóng những âm thanh đang mò mẫm trong bóng tối. "Mày đưa dùm tao về chỗ cũ đi!"

"Không làm được đâu. Bọn chúng đang rình chờ. Đi đường khác thôi."

"Đường nào?" Sherlock nuốt nước bọt.

"Cứ theo tui."

Một hình thù hiện ra sát bên Sherlock, như thể chui ra từ bức tường. Hình thù này - phải chăng là một thằng bé? - chỉ đứng tới

ngực Sherlock, nhưng có cái gì đó trong mắt nó làm cho nó trở nên già hơn. Chắc hẳn thằng bé này đã thấy được những thứ mà Sherlock mong là mình không bao giờ phải nhìn thấy.

"Mày tên gì?" Sherlock lên tiếng hỏi khi thằng bé lẹ chân lủi nhanh như con cá lẩn vào bóng tối.

"Không có tên," giọng nó thầm thì đáp trả.

"Ai mà không có tên." Sherlock dấm dẳng.

"Dưới đây không cần. Tên chẳng được tích sự gì cả."

Sherlock lờ mờ thấy thằng bé vừa rẽ sang phía bên, nó quay về phía bức tường vòm nơi cậu mới qua. Cậu bước về phía tường gạch. Có một lỗ hổng kéo dài từ dưới đất đến ngang đầu: không phải là một vết nứt, mà là một khoảng trống do con người tạo ra. Có lẽ chỗ này được dùng để thông gió hoặc dành cho mục đích gì đó. Sherlock nghe có tiếng cào nhẹ bên trong. Lấy hết can đảm, cậu bước theo.

Năm phút tiếp sau đó là quãng thời gian tồi tệ nhất mà Sherlock chưa từng trải qua. Bị ép chặt giữa hai bờ tường gạch thẳng đứng mục nát, ẩm ướt, cậu nghe thấy, hoặc có lẽ chỉ cảm nhận, lũ côn trùng đui mắt bò lúc nhúc qua các kẽ hở chỉ cách mặt cậu mấy phân, Sherlock càng lúc càng dấn sâu vào chốn chưa hề biết tới. Mặt và tay cậu bị lớp gạch xù xì cào rách. Tóc cậu dính đầy mạng nhện giăng tứ tung. Đủ thứ từ mạng nhện rơi xuống, chui vào cổ áo của cậu, và cậu phải dằn lòng lắm mới không phủi mạnh vào quần áo trên người để giết đi lũ côn trùng đang cuống cuồng tìm chỗ nấp. Thỉnh thoảng bàn tay lùng sục của cậu bỗng gặp phải một cái gì đó ẩm ướt rỉ ra từ bức tường gạch. Cậu nghĩ đó là nước,

nhưng trong bóng tối cậu không thể nhìn ra đó là cái gì, và nếu là nước thì thứ nước này không giống với mùi nước cậu đã từng ngửi. Nó là một thứ nhớp nháp, nhầy nhụa, như thể cậu đang dấn sâu vào bên trong cổ họng của một con rồng khổng lồ cổ quái nào đó, và cái mà cậu cảm nhận là một thứ nước miếng ăn mòn. Cậu cảm thấy mặt đất – nếu quả là mặt đất mà không phải là lưỡi của con rồng - ở dưới chân cậu như nhão nhoét dưới mỗi bước chân, và Sherlock có một cảm giác khủng khiếp là nếu phải đứng lại cậu sẽ lún dần xuống vũng sình này, lún xuống đầu gối, xuống tới háng, rồi đến cổ và nếu chân không chạm phải thứ gì vững chắc thì đám bùn nhão nhoét kia sẽ chụp lên đầu cậu và sau đó chỉ có nước chết ngạt.

Dường như thằng bé hoang dã ở phía trước đang trèo hơn là đi. Ngón tay, ngón chân nó của nó bám vào các kẽ nứt trên tường gạch, nó di chuyển ở phía trên chứ không phải băng qua lớp bùn mỏng. Tiếng móng tay bấu sàn sạt vào lớp gạch làm cho Sherlock muốn kêu lên. Rõ ràng là thằng bé biết cách di chuyển trong đường hầm và khung vòm nhưng Sherlock thì không tài nào làm được.

Thình lình khoảng tường gạch thu hẹp dần đến mức Sherlock phải nghiêng người mới chui qua được. Ngực và lưng của cậu bị kẹt dính giữa khoảng tường chung quanh. Cậu dồn hết hơi thở ra để cho lồng ngực dẹp đi được chừng nào hay chừng ấy. Cậu cố lách người về phía trước càng xa càng tốt, nhưng cuối cùng một viên gạch lồi ra ấn mạnh vào xương sườn làm cho cậu không thể nào nhúc nhích.

Sherlock không thở được. Bằng mọi cách đều không ổn.

Cậu bị ép chặt đến nỗi không thể nào hít thở.

Một nỗi kinh hoàng dâng lên trong cậu, đen kịt và chua loét. Cậu cố lùi lại, nhưng có cái gì đó bên trong khe hở hẹp này đang thay đổi. Có lẽ khi cố lách người qua, cậu đã làm chuyển dịch một vài viên gạch. Không rõ đó là cái gì, nhưng khe hở ở phía sau cậu đã thực sự trở nên hẹp hơn sau khi cậu lách qua. Khi cố đưa người ra phía sau, cậu cảm thấy có một cái gì đó cứng ngắt ép sát vào xương sống. Không thể nào tiến hoặc lùi nữa. Cậu đã bị kẹt!

Sherlock muốn gào lên, nhưng lại không thể nào hít đầy hơi vào phổi được. Trước mắt cậu dường như có một lớp sương đỏ kéo ngang. Tim cậu lẩy bẩy, đập liên hồi và loạn xạ, như thể muốn tung ra khỏi lồng ngực một cách vô vọng khi cậu cố đưa người lách ra khỏi cái khe hở đó.

Một bàn tay nắm lấy khuỷu tay của cậu và kéo mạnh. Gạch cào vào lưng và ngực Sherlock, rồi sau đó lớp gạch vỡ vụn đi thành một lớp bụi lổn nhổn quật mạnh vào đám côn trùng và cậu như một cái nút chai bung vọt ra ngoài chỗ rộng hơn.

Thằng bé hoang dã đang đứng trước mặt cậu. Chính bàn tay của nó đã kéo Sherlock ra ngoài.

"Mày có thể đã bỏ tao lại," Sherlock gấp gáp thở. "Mày có thể chỉ việc chờ tao chết ngạt rồi móc hết tiền của tao mà."

"Ồ," thằng bé nói giọng dửng dưng. "Vâng, đáng lẽ tui nên làm thế mới đúng." Nó quay lưng bỏ đi, rồi ngoái đầu nhìn qua vai Sherlock. "Đi nữa đi. Bọn chúng ở đằng sau không xa đâu."

Ở phía trước chừng vài mét là một cầu thang hẹp. Sherlock theo thằng bé trèo lên và bước vào một khoảng không gian giống như ở trong hang. Cậu há hốc miệng, không tin nổi những gì trước mắt mình.

Cậu và thằng bé đã chui vào một chỗ dường như là một nhà kho khổng lồ, chất đầy ắp những chiếc hộp đến mức Sherlock không thấy đâu là tường. Tuy nhiên vẫn thấy được trần nhà. Trần làm bằng các khung kính đầy bụi mờ gắn trên một cái khung sắt, ánh nắng chiếu xuyên qua lỗ chỗ, chói đến mức cặp mắt quen với bóng tối của cậu phải nheo lại mới thấy rõ chút ít. Phía bên dưới khung sắt là những thanh rầm bằng sắt lớn hơn. Sherlock nghe đâu đó ở phía trên cao tiếng chim vỗ cánh.

Nhưng chính những chiếc hòm mới làm cho cậu chú ý. Mỗi chiếc hòm dài khoảng trên hai thước – bề ngang hẹp, nhưng lại không đều đặn. Chỗ phình ra rộng nhất lớn hơn phía trước chừng một phần tư, rồi hẹp trở lại. Sherlock nhìn trừng trừng những chiếc hòm này một lúc, cố đoán đó là thứ gì, và rồi cậu chợt hiểu. Thực ra ngay từ giây phút đầu tiên nhìn thấy cậu đã biết đó là thứ gì, nhưng đầu óc không cho phép cậu chấp nhận một sự thật kinh khiếp.

Đó là những chiếc quan tài.

"Đây là nơi nào?" Cậu há hốc miệng hỏi.

"Đây là nơi chứa xác chết trước khi chở đến khu Nekrops."

"Khu Necrops?" Cậu chưa hề nghe đến từ này.

"Ừ. Chỗ của người chết ấy mà."

Đầu óc Sherlock quay nhanh suy nghĩ. "Ý mày nói là nghĩa địa phải không?" Rồi cậu hiểu ra. "Ý mày muốn nói là Necropolis." Vốn tiếng Hi Lạp hồi học ở trường Deepdene dồn dập quay trở lại: Necropolis là thành phố của người chết.

"Ừ. Ở chỗ dưới Brookwood ấy. Nơi tàu hỏa sẽ đến."

Brookwood à? Gần Farnham, nơi chú thím của Sherlock đang ở. Nơi cậu đang ở tạm. Rồi cậu sực nhớ đến những gì mà Matty Arnatt đã nói khi gặp cậu ta lần đầu, là chẳng có gì đáng để vòng vèo tới Brookwood cả. Cậu ta đã không nói lý do, mà Sherlock cũng không hỏi cho cặn kẽ. Giờ thì cậu hiểu. Có một nghĩa địa khổng lồ tại Brookwood: nơi tập kết các thi thể chở từ xa tới.

"Nhưng tại sao lại không chôn tại London?" Cậu hỏi.

"Không còn chỗ," thằng bé cứu mạng cậu nói ngắn gọn. "Các nghĩa trang ở đây đều đầy ứ. Xác này chôn chồng trên xác kia. Hễ cứ có một trận mưa dông ra trò là quan tài nổi lềnh bềnh ai cũng thấy."

Sherlock nhìn quanh quất lên đống quan tài, cậu thấy chiếc nào cũng có đánh số bằng phấn ở bên hông. Có lẽ những con số này tương ứng với con số ghi chép trong danh sách mà người ta lập ra ở đâu đó, tức là mỗi chiếc quan tài có liên quan đến một đám tang. "Và chiếc nào cũng có… xác bên trong?"

Thằng bé gật đầu. "Từng chiếc một." Rồi nó ngừng. "Thu hoạch khá lắm."

"Ý mày là sao?"

"Đôi khi quan tài cũng bị rơi rớt. Bị vỡ tung ra. Đôi khi người ta

chôn của cải theo người chết – nào là đồng hồ, nhẫn, mọi thứ đủ cả. Quần áo nữa. Có người trả sộp để mua một chiếc áo khoác đẹp. Cũng chẳng cần quan tâm ai đã mặc trước đó."

Sherlock cảm thấy tởm lợm. Đây là cả một thế giới mới, cái thế giới mà cậu không hề muốn có mặt ở đó. Nhưng dù vậy, cậu cứ muốn hỏi thêm. Cậu cần phải biết. "Thế thì những quan tài này đến Brookwood bằng cách nào?"

"Tàu đặc biệt." Thằng bé chỉ về phía xa. "Đường sắt Nekrops. Đường tàu ở đằng kia."

"Tàu này chỉ chở xác chết?

"Và những thân nhân còn lại." Thằng bé cười để lộ cái miệng chỉ còn sót mỗi một cái răng sâu. "Vé hạng nhất, hạng nhì và hạng ba chỉ cho quan tài thôi. Khi anh chết, anh có thể chọn hạng xịn, nếu anh muốn." Nó khoát tay. "Cũng tốt là người ta không thấy được người thân của mình được chăm sóc ra sao khi đã đặt lên toa tàu, phải không?"

Sherlock lại nhìn quanh, nhìn vào những hàng quan tài san sát nhau, chồng lên nhau cao quá đầu cậu. Cái nào cũng có xác chết bên trong. Cậu đang đứng chung với một đám xác chết nhiều bằng dân số của cả một thị trấn nhỏ. Quả là đáng sợ.

"Được rồi. Ta đi thôi." Cậu lên tiếng.

Thằng bé lắc đầu. "Từ chỗ này trở đi anh tự lo lấy, anh bạn ạ".

"Được thôi." Sherlock móc trong túi ra một nắm tiền lẻ và đưa cho nó. "Cám ơn."

Thằng bé gật đầu. "Đúng là một quí ông." Nó bước lùi ra sau, cho

tay lên môi huýt lên một tiếng to đến nỗi Sherlock nhức cả tai. Nó cố hết sức rống to. "Anh ta đang ở đây. Anh ta đang cố chuồn đây!"

"Tao cứ tưởng là mày giúp tao chứ," Sherlock khựng lại.

"Giúp rồi đấy chứ." Thằng bé dứ nắm tay đang cầm mớ đồng xu. "Thỏa thuận xong rồi. Còn bây giờ thì tui giúp cho bọn nó. Biết đâu bọn nó chia cho tui đôi giày của anh."

Sherlock nghe thấy những tiếng động từ cái lỗ hổng mà cậu vừa thoát ra – tiếng của móng tay, móng chân cào trên gạch. Nhìn vào trong tối cậu thấy ánh nhấp nháy của những cặp mắt bé tí khi gặp ánh sáng.

Cậu bước tới và chụp lấy cổ tay thằng bé, rồi xoay nó lại, nhét nó vào cái kẽ hở. Cậu hét to. "Nó lấy tiền của tao rồi. Nó đang giữ tiền!"

Thằng bé kinh hãi nhìn trừng trừng vào Sherlock trước khi bị hàng chục bàn tay bé xíu lôi tuột vào trong bóng tối. Sherlock nghe tiếng nó kêu gào, rồi sau đó không còn gì nữa ngoài tiếng đánh nhau và tiếng quần áo bị xé.

Cậu bỏ chạy. Trong khi chúng nó không để ý, cậu có cơ may thoát được.

Tuy vẫn còn thở hổn hển, vẫn còn cảm giác thiêu đốt trong buồng phổi và các bắp cơ, cậu vẫn cố hết sức chạy vượt qua đống quan tài. Được một lát, cậu thoát ra ngoài chỗ trống.

Trước mặt cậu là ba con tàu chạy bằng hơi nước. Cả ba đều có mắc toa, nhưng lại nằm ở cuối đường tàu, sát ngay thanh chắn. Tất cả đều giống như con tàu đã chở cậu và Amyus Crowe đến London, trừ việc toa máy và toa chở hàng đều sơn màu đen. Phía trước và

phía sau mỗi toa hàng đều có vẽ một chiếc sọ người màu trắng. Mỗi hình chiếc sọ có hai xương chéo bên dưới.

Sherlock cho rằng tàu này chỉ chạy ban đêm. Quả là một trải nghiệm đau buồn cho những ai thấy đoàn tàu này ban ngày. Và cũng là nỗi sợ với những ai đột ngột nhìn thấy trong màn đêm, qua đám khói dày dặc một chiếc nồi hơi đỏ rực đầy than nóng rực lửa.

Sherlock quay đầu lại nhìn đống quan tài. Trong cái bóng tối trùm lên đó, cậu nghĩ có thể nhìn thấy những ánh mắt lấp lánh đang nhìn mình, nhưng cũng không chắc lắm. Điều quan trọng là chúng không đuổi theo cậu.

Chúng không ra được chỗ có ánh sáng bên ngoài, còn cậu thì chắc chắn không quay lại chỗ tăm tối. Mọi việc đã kết thúc. Ít nhất trong thời điểm này.

Cậu quay đầu lại và bước một bước về phía trước. Có cái gì lạo xạo dưới chân. Nhìn xuống đất cậu thấy một khúc xương trắng từ dưới đất nhô lên. Cậu đã dẫm phải và làm nó gãy thành hai khúc. Thằng bé hoang dã đã từng nói, đôi khi những chiếc hòm bị rớt xuống đất. Vỡ ra thành từng mảnh. Dường như những thứ đựng bên trong cũng bị hất ra ngoài khi chiếc hòm rớt xuống. Tất cả những thứ hào nhoáng và nghi lễ dành cho người chết - con tàu đặc biệt, một thành phố khổng lồ dành cho người chết tại Brookwood – nhưng nắm xương tàn lại bị bỏ lại cho thối rữa khi rớt xuống đất lúc quan tài rớt vỡ. Dường như cái cảnh tượng này quan trọng hơn là thực tế. Người đưa tang không biết, mà có lẽ cũng chẳng cần biết, là khi hạ huyệt trong quan tài có cái xác người thân của họ hay không.

Phía đằng sau các con tàu là những đường tàu hướng ra phía ngoài trời rộng rãi. Một làn gió nhẹ thổi qua cuốn theo cái mùi hầm mộ, nơi Sherlock vừa bị săn đuổi và cũng là nơi mà cậu suýt mất mạng. Cậu mệt nhọc lê bước về phía có ánh nắng yếu ớt. Một nơi nào đó bên ngoài chỗ này, nơi thế giới đời thực, Mycroft vẫn còn đang đối mặt với tội danh giết người và Sherlock cần phải giúp để mang lại thanh danh cho anh mình. Sherlock mệt nhoài, người đau nhức, nhưng điều này cũng không quan trọng. Mycroft cần cậu giúp đỡ.

Trong khi đầu óc còn đang miên man suy nghĩ, phải mất đến vài giây sau Sherlock mới thấy được người đàn ông có mái tóc bết lại bước ra từ phía sau đầu máy của một trong những con tàu.

"Mày hết đường chạy rồi, con ạ" gã lên tiếng, giơ tay lên. Chút ánh sáng héo hắt làm cho những đinh gai kim loại trên quả đấm sắt lấp lánh. "Hình như tao đã tiết kiệm được nửa crown khi trả giá."

CHƯƠNG 6

Sherlock vô cùng thất vọng. Sau khi cố hết sức để chạy trốn, sau những vết gạch cào xước trên da, cậu vẫn chưa thoát được. Cậu quá mệt đến mức không thể làm được gì thêm nữa. Cậu đã hoàn toàn kiệt sức.

"Sao ông tìm được tôi?" cậu hổn hển nói.

"Tao làm sao mà chui qua được mấy cái lỗ đó, đúng không?" gã trả lời. "Nhưng tao biết ngay là thế nào mày cũng chui ra khu vực để hài cốt, vì thế tao chỉ cần đi vòng ra phía ngoài rồi đợi. Tao định bỏ cuộc thì nghe được tiếng mày cào vào gạch." Gã ngưng lại. "Tao vẫn còn muốn mày nói cho tao biết vì sao mày theo dõi tao," giọng gã đầy độc địa. "Rồi tao sẽ cho mày chết."

Một bóng người đồ sộ từ khoảng trống của toa đầu máy và toa chở than, không một tiếng động, hiện ra sau lưng gã đàn ông có râu và tay đấm sắt. Cái bóng này có đội mũ.

Sherlock nhận ra Amyus Crowe ngay lúc ông quành cánh tay trái qua cổ tên vô lại, tay phải thì chộp lấy cổ tay của hắn. Cần cổ của gã nằm gọn trong khuỷu tay của Crowe. Sherlock thấy lớp vải cánh tay áo của Crowe căng ra khi ông lên gân.

Hai con mắt gã này như lồi ra. Gã giơ hai tay lên hòng bấu vào cánh tay của Crowe, nhưng không thể nhúc nhích được dù cố kéo hết sức. Khi Sherlock nhìn thì mặt gã ta đã chuyển sang màu tím bầm, nhưng cậu đã quá mệt để ngạc nhiên. Chắc là ông Crowe đã vận đủ sức để làm cho đối phương nghẹt thở.

Tên vô lại tuyệt vọng dùng chân phải mang ủng đá ngược ra sau, nhưng Crowe đã dang rộng hai chân nên tù nhân của ông không thể với tới được. Gã bèn quành tay thụi mạnh ra sau đầu, hy vọng sẽ giáng ngược những cái đinh gai trên quả đấm sắt vào Crowe, nhưng ông chỉ việc né đi và bóp mạnh hơn nữa vào cổ họng của gã.

"Chú rất thất vọng vì cháu đã sơ suất đến mức để cho tên này phát hiện là cháu đang theo dõi hắn," ông nói một cách điềm tĩnh, mắt nhìn Sherlock qua vai gã kia.

Sherlock đưa bàn tay bám đầy bụi bẩn vuốt tóc. "Cháu xin lỗi," cậu lên tiếng. "Cháu cứ nghĩ đã khéo giấu mình rồi."

"Nhớ bài học này đấy," ông Crowe nói thân tình. "Bẫy có thể bị đảo ngược. Đó là sự khác biệt giữa con người và thú vật - thỏ không đột nhiên chạy quanh để săn đuổi chồn được, nhưng con người thì có thể chuyển đổi vai trò. Con mồi trở thành thú săn mồi. Hãy nhận ra các dấu hiệu. Nếu con mồi nhử cháu đi đến chỗ nào vắng vẻ tức là nó có thể đã phát hiện được cháu và muốn tóm gọn."

"Chú ngừng lên lớp được không?" Sherlock mệt mỏi lên tiếng, nhớ đến bài học trên hồ lúc họ câu cá.

"Cuộc đời luôn cho chúng ta bài học, miễn là ta có đủ tỉnh táo để hiểu nó." Crowe liếc nhìn gã đàn ông càng lúc càng bị dồn máu với hai mắt như muốn lồi ra. "Nào," Crowe lên tiếng, "giờ thì tao với mày tâm sự một chút. Tại sao mày dám dùng vũ lực hăm dọa cậu bạn, người mà tao đang che chở hử? Như thế là không được văn minh, anh bạn ạ."

"Nó theo dõi tao," gã thở phì phò.

Crowe nhìn qua Sherlock, nhướng mày nói. "Ta nghĩ là cháu có

lí do," ông nói. "Không phải là cháu đang thực hành kĩ năng truy tìm đấy chứ – mặc dù những kĩ năng này cũng cần được rèn luyện."

"Cháu tìm được nhà in đã in cái danh thiếp," Sherlock trả lời. "Người ở đó cho biết khi khách hàng vào bên trong đặt in thì gã này đứng chờ ngoài đường. Hai người đi chung với nhau."

Crowe gật đầu. "Chú cũng giả định là mọi việc xảy ra như thế." Ông quay lại với tên tù nhân. "Vậy thì câu hỏi là tại sao? Tại sao mày trả tiền cho một tay nghèo khó, bệnh tật để chỉ in độc một cái danh thiếp, và tại sao mày sai hắn ta đến gặp Ngài Mycroft Holmes tại câu lạc bộ?"

Gã đàn ông bíu vào tay Crowe, vùng vẫy. "Ông làm tôi ngạt thở!"

"Nhận xét đúng lắm. Tao đang cho mày nghẹt thở đấy!"

"Ông đang bẻ cổ tôi!"

"Chưa đâu. Chỉ cần tao ép mạnh một chút nữa là cái cổ của mày sẽ gãy đánh tách như một cành cây mục, vậy đó, nhưng chưa tới lúc đó đâu. Mày sẽ bị nghẹt họng trước."

"Ông đang giết tôi!"

"Đúng," Crowe xác nhận. "Tao nghĩ là tao sẽ làm. Giờ thì nói mau."

"Có người thuê tôi!"

"Hẳn là thế rồi. Mà tao cũng không nghĩ mày làm thế là vì yêu Nữ hoàng và tổ quốc. Câu hỏi là: ai đã trả tiền cho mày?"

"Tôi không biết tên của họ!" Gã đập mạnh vào cánh tay trái cứng như sắt của Crowe. "Làm ơn cho tôi thở một chút!"

Crowe nới tay một chút, gã lập bập hít mạnh một hơi. Mái tóc rũ xuống như bết dính ngang mặt. Vẻ tím bầm trên mặt gã bớt đi đôi chút.

"Họ gặp tôi tại quán Shaftesbury một tối nọ," gã thở hổn hển. "Ai cũng biết tôi là người môi giới. Tôi có thể sắp xếp, tìm đúng người cho một vụ đút lót hoặc bất cứ thứ gì mà ông muốn. Họ bảo tôi đi tìm một tay nào sắp về chầu trời mà lại cần tiền cho gia đình nữa. Họ bảo tôi thuyết phục người này làm một việc cuối cùng, mà nếu anh ta làm tốt, anh ta sẽ có tiền để bảo đảm cho tương lai của gia đình."

"Và mày đã tìm được người này?"

"Tôi biết hàng trăm người kiểu đó! Chỉ cần mười xu là họ có mặt ngay. Bệnh lao, nghiện rượu, loét dạ dày - có khối bệnh để chết tại London này."

"Thế cái việc cuối cùng mà hắn ta phải làm là gì?" Gã nín bặt.

Crowe siết cổ tên vô lại chặt hơn. "Chỉ cần tao mạnh tay hơn chút nữa," ông thì thầm, "thì cái âm thanh cuối cùng mày nghe được là tiếng mày bị gãy cổ. Tao đã từng bẻ cổ báo sư tử, cá sấu, thậm chí cả một con bò mộng nữa. Cứ tin tao đi, cái cổ của mày cũng chẳng phải là một thách đố lớn lao gì cho tao đâu."

"Hắn phải đi đến một câu lạc bộ tại khu Whitehall," gã nói gấp gáp, "và xin gặp riêng một người. Chỉ gặp riêng người đàn ông tên là Mycroft Holmes. Rồi đưa cho ông này tấm danh thiếp vừa mới in. Chỉ có một tấm duy nhất. Và khi chỉ có hắn với người cần gặp, hắn phải xịt một thứ gì đó vào mặt người kia – thứ gì giống như chai nước hoa. Khi người đàn ông bị mê đi, khuỵu xuống, thì hắn

phải đặt con dao thật vào tay người này rồi dùng một con dao nước đá đâm thẳng vào ngay chỗ tim của mình. Hệt như tuồng kịch câm vậy."

"Thế ai đưa mấy con dao đó?"

"Họ cho tôi biết là sẽ có một thằng nhóc đến tìm khi bọn tôi đi vào câu lạc bộ. Thằng nhóc này sẽ đưa một cái hộp trong đó có chứa hai con dao. Bọn tôi phải làm như đã dặn, nếu không con dao nước đá sẽ tan mất, thậm chí ngay ở trong hộp."

Crowe cười. "Mày không thấy việc này hơi kì lạ sao?"

"Tôi còn làm nhiều thứ còn kì lạ hơn," gã thú nhận "mà còn được trả hậu hĩnh nữa."

"Mày có biết tên người đàn ông thuê mày không. Mô tả xem hắn như thế nào?"

"Tôi có nói là một gã đàn ông à?"

Cặp chân mày của Crowe dựng ngược lên vì ngạc nhiên. "Đúng là mày không nói thế. Tao nhầm. Thế - một phụ nữ thuê mày à?"

Gã gật đầu lia lịa khi cánh tay của Crowe siết quanh cổ. "Một phụ nữ, đúng là một phụ nữ."

"Tả hình dong xem sao."

"Hơi trẻ. Mảnh dẻ. Quần áo lượt là."

Crowe khịt mũi. "Khuôn mặt - anh bạn - tả khuôn mặt đi."

"Không thấy được. Cô ta che mạng, đội mũ rộng vành."

"Còn màu tóc?

"Cái mũ che hết không thấy được."

"Nhưng mày có theo dõi cô ta đúng không? Sau khi cô ta thuê

mày?"

Sherlock thấy mắt gã trố lên ngạc nhiên, giọng rít lại. "Làm sao ông biết được?"

"Tao thừa biết mày, anh bạn ạ. Hoặc ít nhất cũng biết tỏng lũ chúng mày. Một phụ nữ cầm theo một xấp tiền – đương nhiên là mày phải theo dõi rồi. Mày muốn biết cô ta sống ở đâu, để rồi sau đó mày lẻn vào nhà và nhón đi cái xấp tiền còn lại cất kĩ trong nhà. Lũ chúng mày bao giờ cũng tìm một kẽ hở, một cơ may. Thế thì cô ta đi đâu?"

Gã nhún vai, đẩy lơi vòng tay của Crowe ra một chút. "Chẳng có nhà nào cả mà là một bảo tàng ở Bow. Tên là Passmore Edwards, đúng thế. Chỗ này từng là một trang viên lớn. Tôi chờ đến mấy tiếng, nhưng chẳng thấy cô ta đi ra. Tôi không biết cô ta có ở tại đó không, hay chỗ này có cổng hậu, nhưng không hề gặp lại."

"Còn gì nữa không? Có thứ gì khác mà mày muốn chia sẻ với tao không?"

"Hết rồi, hết rồi, tôi thề đấy!"

Ông Crowe bất thình lình thả tên tù nhân ra. Hai đầu gối gã sụm xuống, nghẹt thở, gã đưa tay ôm lấy cổ họng.

"Chú nghĩ là ta đã khai thác hết những thứ ta cần ở tên này." Ông nói với Sherlock. "Nếu cháu còn sức, ta ghé vào một quán cà-phê để giải khát đôi chút." Crowe đưa mắt lướt qua bộ quần áo, giày ủng dính đầy bùn, bụi gạch của Sherlock. "Có lẽ ta phải tìm một tiệm bán quần áo trước. Bộ dạng như thế này thì không tạo được ấn tượng tốt đẹp gì đâu."

Trước khi Sherlock kịp trả lời, gã đàn ông nhỏ bé từ dưới đất

bất ngờ chồm lên, vung hai tay ra, chĩa nắm đấm sắt tua tủa gai đinh vào mặt Amyus Crowe. Gã gầm lên, mặt méo mó lại thành chiếc mặt nạ hung dữ. "Mày dám bóp cổ ông hả?"

Ông Crowe nghiêng ra sau để tránh mớ đinh gai tua tủa lia qua trước mặt, chỉ cách cặp mắt vài phân. Khi nắm đấm có đinh bay vụt qua, ông oằn người qua trái, rồi tung cú đá bằng chân phải. Chân ủng của Crowe chạm phải đầu gối đối phương. Sherlock nghe có tiếng gì đó bật lên kêu rắc một tiếng. Gã đàn ông sụm ngay xuống đất, rú lên đau đớn.

"Ta đi thôi," ông Crowe ra hiệu cho Sherlock. "Chú biết có một chỗ bán cà phê, bánh kem ngon có tiếng. Ta đi tìm thôi."

Ông đi trước, Sherlock theo sau để lại tên vô lại nhỏ bé ngồi thu lu ôm cái đầu gối bị vỡ nát.

"Ta có nên báo cho cảnh sát không?" Sherlock lên tiếng.

"Họ không bắt hắn ta sao?"

Crowe nhún vai. "Nếu để làm cho cháu cảm thấy an tâm hơn thì ta có thể báo, nhưng nếu lời khai của hắn chống lại chúng ta cộng thêm chứng cứ vết thương lâu dài mà chú giáng cho hắn thì bất cứ viên cảnh sát nào có chút suy nghĩ đều sẽ bắt chú chứ không phải là hắn. Hoặc là họ sẽ bắt cả hai chúng ta cho đến khi nào hắn phun ra những gì thực sự đã xảy ra."

"Nhưng như thế là không công bằng!" Sherlock phản ứng.

"Có lẽ là không, nhưng đó lại là công lý. Nếu cháu chưa phân biệt được hai điều đó, thì cần phải học."

Crowe đi trước dẫn đường quay lại những con phố, ngõ hẻm và

các lối đi có mái vòm của khu vực quanh nhà ga Waterloo.

"Làm sao mà chú tìm được cháu?" Sherlock đi bên cạnh hỏi.

"Câu trả lời đơn giản: chú theo đuôi cháu."

"Nhưng cháu chẳng thấy chú đâu cả." Sherlock chống chế.

"Đó là những gì mà cháu mong đợi khi chú đi theo cháu. Nhưng khác với cháu, chú ẩn mình trong bóng tối, hoặc lẫn trong đám đông hay nấp sau các góc phố."

"Chú đi theo để làm gì?"

"Sau khi kiểm tra cái địa chỉ trên danh thiếp – toàn dối trá cả thôi – chú nghĩ rằng chú nên đuổi theo tìm cháu. Chú rà các nhà in theo thứ tự ngược lại – tức là bắt đầu bằng nhà in nằm ở cuối danh sách rồi đi lên. Chú thấy cháu đi ra khỏi nhà in thứ hai mà chú vô – tức là nhà in thứ ba cháu đã vô. Chú cố bắt kịp cháu, nhưng cháu đi nhanh quá. Rồi cháu dừng lại để quan sát một quán rượu. Chú đoán là cháu đang dò tìm manh mối, chú không muốn cháu để ý nên khom người xuống nấp vào ô cửa để xem chuyện gì xảy ra. Được một lúc cháu bắt đầu đi theo gã có râu, vì vậy chú cũng bám sát xem cháu đi đâu. Chú thấy hắn dồn cháu vào một góc trong nhà vòm, nhưng sau đó cháu bỏ chạy trước khi chú ra tay. Cả một tiếng đồng hồ sau đó chú cứ lòng vòng bên ngoài, cố gắng tìm cái chỗ mà cháu có thể ló đầu ra được.

"À ra là vậy," Sherlock nói, giọng ỉu xìu. "Hèn chi mọi việc như thế."

Lúc này họ đã đi đến mặt tiền nhà ga. Crowe chú ý thấy một tiệm may nhỏ cách tiệm sửa giày mấy thước. Chừng mười phút sau, Sherlock đã có được một cái quần mới, một áo khoác mới, một sơ

mi mới và đôi ủng mới. Crowe trả tiền không hề mặc cả. Sherlock đoán rằng ông sẽ thu xếp việc này với anh Mycroft – nếu Mycroft còn có cơ hội được tự do.

Sau khi ra khỏi tiệm sửa giày, Crowe hướng về phía một quán trà của Công ty Aerated Bread ở gần đó. Họ chọn một cái bàn gần cửa sổ. Sherlock có cái cảm giác lạ lùng là mình bị tách rời khỏi thực tại. Mới một giờ trước đây cậu phải chạy thục mạng qua các đường hầm tối đen, còn bây giờ cậu lại ngồi dưới ánh mặt trời chờ người mang bánh ngọt đến. Cuộc đời đôi khi thật lạ. Mà thực ra, cậu suy ngẫm, quá nhiều lúc cuộc đời trở nên kì lạ.

"Vậy, sắp tới là gì đây ạ?" cậu lên tiếng hỏi khi khay đựng cà phê và bánh ngọt được mang tới.

"Hãy xâu chuỗi lại những gì mà ta biết." Ông Crowe cắn một miếng bánh xốp ngọt. "Có ít nhất là một tay trung gian môi giới giữa người ra mệnh lệnh và người thực hiện mệnh lệnh."

Sherlock nhíu mày lại. "Chú nói sao, "tay trung gian môi giới"?"

"Chú muốn nói là người đàn ông tự sát tại câu lạc bộ Diogenes chưa bao giờ gặp người đàn bà mang mạng che mặt. Người đàn bà này thuê tay có râu, rồi tay có râu thuê người đàn ông sẵn sàng tự sát để bảo đảm tài chính cho gia đình sau khi hắn chết."

"Có thể người phụ nữ này cũng được người nào đó thuê. Biết đâu đó là trung gian tay ba."

"Có thể," ông Crowe trầm ngâm. "Tay nào bố trí việc này đúng là hết sức kín đáo. Họ bảo đảm là không ai có thể truy ra họ được. Lý do duy nhất giúp ta lần đến mức này là nhờ hai sự cố không ngờ tới – đầu tiên là người ở nhà in mà cháu gặp đã nhận ra tay có râu,

thứ hai là tay có râu quá tham lam và đồi bại này đã dò theo người phụ nữ bỏ tiền thuê hắn đến viện bảo tàng mà hắn ta nhắc tới. Không bao giờ nên đánh giá thấp giá trị của một sự trùng hợp ngẫu nhiên."

"Nhưng để làm gì?" Sherlock hỏi. "Chính xác là họ muốn đạt đến cái gì?"

Ông Crowe nhún vai. "Mục tiêu trước mắt dường như là hạ uy tín của anh cháu, hoặc nói cách khác là gạt cậu ta ra rìa. Mục tiêu lâu dài – chưa rõ lắm. Ta cần thêm nhiều thông tin."

Sherlock thở dài. Cậu nghĩ là mình đói bụng sau tất cả những chuyện dông dài đó, nhưng bây giờ mấy chiếc bánh ngọt chẳng còn chút hấp dẫn gì đối với cậu nữa. "Thế ta làm gì bây giờ ạ?" Cậu hỏi.

"Theo chú thì," ông Crowe nói, "ta có ba lựa chọn. Thứ nhất: báo cho cảnh sát những gì ta biết rồi quay về Farham, hy vọng rằng luật sư của câu lạc bộ Diogenes có thể đưa Mycroft ra khỏi nhà giam và chứng minh cậu ta vô tội."

"Phần thắng là bao nhiêu?" Sherlock hỏi.

"Mong manh lắm. Cảnh sát chẳng thèm bỏ công để điều tra một tội ác khi họ có đủ chứng cứ chống lại người đang bị tạm giam, mà chẳng có ai trên đời lại thơ ngây tin dễ dàng vào câu chuyện chúng ta kể. Mà chứng cứ của chúng ta cũng đã tan thành nước rồi."

"Nhưng ta còn lọ thuốc xịt cồn laudanum!"

Crowe nhún vai. "Chỉ là thuốc trị bệnh, như anh cháu nói. Mà ta cũng không thể trưng ra làm bằng chứng. Thứ đó có thể mua được tại tiệm thuốc tây dưới phố."

“Còn lựa chọn thứ hai?”

“Chúng ta ở lại London và tìm gặp các ông sếp của anh cháu tại Bộ Ngoại giao - nhờ họ ra tay can thiệp để đưa cậu ta ra ngoài.”

Sherlock nhăn mặt. “Ngay cả đối với cháu, cách này coi bộ không thành công nổi.”

“Đúng thế. Có nhiều khả năng là Bộ Ngoại giao sẽ để mặc cho anh cháu tùy ý xoay sở. Họ chẳng dại gì để bị xấu hổ với công chúng đâu.”

“Thế thì ta chọn cái thứ ba vậy,” Sherlock nói dứt khoát.

Crowe cười. “Cháu còn chưa biết như thế nào kia mà.”

“Cháu có thể đoán.” Ánh mắt của Sherlock chạm phải cái nhìn chăm chú thân thiện của ông Crowe. “Ta phải xoay sở tìm cho đủ bằng chứng để chứng minh Mycroft vô tội. Ta đi đến bảo tàng ở Bow và tìm cho ra người đàn bà che mạng.”

Ông Crowe gật đầu. “Đó là điều ta muốn nói. Nói thẳng ra, chú cũng không có mấy hy vọng là chúng ta có nhiều cơ hội. Cú này quả là khó chơi, khó chơi thật.”

“Tại sao ta không đi tìm một ai đó?” Sherlock giận dữ hỏi. “Tại sao không có ai đi điều tra những thứ mà cảnh sát không muốn hoặc không thể điều tra? Một dạng như các thám tử độc lập, những người tư vấn, có thể làm cho ra ngô ra khoai, giống như Công ty Pinkerton ở Mỹ mà chú đã nói tới chẳng hạn?”

“Việc này phải cần đến một người có đầy đủ các khả năng phù hợp, chắc chắn như vậy,” nét mặt ông Crowe trở nên xa xăm. “Nhưng ở xứ Anh này hiện nay chưa có ai ra tay làm việc này.” Rồi

ông Crowe dường như bừng tỉnh, quay về thực tại. "Bây giờ thì chú nghĩ ta nên tìm một chiếc xe ngựa hai bánh để nhờ người đánh xe đưa chúng ta đến viện bảo tàng ở Bow."

Họ lập tức đón một chiếc xe ngựa, mặc dù Sherlock đã để ý thấy rằng ông Crowe cố ý bỏ qua không gọi hai chiếc xe trống, cuối cùng lại chọn chiếc thứ ba khi chiếc này sắp chạy qua chỗ họ đang đứng.

"Tại sao chú không chọn chiếc xe đầu tiên?" Sherlock vừa leo lên xe vừa hỏi.

"Bởi vì chúng ta hiện đang lớ ngớ ngoài rìa chiếc mạng nhện mà một tay nào đó đang giăng ra." Crowe trả lời, "và chú cũng muốn bảo đảm chiếc xe này là do ta chọn chứ không phải người khác chọn cho ta."

"Còn chiếc thứ hai có vấn đề gì?"

Crowe cười. "Con ngựa bị què. Chú ngờ rằng nó sẽ què suốt trên quảng đường tới Bow. Vả lại, chú cũng không thích bộ râu của tay đánh xe."

Họ ngồi xuống ghế, người đánh xe ló mặt qua ô cửa hỏi, "Ta đi đâu đây, các ngài?"

"Anh có biết bảo tàng Passmore Edwards không?"ông Crowe hỏi lại.

Phải mất khoảng nửa tiếng xe mới tới nơi, Sherlock lợi dụng thời gian này để quan sát những lát cắt của cuộc đời thực xảy ra xung quanh cậu: những dây phơi quần áo được căng giữa các khung cửa sổ ở phía bên kia đường; cánh đàn ông mặt mày cau có vật vờ quanh các góc phố; những người bán hàng rong mang các khay chứa bánh kẹo, hoa quả; thợ mài dao vừa đẩy xe cút kít vừa

rao xem có ai muốn đem dao ra mài trên những hòn đá mài đạp bằng chân của họ không.

Bảo tàng là một tòa nhà xây bằng đá nâu sáng, các góc xung quanh nhà nhô ra ngoài, cổng ra vào có cột trụ được trang trí cầu kỳ. Ngôi nhà nằm xa đường, cách vỉa hè bằng một dải cỏ xanh và một hàng rào sắt cao ngang gối. Bên cạnh cửa trước là một khối đá lớn gắn vào tường, trên khắc dòng chữ Bảo tàng Passmore Edwards trưng bày các vật quí hiếm trong tự nhiên.

"Cứ đi qua," Crowe bảo người đánh xe. "Rồi cho chúng tôi xuống ở góc đường."

Người đánh xe dừng xe ngay tại chỗ ông Crowe đã chỉ.

Crowe trả tiền, rồi hai người xuống xe.

"Đừng có nhìn thẳng vào tòa nhà," Crowe dặn dò. "Ta chỉ đứng đây và nói chuyện vài phút. Hãy cảm nhận bất cứ điều gì trong tầm mắt."

"Bảo là ngốc cháu cũng chịu," Sherlock lên tiếng, "nhưng cháu thấy đây chỉ là một bảo tàng. Chẳng có vẻ gì đây là mặt tiền của thứ gì mờ ám cả."

"Chỗ này khá thuận tiện để hội họp," Crowe trầm ngâm. "Chẳng qua là được chọn ngẫu nhiên, chứ không phải là tổng hành dinh của một âm mưu. Nếu đúng như vậy, thì ta chẳng tìm kiếm được gì ở đây, vả lại ta cũng đã mất khá nhiều dấu hiệu để theo dõi rồi."

"Ít nhất ta cũng có thể nhìn quanh," Sherlock nêu ý kiến. "Ta có thể nhìn, nghe thấy cái gì đó, hoặc có người nhớ là đã thấy người đàn bà che mạng."

“Nhận xét có cơ sở,” Crowe nói. Ông đi trước dẫn đường, ra vẻ một ông bố dẫn con đi tham quan bảo tàng.

Họ bước vào một cái sảnh trống trơn, trong sảnh có cầu thang hướng lên phía trên rồi tẽ thành hai nhánh trái và phải. Nếu không có một ngăn tủ khổng lồ bằng kính nằm chễm chệ giữa sàn nhà được lát gạch, thì chắc người ta sẽ nghĩ đây là tiền sảnh của một ngôi nhà to trong phố. Bên trong ngăn kính được bày biện khá chính xác một phần của cảnh rừng rú, với nhiều loại thú nhồi rơm được sắp đặt: một con cáo, nhiều con chồn ecmin, vô số chuột nhắt, chuột nhà và chuột đồng, và cả một con rái cá trông có vẻ tả tơi như thể lạc loài từ nơi khác. Những con thú này được bố trí theo các bộ dạng bị chộp bất thình lình, như thể chúng bị bắt khi đang chăm chú dò tìm một tiếng động lớn đột ngột từ đâu tới. Những cặp mắt trong vắt của chúng dường như đang nhìn trừng trừng khắp các hướng.

Một người đàn ông mặc đồng phục và đội mũ tuyền một màu xanh dương lại gần. “Các ngài lấy hai vé chứ?” Anh ta hỏi. “Mỗi vé chỉ hai xu thôi, các ngài cứ xem bao lâu cũng được. Lúc này vắng lắm.”

“Cám ơn anh,” Crowe nói và đưa cho anh ta mấy đồng tiền.“Theo anh thì xem những thứ trưng bày này như thế nào?”

Người này cân nhắc một lúc. “Gian trưng bày các thú có vú nhỏ, ở phía tay phải trên lầu, được khen là giống như thực. Nếu không, thì gian trưng bày loài lưỡng cư cũng ở trên lầu phía tay trái có nhiều mẫu vật lạ trẻ con vốn rất thích.”

“Ta sẽ tách theo hai phía,” Crowe nói khi người đàn ông dời

bước. "Chú sẽ tạt qua bên gian lưỡng cư, cháu bên loài có vú. Hẹn gặp lại tại đây sau nửa giờ, còn nếu không phát hiện điều gì đáng chú ý thì lúc đó ta sẽ đi sang gian khác."

"Thế nào mới được gọi là đáng chú ý?"

"Như chú đã nói lúc ở câu lạc bộ Diogenes - bất cứ thứ gì mà không ăn khớp. Bất cứ thứ gì nổi bật."

"Trong một nhà bảo tàng thú nhồi rơm ư?"

Crowe cười một cách khoan dung. "Còn tùy theo bối cảnh. Ở ngoài đường, nếu có con chó chạy ngang thì không phải là bất thường. Nhưng trong một bảo tàng thú nhồi rơm, thì đúng là bất thường,"

"Cháu hiểu rồi," Sherlock nói với vẻ hồ nghi.

Họ cùng đi lên cầu thang làm bằng đá cẩm thạch đến tầng một, sau đó tách ra khi tới nhánh rẽ. Sherlock qua bên phải, ông Crowe bên trái.

Các cầu thang dẫn tới ban công ôm lấy tiền sảnh. Gờ ban công được viền bằng một hàng chấn song bằng đá cao đến thắt lưng. Có nhiều cửa lớn dường như dẫn tới nhiều phòng trưng bày khác nhau. Một bộ đèn chùm với những hạt thủy tinh hoa văn chìm, có chân nến treo ở giữa trần nhà.

Sherlock nhắm vào cánh cửa thứ nhất đi tới. Cậu vào một căn phòng dài mà ở tít đằng xa là một dãy hộc tủ kính chắn ngang khiến tầm nhìn phía dưới bị khuất. Ánh nắng chói lòa rọi xuống từ một ô cửa trên mái nhà. Cậu nghe được đâu đó trong phòng có tiếng nói, nhưng lại không thấy người.

Cậu hướng về phía cuối phòng, đi ngang và nhìn qua những ngăn trưng bày ở đây xem bên trong có gì. Như người phục vụ cho biết, đây là gian trưng bày các động vật có vú nhỏ. Trong một ngăn có đặt một con chồn hương ở tư thế vênh váo trên lớp cỏ khô; bên cạnh là con mèo lớn lông nâu hai tai vểnh lên, đang ngồi trên một dải cát vùng sa mạc. Một con lửng vằn vện sọc đen trắng thập thò trong hang và cách vài tấc là một con chồn có đôi tai lớn quá khổ đang vĩnh viễn sải chân trên một cảnh quan chỉ toàn là tuyết và băng nhân tạo. Những thứ này dường như có nghĩa gì đó.

Sherlock đứng trước con lửng một lúc. Hình ảnh con vật này làm cậu nghĩ tới thời gian còn ở Farnham, cậu đã đem một con lửng chết để đánh lừa con chó giữ nhà của Bá tước Maupertuis. Dường như đó là khoảnh khắc tồi tệ nhất trong đời cậu. Giá mà cậu biết được...

Cậu đi qua những ngăn trưng bày chuột, chuột nhắt, mèo và chó tí hon trước khi đến cuối căn phòng. Những cặp mắt vô hồn dường như nhìn theo bước chân người đi qua. Cánh cửa ở cuối phòng dẫn vào một sảnh trưng bày nhỏ hơn, sảnh này có hai cửa thông ra ngoài. Sherlock chọn hú họa một cửa và bước vào.

Một hình thù chồm lên người cậu, hai cánh tay giơ cao, từ bàn tay nhô ra những gai nhọn gớm ghiếc. Sherlock giật mình lùi lại, suýt té nhào trước khi nhận ra hình thù đó đang nằm bên trong một ngăn trưng bày, còn những gai nhọn thực ra chỉ là các móng vuốt. Hình thù này không phải là người đàn ông có râu mà cậu gặp tại nhà ga Waterloo. Khựng lại, cậu ngượng ngùng đưa tay phủi phủi áo khoác. Đó là một con gấu không rõ loài, có bộ lông màu

nâu rối bù, cái mõm được xử lý bằng cách nào đó trông như thấm nước. Con gấu này to xác hơn ông Amyus Crowe, và điều này gợi lên một cái gì đó chưa rõ.

Căn phòng được con gấu canh giữ có chứa mấy ngăn trưng bày lớn hơn. Ngoài con gấu ra, còn có một con nai sừng tấm với bộ sừng xòe ra như cành cây, một bầy heo rừng có lông cứng và răng nanh đứng thành nhóm, và một con thú khác hình như là bò có bộ lông màu nâu dài đến mức Sherlock thậm chí không nhìn ra được cặp mắt nó.

Cánh cửa ở cuối phòng dẫn vào một phòng khác. Sherlock bắt đầu có cảm giác là mình đang đi vào một dạng mê cung nào đó. Ngoài những ngăn trưng bày kê dọc theo tường, ở giữa phòng cũng đặt nhiều ngăn. Mỗi ngăn đều có một con chim khác loài, nhưng Sherlock nhận thấy tất cả đều là chim săn mồi.

Ngăn gần nhất chứa một con đại bàng đơn độc có thế đứng thanh thoát. Phía sau nó là một phông nền bằng gỗ vẽ cảnh bầu trời xanh biếc không gợn mây và các ngọn núi xa xa.

Sherlock đi sâu hơn vào căn phòng. Cậu nghe thấy cái gì đó đang chuyển động - tiếng giày loẹt xoẹt trên sàn nhà.

Rõ ràng là có ai đó đang ở trong phòng cùng với Sherlock dù rằng cậu không nghe tiếng nói. Có lẽ đó là một người khách lẻ.

Sherlock đi qua nhiều ngăn trưng bày bên trong chứa đủ loại cú. Con nào cũng ở tư thế đậu trên cành – Sherlock không biết đó là cành cây thực hoặc là cành làm bằng thạch cao. Vuốt của chúng bấu vào cành cây: thứ vũ khí giết người nhọn hoắt ẩn dưới lớp da sần sùi, được thiết kế để quắp vào cơ thể con mồi và nhấc bổng lên

rồi mang về tổ để đánh chén.

Lúc bước ngang qua, cậu nghĩ là mình vừa thoáng thấy một chuyển động. Cậu quay phắt lại để nhìn kỹ hơn. Lũ chim đều nhìn cậu chòng chọc. Chẳng phải đầu chúng đều quay về phía cánh cửa khi cậu bước vào hay sao? Thế mà bây giờ những cái đầu này lại quay về phía giữa phòng. Hoặc là những con cú này có những điểm đặc biệt gì đó nên ta khó mà nói chúng đang nhìn về phía nào?

Một thứ gì đó đang vỗ cánh ở phía bên kia của gian phòng. Phải chăng có một con chim, một con chim thực sự bị kẹt lại trong phòng? Một con chim sẻ, hoặc bồ câu, hay chim gì đó?

Mấy ngăn trưng bày tiếp theo chứa một loạt chim săn mồi. Sherlock nhận ra đó là diều hâu, chim cắt, chim ưng biển và nhiều loại chim khác mà cậu chưa biết.

Mặc dù đây đều là những con chim đã chết và được nhồi rơm, nhưng chúng có nhiều nét bí hiểm hơn so với các thú có vú nhỏ hoặc các động vật lớn hơn. Có lẽ lớp lông vũ trông giống thực hơn là lớp lông mao khi những gì nằm bên dưới là lớp rơm thay vì xương thịt. Hoặc có lẽ có cái gì đó liên quan đến hình dạng sọ của chúng, và do cơ thể chúng không có lớp mỡ nên khi nhồi xác người ta làm cho chúng lúc nào cũng giữ được tư thế như ngoẹo đầu và chuẩn bị rỉa lông, hoặc dang rộng hai cánh để làm giãn các bắp cơ. Dù rằng mắt của chúng là những viên bi, nhưng Sherlock nghĩ mình có thể thấy trong đó sự lạnh lùng, đúng hơn là dữ tợn. Chuột nhắt và chuột đồng thấy khách tham quan là thú săn mồi, còn lũ chim trong phòng nhìn họ như là con mồi.

Cậu tưởng tượng tiếp nhiều điều khác. Nhưng chẳng ích gì, cậu

tự nhủ. Chúng chỉ là thú nhồi rơm. Chúng không có thực. Chúng không cử động được.

Cậu lại nghe một chuyển động đột ngột nào đó ở phía cuối căn phòng. Có lẽ là bước chân người. Có tiếng vải chạm vào thành gỗ của một ngăn trưng bày. Chẳng có việc gì phải lo: cậu sắp gặp các khách tham quan khác khi sang tầng khác.

Bỗng Sherlock giật nẩy người vì một tiếng bùm lớn! Cậu choáng người một lúc, tự hỏi không biết chuyện gì, rồi sau đó nhận ra là cánh cửa ở cuối phòng đã dập lại mạnh. Có lẽ do gió lùa mạnh.

Sherlock đi quanh một ngăn trưng bày đang chắn lối. Trước mặt cậu là một ngăn lớn bên trong có một con kền kền với cái đầu trọc lóc, mỏ cong quắp lại một cách dữ dằn; đôi cánh xòe ra như muốn chặn không cho cậu đi tới.

Shwerlock nhìn lên. Có thêm một con chim khác mà cậu nghĩ là chim ưng. Nhưng con này lại không ở phía sau mặt kính. Nó đứng lơ lửng trên chóp của ngăn trưng bày như thể vừa đáp xuống.

Một tiếng huýt còi ảm đạm với ba nốt chợt vang lên trong không khí.

Khi Sherlock đang chăm chú quan sát, con chim quay đầu lại để nhìn cậu cho rõ hơn và chồm về phía trước như thể muốn lao xuống nhào thẳng vào con người dưới kia.

CHƯƠNG 7

Sherlock chợt nhìn thấy một ánh lóe. Có thứ gì đó được buộc vào chân con chim ưng: đó là những lưỡi dao bằng kim loại xòe ra như những cái vuốt phụ. Khi con chim di chuyển trên ngăn tủ, Sherlock có thể thấy lớp gỗ bóng bị cào ra khi chạm phải kim loại.

Bất ngờ, chỉ với một cái vỗ cánh, con chim nhào thẳng về phía Sherlock. Hai chân nó dang rộng ra vững vàng, các vuốt kim loại xòe ra. Sherlock nhảy lùi ra sau, nhưng lại vướng chân té nhào. Cậu như đang ngả người ra sau trong một đoạn phim quay chậm, nhìn thấy con chim ưng phóng xuống, bộ vuốt của nó chĩa vào mắt mình. Con chim ở gần đến nỗi Sherlock có thể thấy được từng chiếc lông dưới ức của nó. Gió lướt qua mặt cậu khi con chim vỗ cánh bay qua. Thời gian như kéo dài ra, khiến Sherlock tự hỏi phải chăng mình đang lơ lửng trong không khí, nhưng khi vai cậu bất ngờ đập mạnh xuống sàn nhà tạo ra một tiếng phì lớn thoát khỏi lồng ngực thì mắt bắt đầu nảy đom đóm.

Sherlock lăn tròn, ép người vào phần gỗ lót chân của tủ kính trưng bày rồi lồm cồm bò về phía trước, chờ từng giây để cảm thấy những móng vuốt của con chim cắm vào da thịt ở vùng cổ. Các cơ lưng của cậu co thắt lại vì đau. Mắt vừa thoáng thấy một đám lông vũ màu nâu vụt tới, cậu nhào ngay sang một bên, nhưng rồi thấy mọi vật vẫn bất động, Sherlock nhìn kĩ hơn và nhận ra đó là một con chim cắt nhồi rơm được đặt đằng sau chiếc tủ kính. Cậu ở gần con chim đến nỗi có thể thấy được những đường chỉ may ở phần cổ và lớp bụi nằm trên cặp mắt thủy tinh đen lánh của nó.

Thận trọng, cậu ngẩng đầu nhìn lên.

Không thấy con chim ưng đâu cả.

Sherlock đứng dậy và nhìn quanh quất, đảo mắt tìm ở mọi góc mờ tối, mọi xó xỉnh bị che khuất. Chẳng có gì cả.

Con chim ưng đã biến mất.

Cậu nghe tiếng chim vỗ cánh ở một nơi xa xăm nào đó, nhưng đó chỉ là những âm thanh dội vào các bức tường trống nên không biết được chúng xuất phát từ đâu.

Sherlock dựa lưng vào mặt kính của chiếc tủ. Cậu cảm thấy cái lạnh từ mặt kính xuyên qua hai lớp áo khoác, vào cả chiếc áo sơ mi.

Cách xử trí tốt nhất lúc này là gì? Cậu có thể đi tiếp, nhưng như thế chỉ đưa cậu đến một nơi xa lạ. Hay là quay lại tiền sảnh. Cậu có thể đứng đó chờ Amyus Crowe, hoặc đi qua khu vực trưng bày động vật lưỡng cư và bò sát để tìm ông ta.

Sherlock chợt nghĩ, có khi nào Amyus Crowe đang sống mái với một con cá sấu, hoặc một loại thằn lằn lớn như con vật mà cậu với Matty và Virginia đã gặp phải tại Mỹ, tương tự như cảnh Sherlock đang chiến đấu với một con chim ở khu vực chim nhồi rơm không. Ý nghĩ này rõ ràng là ngốc nghếch – không lý nào những con thú nhồi rơm lại sống dậy và thoát ra khỏi các tủ trưng bày – nhưng suy nghĩ này cũng làm đầu óc cậu căng lên. Một con chim ưng còn sống đang làm gì trong một bảo tàng nhỉ? Thậm chí nó đang làm gì tại London này? Và tại sao vuốt của nó lại được gắn đầy cựa sắt bén như dao cạo?

Chỉ có một câu trả lời cho tất cả các câu hỏi – rõ ràng con chim này có chủ, người chủ có một cái còi, và anh ta sử dụng con chim để giết chết Sherlock hoặc làm cho cậu bị thương. Có lẽ họ đã theo dõi cậu và Amyus Crowe đến bảo tàng hoặc, có nhiều khả năng hơn, họ lấy bảo tàng làm căn cứ điều hành và phát hiện ra hai người khi họ đi vào bảo tàng.

Như để xác nhận giả thuyết của cậu, một tiếng huýt ngắn lại vang lên cắt ngang bầu không khí im lặng nặng nề - tiếng huýt còi có ba nốt, như một tín hiệu để gọi con chim ưng. Ngay lập tức Sherlock nghe tiếng con chim đập cánh. Một bóng đen chấp chới trên trần nhà, bóng con chim được ánh nắng rọi qua cửa sổ trên mái và phản chiếu trên mặt kính của tủ trưng bày, và biến mất sau khi con chim bay qua.

Rồi tất cả lặng lẽ trở lại.

Sherlock cố di chuyển hết sức lặng lẽ về phía cửa lớn mà cậu đã đi vào. Mắt cậu đảo nhìn mọi hướng, cố gắng tìm xem cuộc tấn công sắp tới xuất phát từ hướng nào.

Bụi nhét đầy trong mũi. Sherlock cảm thấy muốn hắt hơi. Cậu lấy tay bóp chặt đầu mũi, thật mạnh cho đến khi kích thích hắt hơi giảm đi. Điều cuối cùng mà cậu muốn làm là thu hút sự chú ý của con chim ưng. Nhìn quanh, Sherlock phân vân không biết hiện giờ mình đang ở đâu. Cậu không nhận ra mấy con chim đứng trong tủ kính. Cậu nghĩ đó là chim đại bàng, nhưng bộ lông của chúng lại trắng tuyền và có nhiều khoang quanh cổ.

Sherlock chưa hề gặp những mẫu vật này khi bước vào khu trưng bày. Chắc là còn một lối đi nữa mà cậu bỏ sót.

Nên tiếp tục đi hay quay lại?

Cậu quyết đi tiếp. Nếu may mắn cậu sẽ tìm được một lối ra khác.

Nếu không may, thì con chim ưng sẽ tìm ra cậu. Hoặc chính chủ nhân của nó sẽ tìm.

Vừa đi cậu vừa đảo mắt nhìn các tủ trưng bày. Chiếc tủ ở sát ngay phía bên trái cậu chứa một con chim săn mồi màu nâu có chiếc mỏ sắc. Cậu chăm chú nhìn khi đi qua, nhưng một cái gì sâu trong đầu đang nhắc cậu phải cảnh giác. Cậu nghĩ chắc có nét giống nhau giữa con chim đứng trong tủ và con chim ưng suýt móc mắt mình, nhưng khi con chim trong tủ quay đầu nhìn theo, cậu mới nhận ra rằng nó không hề ở trong tủ, bởi vì chiếc tủ đang trống không – cậu đang nhìn xuyên qua tủ kính và con chim đang đậu trên một cái gờ nằm phía sau tủ. Con chim ưng vẫy mạnh đôi cánh đồ sộ và bật dậy. Nó lắc lư giây lát để giữ thế cân bằng trên đầu chiếc tủ trống rồi lao thẳng về phía Sherlock. Theo phản ứng tự vệ, cậu giơ chéo hai cẳng tay lên để che mặt. Con chim nhào vào cậu, dùng vuốt và cánh tấn công. Những cái cựa sắt cố quặp lấy cánh tay cậu, nhưng chỉ xé toạc được ống tay của chiếc áo khoác. Hai cánh của nó đập mạnh vào vùng mang tai cậu những cú mạnh như cú đấm của võ sĩ quyền Anh. Một chiếc vuốt đã cắt xuyên qua lớp vải của áo khoác và áo sơ mi, cậu cảm thấy có một đường sướt nóng bỏng chạy dọc theo da thịt cánh tay trái, rồi sau đó máu tươm ra, thấm vào lớp vải. Lúc con chim tấn công, cậu nhắm mắt ngay theo vô thức, nhưng giờ mở mắt ra cậu thấy cái đầu của nó chỉ cách đầu mình có vài tấc. Con chim lùi lại, gom móng vuốt để giữ thăng bằng và chuẩn bị chĩa cái mỏ nhọn hoắt vào mắt phải

của Sherlock. Vừa hoảng sợ vừa tức giận, cậu vung mạnh bàn tay phải. Các đốt của nắm tay tống mạnh vào ngực con chim, đẩy nó ra xa. Con chim vỗ cánh bay lên, nhưng thay vì bỏ đi nó lại nhắm về phía Sherlock. Lấy một cánh tay che mặt, cậu dùng cánh tay kia giáng trả một đòn. Nếu đánh trúng chắc chắn sẽ làm cho nó gãy cánh, nhưng con chim lại quá nhanh nhẹn. Nó chuyển hướng bay để tránh cú đấm của Sherlock. Cậu đưa mắt nhìn con chim bay đi, lướt dọc theo khoảng trống giữa các tủ trưng bày, sải cánh lượn chúi xuống gần sát đất rồi nó đập cánh bật lên ngay theo một vòng cung gần như dốc đứng để tránh cái tủ trưng bày ở phía trước.

Sherlock ngồi thụp xuống chừng vài phút, hai tay thõng xuống gối, thở khò khè. Cậu cảm thấy máu đang đẩy nhanh trong các động mạch cổ và đập thình thịch vào hai thái dương. Cậu bật người đứng thẳng dậy và nhìn xung quanh. Có nhiều cặp mắt đang nhìn theo cậu chằm chằm nhưng tất cả chỉ là mắt thủy tinh. Cậu dò tìm xem có dấu hiệu nào của con chim trong những khoảng tối trên trần cao, mà không thấy đâu. Nhưng nó có thể nhìn thấy cậu. Cậu cảm nhận được điều đó.

Người nào là chủ của con chim chắc hẳn đã nghĩ rằng Sherlock sẽ thoái lui lần nữa, theo lối cửa ra mà trước đó cậu đã nhắm tới.Vì thế cậu bước theo hướng mà con chim ưng đã bỏ đi. Ít nhất, đây cũng là một yếu tố bất ngờ.

Cậu đến bên tủ trưng bày lớn lúc này không còn con chim ưng ở đó nữa. Bên trong là một bầy chim nhỏ hơn đứng trên những sợi dây, xòe cánh như thể đang bay. Tại đây, lối đi tỏa ra hai bên trái và phải. Cậu chọn đại phía bên phải, đi ngang qua gian trưng bày

chim hải âu. Tới đầu kia, lối đi rẽ sang phải. Cậu dừng lại đó, và nhìn kĩ vào góc nhà.

Phía trước là một khu vực không bày biện gì, tận cùng có một cánh cửa gỗ lớn dường như mở vào phòng bên cạnh. Ánh nắng chói chang chiếu vào các khung cửa sổ cao từ sàn nhà lên đến trần ở hai bên. Đứng giữa phòng là một người đàn ông qua bóng chiếu của luồng ánh sáng từ khung cửa sổ đằng xa. Ông ta đứng quay lưng lại phía cửa lớn. Sherlock hầu như không thấy được điểm gì đặc biệt ngoại trừ cảm tưởng chung về một thân hình đồ sộ với vai rộng. Ông ta đang tì một tay trên chiếc gậy để giữ thế, tay kia dang ra đỡ lấy thân hình con chim ưng. Rõ ràng là con vật đang cảm thấy bất ổn: đầu nó lắc qua lắc lại, nhấp nhổm hai chân như muốn chuyển sức nặng của thân mình từ chân này sang chân khác. Người đàn ông nói với nó bằng một giọng điềm tĩnh và dần dà con chim dịu lại, đứng yên, đầy cảnh giác.

Người đàn ông nghiêng đầu nhìn qua hai bên. Con chim làm theo. Sherlock ngoảnh mặt ra sau để tránh bị phát hiện.

Phải làm gì bây giờ?

Cậu không thể tiến đến cánh cửa trước mặt. Người đàn ông kia đang ngáng đường. Cậu phải quay trở lại chỗ cánh cửa mà cậu vừa bước qua.

Một ý tưởng lóe lên trong đầu. Cậu cởi giày ra bỏ vào trong túi áo khoác. Mang vớ đi sẽ ít gây tiếng động trên sàn gỗ cứng. Cậu quay ra sau, rồi rẽ và chạy dọc theo lối đi. Cậu lạc mất không tìm đúng đường, nhưng đây là viện bảo tàng chứ không phải là mê cung. Miễn là cậu nhắm đúng hướng, rồi thế nào cũng ổn.

Cậu rẽ phải rồi rẽ trái. Chỗ nào cũng có lũ chim đang nhìn cậu chằm chằm bằng đôi mắt lạnh lẽo. Có lẽ cậu đã thấy chúng rồi, hoặc chưa. Những bóng chim lờ mờ hòa vào nhau.

Có một cái tủ kính trưng bày trống không! Chính đây là chỗ cậu đã nhìn thấy con chim ưng xuyên qua lớp kính, khi nó đậu vào cái gờ trên tường. Cậu nghĩ rằng từ chỗ này trở đi mình đã biết đường ra. Chỉ hai chỗ ngoặt nữa...

Một cái gì đó đột ngột giáng xuống lưng giữa hai xương bả vai, xô cậu ngã xuống. Những chiếc vuốt cắm vào lớp cơ lưng, xé toạc lớp vải áo khoác và áo sơ mi như thể xé lớp giấy lụa. Nghĩ đến giây phút chiếc mỏ chim mổ vào gáy khiến người cậu như nổi gai ốc. Cậu lăn tròn cố tìm cách đè con chim dưới thân mình, nhưng nó lại quá nhanh nhẹn so với cậu. Nhả vuốt ra, con chim ưng nhảy vài bước dọc theo hành lang rồi vỗ cánh bay đi. Cú quạt cánh mạnh để lại một vài cái lông vũ bay bồng bềnh trong không khí.

Sherlock lẩy bẩy đứng dậy. Cậu không thể chịu đựng nhiều hơn nữa.

Cậu lại nghe tiếng huýt của người đàn ông to lớn, chủ nhân con chim, lần nữa.

Ở tận đầu kia của lối đi, con chim ưng bất ngờ bật dựng lên, rồi dừng lại và dường như muốn lượn một vòng giữa không trung khi nó vẫy nhẹ đôi cánh. Rồi nó nhắm theo hướng lối đi giữa phòng lao xuống người cậu như một quả đạn có lông.

Sherlock tì tay trái vào cái tủ kính trống sát bên hông để lấy điểm tựa. Cánh cửa kính chuyển dịch một chút dưới các ngón tay của cậu. Cửa tủ không khóa. Ai đó giữ nhiệm vụ bố trí các vật

trưng bày đã quên khóa tủ kính này khi lấy đi các vật liệu liên quan đến thú nhồi rơm và phong cảnh làm nền cần thiết.

Con chim đã bay được nửa quãng đường. Đường bay đang chúi xuống sàn nhà, nhưng một cú vẫy cánh mạnh đã làm nó tăng tốc và bốc lên cao.

Nó đang nhắm tới cổ họng của cậu.

Sherlock chụp lấy phần giữa của khung cửa. Không còn thời gian để tính toán có đúng thời điểm hay không, cậu chỉ làm theo bản năng mà thôi.

Khi con chim chỉ còn cách chừng hai thước, cậu giật mạnh cái khung cửa. Cánh cửa kính bật mở ra ngay trên đường bay của con chim ưng. Con chim đâm sầm vào tấm kính, xuyên qua tấm kính, và rơi nhào xuống đất, bộ dạng đầy hoảng sợ, trong khi các mảnh kính vỡ rơi loảng xoảng. Sherlock nhìn thấy con vật lắc lắc cái đầu và cố đứng dậy. Cậu không thấy nó chảy máu, hai cánh dường như không hề gì, nhưng chắc chắn là không còn bay tiếp được nữa. Con thỏ đã bất ngờ phản công và cắn lại.

Sherlock ngước nhìn dọc theo lối đi. Ở tận phía xa là một người đàn ông to lớn đang đứng chống gậy. Tuy đó là một cái bóng đen nổi trên nền sáng mặt trời phía sau lưng, nhưng Sherlock cảm nhận là tia mắt ông ta như đâm xoáy vào trán mình, cái cảm giác mà Sherlock từng trải qua khi con chim ưng nhìn trừng vào gáy cậu.

Cậu cảm thấy dễ chịu hơn nhiều khi vẫy vẫy tay chào, rồi quay lại đi về phía cánh cửa mà cậu đã băng qua trước đó. Cậu không quan tâm đến việc cánh cửa có khóa hay không. Cậu vừa hạ nốc ao

con chim ưng giết người, nên cánh cửa bị khóa chỉ là trò trẻ con.

Quả thực là cánh cửa còn bị khóa, nhưng khi cậu đến gần, có ai đó đang đập mạnh và lên tiếng kêu cửa. Một lúc sau, có tiếng mở khóa, rồi cánh cửa mở toang ra. Một người đàn ông mặc đồng phục bảo vệ suýt ngã nhào vào.

"Chuyện gì xảy ra thế này?" Ông ta kêu lên. "Ai đã khóa cái cửa này?"

"Ông phải biết chứ." Sherlock trả lời. "Chính ông là người giữ chìa khóa mà."

Người bảo vệ nhìn lướt mớ quần áo tả tơi và người Sherlock dính đầy máu, kinh ngạc hỏi. "Việc gì đã xảy ra ở đây? Tôi nghe có tiếng kính vỡ."

Sherlock suýt buột miệng kể cho ông ta mọi thứ, nhưng cậu kịp dừng lại. Việc này giống như cậu bịa chuyện để che đậy hành vi phá hoại vậy. Ai mà tin có một con chim ưng còn sống tấn công cậu được? Phải giải thích và biện giải hàng tiếng đồng hồ nữa, trong khi cậu còn phải tìm gặp Amyus Crowe để báo cho ông ta biết những gì đã xảy ra.

"Một trong những cánh cửa của tủ trưng bày bật ra khi tôi đi ngang," Sherlock nói giọng mệt mỏi. "Cửa kính vỡ tung. Tôi bị thương. Tôi phải báo cáo việc này cho ai đây?"

"Báo cáo à?" người bảo vệ lập lại.

"Vâng, tôi bị thương. Tôi sẽ gặp ai để đòi bồi thường?"

Người bảo vệ khựng lại, vẻ mặt bối rối. "Cậu nên gặp người phụ trách," giọng ông ta có vẻ bình tĩnh hơn nhiều so với lúc trước.

“Tôi tìm ở đâu?”

“Tại phòng làm việc. Nằm giữa phòng trưng bày khỉ và thú móng guốc.”

“Cám ơn ông.” Rồi với một phong thái hết sức đĩnh đạt, Sherlock bước đi.

Cậu rảo nhanh qua nhiều dãy trưng bày, nhắm về phía lối ra vào chính. Cậu phải tìm gặp Amyus Crowe để báo cho ông ta biết những gì đã xảy ra. Dĩ nhiên, nếu ông Crowe không bị cái gì đó tấn công.

Cậu gặp ông Crowe tại một tiệm trà nhỏ nằm ở phía bên kia cầu thang chính. Ông đang ngồi vắt vẻo trên một cái ghế sắt uốn sơn màu trắng, nhấp từng hớp trà trong một cái chén sứ trông giống một thứ đồ chơi búp bê trong bàn tay to tướng của mình. Nhiều cành cây giả được cắm trên tường vôi, bên trên có những chiếc lá bằng vải, và bầy chim vẹt, chim thiên đường nhồi rơm rất nghệ thuật. Bộ lông vũ của chúng rực rỡ các sắc màu xanh lục, đỏ, xanh dương và vàng óng ánh như các thứ đồ trang sức. Tiệm trà hầu như không có khách, nếu không tính đến một người đàn ông ngồi đọc báo một mình trong góc phòng, và hai bà cụ đang tán gẫu gần cửa sổ. Một thanh niên mặc quần đen, áo khoác sọc đi lại giữa mấy cái bàn, phủi các vụn bánh mì còn sót trên khăn bàn.

“Xem ra cháu có thể thanh toán hết một khoanh bánh bông lan đấy,” Crowe nhìn bộ dạng của Sherlock từ đầu tới chân rồi dè dặt nhận xét. “Có lẽ cháu phải kêu thêm một ly nước chanh nữa.”

“Thế chú không muốn biết chuyện gì đã xảy ra à?” Sherlock rên rỉ, ngồi thụp xuống một chiếc ghế ở phía bên kia bàn.

“Nhìn bộ dạng của cháu là chú biết gần hết chuyện,” Crowe đáp lời. “Chú có thể nói là cháu đã bị một con gì đó tấn công. Cháu hạ được nó, nhưng cũng bị xây xát chút ít. Nhưng là con gì vậy?” Ông ta ngừng lại. “Không, không cần nói.” Ông ta cau mày. “Một con chim, đại bàng phải không? Không phải, nó nhỏ quá. Chú đoán là một con chim ưng, căn cứ theo kích cỡ vết rách trên quần áo cháu.”

“Cháu đang ở trong gian trưng bày chim săn mồi thì bị một con chim săn mồi tấn công.”

“Chú đoán rằng không phải là một con chim nhồi rơm chứ.”

“Một con chim thực sự,” Sherlock cáu.

“Đương nhiên rồi,” Crowe nói giọng thân thiện. “Chú chỉ đùa chút thôi.”

Sherlock nhìn kĩ người cố vấn dày dặn kinh nghiệm của mình. Bộ quần áo bình thường vốn trắng tinh của Crowe có vẻ nhăn nhúm ở chỗ ve áo như thể bị ai túm kéo, và ống tay áo bên trái mất một chiếc nút. Tóc tai bù xù như bị một trận gió xới tung lên. “Chú cũng có vẻ không hấp dẫn lắm,”

Sherlock lên tiếng. “Chuyện gì đã xảy ra ạ?”

Crowe nhăn mặt. “Chú đang tự hỏi không biết cháu có nhận ra không đấy. Chú thấy có một cánh cửa lớn dẫn tới một số phòng làm việc, chú muốn xem có chuyện gì ở bên trong. Chú chuẩn bị sẵn lý do - như đi tìm nhà vệ sinh chẳng hạn – nhưng thay vì gặng hỏi sự hiện diện của chú, thì một tay nào đó tính tẩn vào lưng chú bằng dùi cui. May mà chú nhìn thấy bóng khi chúng vụt vào, nên chú thụp đầu xuống né đúng lúc. Cũng có xô xát một chút, và chú bị

đẩy vào một khung cửa, nhưng kẻ tấn công chú chắc thấy rằng yếu tố bất ngờ không còn nữa, và chú cũng không phải là tay dễ chơi, nên hắn lẩn mất còn chú thì cố hoàn hồn." Ông thở phì. "Chú chỉ biết người tấn công chú là một gã to con, sử dụng dùi cui khá thành thạo thế thôi."

"Như vậy cả cháu lẫn chú đều bị tấn công," Sherlock lên tiếng. "Tức là ta đang theo dõi đúng hướng."

"Chú không chắc là việc mình bị tấn công có liên quan đến việc điều tra không, hoặc đó chỉ là một vụ trấn lột nhầm, nhưng kết hợp với vụ cháu bị tấn công, chú đoán rằng chúng ta đã bị họ phát hiện."

Sherlock nhìn quanh. "Chú có nghĩ rằng ngay cả lúc này chúng ta cũng đang bị theo dõi không?"

Crowe gật đầu. "Cũng không có gì ngạc nhiên." Ông nhìn quanh căn phòng, ngó người đàn ông đang đọc báo, hai bà cụ đang mãi mê tán gẫu và người chạy bàn mặc áo gilê sọc. "Cũng có thể ông chủ của cái cơ ngơi đẹp đẽ này không làm mấy chuyện đó. Nhưng không chắc lắm về gã mặc quần áo diêm dúa nhận thực đơn gọi món."

"Vấn đề là cháu không phát hiện được cái gì cả," Sherlock nói. "Chẳng có gì đáng chú ý cả."

"Cháu có thể cảm thấy ngạc nhiên," Crowe nói. "Theo những gì chú biết về cháu, chú nghĩ rằng cháu đã thu thập được một số chi tiết có thể giúp ích cho chúng ta đấy."

"Thế chú đã phát hiện ra cái gì phải không? Trước khi chúng ta bị tấn công?"

Crowe nhún vai. “Chú đã nhìn kĩ xung quanh, kể cả một số khu vực mà công chúng không được phép vào, nhưng phải thừa nhận chỉ là công cốc. Nếu có thứ gì đã xảy ra ở đây tức là chú đã bỏ qua một số dấu hiệu.”

“Chúng ta có đủ thông tin để báo cho cảnh sát không?” Sherlock hỏi. “Ta không thể tự điều tra nơi này được. Không phải vì Viện Paradol đã biết rằng ta đang ở đây lúc này.”

Crowe gật đầu. “Chúng ta đều bị tấn công. Thế là có đủ lý do để lôi cảnh sát vào cuộc, nếu may mắn ta sẽ tìm được lí do để tố cáo trong khi họ đi tìm bọn đã tấn công chúng ta.” Ông vỗ mạnh tay lên bàn, làm tách trà khua lách cách trên chiếc đĩa. “Ta phải tìm ra bọn chúng.”

Ông đứng bật dậy. “Chắc cháu không ăn được miếng bánh bông lan rồi. Giờ thì ta quay lại đồn cảnh sát đường Bow để nộp đơn khiếu nại thôi.”

CHƯƠNG 8

"Chú Crowe," Sherlock hỏi, "chuyện gì đã xảy ra với anh cháu. Chuyện gì xảy ra với Mycroft?"

Đó là buổi sáng sau chuyến phiêu lưu của họ vào viện bảo tàng, và giờ đây họ đang ngồi ăn sáng tại khách sạn Sarbonnier, khách sạn mà Sherlock đã từng ở khi đến London lần trước. Crowe thức dậy sớm và đi ra ngoài trước khi Sherlock thức giấc, nhưng khi Sherlock đi xuống dùng bữa sáng thì ông cũng vừa trở về khách sạn.

"Tin tốt lành là anh cháu đã được bảo lãnh tại ngoại," Crowe trả lời.

"Vậy là nghĩa sao ạ?"

"Nghĩa là ai đó – trong trường hợp này là câu lạc bộ Diogenes – đã nộp một mớ tiền mặt để ký quĩ cho tòa án.

Toà án quyết định cần phải nộp ký quĩ bao nhiêu, số tiền ký quĩ này phải lớn để làm nản lòng nghi can nếu họ muốn bỏ trốn. Nếu anh cậu biến mất trước khi đưa ra xét xử - nếu có xét xử thực sự - thì món tiền sẽ bị tịch thu." Ông cười to. "Nói cho cùng, nếu chỉ mất năm đồng silinh mà được bảo lãnh tại ngoại, thì can phạm nào có một tí tiền cũng sẽ được thả ra trong vòng ba mươi phút, và phần lớn bọn họ đều chuồn ngay sau đó."

"Thế phải tốn bao nhiêu để bảo lãnh cho anh Mycroft được tại ngoại?"

"Chú tin rằng khoản tiền này phải lên đến năm ngàn pound."

Sherlock nhăn mặt. "Vậy Mycroft bây giờ đang ở đâu ạ?"

"Cậu ta vừa thảo luận với luật sư vừa thưởng thức bữa điểm tâm thịnh soạn tại Câu lạc bộ Diogenes. Chú đã gởi cho Mycroft một bức điện tín báo tin rằng cháu an toàn, hiện giờ đang ở tại khách sạn Sarbonnier. Cậu ta có thể gặp chúng ta sau."

"Làm sao câu lạc bộ Diogenes giải quyết được khoản tiền mặt?" Sherlock hỏi.

"Chắc chắn rằng họ có một quĩ riêng do các hội viên đóng góp để được tư vấn và hỗ trợ pháp lí khi cần thiết." Bỗng dưng vẻ mặt ông Crowe trở nên ủ rũ. "Cái lạ là chú không thấy các sếp của anh cháu ra tay. Họ hoàn toàn kín tiếng về toàn bộ vụ việc. Chú cho rằng họ không muốn thiên hạ thấy họ can thiệp, biết họ là cơ quan chính phủ, tức là có liên quan đến lực lượng cảnh sát."

Sherlock trầm ngâm một lúc. "Nhưng người đàn ông mà chúng ta gặp – cái gã tấn công cháu dưới đường hầm nhà ga Waterloo ấy. Hắn thú nhận là Mycroft bị gài bẫy. Một người khác mới là hung thủ gây án mà."

"Thực tế là vậy, nhưng cảnh sát cần phải có thời gian thu thập chứng cứ để minh oan cho anh cháu. Điều quan trọng là luật sư của câu lạc bộ Diogenes có thể đã hướng họ đi đúng đường." Crowe nhướng mắt. "Điều làm chú lo lắng là kẻ dàn cảnh mưu hại Ngài Homes vẫn còn đang nhởn nhơ ngoài kia, và chúng ta cũng không biết được động cơ cũng như việc làm sắp tới của chúng."

"Chú có nghĩ là họ có thể sẽ gài cho anh cháu dính một vụ mưu sát khác không?"

Crowe nhún vai. "Cũng không loại trừ khả năng này, nhưng mà

nếu thoát được vụ này - giả sử là vậy - thì cũng dám chắc sẽ thành công với vụ khác. Có một câu mà bọn chú thường nói, tận thời Nội chiến: xảy ra một lần là tình cờ, xảy ra hai lần là hành động của kẻ địch. Ngay cả cảnh sát cũng biết thế. Không, chú cho rằng ta phải chuẩn bị đối phó với một cái gì đó sắp xảy ra. Một âm mưu khác nữa."

"Vậy chúng ta phải làm gì đây? Làm sao để bảo vệ Mycroft?"

Crowe nhìn Sherlock hồi lâu. Cặp mắt xanh của ông lộ ra vẻ ôn hoà, nhưng Sherlock biết rằng chúng có thể nhìn thấu hết mọi việc. "Cháu rất trung thành với anh mình, phải không? Một số cậu bé tuổi cháu cứ để người lớn tự xoay xở việc của họ, còn cháu thì không. Cháu muốn bảo vệ anh mình."

Sherlock quay đầu đi để ông Crowe không thấy những giọt nước mắt. "Cha cháu đang ở Ấn Độ," cuối cùng cậu nói, "và mẹ cháu đang ốm. Còn chị gái thì... chẳng thể giúp gì được. Anh Mycroft chỉ có mình cháu, cháu cũng chỉ có anh ấy. Chúng cháu phải chăm sóc cho nhau." Cậu cười, tự giễu mình. "Và chắc chú cũng nhận thấy anh cháu không phải là người nhanh nhảu hay lanh lợi nhất. Đi từ đầu này đến đầu kia thành phố anh ấy cũng cần có người giúp." Cậu bật cười. "Có lần cháu nghe kể là anh ấy được mời ăn cơm tại nhà người nào đó ở nông thôn. Bình thường anh ấy không nhận lời mời, nhưng chủ nhân ngôi nhà vốn có một hầm rượu ngoại hạng và bà đầu bếp nổi tiếng với các món tráng miệng, cho nên anh cháu đặc biệt cố gắng. Anh thuê một chiếc xe ngựa đi đến sân ga, đáp tàu lửa khoảng một giờ, rồi kiếm một chiếc xe bò đi thêm năm dặm mới tới ngôi nhà. Phần cuối của chuyến đi là phải cuốc bộ

trèo lên con dốc ngắn mới đến được cửa trước ngôi nhà, nhưng anh cháu ngước nhìn cái dốc rồi quay lại, bảo người đánh xe chở về nhà ga. Anh cháu là kiểu người như vậy. Rất thông minh, nhưng không thiết thực."

"Và cháu vẫn cứ yêu anh mình phải không?"

"Anh ấy là anh cháu. Dĩ nhiên là cháu yêu anh mình." Cảm thấy không được thoải mái khi đề cập đến các tình cảm riêng tư, Sherlock liếc nhìn Crowe một cái rồi hỏi: "Chú có anh em chứ?"

Mặt ông Crowe dường như đanh lại. "Thôi đừng nói chuyện đó nữa," ông nói, giọng nghe như hai hòn đá chà xát vào nhau.

Trong một lúc họ không nói gì thêm, chỉ ngồi ăn sáng. Cuối cùng, Crowe nhìn quanh và hướng về phía một người hầu bàn đang dọn bữa sáng cho một gia đình ở gần đó. "Hãy nói cho chú biết cháu nhớ được những gì mà chú vừa dạy xong. Nói vài điều về anh ta cho chú xem nào?"

Sherlock xem xét. "Cháu nhớ là đã gặp anh ta lần trước ở đây." Cậu nhìn anh chàng nọ từ đầu xuống chân. "Bộ đồng phục của anh ta có vẻ hơi ngắn, cái quần đã sửa đi sửa lại nhiều lần. Rõ ràng là anh ta mặc nó lâu ngày mà chưa có cái mới. Hoặc là do lương thấp hoặc anh ta tiêu vào việc khác. Nhưng đôi giày lại mới tinh, bóng lộn, chẳng phù hợp với bộ đồng phục mấy." Sherlock nhìn kĩ vào khuôn mặt và đầu tóc anh ta. "Anh này dùng dầu bôi tóc Macassar." Cậu hít hít mũi. "Đúng rồi, cháu có thể ngửi ra chút mùi hoa nhài, mùi hoa cam và dầu dừa. Dầu Macassar chẳng hề rẻ. Vì thế, cháu cho rằng anh này dành phần lớn tiền lương để mua những thứ làm cho mình hấp dẫn đối với phụ nữ - như dầu bôi tóc, giày, và kể

cả quần áo anh ta mặc lúc không làm việc, cháu đoán thế. Tất cả cho thấy anh ta không có vợ." Cậu nhún vai. "Chỉ có bao nhiêu đó thôi."

"Nếu chú cho cháu biết là anh ta đã ba lần bị buộc tội móc túi thì sao nào," Crowe nói, "và có thời gian đã ngồi tù. Người gác cửa cho chú biết đấy. Viên quản lý khách sạn nhận anh ta vào chẳng qua vì anh ta là con của chị gái mình."

Sherlock nhìn kĩ hơn người hầu bàn. "Anh ta cứ quanh quẩn mãi bên cạnh ông bố bên kia," cậu phát hiện. "Có lẽ rình cơ hội để xoắn thứ gì đó trong ví của người ta."

Khi Sherlock theo dõi, người hầu bàn đánh rớt con dao. Lí nhí xin lỗi gia đình khách hàng, anh ta cúi xuống để nhặt lên.

"Nhìn kìa!" Sherlock nói gấp gáp. "Cháu nghĩ rằng anh ta cố ý đấy. Anh ta cho tay vào túi áo khoác của ông bố khi mọi người mãi chú ý tới con dao kìa!"

"Đúng ra là thế này," Crowe thú nhận, "anh ta không hề bị buộc tội móc túi. Chú bịa ra đấy. Anh ta tham gia dàn đồng ca Tu viện Westminster, dù rằng anh ta chỉ là cháu họ của viên quản lý mà thôi."

Hơi hoang mang, Sherlock nhìn lại những gì đang xảy ra tại bàn ăn bên kia. Những gì mà ít phút trước đó tỏ ra đáng ngờ, thì giờ đây lại hoàn toàn rõ ràng, khi người hầu bàn đứng lên với con dao trong tay.

"Có đúng thế không?" Cậu lên tiếng.

"Không," Crowe nói. "Chú cũng bịa ra đấy. Thực ra năm ngoái anh ta có đâm một người khi ẩu đả trong một quán rượu, nhưng

vụ án này bị hủy vì không có ai chịu đứng ra làm chứng chống lại anh ta."

Cũng khung cảnh như thế - chiếc bàn, cả gia đình ngồi xung quanh, người hầu bàn đứng bên cạnh, giờ đây đối với Sherlock trở nên hoàn toàn khác hẳn. Người hầu bàn lúc này dường như đang cầm con dao lăm le kê vào cổ người bố.

"Điều đó cũng không đúng nữa phải không?" cậu hỏi đầy bực bội.

"Cũng không luôn," Crowe thú nhận. "Thực ra chú cũng không biết gì về người hầu bàn trừ mấy nhận xét từ quần áo, đầu tóc và bàn tay. Chú cũng không biết gì về lý lịch của anh ta. Ý chú là những gì chúng ta thấy khác nhau là do cách chúng ta dán nhãn lên sự việc, và những cái nhãn này căn cứ trên những gì chúng ta biết được - hoặc nghĩ rằng chúng ta biết được. Một khối óc sành sỏi sẽ loại bỏ những cái nhãn có sẵn và sử dụng các sự kiện thực tế cùng suy luận. Một đầu óc sành sỏi còn khai thác cách người khác suy nghĩ để hướng họ theo một lối nhất định, và buộc họ phải làm một việc nhất định gì đó.

Sherlock định hỏi Crowe nhiều hơn nữa về tiết lộ thú vị rằng người ta có thể thao túng suy nghĩ của người khác qua lời nói có chủ ý, thì từ phía bên kia khách sạn có người lớn tiếng gọi họ.

"Sherlock, ông Crowe – tôi tham gia được không?"

"Anh Mycroft!" Sherlock reo lên.

Mycroft thong thả đi đến chỗ bàn hai người đang ngồi. Quần áo anh tươm tất như thường lệ - bộ complet và áo khoác ủi rất thẳng, mũ chải kĩ không chê vào đâu được – nhưng da lại tái xám, còn đôi

mắt như của một người mới vừa thấy những gì mà anh ta mong không phải nhớ tới.

"Ngài Holmes," Crowe vừa nói vừa đứng dậy. "Mời ngồi. Tôi có thể gọi cho anh một bình cà phê, hoặc trà nhé?"

"Trà thì tốt hơn," Mycroft nói, đặt thân hình xuống một chiếc ghế xem ra hoàn toàn không phù hợp với sức nặng của anh. "Nếu có ăn sáng thì tuyệt vời hơn."

"Em cứ nghĩ là anh đã ăn sáng với luật sư rồi chứ," Sherlock lên tiếng.

Mycroft nhìn cậu em với vẻ trách móc. "Anh hoàn toàn không biết đạo luật cấm không được dùng hai bữa điểm tâm trong một buổi sáng được thông qua rồi đấy, và thật lòng mà nói, bữa sáng vừa qua không hề xứng với tên gọi nó. Bánh nướng thì ẩm, thịt muối mềm xèo, bánh pudding đen thì bở quá. Không nói đến món mứt. Anh vắng mặt tại Diogenes mới có một ngày mà mọi thứ ở đó đã trở thành bê bối. Nuốt mấy thứ đó chỉ làm anh đói thêm và chỉ muốn tìm một bữa sáng ra trò, mà anh nghĩ ở đây mới có được." Crowe ra hiệu cho người hầu bàn mang một khay điểm tâm khác và một bình trà. Mycroft theo dõi ánh mắt của Crowe và nhìn chăm chú vào người hầu bàn một lúc. "Na Uy phải không?" anh hỏi ông Crowe.

"Phần Lan," Crowe trả lời.

"Đúng thế, tất nhiên rồi." Mycroft lắc lắc cái đầu. "Mới bị tạm giam có một tí mà khả năng lí luận của tôi đã đi tong."

Ông Crowe bắt gặp cái nhìn của Sherlock. "Chú biết mình có nói là không hề biết gì về anh ta," ông ta nói, "nhưng điều này cũng là

dối. Gia đình anh ta từ Phần Lan đến – cứ xem kiểu cắt tóc của anh ta thì rõ."

"Nhưng tại sao lại nói dối?" Sherlock phản đối.

"Đây là một thực tế kì quặc trong cuộc sống," Crowe nói, "nếu một người Anh phát hiện một người khác nói dối một lần, hoặc ngay cả hai hay ba lần, họ vẫn cho rằng người kia rồi sẽ nói thực. Nhưng chú lại nghĩ có gì đó lệch lạc trong cách xử sự ngay thẳng của người Anh. Trên thực tế, nếu một người đã nói dối một lần thì có khả năng anh ta sẽ tiếp tục nói dối nhiều lần."

Mycroft chuyển hướng sang quan sát Sherlock. "Anh hiểu có một việc gì đó… khó chịu đã xảy ra. Chuyện liên quan đến một con chim săn mồi. Em ổn chứ?"

"Em ổn. Thế còn anh?"

Mycroft nhún vai. "Ít nhất thì giờ đây anh có thể nói là anh đã thấy được phần đời còn lại của mình sẽ như thế nào, dù rằng kinh nghiệm không làm cho anh sáng suốt hơn. Luật sư hy vọng là những lời cáo buộc sẽ được rút bỏ vào chiều nay."

"Anh có ý kiến gì về việc tại sao họ nhắm vào anh trước tiên không?" Crowe hỏi.

"Không có nhiều khả năng lắm đâu," Mycroft trả lời. "Có thể có ai đó muốn trả thù tôi vì một việc gì đó, nhưng tôi không biết đó là ai hoặc việc gì. Một khả năng nhiều hơn là có người muốn tôi bị gạt ra không tham gia được vào những vụ việc sắp tới, hoặc không chạm được vào một thứ gì đó thuộc thẩm quyền của tôi và tôi có thể đưa ra cách giải quyết không mấy dễ chịu." Anh ta nhìn sang phía Sherlock. "Em nên nhớ là anh làm việc cho Bộ Ngoại giao.

Chính phủ có nhiều chuyên gia trong các lãnh vực, nhưng anh là một chuyên gia về mọi thứ. Mọi thông tin và báo cáo đều qua tay anh, và anh giữ vai trò đánh giá - để tìm sự liên kết giữa các sự việc mà thoạt nhìn không dính dáng gì với nhau. Căn cứ những sự liên kết đó người ta hoạch định chính sách ngoại giao."

"Có việc gì đặc biệt anh phải xử lý à?" Ông Crowe hỏi.

"Tôi không nên nói đến công việc chính phủ bên ngoài phạm vi tòa nhà Whitehall," Mycroft nói nhỏ. "À, bữa sáng của tôi đây!"

Người hầu bàn đặt trước mặt anh một chiếc khay và dỡ nắp đậy bằng kim loại ra. Mặt Mycroft nở một nụ cười khi anh thấy các món ăn. "Tuyệt," anh nói. "Trình bày tuyệt vời, nấu cũng tuyệt vời. Xin chuyển lời khen ngợi của tôi đến đầu bếp." Khi người hầu bàn đi khỏi, anh tiếp tục: "Vâng, như tôi đã nói, tôi không bàn chuyện nhà nước bên ngoài phạm vi tòa nhà Whitehall, nhất là với một người có nghĩa vụ hoàn toàn liên quan đến một đất nước khác, nhưng tôi tin rằng căn cứ trên sự quen biết với ông từ xưa tới nay, tôi tin rằng ông sẽ giữ bí mật, ông Crowe ạ." Anh lấy nĩa xiên vào một tai nấm và đưa lên miệng cắn một miếng. "Ồ, tuyệt thật."

Anh vừa nhai vừa nhắm mắt. "Vâng," anh nói rồi mở mắt ra, "tôi đang nói tới đâu rồi nhỉ? Hiện giờ có nhiều sự kiện quốc tế liên quan đến vấn đề này, nhưng sự kiện mà tôi tin có nhiều khả năng liên quan nhất là vụ mua bán một miếng đất lớn cho nước ông gần đây, ông Crowe ạ."

Crowe nheo mắt lại. "Tôi chưa nắm được cái tin đặc biệt này, anh Holmes ạ."

"Tôi không hề ngạc nhiên: vụ này không được thông báo rộng

rãi trên báo chí. Đại để như thế này: đâu vào khoảng năm ngoái, một vùng đất bao la được bán cho chính quyền nước Mỹ với giá tổng cộng là bảy triệu hai trăm ngàn đô la, tính bằng vàng. Cái lạ là hai từ một "khoảng đất" với một "khoản tiền" chỉ khác nhau có một chữ. Vùng đất này rất rộng, tôi tính ra chỉ có giá hai xu một mẫu, đúng là một món hời. Vùng đất này nằm ở vùng tây bắc lục địa Bắc Mỹ, phía đông giáp Canada, phía bắc là Biển Bắc Cực, phía tây và phía nam là Thái bình dương."

"Đất này thuộc về ai trước đó?" Sherlock hỏi.

"Một câu hỏi rất đúng chỗ. Nước Nga, một đế quốc nằm bên kia eo biển Bering – tên gọi của Thái bình Dương dành cho khu vực này – là chủ nhân cũ của vùng đất trên, mặc dù trước đây cũng như hiện nay có nhiều bộ lạc thổ dân sinh sống."

"Vùng đấy này tên là gì?"

"Người Nga gọi là Alyeska," Mycroft trả lời, "nhưng chính phủ Mỹ đã chính thức lập ra khu hành chính gọi là Alaska."

"Vậy là chúng ta có một vụ mua bán đất đai," Crowe nói. "Chuyện này rất hay xảy ra tại Mỹ. Bản thân tôi cũng sở hữu một miếng đất kha khá tại Albuquerque, hiện giờ để cho người quen trông coi trong khi tôi đi vắng. Nhưng có vấn đề gì to tát đâu?"

Mycroft thở dài. "Vấn đề to tát mà ông nói, chính là việc mua bán có lẽ không hoàn toàn hợp pháp." Im lặng bao trùm quanh chiếc bàn một lúc khi hai người còn lại nắm được tầm quan trọng từ những gì mà Mycroft vừa nói.

"Làm sao mà như thế được chứ?" cuối cùng Sherlock lên tiếng. "Hai chính phủ Nga và Mỹ chắc phải có các cố vấn pháp luật để dò

từng chi tiết trong các hợp đồng chứ ạ?"

"Cũng không làm tăng thêm tính hợp lệ của hợp đồng, hơn nữa tiền cũng chưa thanh toán, lại càng làm cho vụ mua bán trên thực tế có điểm đáng ngờ về mặt pháp lý."

"Vấn đề là," ông Crowe ngẫm nghĩ, "phải chăng còn có người khác cũng muốn Alaska? Nếu không, thì chẳng có gì phải tranh luận và người Nga chỉ cần một cái huýt gió là lấy được tiền."

Mycroft cho miếng bánh pudding kẹp với bánh mì nướng vào miệng. Anh thưởng thức đồ ăn một cách mãn nguyện trong giây lát, với một nụ cười sung sướng nở trên môi.

"Đây chính là lúc mọi việc trở nên khá nhạy cảm, khá riêng tư." Cuối cùng anh nói. "Lâu nay, tôi có một "chân rết" tại Moscow. Tôi nói là "chân rết" của tôi bởi vì tuy lương và chi phí của anh ta là do Bộ Ngoại giao trả, nhưng anh ta chỉ báo cáo riêng cho tôi mà thôi."

"Ý anh là anh ta giả vờ làm việc này nhưng thực tế lại làm việc khác phải không?" Crowe hỏi.

"Anh ta tới đó để làm phóng viên, một tay khá, nhưng ngoài ra anh ta còn cung cấp cho tôi các thông tin tình báo về Sa hoàng và triều đình Nga khi có cơ hội." Mycroft thở dài, giơ tay đẩy cái khay ra xa. "Lượt sơ qua các thông tin tôi nhận được sáng nay – những thứ được gởi tới khi tôi bị tạm giam tại trạm cảnh sát đường Bow – tôi thấy có hai mẩu tin liên quan đến anh này. Tin thứ nhất do anh ta gởi, báo cho tôi biết là anh ta có nguồn tin chắc chắn là Đại sứ Tây Ban Nha tại triều đình Sa hoàng Alexander II đã đề nghị một số tiền vượt mức là 10 triệu đô la Mỹ để mua Alaska, mà lại trả ngay – bằng vàng - khi ký xong hiệp ước. Tin thứ hai từ một

nhân viên ngoại giao của Anh tại Moscow. Họ báo cho tôi biết là tay chân của tôi đã biến mất." Anh nâng tách trà lên môi rồi lại đặt xuống. "Sa hoàng có một lực lượng cảnh sát mật hoạt động song song với lực lượng cánh sát công khai. Tên gọi của lực lượng này là Ban Thứ Ba thuộc Văn Phòng Hoàng đế - tên gọi này không bắt tai mấy, nhưng có vẻ rất Nga. Người phụ trách là Bá tước Pyotr Andreyevich Shuvalov. Mấy năm trước tôi có gặp ông ta tại Pháp. Chúng tôi rất hợp nhau. Không quan trọng mấy – Văn Phòng Một của Ban Thứ Ba lo về các tội phạm chính trị, Văn Phòng Ba phụ trách người nước ngoài. Tôi nghi rằng người của tôi đã gặp rắc rối với một trong hai phòng trên và đã bị bắt đi trong đêm.

"Sa hoàng," Sherlock lên tiếng phá vỡ bầu không khí im lặng kéo theo. "Người giống như vua hoặc hoàng đế phải không?"

"Đại loại thế," ông Mycroft trả lời, nhấc mình ra khỏi những suy nghĩ nặng nề. "Nhưng trong một nghĩa khác, nó không thể dịch ra được. Kỳ lạ là nó xuất xứ từ gốc La tinh "Caesar"." Anh lắc đầu. "Người Nga rất cầu kì về mặt chức tước và những thứ như thế, thậm chí còn hơn người Anh chúng ta nữa. Trong một số thư từ ngoại giao mà tôi nhận được từ triều đình Sa hoàng gần đây, theo như tôi nhớ được là -"anh nhắm mắt - "Ta, Alexander đệ nhị, nhờ ơn trời, Hoàng đế và Người độc trị của tất cả dân Nga, của thành phố Moscow, Kiev, Vladimir, Novgoroa, Sa hoàng của Kazan, Sa Hoàng của Astrakhan, Sa Hoàng của Ba lan, Sa Hoàng của Siberia, Sa Hoàng của Tauric Chersonesos, Sa hoàng của Georgia, Chúa của Pskov, và Đại Công tước của Smolensk, Lithuania, Volhynia, Podolia, và Phần lan, Quân vương của Estonia, Livonia, Courland

và Semigalia, Samogitia, Belostok, Karelia, Tver, Yugra, Perm, Vyatka, Bulgaria và các lãnh thổ khác; Chủ và đại công tước vùng Nizhni Novgorod, Quốc vương của Chernigov, Ryazan, Polotsk, Rostov, Yaroslavl, Beloozero, Udoria, Obdoria, Kondia, Vitebsk, Mstislavl, và của tất cả lãnh thổ phía bắc; Quốc vương của Iveria, Kartalinia, và vùng đất Kabardinian và lãnh thổ Armenian - Người thừa kế và Cai quản của người Circassians và các Hoàng tử sơn cước và những người khác; chủ của vùng Turkestan, Người thừa kế xứ Norway, Quận công xứ Schleswig-Holstein, Stormarn, Dithmarschen, Oldenburg, và nhiều thứ, nhiều thứ nữa".” Anh mở mắt ra, hít một hơi dài. “Phần tước vị là phần dài nhất của bức thư. Cho nên không có gì ngạc nhiên là nhiều nhà ngoại giao không thích thú gì mấy khi được gởi tới Moscow. Họ phải ghi nhớ tất cả những thứ này.”

“Anh cũng thuộc lòng đấy thôi,” Sherlock lên tiếng.

“Đúng rồi,” Mycroft tỏ vẻ ngạc nhiên, “vì anh là Mycroft Holmes.”

“Giờ nên đi thẳng vào vấn đề,” ông Crowe chen ngang. “Chuyện gì sẽ xảy ra nếu vụ mua bán Alaska của Mỹ thất bại còn Tây Ban Nha thành công? Tại sao ta phải quan tâm?”

“Nó sẽ làm mất ổn định khu vực,” Mycroft trả lời ngắn gọn. “Canada là một vùng đất mới còn non yếu. Nước Pháp đã có ảnh hưởng mạnh tại vùng Quebec, còn nước Anh thì vẫn kiểm soát vùng British Columbia. Nếu Tây Ban Nha nắm được vùng Alaska thì những rắc rối mà chúng ta đã nếm trải tại châu Âu sẽ lại tái diễn ở một lục địa khác. Cứ nghĩ đến những cuộc chiến tranh giữa Pháp, Anh và Tây Ban Nha vào thế kỷ 16 và 17. Đó là điều cuối

cùng mà chúng ta muốn xảy ra. Ông Crowe, ông có muốn biết việc gì sẽ xảy ra nếu Tây Ban Nha được quyền kiểm soát Alaska không? Câu trả lời là chiến tranh – một cuộc chiến sẽ xé nước Mỹ ra thành nhiều mảnh trong khi nước này đang tìm mọi cách để gắn kết lại!"

Crowe gật nhẹ cái đầu đồ sộ và nói. "Tôi có thể hiểu được. Nhét nhiều quốc gia vào một chỗ theo kiểu này thì sẽ có rắc rối ngay. Cũng giống như bố trí ba bốn gia đình sống chung trong một ngôi nhà nhỏ. Trước sau gì cũng xảy ra cãi vã."

"Điều chúng tôi quan tâm nhất là sự ổn định," Mycroft nhận xét. "Chúng tôi ở đây có nghĩa là nước Anh và nước Mỹ. Như ông thấy đấy, trong mấy chục năm nay nước Anh đã từ bỏ nhiều thuộc địa. Các thuộc địa của Anh tại Canada đã trở thành một quốc gia đúng nghĩa, và tôi cũng mong là British Columbia sẽ được trao trả để nhập vào Canada trong thời gian tới. Chúng ta cố gắng hết sức để mang lại sự ổn định cho khu vực. Có thêm người Tây Ban Nha, người Pháp hoặc bất cứ ai đến can thiệp sẽ tạo nên những hệ quả có thể ảnh hưởng đến khung cảnh chính trị và địa lý trong hàng trăm năm."

"Mấy thứ này," ông Crowe nói, "nằm ngoài thẩm quyền của tôi. Tôi không làm chính trị và cũng không hề có ý định đó."

"Tốt nhất là không nên," Mycroft nói nhỏ. "Tôi đã thấy cách ông thương thuyết. Nắm đấm không phải là vũ khí ngoại giao đâu."

"Ồ, tôi cũng không biết đâu," ông Crowe giọng khẽ khàng. "Clausewics chẳng phải đã nói chiến tranh là sự tiếp tục của các quan hệ chính trị sao?"

"Đúng vậy," Mycroft chống chế, "nhưng ông ta là người Đức."

“Thế thì tất cả những thứ đó có ý nghĩa gì đối với chúng ta?” ông Crowe hỏi. “Anh nghĩ rằng những người gài bẫy anh là nhân viên của Tây Ban Nha à?”

“Có lẽ, nhưng không nhiều khả năng lắm.” Mycroft lắc lắc đầu. “Tại sao triều đình Tây Ban Nha lại muốn che giấu sự kiện là họ phá giá, trừ trường hợp các cuộc thương thuyết đi vào giai đoạn cực kỳ tế nhị. Tôi không cho là họ gây ra vụ mưu sát trên cơ sở này. Tuy nhiên người Nga lại có thể làm việc này – nhưng một lần nữa, tại sao họ muốn che giấu việc các cuộc thương thuyết đang tiến hành?” Mycroft suy nghĩ một lúc, mấy ngón tay gõ nhẹ lên cằm. “Trừ khi Sa hoàng không muốn cho chính phủ Mỹ biết là họ đang đàm phán với người Tây Ban Nha, phòng trường hợp Hạ viện Mỹ đột ngột chuẩn y tháo khoán bảy triệu đô la bằng vàng và vì thế phá hỏng các kế hoạch kiếm thêm tiền của Ngài từ nguồn khác. Toàn bộ vấn đề nằm ở chỗ là thoả thuận ban đầu vẫn chưa có gì chắc chắn cho tới khi việc chi trả thực sự được tiến hành.”

“Vẫn còn có một khả năng khác,” ông Crowe nói.

“Vâng,” Mycroft xác nhận, “có đấy. Nhiều thành phần trong chính phủ các ông có thể đang cố tránh bất cứ con chữ nào có thể gây nhập nhằng trong thương vụ mua bán đất cho tới khi họ thực sự giải quyết xong – chuyển số vàng kia cho Sa hoàng.

Ông Crowe nhún vai. “Tôi không có ý biện hộ cho chính phủ của tôi. Nhiều năm qua họ đã từng đưa ra nhiều quyết định khá kì dị rồi.”

“Hoặc là,” Sherlock lên tiếng, nghĩ rằng mình phải nói thứ gì đó, “có thể do người khác.”

“Bên thứ ba?” Ông Crowe hỏi.

“Thứ tư chứ.” Mycroft làm rõ, “sau người Nga, người Mỹ và người Tây Ban Nha.”

“Thứ năm,” Sherlock lên tiếng. “Anh bị liên can, nghĩa là có nước Anh nữa.”

“Đó là vì sao tôi thấy ngoại giao quá rối rắm phức tạp,” ông Crowe cười, nói. “Có chắc những thứ này đều không liên quan đến chúng ta không? Anh đã nhận ra được có điều gì đó đang xảy ra, và định làm gì đó về mặt ngoại giao. Nên khả năng có ai quấy phá anh, hoặc Sherlock, hoặc thậm chí cả tôi nữa cũng không chừng. Người nào định gài bẫy anh lúc đầu sẽ cho rằng anh đã trở về văn phòng, đọc các báo cáo và rút ra các kết luận phù hợp rồi.”

Mycroft chậm rãi lắc lắc đầu. “Không đơn giản đâu. Ngay từ đầu, các sếp của tôi đã không chịu nghe lời tôi về vấn đề lớn này. Họ sẽ tự kiểm tra, như thế sẽ mất hàng tháng hoặc hàng năm. Còn tôi thì mất đi người cung cấp tin chính ở Nga.” Mặt anh trở nên ảm đạm. Tôi nhờ anh ta tìm hiểu xem đã xảy ra việc gì. Nếu anh ta bị Ban Thứ Ba nhốt thì ít nhất tôi cũng phải tìm cách cứu anh ta ra. Nếu anh ta chết, tôi sẽ đưa kẻ giết người ra công lý – hoặc thứ gì gọi là công lý tại tại triều đình Sa hoàng.”

“Anh có nhiều người tại Moscow, phải không?” ông Crowe hỏi. “Họ làm được mà.”

“Chẳng có ai ở Moscow mà tôi tin được. Tôi phải tự đi lấy, một khi những cáo buộc dành cho tôi được thu hồi.”

CHƯƠNG 9

Sự im lặng sững sờ bao phủ cả bàn.

"Anh định đi Moscow sao?" Sherlock hỏi giọng đầy kinh ngạc. "Ở nước Nga ư?"

"Anh nghĩ rằng anh phải đi," Mycroft trả lời.

"Nhưng mới đi đến phía bắc của đường Oxford là anh đã bị chóng mặt rồi!"

Mycroft mỉm cười, nhưng chỉ để che giấu nỗi niềm bên trong. "Việc anh không muốn đi Nga chỉ là chuyện vặt. Anh nên đi. Anh phải đi. Sự thoải mái cá nhân của anh hoàn toàn không liên quan gì nữa."

"Em không hiểu," Sherlock chống chế.

"Còn tôi, tôi hiểu." Crowe gật gù. Làm sao mà anh đòi hỏi các phụ tá tin tưởng anh, làm theo các chỉ đạo của anh nếu chỉ mới gặp rắc rối là anh đã bỏ rơi họ rồi?"

"Chính xác là thế. Nhân viên của tôi trên khắp thế giới phải biết rằng tôi không phải là một cấp trên chỉ khi xuôi buồm thuận gió. Khi có giông bão, đương nhiên là phải có rồi, tôi cũng phải lội mưa cùng với họ." Anh ta nhún vai. "Dù cực mấy cũng phải chịu."

"Anh cũng muốn tìm hiểu nữa," Sherlock thăm dò.

"Muốn tìm hiểu cái gì?"

"Anh muốn biết sự thật. Anh muốn biết ai là người cố gài bẫy anh tội mưu sát, và tình hình của vụ mua bán đất như thế nào."

Mycroft nhún vai. "Anh rất muốn hiểu rõ vụ làm ăn này thực hư ra sao. Anh không thích cái gì mù mờ. Cũng giống như khó chịu vì chiếc răng đau vậy."

Ở phía đằng kia của nhà hàng, gia đình mà Sherlock quan sát lúc nãy đã rời khỏi bàn ăn. Cậu nhìn họ một lúc. Bà mẹ đang kiểm tra xem lũ trẻ đã thẳng thớm cài nút áo và đội mũ chưa, còn người cha đứng nhìn. Có phải họ định đi tham quan London, hoặc thăm viếng bà con? Có lẽ họ chỉ ghé qua London trên đường đi đâu đó, và giờ đây đi thẳng đến một trong những nhà ga chính để lên tàu. Cậu cảm thấy ganh tị với bất cứ kế hoạch nào của họ. Cậu không nhớ được có lúc nào cả gia đình cậu được như thế - một khoảnh khắc bình thường, giản dị. Khi mà cha cậu hầu như luôn vắng nhà vì công tác quân đội, mẹ ốm liệt giường, dường như chẳng bao giờ cả nhà được ngồi quanh bàn ăn và hưởng cái không khí của... một gia đình.

"Như vậy là em sẽ không gặp được anh một thời gian, cũng như không được gặp cha," Sherlock nói nhỏ.

"Trừ trường hợp em cùng đi với anh."

Lại một lần nữa, Sherlock sửng sốt không nói nên lời. "Em à?" Rốt cuộc cậu kêu lên. "Đi với anh? Sang Nga ư?"

Mycroft liếc mắt tiếc rẻ nhìn phần thức ăn còn lại trên khay rồi thầm thì với Crowe. "Nhờ ông giải thích cho em nó. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ ăn nhanh thôi."

"Tôi cũng không chắc là nắm rõ được vấn đề." ông Crowe nói với vẻ nghiêm trang. "Có lẽ anh nên giải thích cho hai chúng tôi rõ."

"Được rồi. Sherlock đã tham gia vào vụ này rồi. Nếu tôi đi Nga,

thì cách tốt nhất để đánh lạc hướng, làm cho tôi phải quay lại, hoặc thậm chí ngăn không cho tôi đến nơi, là hăm dọa Sherlock. Nếu Sherlock bị bắt, rồi họ gởi cho tôi một cái tai, hoặc một ngón tay của em tôi chẳng hạn, thế là tôi bị bó tay không làm sao điều tra thêm được. Tôi phải bảo đảm sự an toàn cho Sherlock, tức là, tôi phải đem Sherlock theo tôi."

Sherlock đưa tay lên tai. Cậu không thích cái âm thanh bị cắt tai rồi đem gởi cho Mycroft như là lời cảnh cáo.

"Nhưng anh không phải là người của hành động," ông Crowe lên tiếng. "Anh có chắc là mình chống trả được khi bị tấn công không?"

"Tôi sẽ nhờ trợ giúp," Mycroft giọng hơi phấn khích. "Tôi dự tính đem theo một nhân viên làm nhiệm vụ bảo vệ. Kiểu bảo vệ ngầm. Ba người chúng tôi sẽ đi cùng nhau."

"Bảo vệ ngầm ư – nghĩa là sao ạ?" Sherlock hỏi, trong lòng vẫn thắc mắc không biết vì sao Mycroft muốn cậu cùng đi Nga với mình. Cậu không biết chuyện nào đáng nghĩ hơn – đi sang Nga, hay đi cùng với Mycroft.

"Có nghĩa là chúng ta sẽ đi ẩn danh – theo kiểu giả dạng, nếu thích gọi như thế. Một viên chức có địa vị tương đối cao trong bộ Ngoại giao không thể đi vẩn vơ vào nước Nga mà không được thông báo, hoặc không tạo nên một sự cố quốc tế. Không được, chúng ta phải dùng đến tên giả. Phải có một tiểu sử giả. Ta phải là một phần của tổng thể, của một bức tranh lớn, để không bị người khác chú ý đến."

"Vậy anh đã quyết định xong cái tổng thể lớn hơn đó là gì rồi đúng không," Crowe nói.

“Đúng vậy. Tôi đã nghĩ ra một kế hoạch khi ngồi trên xe đi từ câu lạc bộ Diogenes đến khách sạn này.”

“Anh đi xe ngựa à?” Sherlock phản đối. “Chỉ mất có mười phút đi bộ! Hai phút ngồi xe!”

“Chính xác. Vừa đủ thời gian để suy nghĩ. Nếu đi bộ, anh sẽ tốn nhiều sức để lo tránh khách bộ hành, ngựa và mọi thứ khác thì còn đâu thời gian để suy nghĩ nữa.”

“Vậy kế hoạch là gì?” ông Crowe hỏi.

Mycroft xỉa nĩa vào một miếng xúc-xích. “Mấy tuần trước, tôi được yêu cầu cấp phép cho một đoàn hát Anh đi Moscow để trình diễn một số vở hát của Shakespeare, Marlowe, Ben Johnson, và tương tự - cho các gia đình quí tộc Nga. Tôi đã cấp phép cho họ bởi vì chuyến đi của họ được yêu cầu thông qua Đại sứ quán Nga, và vì việc này sẽ nâng cao các mối quan hệ nghệ thuật giữa hai nước – hoặc, ít nhất, họ cũng làm được như thế nếu họ trình diễn cũng xuất sắc như các báo cáo đánh giá về họ.

Tuần vừa rồi tôi có nghe là chuyến đi phải hủy, vì viên giám đốc bị bệnh tim cần phải nhập viện, và một tay chơi vĩ cầm chính trong dàn nhạc đệm bị bắt vì hành vi phóng đãng. Tôi thấy nhiệm vụ của một giám đốc cũng không khó nhọc mấy, chủ yếu là bố trí đúng người đúng việc và các hóa đơn được thanh toán đúng hạn.”

“Còn tay nhạc sĩ vĩ cầm?” Crowe hỏi. “Anh định tuyển người này như thế nào?”

“Một trong những nhân viên của tôi chơi vĩ cầm tàm tạm,” Mycroft nói. Dường như anh đang hết sức tập trung vào khay thức ăn. “Tôi sẽ đưa anh ta vào để giúp chúng ta.”

“Còn em thì giúp được việc gì?” Sherlock hỏi.

“Tổng quản gia và trợ lý hậu trường. Theo chỗ anh biết thì khi lưu diễn, không bao giờ có đủ người cho việc hậu trường cả.”

“Nhưng mà…” Sherlock buột miệng hỏi mà chưa kịp suy nghĩ. “Nhưng khi nào? Và như thế nào?”

Mycroft bỏ tọt một khoanh xúc xích vào miệng nhai. “Về khoản “khi nào”,” cuối cùng anh nói, “anh cho rằng ta nên đi ngay sau khi dàn xếp với đoàn kịch. Anh nghĩ rằng họ sẽ rất cám ơn Bộ Ngoại giao đã hết sức giúp đỡ chuyến biểu diễn của họ đến mức tìm được người thay thế cho những người mà họ thiếu. Mọi chuẩn bị cho chuyến đi của họ đã thu xếp xong. Theo anh nhớ thì chỉ trong vòng vài ngày tới họ sẽ khởi hành, họ sắp phải gởi thư cho phía bên kia thông báo hủy bỏ chuyến trình diễn. Hy vọng rằng họ chưa gởi bức thư này, nếu không thì anh phải đưa ra một chiến lược mới. Còn khoản “như thế nào”, anh định sẽ đi đường thủy đến Pháp sau đó đi tàu lửa xuyên lục địa đến Moscow. Anh tính rằng chuyến đi sẽ mất bốn năm ngày.” Anh vói tay lấy một lát bánh mì nướng và phết bơ lên. “Anh sẽ báo cho chú thím biết là em và anh sẽ đi du lịch sang lục địa vài tuần. Họ sẽ thông cảm. Anh chắc thế. Đi đây đó sẽ giúp mở mang đầu óc. Giờ thì anh sẽ đi thu xếp công việc, còn em, Sherlock, em thả bộ xuống ngã tư Charing Cross tìm mua mấy quyển sách về lịch sử và văn hóa Nga. Người Nga họ khác chúng ta nhiều thứ - chắc chắn là khác nhiều hơn so với người Mỹ.” Anh hất đầu hướng về phía ông Crowe.

“Để anh trang bị cho em một số kiến thức thực tế biết đâu sẽ có ích,” anh tiếp tục. “Nga là quốc gia lớn nhất trên thế giới. Nếu ta đo

đạc diện tích của nước này, ta sẽ thấy nước Nga chiếm đến gần một phần bảy diện tích mặt đất, nhưng phần lớn là thảo nguyên quanh năm băng giá – nơi họ gọi là vùng đài nguyên. Ước tính cho thấy Sa hoàng cai trị trên 65 triệu thần dân, quả là một con số khá choáng, nhất là khi ta biết số cư dân đó thuộc trên một trăm sáu mươi dân tộc hoặc bộ lạc riêng biệt, nói một trăm mười ngôn ngữ hoặc thổ ngữ khác nhau và gắn bó với ba mươi lăm tôn giáo riêng biệt. Nước Nga, trên thực tế, chính nó và tự nó đã là một thế giới. Đó là nơi chúng ta sẽ đi tới."

"Nhưng..." Sherlock mở lời, "...nhưng em chưa bao giờ nói tiếng Nga!"

"Không hề gì cả," Mycroft trấn an. "Theo chỗ anh được biết thì đa số các gia đình khá giả, kể cả các quan chức tại triều đình Sa hoàng, đều nói tiếng Pháp hàng ngày. Anh nói tiếng Pháp trôi chảy, và anh cũng tin rằng tiếng Pháp của em đã khá lên nhiều kể từ lúc em ở Pháp. Chúng ta có thể xoay sở được."

Sherlock liếc nhìn Amyus Crowe. "Còn chú Crowe thì sẽ thế nào? Em không nghĩ là chú nói được tiếng Pháp."

"Ồ, anh cũng còn nghi ngờ tiếng Anh của ông ấy lắm," Mycroft nói nhỏ. Anh nhìn thẳng về phía Sherlock với ánh mắt đầy xúc cảm làm Sherlock không hiểu lắm, nhưng sau vài giây cậu nhận ra sự tiếc nuối ngay. "Anh sợ rằng ông Crowe sẽ không cùng đi với chúng ta. Chuyến đi này chỉ dành cho em, anh, và một nhạc sĩ violon mà anh tính sẽ tuyển."

"Nhưng vì sao?"

"Như anh đã nói, ông Crowe không nói được tiếng Pháp, tiếng

Nga lại càng không. Ông ta không có những kĩ năng mà đoàn kịch lưu diễn cần đến. Hoặc là ông ta phải dẫn cô Virginia đáng yêu đi theo và như thế nhóm của ta sẽ có đến năm người, hoặc nhờ ai đó chăm sóc cô bé nhiều tuần, có lẽ thế. Vả lại, đứng giữa đám đông thân hình ông ta sẽ nổi trội cho nên không thuận tiện mấy cho chuyến đi kiểu ẩn danh lắm."

"Đừng lo cho tôi," ông Crowe lên tiếng. "Tôi không có ý định tham gia chuyến đi ngắn này. Các cậu cứ đi vui vẻ."

Sherlock cảm thấy lòng chùng lại. "Nhưng cháu muốn chú đi cùng."

"Vấn đề của cuộc sống là," Mycroft nhận xét, "nó ít khi cho ta những thứ ta muốn, hoặc ngay cả thứ ta cần. Tôi từng nghe nói là Chúa sẽ không cho ta thứ gì mà ta không kham nổi. Kinh nghiệm cho thấy điều này không đúng, họa chăng chỉ là một cơ chế để cho các vị tu hành chấp nhận những thứ gì không thể chấp nhận được. Cuộc đời là khắc nghiệt, đến mức ta cũng không mong sống lâu hơn."

"Tôi thấy bài học đang kéo dài ra thì phải," ông Crowe lẳng lặng nói.

Mycroft khẽ liếc ông. "Thằng bé đôi lúc cũng cần phải học chứ."

Ông Crowe hít mạnh một hơi, rõ ràng là muốn chuyển sang chuyện khác. "Còn việc ở viện bảo tàng thì thế nào? Ta có cần phải điều tra gì thêm ở đó hay không?"

"Tôi đã thông báo cho cảnh sát biết về vai trò của họ trong vụ này, và cũng đã đề xuất một số bộ phận của Chính phủ sẽ kín đáo tham gia điều tra, nhưng tôi nghi ngờ là sẽ không tìm thấy gì cả.

Hoặc là họ sử dụng nơi đó để họp mặt cho thuận tiện, trong trường hợp này họ chỉ cần bước ra phía cửa trước là chúng ta mất dấu họ ngay, hoặc họ đặt trụ sở gì đó tại đây, trong trường hợp này họ sẽ dọn sạch bong sau khi ông và Sherlock mò vào. Trong cả hai tình huống, chúng ta đều không tìm thấy manh mối nào cả. Chúng ta đụng phải một nhóm rất chuyên nghiệp."

"Anh không nghĩ là họ sử dụng toàn bộ bảo tàng làm tấm bình phong để gài bẫy anh sao?" Sherlock hỏi.

"Thành thực mà nói anh cũng ngờ lắm. Bảo tàng là một tổ chức từ thiện, không có gì để phàn nàn cả. Anh nghi ngờ hoặc là đám vô lại tụ họp ở đây, hoặc là một nhân viên của bảo tàng là thành viên của tổ chức đó. Không tìm được lời giải ở đây." Mycroft cho miếng bánh mì phết bơ cuối cùng vào miệng, nhai lạo xạo một lúc, rồi thở ra đầy khoái trá. "Giờ thì tôi mới thấy đủ sức bắt đầu một ngày đây." Anh rút chiếc đồng hồ trong túi áo khoác ra coi giờ. "Còn khoảng một giờ nữa mới tới giờ ăn trưa. Tức là chúng ta còn đủ thời gian để bàn việc chuẩn bị cho chuyến đi. Tôi đề nghị với Sherlock và ông Crowe là chúng ta sẽ gặp tại câu lạc bộ Diogenes vào lúc một giờ trưa." Hơi vất vả một chút để nhấc mình ra khỏi chiếc ghế, anh ta nói thêm, "Ai đó vui lòng gọi dùm tôi một chiếc xe ngựa."

Trong lúc ông Crowe và Mycroft đứng nói chuyện trên vỉa hè, Sherlock bước ra xa. Đầu cậu ong ong lên với đủ các tình huống, cậu muốn tìm cách sắp xếp cho gọn gàng lại.

"Này, Sherlock!"

Cậu quay đầu lại. Mycroft đang vẫy tay gọi.

“Gì thế ạ?” cậu vừa hỏi vừa quay lại chỗ hai người đang đứng.

“Em cầm ít tiền đi.” Mycroft đưa ra ba đồng tiền. “Chỗ này là ba đồng ghinê. Giữ cho kĩ, nếu cần thì em nên đi mua cho mình mấy thứ quần áo ấm.”

Sherlock đi một mình, dọc lên Piccadilly Circus, băng qua quãng trường Leicester và đoạn cuối của đường Charing Cross. Đường phố chật ních người đi trên vỉa hè, và đủ các loại xe bò, xe ngựa trên lòng đường. Ở đây chỉ có một vài trăm người mà cậu đã cảm thấy mình như bị đè nghiến; nếu chỉ nước Nga đã có sáu mươi lăm triệu dân, thử hỏi trên thế giới có bao nhiêu người? Con số làm cho cậu muốn chóng mặt!

Các hiệu sách, hiệu bán đồ cũ, tiệm cầm đồ san sát hai bên đường, và cậu mất cả tiếng đồng hồ lục lạo những thùng đựng đồ đặt bên ngoài các cửa hiệu lớn và đống kệ tủ bên trong. Cậu cứ để đầu óc suy nghĩ vẩn vơ, không cố hướng nó đến việc gì rõ ràng cả.

Tình cờ thấy mấy quyển sách về Đế quốc Nga, cậu chọn mua hai quyển cơ bản nhất. Cậu lại để ý đến một chiếc hộp chứa đủ thứ ống khóa, móc khóa và chìa khóa, mà người chủ hiệu đã báo trước là chúng chưa được phân lựa. Không có gì bảo đảm là chìa hợp với khóa; ông ta cứ có sao bán vậy. Sherlock tự nhủ nếu mình tậu được nhiều ổ khóa như thế để mò mẫm tiêu khiển, thì thời gian rãnh rỗi cậu có thể học được cách chọn khóa. Đây là một kĩ năng hữu dụng trong tương lai. Thực ra thì trong nhiều tháng qua, kĩ năng này đã được chứng minh là hữu ích rồi.

Cuối cùng, cậu thôi không rờ đến chiếc hộp chứa đầy khóa nữa và bỏ đi. Cậu có thể quay lại với chúng sau.

Đi hết đường Charing Cross cậu băng qua Cambridge Circus, sau đó đi tiếp đến đầu đường Tottenham Court. Vẫn còn nhiều cửa hàng, mặc dù đường phố ở đây ít nhất cũng rộng rãi hơn, có chỗ để cho ngựa và xe ngựa đi qua. Cậu ghé qua một tiệm cầm đồ trông khá bề bộn, biết rằng sắp đến lúc phải quay lại nếu muốn có mặt tại câu lạc bộ Diogenes đúng giờ. Ánh mắt cậu chợt bắt gặp một chiếc hộp đựng đàn vĩ cầm để dựa trên kệ ở phía sau. Cẩn thận lấy chiếc hộp đàn xuống, cậu thổi bụi, mở nắp và thích thú nhìn chiếc đàn vĩ cầm bên trong. Một cây đàn cổ - cổ nhưng thật đẹp. Lớp vécni màu đỏ đậm, có những vết rạn như kiểu mạng nhện, hai khe chữ S ở phía trên có vẻ hơi nổi, nhưng nhạc cụ này có một cái gì đó làm cậu thích thú. Như mời gọi. Cậu đặt cây đàn lên tay phải, giữ lấy phần cổ đàn và để toàn bộ trọng lượng cây đàn trong lòng bàn tay. Có vẻ cây đàn này đằm hơn cây vĩ cầm của Rufus Stone mà cậu đã chơi trên tàu SS Scotia, trên đường đi New York. Cậu để phần cong của cây đàn lên cẳng tay và búng các dây. Âm thanh ngân vang tràn ngập cửa tiệm. Dây đàn chưa được lên, nhưng có cái gì trong thanh âm, một thứ gì phức tạp làm cậu xúc động. Âm này chưa thuần khiết, chắc chắn rồi, nhưng ấm áp và diễn cảm. Cậu vuốt dọc chiếc đàn từ trên xuống. Cảm giác êm như nhung.

"Cậu có mắt lắm đấy," từ phía sau cửa tiệm vang lên một giọng nói khô khốc. Sherlock quay lại. Cậu vòng qua chiếc kệ, thấy một người đàn ông rất già và mảnh khảnh đến mức một cơn gió mạnh cũng đủ sức thổi bay. Ông lão ngồi đằng sau một chiếc bàn chất đầy sách vở và nhiều thứ linh tinh khác. Đầu đội một chiếc mũ chỏm, ông ta trố mắt nhìn Sherlock qua cặp kính trễ xuống sống mũi với

một sợi dây tròng qua cổ để tránh rớt xuống đất.

"Xin lỗi ông."

Từ trong xó tối, ông lão bước ra chỗ có luồng ánh nắng chứa đầy bụi. "Lão đã mang chiếc đàn này từ Krakow tới đây, lâu lắm rồi. Bố lão được cây đàn này nhờ đánh bài thắng đấy, cậu tin không? Nó đã đi cùng cha con lão khắp châu Âu, thế mà giờ đây lão phải bán để mua thức ăn, mua củi đốt, dù lão vẫn muốn giữ nó lại."

"Quả là một nhạc cụ đáng yêu."

"Đáng yêu lắm, như bà vợ đáng yêu của lão vậy, nó chơi hay cực kỳ, lão chỉ nói điều này cho người sành điệu thôi. Còn lão, lão chơi piano, đôi khi phong cầm, nhưng chỉ chơi khi nào say mà thôi."

Sherlock nhìn vào trong chiếc hộp đàn. "Nó có vĩ chứ ạ?"

"Nói riêng với cậu thôi nhé, lão có chiếc vĩ," ông lão nói. Ông lục lạo trên bàn, di chuyển mấy cuốn sách. "Có người nói rằng chiếc vĩ cũng quan trọng như chiếc đàn. Còn lão, lão không nghĩ thế. Cây đàn là một tác phẩm nghệ thuật, còn chiếc vĩ chỉ là mấy chiếc lông đuôi ngựa. Có lẽ còn tùy loại ngựa nào, nhưng lão không biết. Có rồi đây!" Ông ta kéo ra chiếc vĩ từ một xó xỉnh và đưa cho Sherlock. "Này, thử đi!"

Sherlock nhớ lại những bài học từ Rufus Stone. Từ lúc ở Mỹ về đến nay cậu chưa hề tập lại, vì không có đàn, nhưng cậu nhớ đến các qui luật thang âm và nhớ đến cảnh đầu óc mình trở nên dịu lại không còn quay cuồng nữa nhờ tính thuần khiết của âm nhạc.

Cậu nhanh chóng lên dây đàn, búng vào các sợi dây và vặn chốt lên dây nằm ở phần cuối cổ đàn cho đến khi các nốt được chỉnh đúng. Cậu đặt chiếc đàn lên vai và tựa cằm vào. Cảm giác thật hòa

hợp. Như thể nó vốn phải nằm ở đó.

Đặt chiếc vĩ trên các dây đàn, cậu kéo qua mỗi dây một nốt nhạc: G, D, A, E. Các nốt nhạc vang lên như một giọng hát, rất tuyệt. Cậu thử một vài thang âm, và ngạc nhiên thấy mấy ngón tay của mình dường như đã nhanh chóng nhớ lại những gì chúng phải làm.

Khi đặt chiếc đàn xuống, cậu sửng sốt khi thấy hai mắt ông lão ràn rụa nước mắt.

"Lâu lắm rồi mới có người thử chơi chiếc đàn này," ông ta nói. "Lão cứ lo là qua nhiều năm tháng, qua nhiều dặm đường đã làm cho tiếng nó đục đi, nhưng nó lại còn tốt hơn bao giờ hết – khác hẳn với bà vợ đáng yêu của lão, hát như vịt kêu."

"Làm thế nào," Sherlock hỏi, "mà mỗi cây đàn lại có âm khác nhau ạ? Ý cháu là, một chiếc xe bò chỉ là một chiếc xe bò. Mỗi chiếc đều có bốn bánh, chạy được khi có bò kéo. Khó mà lựa chọn. Nhưng đàn vĩ cầm - nhìn qua đều giống nhau, nhưng mỗi chiếc lại có âm không giống nhau."

Ông già nhún vai. "Cậu đi hỏi ba người chơi đàn, thì có bốn câu trả lời khác nhau. Người thì cho là do chất gỗ làm đàn. Theo họ, gỗ càng chắc thì càng tốt. Người thì nói thứ gỗ nào được kéo bằng tàu ngang qua biển Adriatic phía Venice thì cho chất giọng ngọt ngào hơn. Người khác thì nói gỗ không ăn nhập gì, quan trọng là lớp sơn vecni với các thành phần bí mật mà người làm đàn trộn vào đó. Còn lão, lão tin rằng nó có liên quan đến tình yêu. Một cây đàn được làm ra vì tiền thì âm thanh của nó chỉ tạm được." Ông ta lúc lắc bàn tay như muốn nhấn mạnh ý, "nhưng một nhạc cụ được tạo

ra vì lòng yêu thích chế tạo nó – thì âm thanh sẽ tuyệt vời.”

“Ông có biết ai làm chiếc đàn này không ạ?”

“Lão không biết. Nó vào nhà của lão không kèn không trống. Nhưng hình dáng cho thấy người chế tạo nó đã đặt vào nó nhiều tình cảm, cộng với chất gỗ, lớp keo dán và lớp vécni nữa - cậu có thể thấy rõ điều này.”

“Thế…” Sherlock hắng giọng. “Thế giá bao nhiêu ạ?”

“Bảy mươi đồng silling,” ông già đáp ngay. “Nhưng thấy cậu biết cách đánh giá đúng cây đàn, lão bán sáu mươi lăm đồng thôi.”

“Cháu chỉ có thể trả bốn mươi lăm đồng,” Sherlock lo lắng nói, biết rằng trong túi mình có ba pound và ba silling. Tức là sáu mươi ba silling, nhưng cậu muốn giữ lại một ít tiền để phòng hờ những tình huống cần kíp.

Ông già ngoẹo đầu sang một bên. “Không biết lão có nói là lão cần phải mua thức ăn, củi đốt cho gia đình chưa nhỉ?”

“Ông có nói ạ. Nhưng cháu chỉ trả bốn mươi lăm đồng silling thôi,” Sherlock lập lại, giọng chắc nịch.

“Cậu còn trẻ mà tim đã hóa đá rồi. Năm mươi bảy silling, không bớt nữa.”

“Năm mươi đồng,” Sherlock nói. Cậu thấy mình đang thở gấp.

Ông lão thở dài. “Có lẽ phải để bữa khác mua củi đốt vậy, còn tối nay thì đành phải ăn thịt nguội, xúp nguội. Năm mươi lăm đồng

“Đồng ý ạ.”

Họ trang trọng bắt tay, và Sherlock cho chiếc đàn vào hộp trở lại. Cậu đưa ra ba đồng guinê. Ông lão thối lại năm đồng silling.

“Cậu nên chăm chút nó,” ông nói, “và nếu có muốn hỏi thêm gì về cây đàn này thì cứ quay lại tìm lão. Lão rất lấy làm hân hạnh.”

“Cháu sẽ đến.”

Cửa tiệm chợt mở ra, và một cái bóng đổ xuống sàn nhà. Có một dãy kệ đứng chắn giữa phần trước với phần sau của cửa tiệm, cho nên cả Sherlock lẫn ông lão đều không nhìn rõ ai đi vào, nhưng trước khi ông lão cất tiếng hỏi thì Sherlock nghe một giọng nói. “Nó vừa vào đây. Tao cam đoan là thế!”

“Sao mày không xông vào mà túm nó đi,” một giọng khác, trầm hơn, giống như tiếng gạch xát vào nhau. “Khỏi phải chờ tao.”

“Nếu tao túm nhầm thằng khác thì sao?”

“Thì tối nay sẽ có gia đình đứa nào đó phải khổ thôi.”

CHƯƠNG 10

Ông lão siết vai Sherlock. “Có một cái cửa ở đằng sau đấy,” ông thì thầm. “Nó dẫn ra phía con hẻm. Đi đi, chúc cậu may mắn.”

“Có lẽ nó ở phía sau đó,” giọng thứ nhất lại vang lên.

Sherlock lẹ làng gật đầu để cám ơn khi ông lão lê chân ra phía trước đến cạnh dãy kệ. “Các ông đi tìm sách phải không? Trên mấy cái hộp, ngang tầm tai của các ông đấy. Hoặc là muốn tìm găng tay để bảo vệ mấy cái khớp ngón tay?”

“Bọn này tìm một thằng bé mới vào đây,” người có giọng trầm, cộc cằn hơn lên tiếng.

“Tôi không cho mấy thằng nhóc vô tiệm đâu,” ông lão đáp. “Chúng ăn cắp. Toàn là một lũ cắp.”

“Nhưng tôi thấy có một đứa vô…”

Giọng nói càng lúc càng nhỏ dần khi Sherlock chui qua khu vực bề bộn ở đằng sau cửa tiệm và tìm thấy cái cửa dẫn đến một con hẻm đầy rác, cuối hẻm thẳng góc với một con lộ. Cậu nhìn cả hai hướng. Chẳng có ai cả. Sherlock chạy hết tốc lực trở lại đường Charing Cross, tim đập thình thịch trong lồng ngực, chiếc hộp đàn đập mạnh vào chân theo nhịp chạy.

Như vậy, ít nhất cũng có câu trả lời. Kẻ nào đó gài bẫy Mycroft vẫn còn theo đuổi họ.

Hòa mình vào đám đông và lúc nào cũng cảnh giác những người xung quanh, Sherlock tìm đường quay lại khách sạn Sarbonnier. Khi cậu đến nơi, với lá phổi rát bỏng vì cố chạy cho nhanh,

Sherlock thấy Mycroft đang trò chuyện với một người đàn ông cao to, người này mặc một chiếc áo khoác kềnh càng nên nhìn càng to hơn nữa. Còn đôi vai, Sherlock nghĩ, nó rộng quá khổ khiến ông ta trông giống như một chiếc tủ búp phê. Mái tóc đỏ dài quá gáy, rũ xuống mớ tóc mai sum sê hai bên, một bộ ria mép quá cỡ và bộ râu hàm xòe ra như cái xẻng.

"Đây là ông Kyte," Mycroft ngừng câu chuyện, nói. "Ông Kyte là Giám đốc Sân khấu của đoàn kịch nghệ Kyte. Xin giới thiệu với ông Kyte, đây là... người do tôi bảo trợ... Scott Eckersley." Anh nhìn Sherlock kiểu nhắc nhở, nhưng Sherlock đã nắm được tình hình là cậu, và – có lẽ – Mycroft nữa đều dùng tên giả.

"Rất vui được gặp ngài," Sherlock vừa nói vừa bắt tay ông ta. Mu bàn tay của ông Kyte phủ đầy lông hung đỏ, và lòng bàn tay như có gai châm vào tay Sherlock, như thể lông cũng mọc luôn ở đó.

"Chào chàng trai trẻ," ông Kyte nói giọng khò khè. "Ông Sigerson đây có cho tôi biết cậu là một tay cừ chuyên về các thứ dây kéo màn và phông cảnh."

"Đúng vậy, thưa ngài," Sherlock nói với vẻ tự hào. Nhưng trong thâm tâm cậu tự hỏi không biết người đàn ông này đang nói về cái gì. Cậu nhìn vào mặt ông Kyte. Có cái gì đó lạ lùng trên khuôn mặt: Sherlock thấy xung quanh mắt, mũi và má ông ta có nhiều vết cứa nhỏ. Làm sao mà ông ta bị cắt như thế?

"Tốt lắm. Đúng là tốt lắm. Thế này nhé, cậu cứ xuống nhà hát và gặp nhân viên ở đó." Ông ta quay về phía Mycroft – hoặc ông Sigerson, bởi lẽ lúc này Sherlock phải gọi như thế. "Cám ơn anh lần nữa về việc tham gia vào đoàn tạp kỹ của chúng tôi. Tôi chắc

chắn đây sẽ là một cuộc phiêu lưu mà sau này anh sẽ kể cho đám con cháu nghe đấy!"

"Đúng vậy," Mycroft nói. "Đến đời cháu chắt thì khó đấy, nhưng tôi sẽ để lại các ghi chép khi có dịp."

Ông Kyte từ giã, và Sherlock quay về phía Mycroft. "Ông Sigerson à? Nghĩa là con trai của Siger? Anh không tìm được một cái tên nào tốt hơn à?"

"Anh mới vừa nghĩ ra thôi," Mycroft nói. "Cũng chưa có cơ hội thuận tiện nhất để nghĩ kĩ hơn." Anh nhìn chằm chằm vào hộp đàn Sherlock đang kẹp trong tay. "Cái gì thế?"

"Một... cây vĩ cầm. Để trong hộp."

"Anh thấy rồi. Hỏi để hỏi thôi. Em đã học môn tu từ khi học tiếng Hi Lạp ở trường phải không? Câu hỏi có lẽ nên bật ra trong đầu em là: tại sao em lại đi mua một cây đàn vĩ cầm trong khi đúng ra em phải mua đồ ấm như anh đã dặn?" Sherlock nghĩ thật nhanh. "Có hai người đi kiếm em," cậu nói. "Em vào một cửa tiệm. Họ theo đuôi. Em phải chuồn qua cửa hậu. Em mua cây đàn vì hoàn cảnh bắt buộc, bởi vì...?"

"Bởi vì em cần một thứ gì đó để thay đổi bộ dạng, để làm cho mình hoàn toàn khác đi," Mycroft nói. Qua giọng nói của anh trai, Sherlock nghĩ rằng Mycroft nghi ngờ câu chuyện của mình. "Đây là một diễn biến đáng lo ngại: có nghĩa là họ vẫn còn theo đuổi em, kể cả ông Crowe và anh nữa. Như thế lại càng khiến ta phải rời khỏi London, hoặc nước Anh càng sớm càng tốt."

Khi Mycroft nói, Sherlock bắt đầu cảm thấy áy náy. Cậu không cố ý nói dối Mycroft, nhưng cậu thà đưa ra các tình tiết để biện minh

cho lý do mua cây đàn vĩ cầm hơn là nói thực chỉ vì mình thích nhạc cụ này.

"Anh cho rằng ta có thể đốt cây đàn để sưởi ấm, nếu quả là cần như thế." Mycroft tiếp tục. "Em phải trả bao nhiêu tiền?" Anh giơ cao tay. "Thôi, đừng nói. Cứ để anh không biết thì tốt hơn. Đem cất cây đàn vào trong phòng đi, rồi anh em ta đi ăn trưa."

"Nhưng anh vừa mới ăn sáng mà."

"Sherlock, nếu muốn bị quở trách thì anh chỉ cần về nhà và nói chuyện với bà chủ nhà là đủ."

Sherlock phóng nhanh lên lầu về phòng mà Amyus Crowe đã đăng ký và đặt cây đàn mới của mình lên giường. Khi bước ra, cậu nhận thấy cánh cửa của căn phòng sát bên phòng cậu, phòng mà Crowe đặt cho chính ông ta, đang mở toang. Cậu nhìn vào trong, hi vọng gặp được Crowe, nhưng chỉ thấy cô hầu phòng đang dọn giường. Túi xách của ông Crowe đã biến mất.

"Cho tôi hỏi - chuyện gì đã xảy ra với người đàn ông thuê phòng này?"

"Ông ta đã trả phòng rồi, thưa ngài," cô hầu phòng nhìn quanh, nhún chào và nói.

"Trả phòng rồi à?"

"Đúng vậy, chắc là bất ngờ."

"Vâng, xin cám ơn."

Cậu phóng xuống cầu thang để báo cho Myroft biết, nhưng ông Crowe đã đang đứng dưới sảnh, mặc áo khoác, túi xách đặt dưới chân.

“Sherlock đây rồi, chú đang mong gặp cháu.”

“Chú đi thật à?”

“Chẳng có việc gì cho chú làm ở đây cả. Anh cháu đã nẫng cháu khỏi tay chú rồi. Chú nên về nhà để lo cho Ginny thôi.”

“Nhưng…” Sherlock ngập ngừng, biết rằng ông Crowe nói đúng.

“Chính xác. Sự việc đã vậy thì cứ để vậy. Chuyến đi này không cần đến chú. Tốt thôi – chú là người lớn. Chú tự lo được.”

“Cháu vẫn muốn chú đi cùng.”

Mặt ông Crowe lộ vẻ khó chịu. “Chú cũng thế. Có một cái gì đó không như ý ta trong toàn bộ sự việc này. Chú nghĩ cái đầu óc vốn không thể sai được của ông anh cháu đã bị sai lạc khi bị tạm giam, và căn cứ trên thực tế thì sự việc đã gần đến chỗ kết thúc. Chú nghĩ là cậu ta đã tính toán sai lầm ở chỗ nào đó mà chú chưa tìm ra. Chú tin chắc rằng chuyến đi Nga lần này là một sai lầm, nhưng chú không thuyết phục cậu ta hủy bỏ được. Bọn chú vừa mới trao đổi việc này. Anh cháu cứ nhất quyết đi. Chú cho rằng việc một nhân viên của anh cháu mất tích tại Moscow làm cậu ta thực sự lo lắng nhiều hơn là cậu ta nói.” Crowe lắc lắc đầu. “Chẳng dễ dàng chút nào khi nhóm thiếu đi một người. Chú đã gặp tình huống này nhiều lần rồi. Dù vậy, chú cũng không hiểu cậu ta muốn kéo cháu theo để làm gì.”

“Cho cháu gởi… lời thăm Virginia.”

“Chú sẽ chuyển lời ngay.” Crowe giơ tay ra. Sherlock bắt tay một cách trang trọng, mấy ngón tay của cậu lọt thỏm trong bàn tay to tướng của ông Crowe. “Hãy bảo trọng, chăm sóc Mycroft. Anh cháu

sắp đi vào một môi trường xa lạ rồi."

Người khuân vác của khách sạn tiến tới cầm lấy túi xách của Crowe nhưng ông xua đi. "Khi nào tôi già không đủ sức nhấc cái túi xách, khi ấy tôi sẽ nhờ đến cậu," Ông cầm túi xách quẳng lên vai. "Khi nào về nhớ đến thăm chú nhé. Để kể những chuyện xảy ra."

"Cháu sẽ đến."

Sherlock nhìn theo ông Crowe bước ra khỏi khách sạn không hề nhìn lại. Cậu cảm thấy như thân thể mình bị cắt đi một mảnh lớn, và trở nên yếu đuối, đơn độc.

Cậu đi vào nhà hàng sau đó, thấy Mycroft ngồi ở bàn ăn với cả một con cá bơn trên khay. Anh đang cẩn thận cầm chiếc dao và nĩa róc lấy xương cá.

"Nếu anh là Chúa nhân từ," anh mở lời khi thấy Sherlock mặt ỉu xìu ngồi xuống, "anh sẽ tạo ra giống cá vừa ăn được vừa dễ lấy thịt. Có vẻ như có sự sai sót trong thiết kế khiến cho thứ cá ngon lại khó gỡ xương. Chỉ có việc ăn hay không ăn, không có chỗ cho sự lưng chừng." Mycroft nhìn lên. "Ông Crowe đi rồi à?"

"Vâng, ông ta đi rồi."

"Tốt." Mycroft lấy dao xắn một miếng cá rồi cẩn thận chuyển nó sang chiếc nĩa. "Ông ta không đồng ý với kế hoạch đưa em đi Nga của anh."

"Chú Crowe nói rằng anh đã tranh luận."

"Đúng vậy. Ông ta cứ giữ ý kiến của mình. Ông ta cứ lo bảo bọc em, em thấy đấy."

"Em và chú ấy đã trải qua nhiều việc cùng nhau, cả năm chứ ít

gì."

"Đúng thế," Mycroft cho vào miệng miếng cá, nhắm mắt lại và nhai một lúc. "Cá nấu ngon lắm. Xốt bơ đen rất tuyệt. Anh phải nhớ chỗ này. Cũng không xa văn phòng quá, anh sẽ thường xuyên đến đây ăn trưa."

"Anh Mycroft, anh có chắc là chúng ta sẽ đi Nga dưới tên giả không?"

"Sau khi đã xem xét kĩ lưỡng vấn đề, anh thấy không còn cách nào khác." Mycroft nhìn đồng hồ. "Thành viên thứ ba trong đoàn của chúng ta sẽ đến gặp anh bây giờ. Anh có gởi cho anh ta một bức điện rồi." Anh liếc nhìn Sherlock. "Có việc này anh phải báo trước cho em. Anh có nói đây là nhân viên của anh, anh ta là người chơi violon."

"Vâng?"

"Điều mà anh không nói là em có biết anh ta."

Sherlock nghe, nhưng chưa hiểu. "Em có biết anh ta sao? Nhưng em chưa hề biết bất cứ nhân viên nào của anh cả. Em chưa hề gặp người nào - có lẽ ngoại trừ ông Crowe, nhưng em không nghĩ rằng ông ta coi mình là nhân viên của anh."

"Chắc chắn ông ta không chịu rồi." Cách nói của Mycroft là kiểu của một người đang chuẩn bị đưa ra tin xấu. "Sherlock," anh vừa nói vừa đưa mắt nhìn ra phía sau Sherlock, "Anh tin rằng em có quen Rufus Stone."

Chỉ có tám từ. Tám từ đơn giản giống như những hòn đá nặng rơi xuống cái giếng sâu bên trong đầu của Sherlock. Cậu cảm thấy những làn sóng nhỏ nẩy lên trong đầu mình một lúc lâu sau khi

Mycroft nói xong. Cậu quay lại để nhìn xem Mycroft đang nhìn cái gì, nhưng phần trí óc phân tích, suy luận của cậu đã hiểu ra vấn đề. Phần kia - phần xúc cảm vẫn còn thuộc về một cậu bé mười bốn tuổi - vẫn còn hi vọng điều này không đúng, người đứng sau lưng cậu phải là một người hoàn toàn xa lạ.

Nhưng không phải vậy, và cái phần xúc cảm trong đầu một cậu bé mười bốn tuổi đã quặn thắt lại nhiều hơn bình thường phần nào.

Rufus Stone đang đứng phía sau cậu. Rufus Stone, cái đầu tóc nâu không chải và cái cằm lún phún râu, chiếc áo khoác nhung màu xanh da trời. Tai anh ta đeo một cái khoen vàng. Anh ta có vẻ không được thoải mái, như thể rất muốn ở một chỗ khác - bất cứ chỗ nào. Sherlock thực sự khó chịu.

"Ngồi xuống đi," Mycroft nói. "Anh đang làm cho chỗ này trở nên lôi thôi đấy. Đừng chú ý đến những người hầu bàn; tôi cho rằng chẳng mấy khi ở đây họ tiếp người Di-gan chơi violon. Kinh nghiệm sẽ giúp ích cho họ."

"Chào cậu Sherlock," Stone vừa ngồi xuống vừa nói.

"Anh làm việc cho anh tôi sao?" Sherlock hỏi. "Sao anh chẳng hề nói gì cho tôi biết?"

"Bởi vì anh bảo ông ta đừng nói," Mycroft trả lời. "Khi anh quyết định em và ông Amyus Crowe phải đi Mỹ mấy tháng trước, anh cứ lo là ông Crowe sa đà vào những việc linh tinh, hoặc bất chợt ông ta thấy mình còn yêu quê hương quá nhiều nên không quay lại nước Anh, nên anh đã bố trí ông Stone đây lấy vé đi cùng chuyến tàu, và để mắt tới em. Tại New York, anh ta phải theo sát em, bảo

vệ em." Mycroft thở phì. "Dĩ nhiên là việc này đã không xảy ra như anh dự liệu, chỉ vì những hành động của em khi theo dõi mấy tay bắt cóc Matthew Arnatt trên chuyến tàu đi đến nơi mà chẳng ai biết cả."

"Anh làm việc cho anh tôi sao!" Sherlock lập lại. Ý nghĩ này giống như một chướng ngại vật lớn ở ngay giữa tâm trí cậu đến nổi không trèo qua được.

"Anh không cần phải nói thêm," Mycroft tiếp tục, "là việc dạy đàn violon cho em không nằm trong nhiệm vụ của anh ta."

"Không đâu, đó là do ý của tôi," Stone nói. "Tôi cũng thích vậy."

"Nhưng mà anh làm gì cho anh Mycroft?" Sherlock hỏi.

Rufus Stone nhún vai. "Chủ yếu là đi đây đi đó, tự do như chim trời và như một người nghèo cháy túi. Tôi chu du tự do qua nhiều nước vùng Trung Âu. Chẳng ai để ý đến một nhạc sĩ vĩ cầm Di-gan như tôi. Tôi nhặt nhạnh các tin đồn, nghe ngóng sự việc thiên hạ chuyện trò trong các quán rượu, đại khái như thế, rồi làm báo cáo gởi về cho ông Holmes đây."

"Người ta thường có thể đánh giá đúng về tình hình kinh tế của một quốc gia qua những lời nói của các nông dân bên cốc bia hơn là qua việc đọc báo," Mycroft nói. "Anh có nhiều nhân viên trên khắp thế giới, nhiệm vụ duy nhất của họ là thu thập những gì công chúng nói, sàng sảy lại rồi gởi về cho anh cái cốt lõi thực tế."

"Còn việc chuyển đến Farnham?" Hai bàn tay của Sherlock run lên, cậu phải giữ chúng dưới gầm bàn để tránh cho người khác thấy được. Cậu cảm thấy bị phản bội. "Đó là ý của ai vậy?"

Stone nhìn qua phía Mycroft. Thấy ông anh của Sherlock vẫn im

lặng, Stone lên tiếng: "Khi tôi trở lại nước Anh, ông Holmes bảo tôi lưu lại vùng quê một thời gian, để xem tôi có biết được gì về tình hình đất nước. Tôi đề nghị là tôi nên bắt đầu tại Hampshire." Anh ta dừng lại, lúng túng. "Tôi muốn xem món đàn vĩ cầm của cậu có tiến bộ hay không."

"Tôi vừa mua một cây đàn vĩ cầm mới." Sherlock nói. Giọng của cậu nghe yếu xìu, thậm chí như nói với chính mình.

"Tôi muốn xem cây đàn."

Mycroft hắng giọng. "Ông Stone sẽ cùng đi Nga với chúng ta. Ông ta đã từng chu du đến nước này, và dĩ nhiên là chúng ta cũng cần đến một tay vĩ cầm để đủ thành phần trong danh sách đoàn kịch." Anh ngừng một chút, rồi tiếp tục, giọng mềm hơn, "Sherlock, cứ tin ở anh, anh làm việc đó chẳng qua là muốn tốt cho em thôi, và anh không muốn em biết anh đã làm những việc đó nếu thực sự không cần thiết."

"Nhưng điều này cũng không phải là tốt," Sherlock nói rồi đứng dậy. "Em đi ra ngoài đây."

"Em phải có mặt tại nhà hát King ở Whitechapel vào lúc 4 giờ chiều nay đó," Mycroft dặn dò. "Chúng ta phải gặp mặt các bạn đồng hành."

Sherlock bỏ đi mà không trả lời. Cậu nghe tiếng Mycroft nói đằng sau: "Đừng, cứ để cậu ta đi. Rồi Sherlock sẽ hiểu việc tôi làm là hoàn toàn hợp lý và để bảo vệ em mình."

Cậu rời khách sạn, đi ra ngoài đường. Trời bắt đầu mưa, cậu cảm thấy những hạt mưa lạnh lẽo đang đâm vào da mặt, nhưng bất cần. Mọi thứ xung quanh cậu đều xám xịt và chán ngắt. Vô

nghĩa.

Cậu rẽ trái và bắt đầu cuốc bộ, lang thang vô định. Cậu cố không suy nghĩ gì cả, không nghĩ đến anh mình, hoặc Rufus Stone, hay chuyến đi Mỹ mà giờ đây gần như chuyện hư cấu. Cậu chỉ đi; đi và quan sát. Giống như một chiếc máy tính di động, cậu ghi nhận những sự kiện xung quanh và dùng lý trí kết nối chúng lại. Ngươi đàn ông có chiếc khăn quàng cổ chấm đỏ đứng ở trên bậu cửa nọ - ông ta mắc một chứng bệnh có lẽ tại Ấn Độ, căn cứ theo màu sắc làn da thì trong vòng một tuần sẽ chết. Chiếc đồng hồ mà người đàn ông đội mũ chóp cao đang xem không phải của ông ta, có nhiều khả năng đã ăn cắp của ai đó, và vụ trộm này mới chỉ xảy ra vài ngày trước. Người ăn mày ngồi trên chiếc xe đẩy có bánh ở góc phố, người này ở cổ có mang một bảng hiệu báo cho mọi người biết là chân anh ta bị liệt, nhưng thực ra anh ta đi bộ nhiều dặm mỗi ngày, căn cứ theo độ mòn còn mới của đôi giày. Tất cả những điều đó Sherlock suy ra từ những gì mình quan sát được, nhưng chẳng có cái nào khiến cậu quan tâm.

Cậu chẳng quan tâm đến thứ gì cả.

Cậu cứ đi mà quên mất thời gian, nhưng khi nhìn đồng hồ gần đến bốn giờ, cậu mới nhận ra là mình đã đến gần Whitechapel. Đầu óc đã lái cậu đi đúng hướng mà cậu không nhận ra.

Nhà hát nằm sâu trong một con đường nhỏ bên cạnh phố lớn. Mặt tiền xây bằng gạch đỏ với hàng cột tròn màu trắng, từ mặt đường bước lên các cửa chính có bốn bậc tam cấp.

Sherlock bước lên và đi vào sảnh. Chẳng có ai cả - các cánh cửa chớp ở quầy vé cũng đóng – nhưng Sherlock vẫn ngửi được cái

mùi của đám đông thường xuyên chen chúc ở phòng chờ: váng vất mùi khói thuốc lá, mùi nước hoa thấm vào các bức tường và trần nhà bằng thạch cao có hoa văn trang trí.

Hai bên sảnh có những bậc thang, có lẽ dẫn đến khu vực ghế ở ban công, nhưng ở phía xa, có hai cánh cửa mà cậu đoán là dẫn thẳng tới sân khấu. Một bên của quầy vé có một cánh cửa hình như dẫn vào khu vực hậu trường: phòng thay quần áo, phòng nghỉ của diễn viên và sân khấu.

Sherlock đứng tần ngần một lúc, hít lấy những thứ mùi của nhà hát, lắng nghe những tiếng than van, rên rỉ của tòa nhà vọng lại, đưa mắt nhìn lướt qua những áp-phích cũ nằm trong khung móc trên tường. Có một cái gì đó hầu như sống động tại nơi này. Cậu đã từng đến nhiều tòa nhà dành cho công chúng, nhưng đây là nơi duy nhất mà cậu cảm thấy dường như đã hấp thu thứ gì đó tốt đẹp của những con người đã bước qua ngưỡng cửa để vào đây. Trường Deepene dành cho nam sinh sặc mùi rệu rã, câu lạc bộ Diogenes tạo ra cảm giác dễ cáu, bực mình, nhưng nhà hát King thì giống như một ngôi nhà dù cậu chưa hề ở đó.

Cậu bước về phía cửa chính dẫn vào thính phòng, đẩy vào.

Không gian bên trong không rộng như cậu nghĩ. Những hàng ghế hình vòng cung ở hai bên, dốc thoai thoải về trước, tất cả ghế đều được bọc lớp nhung xanh xỉn màu. Mặt dưới của ban công lờ mờ hiện ra như một đám mây tối, thấp. Nó được chống bằng các cột sắt được uốn theo các hình nghệ thuật, sơn màu nâu, đỏ và xanh lục giống như các cành cây mảnh dẻ được điểm xuyết với lá và hoa. Hai bên nhà hát là các lô ngồi được quây rèm kín, mỗi lô có

một số ghế tách biệt dành cho người có tiền. Sherlock sớm hiểu ra cách mà vé được bố trí: phần gần sân khấu giá rẻ nhất, ghế ở khu vực ban công đắt thứ nhì, còn ghế ở lô là đắt tiền nhất, mặc dù từ "đắt tiền" có lẽ chỉ có tính tương đối so với cái nhà hát nhỏ biệt lập này. Giữa các hàng ghế có lối đi dẫn thẳng xuống sân khấu.

Có một nhóm người đứng trên sân khấu, trong đó có anh Mycroft. Mycroft trông có vẻ nổi bật với áo choàng, mũ cao và gậy trong tay. Trong giây lát nhìn kỹ anh mình, Sherlock thấy Mycroft đúng là một nhân vật có thế lực, chứ không phải là một người anh. Nhìn anh thật uy quyền; vẻ quan trọng và quyền lực như toát ra từ người anh.

Rufus Stone đứng phía sau Mycroft, hơi chệch qua một bên. Còn người đàn ông tóc đỏ dềnh dàng như con gấu mà Sherlock đã gặp trước đó - ông Kyte – đang đứng cạnh Mycroft, ông ta vẫn còn mặc chiếc áo khoác to xụ, phía bên kia anh là một nhóm người mà theo Sherlock là các diễn viên kịch và nhân viên hậu đài. Các diễn viên, đa số mặc trang phục thời xa xưa: những bộ váy nhung cầu kỳ dành cho phụ nữ, còn đàn ông thì mặc áo sơ mi có ren và quần phồng túm ở dưới.

"Scott đây rồi," Mycroft lên tiếng. Giọng anh vang vang khắp thính phòng. "Đến đây nào."

Sherlock đi xuống dọc theo lối đi giữa các hàng ghế. Lối lên sân khấu bị một khu vực có rào chắn lại, Sherlock nghĩ đó là chỗ dành cho dàn nhạc đệm. Cậu nhìn qua hai bên. Có năm bậc tam cấp từ sàn chỗ hàng ghế đầu tiên dẫn lên sân khấu ở mỗi bên. Cậu chọn đi lối bên phải.

Khi bước lên sân khấu, cậu ngạc nhiên nhận ra ở đây có độ dốc. Phần phía trước thấp hơn phía sau khoảng ba tấc. Cậu nghĩ sân khấu được làm dốc như thế để khán giả nhìn rõ hơn những gì đang được diễn, nhất là những người ngồi ở hàng ghế rẻ tiền, có khi phải nghển cổ mới nhìn thấy diễn viên. Ngoài rìa sân khấu là những cây đèn hơi được lắp sau các tấm kính phản quang và ở giữa sân khấu có một cái cửa sập.

Cậu băng qua sân khấu tới chỗ Mycroft đang đứng, những người khác chăm chú nhìn cậu.

"Tôi đã giới thiệu Rufus Stone là người chơi vĩ cầm cho dàn nhạc đệm," Mycroft đạo mạo nói. "Còn giờ đây tôi xin phép được giới thiệu người được tôi bảo trợ, cậu Scott Eckersley. Với sự cho phép của ông Kyte, Scott sẽ tham gia đoàn của chúng ta với vai trò người chạy việc chung." Anh quay sang Sherlock. "Scott, cho phép tôi giới thiệu cậu với mọi người trong đoàn." Anh chỉ vào một người đàn ông có mái tóc dài hoe vàng chải trợt ra sau từ hàng lông mày rậm ri. Ông ta đang mặc trang phục diễn. "Đây là ông Thomas Malvin, diễn viên nam chính của đoàn."

Malvin gật đầu chào Sherlock mà chẳng thèm nhìn đến mặt cậu.

"Và đây," Mycroft tiếp tục, hướng về phía một phụ nữ xinh đẹp hơi xanh xao, có đôi mắt xanh, tóc đen nhánh, người đang mỉm cười chào Sherlock, "là cô Aiofe Dimmock. Nữ diễn viên chính đóng cặp với ông Malvin."

Sherlock mỉm cười chào lại. Cô Aiofe phải lớn hơn cậu ít nhất là mười tuổi, nhưng nụ cười và đôi mắt màu xanh lá cây của cô có cái gì đó làm cho tim cậu như hẫng nhịp.

Rời mắt khỏi cô Aiofe Dimmock, Sherlock nhìn theo cử chỉ của Mycroft. "Ông William Furness và bà Diane Loran đóng vai trò hỗ trợ rất quan trọng cho vai diễn của hai diễn viên chính," Mycroft giới thiệu.

William Furness là một người đàn ông phốp pháp, trên đầu chỉ còn một khoảnh tóc nhuộm đen ôm trọn phần sau ót, bắt đầu từ ngang mép tai trở xuống. Ông ta có cái mũi phồng to đầy u nhỏ, hai bên má nổi lên các mạch máu đỏ của người nghiện rượu nặng. Những mạch máu này có thể được che đi khi hóa trang, nhưng cái mũi to tướng như chiếc bắp cải thế kia thì dù hóa trang thế nào đứng đằng xa cũng thấy. Ông ta giơ hai ngón tay lên trán làm kiểu chào. Bà Loran là một phụ nữ dáng vẻ đoan trang, tóc búi lại phía sau. Bà ta có vẻ như muốn ở trong bếp nhà mình hơn là trên sân khấu. Bà chào Sherlock một cách thân thiện. Nếu mà đứng gần hơn, cậu nghĩ bà sẽ ôm chào mình.

"Ông Kyte," Mycroft nói, "ngoài việc thường xuyên lên sân khấu với ông Malvin và cô Dimmock còn là người tham gia điều hành đoàn kịch, ngoài ra chúng ta còn có bốn diễn viên chính nữa. Những người mà cậu gặp ở đây sẽ đóng vai quần chúng và vai phụ khi không phải kéo phông ở hậu trường. Từ trái sang phải là Rhydian, Judah, Pauly và Henry."

Sherlock gật đầu chào bốn cậu bé xấp xỉ tuổi mình, họ đang đứng đằng sau các diễn viên chính. Rhydian gầy và đen, cằm nhọn hoắt, mày rậm. Judah cũng gầy, nhưng mái tóc lại mảnh và nhạt đến mức gần như màu trắng, xõa bồng bềnh trên trán, còn đôi mắt thì có ánh màu hồng. Pauly và Henry là anh em sinh đôi: cả hai đều

gân guốc, và có đôi mắt màu nâu. Khác biệt duy nhất giữa hai anh em là Pauly (Sherlock cho rằng đó là Pauly, vì anh ta là người gần Mycroft nhất) đã mất ngón tay út bàn tay trái trong một tai nạn khi diễn ở nơi nào đó.

Có tiếng ho đằng sau cánh gà. Nhìn vào chỗ tối, Sherlock chỉ thấy bóng một người đàn ông có hàng ria mép dày đen nhánh che kín miệng. Ông ta dường như luôn ngả người ra sau, tay đút vào túi áo, nhìn chằm chằm vào những người đứng trên sân khấu. Đôi mắt ông lấp loáng trong bóng tối.

"À vâng, tôi suýt quên," Mycroft nói. "Tuy dàn nhạc đệm chưa có mặt, nhưng cũng xin giới thiệu ông Eves. Ông Eves là nhạc trưởng và là người soạn nhạc."

"Chào ông Eves," Sherlock gật đầu.

"Chào cậu… Eckersley," nhạc trưởng gật đầu đáp lại. Giọng ông ta khô khốc. "Rất hân hạnh được gặp cậu."

"Thưa ông Kyte, thưa quí bà, quí ông," Mycroft - hoặc đúng hơn là ông Sigerson, Sherlock nghĩ rằng từ bây giờ anh cậu sẽ được gọi như thế - tuyên bố, "cám ơn các vị đã cho phép chúng tôi tham gia vào đoàn, được quí vị tin tưởng và tôi mong sẽ được các vị yêu mến. Ông Kyte đây đã xem qua những lời giới thiệu về tôi, và tin rằng tôi sẽ phục vụ mọi người một cách có trách nhiệm, như tôi đã từng phục vụ các đoàn kịch khác trong quá khứ. Với vai trò Giám đốc quản trị, tôi sẽ phục vụ quí vị bằng tất cả khả năng của mình và đưa các vị tiến về phía trước, thậm chí còn lên cao hơn nữa. Để đạt mục đích này, công việc đầu tiên chúng ta phải làm là bảo đảm chuyến đi Moscow sắp tới diễn ra êm thắm, không có sự cố nào.

Mục tiêu của tôi là bảo đảm mọi thủ tục phải được ký kết nhanh chóng và suôn sẻ, để cho quí vị tập trung vào hoạt động nghệ thuật. Hãy tin tưởng tôi, và tôi sẽ không phụ lòng quí vị."

Mấy tiếng vỗ tay lèo tèo tiếp theo lời phát biểu của Mycroft.

"Và tiếp theo," Ông Kyte nói to, "tôi đề nghị tất cả quay lại diễn tập. Tôi cho mọi người năm phút để lên sân khấu. Nhớ đấy – ba ngày nữa chúng ta sẽ đi Moscow!"

CHƯƠNG 11

Tuần kế tiếp trôi qua như một giấc mơ sôi động. Sau ít ngày ở London để làm quen với công việc đoàn kịch trong khi Mycroft thu xếp những việc cuối cùng của chuyện đi lại, Sherlock lên tàu tại ga Charing Cross cùng với các thành viên khác. Nếu đó là nhà ga Waterloo thì có lẽ cậu sẽ có chút sợ hãi khi nhớ lại cảnh bị săn đuổi trong đường hầm dưới nhà ga, nhưng Charing Cross chỉ là một nhà ga nhỏ không hề gợi chút ý xấu nào. Đoàn tàu lướt qua khung cảnh miền quê quen thuộc của nước Anh xuống tận cảng Dover, nơi họ chuyển sang tàu thủy để vượt eo biển Anh sang Pháp. Tại cảng Dunkerque, họ lên một chuyến tàu hỏa khác, sau ba ngày nữa sẽ có mặt tại Moscow. Chỉ mất ba ngày để đi xuyên châu Âu! Thật không thể nào tin được!

Trên tàu chỉ có tiện nghi cơ bản. Ghế ngồi hầu như chẳng có đệm lót gì, và trên tàu cũng không có giường ngủ. Thay vào đó, cả đoàn chỉ ngủ ngồi, hoặc nằm xoãi trên ghế.

Các nhạc sĩ, những người chưa được giới thiệu với Sherlock, ngồi với nhau. Dường như cả ngày họ chỉ ngủ hoặc chơi cờ đam trên các bàn cờ nhỏ gấp lại được. Duy có Mycroft và ông Kyte là có giường ngủ riêng, phù hợp với chức danh là Giám đốc và nghệ sĩ chính của Đoàn kịch nghệ Kyte. Phần lớn thời gian mỗi người tự làm việc của mình.

Sherlock dành nhiều giờ dán mắt vào khung cửa sổ, nhìn cảnh vật lướt qua. Những tên gọi trước đây cậu chỉ thấy trong các tập

bản đồ địa lý nay bỗng chốc trở thành sống động trước mắt mình: những quốc gia như nước Bỉ, nước Phổ, những thành phố và đô thị như Brussels, Koln, Berlin, Warsaw và Minsk...

Trong lúc cậu chăm chú nhìn vào khung cửa sổ, quan sát những vạt rừng linh sam vụt qua trước mắt thì bà Loran đến ngồi kế bên.

"Cậu trông cô độc quá," bà ta nói. "Chắc là cậu muốn có người trò chuyện."

"Cháu ổn. Cháu... thấy bị thu hút bởi những điều luôn thay đổi khi chúng ta đi du lịch như ngôn ngữ và thức ăn, nhưng có những thứ khác, như cây cối và súc vật thì hầu như chẳng khác nhau mấy. Ví dụ như ở đâu cũng có chim và mèo cả."

"Và xúc xích nữa chứ," bà ta nhận xét. "Tôi không tin rằng trên thế giới lại có nước không có xúc xích." Bà nhìn cậu một lúc bằng ánh mắt đầy trìu mến rồi nói. "Người bảo trợ của cậu, ông Sigerson, dường như không dành mấy thời gian cho cậu trong chuyến đi này."

"Anh ấy bận," Sherlock trả lời, nghĩ rằng mình phải biện hộ cho Mycroft.

"Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng đã là người bảo trợ thì anh ta phải để tâm chăm sóc cậu, chứ không phải để cậu một mình như thế này đâu." Bà ta hất hất đầu sang một bên. "Anh ta dường như chẳng thèm quan tâm xem cậu có ổn hay không."

"Anh ấy có quá nhiều việc để lo toan." Cảm thấy cần phải thận trọng, Sherlock cố thay đổi đề tài. "Cô đã diễn kịch lâu chưa ạ?"

Bà ta nhìn đăm đăm qua vai cậu, hướng tầm mắt ra ngoài cửa sổ, giọng thầm thì. "Ồ, đôi khi tôi có cảm giác mình đã diễn suốt cả

cuộc đời rồi."

Cảnh vật thay đổi khi tàu chạy ngày càng xa về hướng tây. Đó là một vùng nhỏ của nước Pháp mà Sherlock đã từng thấy, và tiếp đến là dải đất rộng lớn của xứ Bỉ, tất cả hòa vào nhau thành những cánh rừng màu xanh đậm và các cánh đồng xanh nhạt. Nhưng khi họ đi qua nước Phổ và vào hẳn nước Nga thì vùng đất trở nên ẩm ướt hơn, và nhiệt độ tụt xuống nhanh làm cho những vũng nước nhỏ bị đóng băng lại, có cả tuyết phủ trên mặt đất. Người dân ở đây có vẻ thấp và da sậm màu hơn, hoặc có lẽ do mây ở đây lúc nào cũng sà thấp trên mặt đất làm ảnh hưởng đến tri giác của cậu.

Có lúc, Sherlock đi dọc theo hành lang toa tàu để tìm xem Mycroft như thế nào. Anh cậu ngồi trong toa riêng, tựa vào chồng gối, vẻ mặt không khỏe lắm. Xung quanh anh bề bộn sách, quyển nào cũng mở, và có vẻ anh đang ghi chép vào một cuốn sổ tay nhỏ. Anh ngước nhìn lên khi Sherlock gõ và đẩy cửa đi vào.

"Gì vậy?"

"Em chỉ đến xem anh có ổn hay không."

"Không, anh không ổn lắm. Tiếng xình xịch khốn kiếp của con tàu làm cho bộ máy tiêu hóa của anh bị rối loạn. Anh thử giải trí bằng cách đọc sách, nhưng chẳng ích gì."

"Em có thể làm gì cho anh không?"

"Chỉ cần để yên cho anh chịu đựng một mình là được," Mycroft nói ngắn gọn. "Anh không muốn nói chuyện lúc này."

Sherlock lui ra và đóng cửa lại. Cậu đứng một lúc bên ngoài khoang của anh mình, tần ngần không biết làm gì. Cậu không nhớ nổi có khi nào mình cảm thấy cô đơn và vô tích sự như thế này kể

từ buổi đầu tiên bước vào nhà chú thím tại Farnham.

Sherlock quay lại và bỏ đi, nhưng có gì đó chợt làm cậu chú ý. Ngay bên ngoài cửa phòng ông Kyte có một thứ nằm cạnh khung cửa: một vật màu nâu, kích thước và hình dáng như ngón tay cái được buộc bằng một sợi dây mỏng. Cậu cúi xuống để nhặt lên. Khi mấy ngón tay sờ vào một thứ mềm mềm, cậu hoảng hồn nhận ra ngay đó là một con chuột. Một con chuột chết. Cái mà cậu cứ tưởng là khúc dây đong đưa chính là cái đuôi.

Chuột chết ư? Trên tàu chắc cũng có chuột, như ở nhà vậy. Cậu nhìn quanh để tìm chỗ vất con chuột đi, nhưng đột ngột cánh cửa buồng ông Kyte mở ra, và người đàn ông vạm vỡ, râu đỏ nhìn trừng trừng Sherlock. "Gì vậy?" ông ta hỏi giọng khò khè. "Chuyện gì à?"

"Không có gì," Sherlock đáp. "Tôi chỉ ghé qua thăm ông... Sigerson mà thôi." Cậu tuồng con chuột vào túi áo khoác. Vì một lý do gì đó không hiểu được, cậu không muốn cho ông Kyte biết việc này.

"Nếu cậu thấy chán," ông Kyte thở mạnh, "thì cứ đi gặp mấy đứa con trai mà nói chuyện. Cậu cần phải làm việc với chúng về món phông màn và trụ chống đấy. Đi làm quen đi." Ông ta đóng sầm cửa lại trước mặt Sherlock.

Thực ra, sau ba ngày ở London, khi học cách kéo phông và di chuyển trụ chống trên sân khấu, Sherlock đã kịp tìm hiểu khá kĩ về bốn thành viên trẻ tuổi của đoàn kịch. Để giết thời gian trên tàu, cuối cùng Sherlock cũng nhận lời chơi bài với họ. Chỉ trong vòng một ngày, họ dạy Sherlock các kiểu chơi bài whist, cờ thỏ cáo

và trò baccarat, và với năng khiếu toán học - đó là chưa kể đến khả năng nhớ dai dường như là đặc tính di truyền của nhà Holmes – chẳng bao lâu Sherlock đã nắm được các mánh khóe của mấy trò bài bạc này.

Cậu mê cái cách mà cặp sinh đôi xóc bài. Họ xoay bộ bài như những tay đánh bạc có nghề, xáo bài dễ dàng, chia bài rất ngọt tay và chính xác. Rốt cuộc, cũng tới lúc cậu hỏi họ cách xáo bài, và thế là Sherlock được dạy các kiểu xáo khác nhau – kiểu lật tay, Hindu, đãi vàng, rung tay, cởi trần. Họ cho cậu biết, tất cả đều do nhanh tay và tập luyện. Dĩ nhiên, đó cũng là những gì mà Rufus Stone đã nói về việc chơi đàn violon, cậu mượn lại bộ bài khi chơi xong, bỏ ra mấy tiếng đồng hồ sau đó để tập luyện nhiều lần cho thành thạo các kĩ thuật xóc bài khác nhau. Với các ngón tay thon mảnh, tính kiên trì, chẳng bao lâu cậu đã nắm được kĩ thuật, và trong các ván bài sau đó cậu cũng xóc bài và chia bài thành thạo không kém gì Henry và Pauly.

Đến ngày thứ ba, việc dán mắt vào cửa sổ cũng hết thú vị. Cậu tập trung quan sát các diễn viên của đoàn – ông Malvin, ông Furness, cô Dimmock và bà Loran. Cậu thử đem áp dụng những kĩ năng mà ông Amyus Crowe đã truyền đạt để làm rõ tính cách và quá khứ của họ, nhưng lại thấy chẳng ăn khớp mấy. Khi cậu vừa mới đưa ra suy diễn nào đó về một người trong số họ, thì một ý nghĩ khác lại xuất hiện làm cho suy diễn đó thay đổi. Có lẽ nó liên quan đến việc tập luyện diễn xuất của các diễn viên này - có lẽ những gì mà cậu thấy được là những cá tính khác nhau được họ vô thức biểu lộ ra ngoài.

Có một lúc, khi con tàu đang chạy rầm rập qua một vùng đất đầy đầm lầy và khung cảnh buồn chán, Sherlock nhận thấy ông Furness – người diễn viên lớn tuổi, mập mạp, mặt nổi đầy gân máu và cái mũi to như bắp cải – đang soạn những thứ gì đó từ một chiếc hộp để trên đùi. Chúng đủ các thứ linh tinh. Thấy Sherlock đang đứng nhìn, ông ta ra dấu cho cậu lại gần.

"Vật dụng hóa trang khi lên sân khấu đấy," ông ta nói, hơi thở bốc mùi rượu gin. "Cậu đã thấy cái này rồi chứ?"

"Chưa nhìn rõ lắm ạ," Sherlock thú thực. "Cháu thường chỉ đứng ở hậu trường."

"Cái thùng này đi theo tôi nhiều năm rồi," ông Furness thổ lộ. "Tôi tô mặt bằng sáp ong, mỡ cừu trộn với kẽm, chì, muội đèn, phẩm son, có thêm màu xanh biếc, màu đất hoặc màu xanh Phổ để tạo màu. Rồi còn những thứ khác như than bất và muội đèn để đánh mắt và lông mày, tro giấy để bôi đen mặt, nhựa dính để dán tóc giả, hoặc sợi nhiễu để làm râu và ria mép. Nếu biết cách dùng, cậu có thể làm cho khuôn mặt khác hẳn, ít nhất nếu nhìn từ xa."

Thấy Sherlock nhìn với vẻ nghi ngờ, ông ta tiếp: "Xem này, nếu đánh màu sáng cho những cái xương lồi trên mặt như cái mũi và xương gò má chẳng hạn, thì những nét này càng lộ rõ hơn. Nếu đánh màu tối cho những chỗ trũng, thì sẽ làm cho những chỗ ấy trũng sâu hơn. Thay đổi chỗ cần đánh sáng và tối, cậu có thể làm cho cằm xệ xuống, cái trán lộ nhiều nếp nhăn, mắt sụp và các gân xanh phồng ra. Nếu tất cả đều vô dụng thì..." Ông ta móc ra một hộp sắt nhỏ. "Bột làm mũi."

"Bột làm mũi?" Sherlock ngờ vực.

“Thứ bột này làm thay đổi hình dạng của chiếc mũi, cằm - tức là những thứ gì không cử động. Bột làm mũi này không co lại được, thấy không, cho nên nếu dán lên má thì nó sẽ nứt, nhưng cậu sẽ không tin nổi là bề ngoài của cậu thay đổi như thế nào với một cái mũi hoặc một cái cằm hoàn toàn khác. Bạn thân nhất của cậu cũng sẽ không nhận ra!”

Cuối cùng khi Sherlock không còn chú ý đến ngày giờ nữa, và chuyến đi đã trở thành một chuỗi thời gian vô định, thì con tàu đi vào nhà ga Kursh ở Moscow.

Một người đàn ông cao ráo mặc áo choàng đen, áo khoác ngoài đen viền lông thú và mũ cao đen đã đứng sẵn ở bên kia hàng rào soát vé. Ông ta có bộ ria mép nhỏ và râu cằm tỉa tót gọn gàng, da trắng bệch như sứ. Dường như ông đang đứng chờ cho ai đó, và khi thấy bóng của cả đoàn hát ông ta mỉm cười, giơ cao tay ra hiệu.

Ông Kyte là người đi qua hàng rào đầu tiên. Ông dang tay ra, người đàn ông kia bước tới, ôm chầm lấy ông ta. Mycroft, đứng sát sau lưng ông Kyte, lẹ làng bước lùi về phía sau.

Người đàn ông có râu nói chuyện với ông Kyte và Microft một hồi lâu, sau đó quay về phía các thành viên của đoàn kịch. “Tôi là Morodov,” ông ta nói tiếng Pháp giọng có trọng âm; “Piotr Ilyich Morodov. Tôi hân hạnh được đại diện cho Hoàng thân Yusupov, người bảo trợ cho chuyến đi của quí vị đến đất nước thân yêu của chúng tôi. Chúng tôi cam đoan sẽ không để sai sót bất cứ điều gì nhằm bảo đảm cho chuyến đi của quí vị được nhiều thú vị cũng như mang lại thành quả nghệ thuật. Nào, xin đi theo tôi. Tôi sẽ đưa các vị đến khách sạn Slavyansky Bazaar. Chúng tôi đã đặt phòng ở

đó rồi."

Ông ta búng tay và mấy người phu khuân vác, mặc đồng phục vải séc may thô, rộng thùng thình bước tới để khiêng hết các loại vali, túi xách mà đoàn kịch mang theo. Ông ta dẫn mọi người ra ngoài, nơi có nhiều xe ngựa đang đậu chờ họ.

Ngoài trời rất lạnh, mặt đất phủ đầy tuyết, nhưng thay vì là thứ bùn loãng màu nâu do tuyết bị xe ngựa, xe bò xới lên hòa lẫn với bùn và rơm như ở Anh, tuyết ở đây trắng và dày. Nó kêu lạo xạo dưới chân khi đoàn kịch bước ra khỏi nhà ga và thấy ba chiếc xe ngựa đang đứng chờ đón họ về khách sạn.

Cũng như mọi người khác trong đoàn, Sherlock ngạc nhiên khi thấy có nhiều phương tiện chuyên chở tụ tập trên đường phố bên ngoài khách sạn. Cậu vốn quen với những chiếc xe bò có sàn phẳng vùng nông thôn Farnham, loại xe ngựa hai bánh và xe ngựa bốn bánh ở London, nhưng ở đây lại hoàn toàn khác biệt. Xe cộ nơi này trông giống như các dụng cụ tập thể dục mà cậu từng sử dụng tại trường Deepdene dành cho nam sinh hơn bất cứ thứ gì mà người ta muốn trèo lên đi: đó là những tấm ván dài, hẹp mà khi ngồi hành khách buộc phải dạng chân ra, như thể đang ngồi trên lưng ngựa thay vì được ngựa kéo, với hai bên thành xe nghiêng ra ngoài nối với bậc lên xuống, tất cả được đặt lên bốn bánh xe có độ đàn hồi, còn người đánh xe thì ngồi trước mặt hành khách. Kiểu này không tiện cho đàn ông và hoàn toàn không phù hợp cho phụ nữ mặc váy.

Cả đoàn đứng nhìn người phu xe đưa túi xách và vali chất lên phía sau xe, rồi lên xe. Quảng đường từ nhà ga đến khách sạn

không dài, nhưng Sherlock bị cái vẻ đồ sộ và cổ kính của các công trình ở đây lôi cuốn. Mọi thứ dường như đều được xây lớn hơn so với London - mức độ to lớn làm cho người dân địa phương trở nên thấp đi, họ lăng xăng dưới bóng của các tòa nhà, người gập lại để bớt lạnh, giống như đám chuột nhắt chạy dọc theo ván lót chân tường. Và màu sắc nữa chứ! Cậu vốn quen với các tòa nhà sử dụng màu của đá, hoặc gạch, hoặc gỗ, nhưng ở Moscow, cứ hai tòa nhà thì có một được sơn bên ngoài. Một số được sơn màu hồng, một số màu xanh dương, số khác màu xanh lá và nhiều nhà được sơn màu vàng đến mức Sherlock không thể hiểu nổi. Có lẽ nước Nga quá dư thừa sơn màu vàng.

Khi họ đến khách sạn, Piotr Ilyich Morodov đăng kí phòng cho cả đoàn, rồi chào tạm biệt ra về, Mycroft và ông Kyte họp mọi người lại trong sảnh.

"Tôi đã chuẩn bị xong lịch làm việc," Mycroft tuyên bố, trong đó có ghi chi tiết những việc phải làm trong mấy ngày tới." Anh đưa mu bàn tay lên che miệng rồi ho. "Tôi sẽ phát những tờ lịch công tác này sau, nhưng để tôi tóm tắt chi tiết cho các vị rõ. Trước hết, chúng ta đến Moscow theo lời mời của Hoàng thân Yusupov. Hoàng thân là người bảo trợ nghệ thuật có tiếng, luôn mong muốn thấy một đoàn kịch nghệ của Anh trình diễn tại Nga. Hoàng thân cho chúng ta tuỳ nghi hoạt động ba ngày tại nhà hát Maly. Nhà hát này chắc chắn là nhà hát hàng đầu của Moscow, cũng có nghĩa là nhà hát hàng đầu của nước Nga."

"Sức chứa của nó bao nhiêu ghế?" Ông Malvin, diễn viên chính của đoàn, hỏi. Ông rướn cao giọng như đang ở trên sân khấu. "Tôi

là một diễn viên đáng kính. Tôi không diễn trước mặt một nhóm khán giả lèo tèo đâu."

"Sân khấu chính có sức chứa 950 chỗ, sân khấu phụ chứa 750 chỗ."

"Vậy ta diễn ở sân khấu nào?" cô Aiofe Dimmock, nữ chính, ngắt lời.

"Ta sẽ diễn ở sân khấu phụ," Mycroft trả lời trơn tru, "nhưng chỉ vì những vở diễn có không khí ấm cúng của chúng ta phù hợp với khu vực sân khấu nhỏ hơn."

Ông Kyte bước ra trước. "Tôi không muốn thấy lối diễn tinh tế và đầy sắc thái của cô bị loãng đi trong một thính phòng quá rộng."

Cô Dimmock gật đầu và từ tốn lùi ra sau. "Rất chu đáo. Xin cám ơn."

"Tôi cần xem trước thính phòng," Malvin nói to. "Tôi không thể nào diễn được nếu chưa đặt chân lên sân khấu. Tôi cần đánh giá độ vang của âm thanh và xem thử tôi phải ướm giọng như thế nào để khán giả ở những góc xa nhất cũng có thể nghe được."

"Dĩ nhiên rồi. Việc này sẽ bàn sau." Mycroft ngưng lại, nhìn về phía các thành viên. "Như các vị đã rõ, chúng ta được hợp đồng diễn ba vở, mỗi đêm một vở khác nhau. Với đêm đầu, Hoàng thân Yusupov đã gởi giấy mời cho các tầng lớp tinh hoa nhất của xã hội Nga. Tôi cam đoan rằng đây là một sự kiện xã hội trong năm."

"Thế Sa hoàng có dự không?" Bà Logan đứng sát Sherlock nói to. "Tôi rất muốn Ngài có mặt!" Bà ta liếc nhìn Sherlock, giọng có vẻ bí ẩn, "khi còn bé tôi cứ muốn lấy chồng là một hoàng tử. Giờ thì quá muộn rồi, nhưng tôi vẫn còn mơ mộng về nó."

“Thật tiếc, Sa hoàng bận việc quốc sự.” Mycroft khoát tay ra dấu xin lỗi. “Nhưng mọi người cứ yên tâm, khán giả sẽ là những người rất danh giá – Hoàng thân cùng Công nương, Bá tước và Phu nhân, Tử tước và Phu nhân, Quận công và Quận chúa. Giới quí tộc Nga rất nhiều, và phần lớn sẽ có mặt trong đêm diễn đầu tiên, Ngài Đại sứ Anh tại triều đình Sa hoàng cũng có mặt cùng với phu nhân.”

“Thật tuyệt vời!” bà Loran kêu lên, vỗ tay. Bà nghiêng về phía Sherlock. “Biết đâu một người trong số họ sẽ thương hại cho một phụ nữ trung niên và nhận ra tôi là một người trung thực,” bà ta thì thầm. Sherlock cười đáp lại. Cậu không biết bà Loran có xứng với một quí tộc Nga nào không.

Mycroft quay lại nhìn các thành viên của đoàn. “Tôi biết là mỗi đêm trong ba đêm diễn, các vị sẽ diễn một số trích đoạn chọn lọc của các nhà soạn kịch Anh quốc vĩ đại - William Shakespeare, dĩ nhiên rồi, Ben Jonson, Christopher Marlowe và John Webster. Ông Kyte – anh quay sang người đàn ông to lớn đứng phía sau mình. “Theo tôi hiểu thì ông sẽ giới thiệu các trích đoạn và đặt chúng vào ngữ cảnh cho khán giả hiểu.”

“Ý tôi chính là thế,” ông Kyte nói to. “Tôi sẽ nói tiếng Pháp, dù rằng vở diễn bằng tiếng Anh.”

“Tuyệt.” Mycroft quay sang các thành viên trẻ tuổi của đoàn – Rhydian tóc đen, Judah tóc sáng và cặp sinh đôi Henry và Pauly. “Về mặt phông nền và trụ chống, tôi cam đoan rằng nhà hát có một số phông màn có thể sử dụng để diễn từ cảnh trận đánh tại lâu đài Elsinore cho đến cánh rừng Arden, cùng với một số lượng lớn đồ gỗ và nhiều thứ hữu dụng khác. Tôi đề nghị điều đầu tiên chúng ta

cần làm vào buổi sáng là đến nhà hát, trong lúc các nghệ sĩ dợt giọng để thử hệ thống âm thanh của thính phòng, thì các chàng trai trẻ sẽ phân loại dụng cụ dưới sự chỉ dẫn của ông Kyte. Chọn ra những thứ mà ta cần, còn đội ngũ nhân viên thường trực của nhà hát sẽ chuẩn bị mọi thứ cho các bạn vào buổi chiều và giúp các bạn làm quen với việc kéo phông, hạ phông."

"Chỉ toàn dây thừng," Henry lên tiếng. "Nói cho cùng, nó chỉ là mớ dây thừng và việc kéo dây thôi."

"Chiều mai, khi nhân viên nhà hát bố trí phông màn, tôi nghĩ sẽ có một buổi tổng dượt, và mọi người đều phải tham gia." Mycroft chuyển hướng nhìn sang ông Eves cao ráo có bộ ria mép, cao lều khều và nhóm nhạc công đứng phía sau lưng ông. Rufus Stone cũng có mặt ở đó. Anh có vẻ đã hòa nhập vui vẻ với các nhạc công khác. "Buổi diễn tập sẽ cần âm nhạc như một phần của buổi diễn thực thụ, vì vậy yêu cầu tất cả các nhạc công phải có mặt."

Ông Eves gật đầu, "Chúng tôi sẽ có mặt đầy đủ. Đừng lo."

Mycroft gật đầu đáp lại. "Tôi chắc là các bạn sẽ có mặt." Anh đảo mắt nhìn các thành viên của đoàn. "Trong đêm thứ hai, khán giả sẽ là người trong giới nghệ thuật Moscow chứ không phải những người có tước vị. Đêm thứ ba, vé sẽ được bán rộng rãi cho thường dân Moscow. Tôi đoan chắc rằng các anh sẽ trình diễn trước một thành phần khán giả chọn lọc đại diện cho tầng lớp trung lưu bậc trên của thành phố tráng lệ này." Anh ngừng lại, lấy tay vỗ vào chiếc bụng khá đồ sộ của mình. "Nên nhớ rằng các anh là đại sứ nghệ thuật của nước Anh đấy." Anh vỗ tay. "Nào, giờ đi ăn tối rồi đi ngủ. Sáng mai đúng 8 giờ chúng ta sẽ gặp nhau ăn sáng, rồi đến

nhà hát!"

Các thành viên của đoàn hát đi về phía nhà hàng của khách sạn. Bà Loran đoan chính dừng lại bên cạnh Sherlock và đưa tay xoa đầu cậu. "Scott, cậu có muốn ngồi với tôi một chút ở sảnh khách sạn sau khi ăn tối không? Tôi hy vọng cậu sẽ giúp tôi thuộc lời thoại bằng cách đọc những phần thoại khác của kịch bản."

Phản ứng đầu tiên của Sherlock là muốn nói vâng. Càng ngày cậu càng mến bà Loran nhiều hơn. Nhưng trước khi trả lời, cậu liếc qua phía Mycroft. Anh cậu rõ ràng là đã nghe câu hỏi của bà Loran nên lắc đầu ngay.

"Ước gì cháu có thể," cậu nói, "nhưng cháu cần ngủ sớm mới ngon giấc được."

"Vậy thì sáng mai sau bữa điểm tâm vậy," bà ta mỉm cười và bỏ đi.

Mycroft ra hiệu cho Sherlock và Rufus Stone đi theo mình.

"Anh xin lỗi vì đã làm hỏng buổi tối của em," anh nói với Sherlock, "nhưng càng giao du với những người này chúng ta càng mất nhiều thời gian, và họ sẽ nhận ra rằng chúng ta không phải như vẻ bên ngoài. Cách hành động của ta là lịch sự nhưng dè dặt."

Anh đảo sang nhìn Stone, rồi quay về Sherlock. "Chuyến đi đầy mệt mỏi," anh lặng lẽ nói, "và anh thấy chẳng có lý do gì để phí sức chiều nay. Hãy nghỉ cho khỏe. Ngày mai, trong khi những người khác đến nhà hát, thì Sherlock sẽ cùng anh đến căn hộ nhân viên của anh tại Moscow này. Anh muốn nắm được chính xác là việc gì đã xảy ra cho anh ta." Anh nhìn Stone. "Còn anh, tôi lấy làm tiếc, là anh phải đến nhà hát cùng với bọn họ. Là cây violon chính, anh mà

vắng là họ biết ngay."

"Ông có thể cần đến tôi nếu có gì rắc rối," Stone nói.

"Nếu có rắc rối, tôi ngờ rằng sẽ chẳng có ai giúp được," Mycroft nói giọng điềm tĩnh. "Chúng ta đang ở một đất nước xa lạ mà việc tự do phát biểu bất cứ tư tưởng nào chống lại Sa hoàng đều sẽ bị đám công chức và mật vụ của ông ta thẳng tay đàn áp. Nhưng việc phải làm thì làm thôi."

"Thế thì tại sao lại dẫn Sherlock theo?" Stone hỏi dồn. "Nếu có nguy hiểm, thì nên để cậu ta đến nhà hát với tôi."

Mycroft lắc đầu. "Tôi cho rằng suy luận của anh đúng, nhưng tôi lại cần đôi mắt và nhận xét sắc bén cũng như các kĩ năng thể thao của Sherlock. Có lúc cần phải chui vào một căn hộ theo lối cửa sổ, thì trường hợp này tôi hoàn toàn không phù hợp chút nào. Một khi vào được bên trong, cậu bé sẽ tìm được một manh mối nào mà tôi thiếu. Ít nhất, cậu ta cũng có thể canh chừng cảnh sát khi tôi vào bên trong. Còn nếu có việc gì xảy ra cho tôi, thì cậu ta cũng có thể quay về và báo cho anh biết."

Stone gật đầu một cách miễn cưỡng. "Được rồi. Nếu đó là tất cả…?" Thấy Mycroft gật đầu, anh ta đi ra, hướng về phía nhà hàng.

Mycroft nhìn Sherlock, dò xét. "Anh có cảm giác là em đang nghĩ đến cái gì đó."

Sherlock nhún vai. "Chẳng có gì quan trọng cả."

"Quan trọng đấy. Em bực mình với anh vì anh không cho em biết anh tuyển dụng Rufus Stone, rồi em lại bực mình với Rufus Stone bởi vì anh ta không nói cho em biết anh ta làm cho anh. Em nghĩ rằng mình bị thất vọng với hai người bọn anh – rằng em

không còn tin vào ai nữa."

Sherlock vẫn quay sang chỗ khác, từ chối nhìn vào mắt Mycroft.

"Sherlock, dù em có thích hay không, anh vẫn có trách nhiệm phải chăm sóc em. Cử Stone canh chừng em khi không có anh là một phần của nhiệm vụ đó."

"Em cứ nghĩ..." Sherlock bắt đầu mở miệng, không hiểu sao lại nói, "em cứ tưởng anh ta là bạn của em."

"Một lúc người ta có thể thủ nhiều vai," Mycroft thận trọng nói, "Anh là anh của em, nhưng anh cũng là một viên chức của chính phủ Anh. Amyus Crowe là người đi săn tiền thưởng nhưng cũng là người hướng dẫn cho em. Stone là nhạc sĩ violon, nhưng cũng là một điệp viên không thường xuyên của anh. Như thế cũng không loại trừ việc anh ta là bạn của em." Anh đặt tay lên vai Sherlock và bóp nhẹ. "Nếu như điều này có chút nào an ủi, thì khi từ Mỹ về, Stone có nói với anh là anh ta đã đối xử với em như anh em. Anh ta thích chơi với em và hỏi anh là việc đó có ổn không. Anh trả lời là không có vấn đề gì. Anh thà để cho anh ta tự ý muốn chăm sóc em hơn là phải bảo anh ta."

Một cái gì đó nhiều ngày qua bị nén chặt trong lòng Sherlock dường như lơi ra. Chưa phải là hoàn toàn, nhưng cũng phần nào.

"Còn giờ," Mycroft nói, "chúng ta hãy thử thưởng thức nghệ thuật ẩm thực của người Nga. Anh được cho biết là các đầu bếp Nga cũng tuyệt vời như đầu bếp Pháp vậy."

Họ đi vào trong một nhà hàng có vòm cao. Trên tường là một dãy những bức tranh vẽ các binh sĩ mặc quân phục màu sáng – xanh dương, xanh lục và đỏ - đang cưỡi ngựa và vung kiếm chém

vào nhau.

Mycroft chú ý đến ánh mắt của Sherlock. "À, chiến tranh đảo Krưm," anh nói. "Một bên là quân Anh, Pháp và Thổ đánh với quân Nga. Một cuộc xung đột hơi ly kì và khá vô nghĩa. Thế mà chỉ mấy chục năm sau, chúng ta lại ăn tối tại thủ đô của kẻ thù. Ngành ngoại giao tạo ra nhiều phe cánh thật kì lạ." Mycroft ngập ngừng, thân hình to lớn của anh chợt rung lên vì ớn lạnh. "Sherlock, anh nghĩ đây là lần cuối cùng anh đi ra ngoài nước Anh. Cũng có thể là lần cuối anh đi ra ngoài London. Du lịch có thể làm ta mở mang đầu óc, nhưng báo chí và sách tham khảo cũng làm được như thế, ta có thể thoải mái trải nghiệm chúng trên chiếc ghế bành, bên cạnh là một chai rượu brandy ngon. Trong tương lai, anh cứ để cho sự việc đến tìm anh thay vì anh chạy theo sự việc."

"Anh chắc là rất muốn biết việc gì đã xảy ra cho người của anh, nên anh mới ở đây mà," Sherlock điềm tĩnh nói.

Trưởng nhóm phục vụ bàn nhìn vào sổ đặt chỗ khi họ đến gần và hỏi bằng một thứ tiếng Pháp không chê vào đâu được. "Một bàn cho quí ông, phải không ạ?"

"Xin ông vui lòng cho," Mycroft trả lời. Khi người trưởng nhóm phục vụ đưa họ qua bên phía nhà hàng, Mycroft nói nhỏ: "Tên anh ta là Wormersley. Robert Wormersley. Bọn anh cùng học tại Oxford, từng ở cùng phòng, cùng trao đổi suốt đêm về những hy vọng, những ước mơ trong tương lai. Khi rời Oxford, mỗi người mỗi ngả: trong lúc anh gia nhập Bộ Ngoại giao thì anh ta chu du khắp thế giới để thám hiểm và viết những bài báo sâu sắc về du lịch, nhưng bọn anh vẫn giữ thư từ với nhau. Rồi cuối cùng quĩ

đạo của bọn anh lại giao nhau, anh ta trở thành nhân viên thân tín nhất của anh ở nước ngoài." Mycroft ngừng một chút. "Bọn anh là bạn bè, Sherlock ạ. Bọn anh là bạn bè tốt nhất. Quen biết là một điều lợi, nhưng không mấy khi ta được làm bạn với những người như thế này trong đời. Khi có tình bạn, ta nên gìn giữ nó. Đó là lý do tại sao anh cần phải có mặt ở đây. Anh nợ anh ta vì điều này."

"Em hiểu rồi," Sherlock lên tiếng khi họ ngồi xuống. "Hoặc ít nhất em cũng tin rằng em hiểu."

"Dĩ nhiên là em hiểu. Em đã đi một chặng đường dài tới New York để cứu cậu bé Mathew Arnatt. Còn bây giờ," anh vừa nói vừa cầm bảng thực đơn trên tay người phục vụ, "em muốn ăn gì chiều nay? Anh biết là hải sản tại đây rất ngon."

Bữa ăn rất tuyệt – đủ ngon để làm vui lòng kể cả Mycroft – và ông anh của Sherlock cho phép mình dùng một ly rượu vang trong bữa ăn. Họ nói đủ thứ chuyện – chẳng hạn như thứ nho nào có thể dùng làm rượu vang, cách làm rượu brandy, sherry và port bằng cách chưng cất hoặc nâng độ rượu, và việc rượu vang bắn bọt được các thầy tu dòng Benedictine làm ra đầu tiên vào thế kỷ thứ mười sáu như thế nào.

Sherlock cảm thấy cơn giận hờn anh trai bớt dần trong khi dùng bữa. Cậu vẫn còn giận anh Mycroft – và cả Rufus Stone – đã hành động sau lưng mình, nhưng lại cảm thấy một phần sự giận dữ lại hướng vào chính mình do không phát hiện ra điều đó.

Dù vậy, cậu đã rút ra được một bài học: đừng bao giờ đánh giá bất cứ thứ gì qua vẻ bề ngoài nữa.

Gần đến cuối bữa ăn, khi Mycroft thoải mái ngồi hút xì gà, nhâm

nhi một ly brandy, Sherlock lên tiếng, "Em đi ngủ đây. Hẹn gặp lại anh ngày mai."

Mycroft gật đầu. "Em ngủ ngon nhé. Ngày mai sẽ là một ngày khó khăn đấy." Anh nhướng mày. "Anh có cảm giác là anh đang quên một cái gì hiển nhiên lắm. Đây không phải là một cảm giác dễ chịu. Nếu anh còn ngồi tại London, yên vị tại câu lạc bộ Diogenes, chắc chắn là anh sẽ nghĩ ra ngay, nhưng ở đây, với mọi thứ làm xao nhãng này...?" Anh thở dài. "Có lẽ một đêm ngủ ngon trên chiếc giường ấm áp sẽ có tác dụng. Ngủ ngon, Sherlock."

Phòng của Sherlock nhỏ và ở tầng trên, nhưng không hề gì. Vẫn còn tiện nghi hơn nhiều so với căn phòng của cậu tại Trang viên Holmes, và cậu ngủ ngay sau khi thay quần áo. Nếu có nằm mơ cậu hẳn cậu cũng chẳng nhớ mình đã mơ thấy những gì.

Buổi sáng hôm sau trời thật trong và khô lạnh. Tuyết vẫn còn phủ trên mặt đất nhưng mặt trời lại sáng rỡ trên nền trời trong xanh. Sau khi tắm rửa và mặc quần áo, Sherlock đi xuống nhà hàng mà cậu đã cùng ăn tối với Mycroft.

Mycroft đang ngồi với ông Kyte. Anh gật đầu chào khi Sherlock bước vào khách sạn rồi quay lại tiếp tục trò chuyện.

Sherlock nhìn quanh. Ông Malvin và cô Dimmock đang ngồi ăn cùng bàn, còn bà Loran thì ngồi riêng một mình. Bắt gặp ánh mắt của Sherlock, bà ta mỉm cười chào. Cậu cười đáp lễ. Cậu mến bà – dường như càng lúc bà ta càng xem Sherlock như một đứa con. Cậu nghĩ tới ông Loran vắng mặt và không hề được nhắc đến. Hoặc ông ta đã chết, hoặc đang sống với một phụ nữ khác, hay đang chờ bà ta ở nhà?

Bốn cậu bé lo việc hậu trường - Rhydian, Judah, Pauly and Henry – ngồi chung một bàn và đang cãi vặt với nhau. Các nhạc sĩ thì phân tán ra thành ba bàn khác nhau, theo từng nhóm dụng cụ: một bàn cho đàn dây, một bàn cho kèn và bàn thứ ba là sáo gỗ. Còn nhạc trưởng, ông Eves, ngồi một mình.

Mặc dù thuộc nhóm đàn dây, nhưng Rufus Stone ngồi riêng một mình. Anh ta vẫy tay chào Sherlock khi thấy cậu nhìn mình, chỉ tay vào một chiếc ghế trống ở chỗ bàn đang ngồi. Sherlock ngần ngừ một lúc xem có nên tự tìm một bàn riêng cho mình hay không, nhưng cuối cùng cậu bước về phía Stone.

"Ngủ ngon chứ?" Stone hỏi.

"Cũng không tệ lắm, Sherlock trả lời.

"Khách sạn này gây ấn tượng lắm. Nếu nói theo kiểu của một người vốn lấy cỏ làm mền, lấy bầu trời đêm làm trần nhà, thì chiếc giường thật là tiện nghi quá mức mong đợi của tôi. Khi thức dậy, tôi thấy mình giống như bị lạc lõng giữa một chiếc nệm quá mềm đến mức kẹo dẻo cũng phải chào thua. Phải mất đến năm phút tôi mới bò ra được phía cạnh giường. Tôi thề là nếu ngủ chừng nửa giờ nữa thì chắc tôi chìm lỉm mất tăm dạng luôn." Sherlock không ừ hử gì cả.

Im lặng kéo dài một lúc, rồi Stone nói nhỏ: "Cậu có nói là lúc ở Anh, cậu đã mua cho mình một cây đàn vĩ cầm phải không?

"Đúng thế." Sherlock nghĩ rằng mình nên nói thêm điều gì đó, nhưng không nghĩ ra cái gì.

"Tôi cho rằng khi cậu mua một nhạc cụ như thế tức là cậu vẫn còn muốn hạ gục nữ thần âm nhạc?" Sherlock nhún vai.

“Sherlock,” Stone nói, “Tôi hiểu cảm giác của cậu, tôi ước gì sự việc khác đi. Đời vốn là thế, chuyện xấu xảy ra thường xuyên hơn là chuyện tốt. Mấu chốt là phải thấy được ánh mặt trời ở phía sau đám mây đen.” Anh ta ngừng một lát. “Sherlock, nếu còn điều nào cậu có thể tin tôi, thì hãy tin cái này: “Tôi thích chơi với cậu, và nếu anh cậu có nói rằng ngày mai không cần đến tôi nữa thì tôi vẫn mong muốn được tiếp tục dạy cho cậu.”

Sherlock cảm thấy cổ họng mình như nghẹn lại. Cậu nhìn chỗ khác, rồi quay lại nhìn Stone, và ngập ngừng. “Em cũng muốn tiếp tục học.”

“Dĩ nhiên rồi,” Stone nói, “cái đó phải chờ đến khi hoàn thành nhiệm vụ đặc biệt này. Nếu không cẩn thận, cứ chơi xoàng xĩnh như mấy tay kéo đàn và thổi kèn này thì tài năng của tôi sẽ bị xuống cấp một cách nghiêm trọng mất.” Anh ta nhìn quanh, rồi hạ giọng. “Tôi có cảm giác xấu về đám người này. Chưa tìm ra lý do, nhưng có một cái gì đó không ổn ở đây. Một điều gì đó rất không ổn.” Anh ta liếc sang Sherlock.

“Phải cẩn thận sáng nay. Phải hết sức cẩn thận đấy.”

CHƯƠNG 12

Sau bữa ăn sáng, Sherlock đứng đợi trong sảnh của khách sạn trong khi những thành viên khác của nhà hát, trừ Mycroft, lên xe ngựa đến nhà hát Maly. Khi họ khuất qua góc phố, Mycroft nói: "Tới lúc rồi. Ta đi thôi."

Mycroft gọi một chiếc xe – một chiếc xe ngựa thực sự, chứ không phải là thứ xe có tấm ván mỏng mà người ta phải ngồi như cưỡi ngựa – và đưa địa chỉ là chỗ giao nhau của hai con phố. Nghiêng qua phía Sherlock, Mycroft nói, "Khoảng một trăm thước cuối chúng ta phải cuốc bộ. Bất tiện, nhưng lại cần thiết. Anh luôn theo một qui định là không cho người lạ biết điểm đến cuối cùng. Một nửa bọn đánh xe trong thành phố này ăn lương của Ban Ba đó."

Khi đến nơi, Mycroft trả cho người đánh xe một đồng và chờ đến khi xe đi khuất, mới ra hiệu cho Sherlock bước sang bên kia đường, rồi đi ngược lại một quãng ngắn.

Mycroft dừng lại bên ngoài một tòa nhà cao ba tầng, xây bằng đá màu nâu đỏ. Cửa chính nằm ở chính giữa tầng trệt, cao hơn vỉa hè ba bậc tam cấp.

Mycroft và Sherlock đi vào bên trong. Từ dưới sảnh có cầu thang dẫn lên lầu. Như thể đã từng đến nơi này hàng ngàn lần, Mycroft bước thẳng đến cầu thang và đặt tay lên chỗ tay vịn. Anh ngoái sang Sherlock. "Người ta nói rằng tại Cung điện Mùa đông, cũng như tại Moscow này, Sa hoàng có một căn phòng nhỏ, được

nâng từ tầng này lên tầng khác bằng một cỗ máy trục vít đẩy bằng hơi nước. Anh không biết được khi nào thì tất cả các tòa nhà đều có những căn phòng như thế." Miệng thở hổn hển, Mycroft bắt đầu bước lên các bậc thang. Sherlock theo sau, mỉm cười.

Tầng một bắt đầu với một hành lang tối tăm chạy dọc chiều dài của tòa nhà. Sherlock nghe mùi thức ăn phảng phất: mùi jăm bông luộc, bắp cải luộc, cả bánh mì. Mycroft bước đi một cách tự tin dọc theo hành lang đến trước một cánh cửa đặc biệt. Nhìn trước nhìn sau, khi đã chắc là không có ai theo dõi, anh đẩy mạnh cửa.

Cánh cửa di chuyển.

"Phần gỗ quanh ổ khóa bị long ra," Mycroft nói. "Điều này chắc chắn không ổn chút nào."

Anh mở cửa và đi vào phòng trước, kéo Sherlock theo sau. Với một cử động nhanh đến mức ngạc nhiên so với một thân hình to béo, anh ta bước tránh về phía bức tường, và đẩy Sherlock qua hướng kia. Sherlock cho rằng Mycroft cố giảm đến mức thấp nhất thời gian họ đứng giữa khung cửa, nếu có tình huống ai đó trong phòng với khẩu súng trên tay.

Quả là một ý hay.

Họ đứng chờ một lúc, nghe ngóng. Không có tiếng động nào bên trong. Cuối cùng Mycroft bước tiếp, đến cuối sảnh lớn để tới một cánh cửa phòng khép hờ.

Trong phòng hết sức bừa bãi. Nơi đây là, hoặc đã từng là phòng ở, nhưng giờ bàn thì lật ngửa, ghế bị đập gãy. Những bức tranh treo trên tường xộc xệch. Trên sàn nhà ngổn ngang các mảnh sành và thủy tinh các loại: mảnh vụn của các bức tượng trang trí nhỏ,

của tách trà và ly uống rượu vỡ. Chẳng thấy người nào, dù sống hay đã chết.

Mycroft đảo mắt nhanh khắp phòng. Anh quay lại sảnh trước để kiểm tra các phòng khác. Nhìn qua vai anh mình, Sherlock có thể thấy một phòng là phòng ngủ, còn kia là phòng tắm. Cũng không có người, nhưng cũng bị đập phá toàn bộ như trong phòng chính.

"Có người lục lọi tìm thứ gì đó," Mycroft nói nhỏ khi đứng ở cửa phòng trước và nhìn quanh.

"Họ không tìm thấy," Sherlock nói.

"Em nói đúng, nhưng làm sao em đi đến kết luận đó?"

"Bởi vì nếu họ đã tìm thấy, thì sẽ có những chỗ không bị đập phá hoặc bị lật tung lên – những chỗ bị phá phách là chỗ mà họ không tìm được thứ muốn tìm."

"Trừ trường hợp..." Mycroft nhắc.

Sherlock suy nghĩ. "Trừ trường hợp cái thứ mà họ muốn tìm lại nằm ở chỗ họ lục soát cuối cùng."

"Hoặc có thể là...?

"Hoặc họ không biết mình phải tìm bao nhiêu thứ, cho nên họ phải tìm ở tất cả các nơi."

Anh trai Sherlock gật đầu. "Đúng rồi. Em còn suy diễn được điều gì khác căn cứ trên tình hình nơi này không?"

"Người nào làm việc này không hề quan tâm đến việc có ai biết đến chuyện mình làm hay không, nếu không thì họ đã chịu khó dọn cho tươm tất hơn rồi."

"Em lại đúng nữa." Mặt của Mycroft sầm lại. "Anh lo cho tính

mạng của Robert Wormersley. Hoặc là anh ta có mặt tại đây lúc chúng lục soát, trong trường hợp này thì anh ta bị bọn phá cửa và lục lọi căn phòng bắt đi, hoặc là anh ta không có mặt, trong trường hợp này anh ta đã kịp quay đuôi và chuồn thẳng khi vừa thấy cửa phòng bị phá. Trong cả hai tình huống, số phận của anh ta vẫn chưa rõ."

"Anh ta không có ở đây vào thời điểm đó," Sherlock nói, giọng đầy chắc chắn.

"Em suy diễn như thế nào?"

Sherlock chỉ vào cánh cửa trước. "Cánh cửa bị khóa, nhưng không cài chốt. Anh có thể thấy là mấy chốt cửa vẫn còn nguyên ở phía sau cánh cửa. Nếu đang ở trong phòng thì khi khóa cửa, chắc chắn anh ta phải chốt bên trong. Căn cứ vào thực tế là cửa khóa nhưng không chốt chứng tỏ rằng anh ta khóa cửa sau khi ra khỏi phòng."

"Nhận xét đúng lắm," Mycroft tán đồng.

Sherlock quay lại phòng chính và nhìn kĩ một lần nữa. Có một thứ gì đó làm cậu thắc mắc, nhưng chưa rõ đó là cái gì. Một thứ gì đó không đúng chỗ. Hoặc một thứ gì đó đúng chỗ trong khi mọi thứ khác đều lạc chỗ. Nó làm cho cậu cảm thấy khó chịu như thể có thứ gì dính vào kẽ răng vậy.

"Em không thấy thứ gì đó," cậu lên tiếng. "Hoặc là em thấy một thứ gì đó mà em không hiểu được."

"Nó sẽ xuất hiện thôi," Mycroft, "nếu em có thời gian. Cứ để cho đầu óc em nghiền ngẫm vấn đề trong khi em suy nghĩ qua việc khác." Anh ta nhìn quanh quất. "Ở đây chẳng còn gì để xem nữa. Ta

đi thôi."

Ra ngoài đường, Mycroft gọi một cỗ xe vừa chạy qua. Sherlock kéo tay áo anh mình. "Em nghĩ là em nhớ được đường quay về khách sạn. Em có để ý mấy con đường khi đến đây. Nếu em đi bộ thì có vấn đề gì không? Em muốn nhìn phố xá một chút."

"Được thôi," Mycroft nói. Anh đưa cho Sherlock một nắm tiền. "Đơn vị tiền tệ chính ở Nga là đồng rúp. Một đồng rúp là một trăm kopek đấy." Anh vỗ nhẹ vào vai Sherlock. "Giờ thì em cứ đi và quan sát xung quanh đi. Còn anh thì quay về khách sạn và nghĩ xem tiếp tới phải làm gì."

Khi xe của Mycroft khuất dạng quanh góc phố, Sherlock bắt đầu cuốc bộ. Việc nhìn, nghe, và quan trọng hơn, là ngửi ở Moscow khác với những nơi mà cậu đã từng đến. Chẳng hạn, tuyết có tác dụng hãm thanh khá mạnh, cho nên cái ầm ĩ mà cậu quen nghe tại London hầu như không có ở đây. Moscow có vẻ là một thành phố yên tĩnh. Tuy thế cậu lại cho rằng thành phố yên ắng là vì dân chúng sợ hãi đám mật vụ của Sa hoàng và những gì chúng có thể ra tay khi có ai đó lỡ lời.

Sherlock nhớ con đường như in trong đầu, và cứ mỗi bước đi qua, Sherlock cảm thấy ngưỡng mộ những kiến trúc đồ sộ, vững chắc của thành phố này. Khi đến gần khách sạn mình ở, cậu thấy phía trước có một quảng trường lớn đến nỗi như mở đến tận chân trời. Trước mặt cậu, một giáo đường vút cao như một kỳ quan làm bằng kem dâu tây và kẹo kéo. Trong đời cậu chưa bao giờ thấy được thứ gì giống như vậy. Dường như đó là một chuỗi các tháp cao thấp khác nhau, kích thước cũng khác nhau, cái thì phía trên

có chóp hình nón, cái thì có mái vòm như củ hành, mỗi cái đều được sơn hoặc lợp mái đủ các loại màu sắc: đỏ, xanh dương, xanh lục, vàng, trắng, pha trộn theo nhiều kiểu như bàn cờ hoặc các đường uốn lượn. Mỗi chóp hoặc mái vòm đều có gắn một thánh giá lớn. Khi rảo bước dạo quanh giáo đường, mắt Sherlock mở to quan sát, cậu nhận thấy hình dáng của nó thay đổi. Không hề có sự cân xứng về cấu trúc. Dưới mỗi góc nhìn là mỗi hình dáng khác nhau. Giống như nhiều thứ cậu thấy được tại nước Nga từ lúc mới đặt chân đến đây, dường như đây là một sự xung đột giữa một sự cố với một sáng tạo có chủ ý.

Phía tay phải của cậu, bên kia hào nước bị đóng băng một phần, cậu có thể thấy những bức tường cao xây bằng gạch đỏ của một lâu đài mà cậu nghĩ đó là điện Kremlin - nơi ở của Sa hoàng Alexander đệ nhị, và từ nơi này Ngài cai trị lãnh thổ mênh mông của mình. Giữa góc đường và các bức tường điện Kremlin, mở rộng về phía tay phải của Sherlock là Quảng trường Đỏ.

Từ Quảng trường Đỏ tỏa ra nhiều đại lộ rộng, thẳng tắp. Sherlock chọn một đại lộ mà cậu nghĩ sẽ dẫn tới khách sạn Slavyansky Bazaar và bắt đầu đi về phía đó. Một bảng tên gắn trên tường bên cạnh cho cậu biết đó là đường Neglinnaya. Dù hai bên đường san sát các cửa hiệu, nhưng ở giữa đường lại có một dãy dài các quầy bán hàng. Các cửa hiệu dường như bán chủ yếu áo khoác lông thú, mũ, ủng hoặc bánh ngọt đủ loại. Mỗi cửa hiệu đều trưng ra một bảng hiệu sơn sặc sỡ vẽ chính xác những thứ đang bày bán. Còn những quầy hàng thì có vẻ bình dân hơn, chủ yếu bán các thứ đồ lặt vặt từ dao kéo cho đến thuốc lá, túi xách, quần áo cũ,

nút áo và vải tấm. Một vài quầy bán các món đồ tôn giáo như thánh giá, các bức tranh trên gỗ vẽ hình các Thánh và nhiều thứ khác. Nước Nga, theo Sherlock nghĩ, dường như là một xã hội mang màu sắc tôn giáo cởi mở hơn nước Anh nhiều.

Những người bán trà đẩy chiếc xe nhỏ với những bình trà đun nóng nằm chông chênh bên trên, quanh quẩn đi dọc theo các con đường giữa các cửa hiệu và quầy hàng. Họ cũng bán đồ ăn nhanh: đeo quanh cổ những chuỗi dây đầy bánh mì lòng thòng như những chuỗi hạt khổng lồ.

Tại mỗi giao lộ, Sherlock đều thấy có những bót gỗ, với các nhân viên cảnh sát mặc đồng phục xám, đội mũ sắt đen bên trong. Người nào cũng mang kiếm bên hông. Những người đứng gác nếu không buồn ngủ thì cũng có vẻ buồn chán và lạnh co ro.

Nhìn đồng hồ, Sherlock thấy đã tới giờ quay lại. Khi vừa tới một đường ngang, cậu dừng bước. Một người đi sát sau lưng bất ngờ tông vào người cậu. Sherlock quay lại, xin lỗi, nhưng người đàn ông cứ vượt bừa qua, miệng càu nhàu chửi thề. Cùng lúc đó, cậu nhận thấy từ một trong những bót gỗ có tiếng ồn ào. Một người đàn ông mặc áo khoác dày, đội mũ có nắp che tai bằng lông đang nói chuyện với một viên cảnh sát đứng trong bót, hai tay vung vẩy loạn xạ. Vừa lúc Sherlock tính quay đi thì người đàn ông đội mũ lông giơ tay chỉ về phía cậu. Viên cảnh sát soi mói nhìn Sherlock.

Một cảm giác ớn lạnh chạy xuyên qua người Sherlock.

Dường như người đàn ông trình báo ông ta bị mất một cái gì đó. Anh ta chỉ vào túi áo khoác, tay thọc vào đưa ra làm điệu bộ như mình bị móc túi. Anh ta trỏ vào Sherlock lần nữa. Sherlock ngoái

nhìn ra sau xem có bất cứ người nào ở gần hay không, người nào mà tay của anh ta có thể chỉ vào, nhưng trong vòng mười thước chẳng có ai cả.

Sherlock dang rộng hai tay, ra dấu muốn nói mình vô tội, vừa nhìn thẳng vào viên cảnh sát và hy vọng rằng anh ta sẽ để cậu đi, nhưng ngược lại, tay cảnh sát hống hách ra hiệu cho Sherlock lại gần bót gác.

Sherlock nhìn sang phía người đàn ông đang khiếu nại. Trong thoáng giây, anh ta cười mỉm. Đó là cái cười của một người vừa tung ra một trò cực kỳ xảo trá và giờ đây đang chờ xem cái kết cuộc bắt buộc phải xảy ra. Khi nhận ra là Sherlock đang nhìn mình, nụ cười tắt biến trên khuôn mặt anh ta như thể một bức tranh bị chùi mất trên tấm bảng đen.

Đột nhiên một ý nghĩ rất không hay lóe lên trong đầu, Sherlock thọc mạnh tay vào túi chiếc áo khoác cậu đang mặc. Mấy ngón tay cậu chạm phải một vật mà trước đây không có: một cái gì đó bằng da, hình vuông.

Một chiếc ví đựng tiền.

Tức khắc cậu thấy mọi thứ trở nên rõ ràng như ban ngày. Đây là một vụ dàn cảnh. Người đàn ông xô vào lưng Sherlock rồi quày quả bỏ đi sau đó, chính hắn đã tuồn chiếc ví tiền vào túi áo của cậu. Một người đàn ông khác – người đang nói chuyện với viên cảnh sát – vốn không hề bị mất ví, nhưng ngay thời điểm hắn ta thấy chiếc ví chui tọt vào túi áo của Sherlock, thì băng qua đường đến gặp viên cảnh sát và khiếu nại, chỉ đích danh Sherlock là thằng ăn cắp. Khi túi áo Sherlock bị kiểm tra, thì thấy ngay chiếc ví trong

đó, và người đàn ông khiếu nại chắc hẳn sẽ nhận đó là ví của hắn, bất kể có đúng hay không. Sherlock sẽ bị vứt vào nhà tù bởi vì mọi chứng cứ đều chống lại cậu.

Đúng là một cơn ác mộng!

Viên cảnh sát ra hiệu lần nữa, lần này càng lạnh lùng hơn. Tim Sherlock đập thình thịch. Cậu cảm thấy hai bên nách, đằng sau lưng mồ hôi túa ra ướt đẫm cả áo sơ mi. Bị bắt giam tại xứ người vì tội ăn cắp? Nếu may mắn thì cậu sẽ thấy ánh mặt trời trở lại, mà đó là trong trường hợp cậu được xét xử công bằng. Căn cứ theo cái cách sự việc được dàn cảnh khéo léo như thế, thì có nhiều khả năng là họ đã tính trước mọi tình huống. Họ - không biết là ai - có thể đã mua chuộc quan tòa, bồi thẩm đoán, và tất cả mọi người. Và thậm chí cũng tính tới trường hợp họ có cả quan tòa và bồi thẩm đoàn tại Nga. Cậu không biết hệ thống xét xử hoạt động ra sao. Cậu có cảm giác rằng, dựa trên các sự việc mà cậu đọc được trên báo khi còn ở Anh, thì nước Nga của Sa hoàng hoạt động dựa trên cơ sở mật vụ và số người mất tích trên đường phố không bao giờ xuất hiện trở lại.

Cậu có thể bỏ chạy, nhưng chắc chắn họ cũng đã nghĩ đến điều này. Sherlock nhìn quanh, cố xem trong cái đám đông đi mua sắm ai là người tham gia vào âm mưu này.

Phía bên trái cậu, là một người đàn ông mặc áo khoác đen, đội mũ lông, quay đầu đi hướng khác khi ánh mắt của Sherlock lướt qua. Phía bên phải, là một thằng bé còn nhỏ, mặt đang cau có nhìn cậu, và một phụ nữ đang để tay trong một cái túi làm ấm bất thần quay nhìn sang quầy thuốc lá sát bên chỗ bà ta đang đứng.

Họ có ít nhất ba người. Ba người này sẽ đứng ra cản đường nếu cậu định bỏ chạy.

Sherlock tuyệt vọng đưa mắt nhìn quanh mình một lần nữa, cầu mong tìm được một con đường thoát, nhưng chẳng thấy gì. Cậu cũng đứng không đủ gần một quầy hàng nào để có thể chộp một thứ gì đó làm vũ khí, và cậu cũng tin chắc rằng chẳng ai đứng gần cậu ra tay giúp đỡ nếu cậu kêu cứu.

Viên cảnh sát sải bước đi băng qua chỗ Sherlock đang đứng. Tuy mang kiếm bên hông, nhưng tay phải anh ta lại vung vẩy một chiếc dùi cui. Nét cau có trên mặt viên cảnh sát cho thấy là bất luận Sherlock có làm gì, thì anh ta cũng sẽ dùng đến chiếc dùi cui trong vòng vài phút tới.

Một cơn gió mạnh đưa mùi trà ướp hương xộc vào mũi Sherlock. Cậu ngoảnh lại. Người bán trà dạo đang lách qua đám đông chỉ cách cậu vài bước.

Không chút nghĩ ngợi, Sherlock bước tới hai bước và xô vào thắt lưng anh ta.

Người bán trà té ập ra trước, đẩy mạnh làm chiếc xe chạy ra xa. Chiếc xe lăn đi chừng một thước rồi vấp phải một viên đá cuội trên mặt đường. Một bánh xe nhảy dựng lên rồi sau đó chiếc xe bật ngửa.

Chiếc bình bạc chứa nước trà đổ nhào. Nắp bình bật ra khi chiếc bình chạm phải đá cuội rải đường và nước trà màu nâu chảy lênh láng khắp nơi, tức thì biến lớp tuyết trên mặt đường thành một lớp bùn nâu nhão. Mọi người nhảy ra ngoài để tránh làn nước sôi bốc khói nghi ngút. Một vài người bị nước tạt phải, họ kêu gào vì

bỏng chân.

Trong lúc ba tên đồng bọn và viên cảnh sát nhất thời xao lãng, Sherlock chui ngay vào trong đám đông. Khi di chuyển cậu cố thu mình nhỏ lại, và giữ lúc nào cũng có một nhóm người đệm giữa cậu và đám săn đuổi, nhưng họ có đến ít nhất năm người thành ra không thể tránh những lúc Sherlock bị phát hiện.

Có một tiếng quát lớn phía sau. Là viên cảnh sát! Anh ta đã nhìn thấy Sherlock, liền chạy xô vào đám đông để đuổi bắt. Đám đông vấp chân và té ngã khi viên cảnh sát lấy dùi cui bổ vào người họ.

Sherlock hộc tốc chạy ngược về hướng cũ. Chỉ cần vuột khỏi tay họ chừng vài phút cũng đủ cho cậu chạy về khách sạn báo cho Mycroft biết.

Một tiếng còi lanh lảnh vang lên như xé toạc không khí. Sherlock ngoái đầu nhìn lại. Viên cảnh sát vẫn đang bám theo cậu.

Những viên đá cuội lát đường lạo xạo dưới chân làm cậu suýt té nhào. Gượng đứng vững, cậu nhìn về phía trước. Ở góc phố trước mặt là một bót gác gỗ, viên cảnh sát bên trong đã bước ra và đang nhìn về phía cậu. Chắc chắn anh ta đã nghe tiếng huýt còi.

Phía trước, phía sau đều bị chặn. Sherlock đảo qua phía bên phải, thử tìm có một cánh cửa hoặc một con hẻm nào để thoát thân không. Chỉ toàn các cửa hàng và bảng hiệu sơn màu sặc sỡ. Các màu sắc như nhòe đi khi cậu chạy. Cậu nghe thấy tiếng tim mình đập thình thịch trong lòng ngực.

Đột nhiên một cơ hội xuất hiện: có một cầu thang dẫn xuống khu vực hầm ngầm dưới mặt đường. Tuyệt vọng cầu mong đó không phải là đường cùng, mong phía dưới đó có một cánh cửa

nào không bị khóa, Sherlock chạy ào xuống các bậc thang. Cậu bám lấy hàng tay vịn ở đầu bậc thang, thu người lại và nhảy xuống dưới nền lát gạch.

Bên dưới có một cái cửa, nhưng bị đóng bịt lại bằng những thanh gỗ vắt chéo. Không có lối ra.

Cậu quay đầu tính trèo ra, nhưng bất thần một tiếng còi điếc tai vang lên. Tay cảnh sát chỉ đứng cách cậu chừng một mét. Có lẽ anh ta không trông thấy Sherlock chạy đi đâu, nhưng nếu cậu thò đầu lên ngang mặt vỉa hè thì sẽ biết ngay.

Một tiếng còi thứ hai, rồi một tiếng thứ ba ở xa hơn. Phải chăng cả thành phố Moscow này đang truy lùng cậu?

Có tiếng chân đến gần. Chỉ vài giây nữa thôi là họ sẽ tìm thấy Sherlock.

Cậu tuyệt vọng quay nhìn về phía cánh cửa bị chặn, hy vọng tìm ra một kẽ hở đủ rộng giữa mấy tấm ván để có thể chui qua được. Thế rồi cậu nhìn thấy một nắp miệng cống bằng sắt gắn dưới nền. Cậu quì xuống, cố kéo cái nắp lên. Cái nắp cống nặng trịch, láng nhẫy nước đóng băng, còn mấy ngón tay của cậu thì nhơm nhớp mồ hôi trơn tuột. Cậu mới nâng cái nắp lên được vài phân thì nó tuột xuống, kêu rầm một tiếng vang dội. Cậu cuống cuồng quờ quạng một cách tuyệt vọng. Lần nay cậu tìm cách cậy nó lên, cho tay luồn phía dưới. Nếu nó tuột lần nữa, coi như mấy ngón tay đi đời.

Dồn hết sức lực, cậu nhấc được cái nắp lên và đẩy sang một bên. Mùi đất ẩm ướt và mùi cống xộc lên làm cậu choáng váng. Một chút ánh sáng leo lét từ bầu trời đầy mây rọi lên mấy thanh ngang đầu

tiên của một cái thang sắt.

Sherlock không còn chọn lựa nào khác. Lấy chân dò dẫm dọc theo gờ cái thang, cậu bắt đầu đi xuống. Khi đầu xuống ngang tầm mặt đất, cậu nắm lấy gờ của nắp cống và kéo ngược lại. Mặt dưới của cái nắp có một tay nắm, cậu nắm vào đó kéo lại cho đến khi khớp về vị trí cũ.

Cậu hy vọng là từ bên trên nhìn xuống cái nắp cống sẽ trông như chưa hề bị di chuyển.

Cậu định cứ đứng trốn trong bóng tối cho đến khi mọi việc yên xuôi, bằng cách bám chặt vào cái thang sắt, nhưng không thể. Các thanh sắt bám đầy rêu ẩm ướt, còn các ngón tay của cậu lại chẳng còn chút sức lực nào. Vừa lúc nghe tiếng chân đi ủng đụng trúng cái nắp cống rồi dừng lại, mấy ngón tay của cậu bất thần trở nên cứng đờ và tuột khỏi thanh ngang cái thang sắt. Cậu rơi vào chỗ tối đen, cố không gào to thành tiếng.

CHƯƠNG 13

Sherlock co mình chuẩn bị tư thế té để không bị dập xương khi rơi xuống nền gạch hoặc đá, nhưng cậu lại rơi xuống nước. Nước lạnh băng, đang chảy.

Chỗ này chỉ sâu chừng một thước. Lưng của Sherlock chạm vào đáy, cậu cố quẫy ngoi lên, thổi phù phù vì sặc nước, vừa cố ghì lại để không bị dòng nước cuốn trôi.

Xung quanh toàn là bóng tối. Cậu đứng dậy. Cái lạnh đã làm tiêu đi hơi ấm và sức lực trong người cậu. Cậu cố sờ thử xem có đụng cái gờ của ống cống hay máng nước gì hay không, nhưng chẳng có gì cả. Tiếng nước chảy cũng lạ nữa: không hề có tiếng ì ầm như khi chảy trong đường hầm lát gạch.

Khi mắt đã quen với bóng tối, cậu nhận ra là dưới đây cũng có ánh sáng. Cái nắp cống phía trên có đục những lỗ nhỏ, từ đó những chùm ánh nắng mỏng rọi xuống. Xa phía trước và ở đằng sau đều có những mảng chiếu sáng tương tự. Ở đâu mà Sherlock có thể nhìn thấy chính mình thì cậu sẽ tìm ra hướng.

Cậu nhận ra mình đang đứng trong một dòng nước chảy mạnh. Ở một bên, cách cậu khoảng chừng ba thước, thay vì bức tường gạch uốn cong như thường thấy ở các ống cống hoặc máng nước, lại là một cái bờ bằng đá và đất nhão đổ lài lài từ chỗ cậu đang đứng xuống phía dưới, trên bờ mọc lơ thơ mớ rong bạc phếch và những túm cỏ có màu trắng ma quái. Ở trên đầu của mé bờ đá là một lớp gạch cao chừng vài tấc giữ nhiệm vụ chống đỡ cho cái trần

gạch vươn ra hai bên.

Từ trên trần đong đưa những chùm rêu hướng về phía Sherlock như các xúc tu của một sinh vật kì dị nào đó theo bản năng đã ngửi được mùi con mồi.

Đột nhiên có tiếng sột sạo làm tim cậu thắt lại. Ở trên kia, có ai đã nhấc cái nắp cống. Một luồng ánh sáng chói lòa rọi thẳng xuống dòng nước đục ngầu chỗ cậu đang đứng. Sherlock nhanh trí lội lõm bõm vài bước theo hướng nước chảy để không bị phát hiện.

"Nó ở đâu?" tiếng xì xào trên cao vẳng xuống. Tiếng Pháp nhưng Sherlock phát hiện là thứ tiếng Pháp giọng nặng trọng âm. Hẳn là người gốc Nga. "Liệu nó có chui xuống dưới không?"

"Tao không thể thấy nó," một giọng khác, cộc cằn hơn trả lời cũng bằng tiếng Pháp nhưng không có trọng âm. "Cái gì ở dưới thế - ống cống à?"

"Mày không biết chút gì à?" giọng thứ nhất thì thào. "Đây là con sông Neglinnaya cũ, nó chảy vào sông Moscow ở dưới kia khoảng một dặm. Hơn năm mươi năm trước khi xây dựng lại thành phố người ta đã xây bao qua nó."

Sherlock nhìn quanh. Một con sông chứ không phải là đường cống? Chuyện này hay đấy. Đâu đó phía ngược dòng là khúc sông lộ thiên, nhưng ở chỗ này từ năm mươi năm qua đã nằm sâu trong bóng tối.

Sông Moscow chỉ cách chừng một dặm ở phía dưới. Cậu phải đến chỗ đó.

"Chắc chắn là nó chui xuống đây," tên có giọng khô khốc lên tiếng. "Nó không thể đi đâu khác được. Nhưng không biết nó lội

ngược dòng hay xuôi dòng?"

"Xuôi dòng," tên kia thì thào. "Chắc chắn là nó theo dòng nước chảy. Xét cho cùng thì nó không có cách nào khác." Hắn ngừng lại suy nghĩ rồi tiếp. "Mày trèo xuống dưới, đi tìm nó đi. Nếu gặp thì giết luôn, cho mục xác dưới nước."

"Sao hồi nãy ở trên đường ta không tóm nó quách đi?" Tên có giọng khô khốc hỏi. "Sao cứ mãi dông dài giả vờ đổ cho nó là thằng ăn cắp thế?"

"Tóm nó trên đường sẽ làm cho thiên hạ chú ý," tên có giọng thì thào trả lời. "Biết đâu có đứa sẽ ra tay can thiệp. Thành phố nhung nhúc bọn cảnh sát. Lệnh là làm sao để nó khuất mắt. Làm cho nó bị bắt là phương án tốt nhất, nhưng bây giờ nó trốn thì phải làm cho nó mất xác luôn, vĩnh viễn. Bây giờ thì mày xuống dưới tìm nó đi."

"Mày đùa ấy à? Nước sắp thành băng rồi!"

"Mày có ý gì hay hơn à?"

"Đúng - mày đi xuống!"

Tên có giọng thì thào khịt mũi nói. "Mày muốn nói chuyện với cảnh sát thì cứ thử đi. Hắn ta chẳng chịu nghe mày như nghe tao đâu - tao là người Nga chính gốc mà! Hơn nữa, tao đã dựng chuyện là thằng bé nó lấy ví tiền của tao. Vậy giờ sẽ như thế nào khi bỗng dưng tao mất tiêu để mày đến thế chỗ?"

"Được rồi." Tên có giọng khô khốc tỏ vẻ sợ. "Thế thì mày sẽ làm gì?"

"Tao sẽ bảo tên cảnh sát ngốc nghếch đi lùng sục phía trên mặt đất, dọc theo bờ sông Neglinnaya. Tao sẽ gặp mày ở chỗ con sông

này đổ vào sông Moscow."

Sherlock suy nghĩ lung lên. Cậu phải di chuyển, cậu phải đi ngay bây giờ, trước khi gã có giọng khô khốc thò chân xuống cái thang!

Cậu bước đi, tránh không làm toé nước theo mỗi bước chân. Làn nước lạnh kêu óc ách giữa hai chân, chui vào bên trong đôi giầy khiến cho bít tất lọc xọc khi nhấc chân lên. Cậu nghe một mùi tanh tưởi: chỗ mà cậu đang bì bõm trước đây có lẽ không phải là ống cống, nhưng cậu có cảm tưởng hiện nay nó được dùng làm ống cống.

Cậu nghe tiếng động sau lưng khi gã đàn ông có giọng khô khốc chậm chạp đặt chân xuống cái thang sắt. Hắn chắc chắn cũng bị trượt, bởi vì sau đó có tiếng la thất thanh dội lên trần gạch, rồi sau đó là tiếng nước văng tung tóe. Một làn nước ào tới đẩy Sherlock tới trước. Cậu mở cờ trong bụng. Có lẽ cậu gặp may; biết đâu gã kia bị ngộp nước! Rồi cậu nghe có tiếng thở phì phì trong bóng tối, và cái hồ hởi nhất thời tiêu tùng. Cậu cần phải cố hết sức để thoát khỏi chỗ này.

Tuy không nhìn thấy, nhưng Sherlock biết hai bên là bờ sông, cậu tự hỏi liệu có nên trèo lên để thoát khỏi dòng nước, nhưng rồi gạt ngay ý tưởng này. Từ những thứ cậu nhìn thấy được, thì đây là những triền dốc đầy bùn nhão nhoét. Rốt cuộc gì rồi cậu cũng sẽ trượt chân lăn xuống nước, và sẽ mất đi mấy phút quí báu. Không – dù phương cách này có vẻ hấp dẫn nhưng cậu vẫn phải cứ tiếp tục đi theo dòng nước. Dòng nước tanh tưởi, và lạnh giá.

Cậu nhận ra là mình đang tiến gần một cái nắp che miệng cống khác ở trên trần gạch. Tia nắng yếu ớt chiếu xuyên qua cái nắp

kim loại sẽ rọi sáng đôi vai và đầu nếu cậu không cẩn thận, và làm lộ ra vị trí cậu đang đứng. Cậu đi nép sang một bên, sát vào triền bên phía tay phải.

Qua chút ánh sáng yếu ớt len lỏi chiếu xuống như hạt mưa, Sherlock nhìn thấy các thanh ngang của chiếc thang đi từ nắp cống xuống. Đỉnh cái thang tựa vào phía trên, còn chân thang có lẽ cắm vào đáy sông. Các thanh ngang và trụ đứng có vẻ bị sự han rỉ và ẩm ướt ăn mòn đi. Sherlock thoáng nghĩ không biết có nên trèo lên cái thang và tìm cách xê dịch cái nắp cống từ phía dưới hay không, nhưng cậu gạt ngay ý này. Sẽ gây lắm rắc rối. Tên truy đuổi có thể thấy cậu ngay từ lúc cậu bước tới vùng sáng và sau đó chỉ cần lôi cổ cậu ra khỏi cái thang là xong. Thậm chí nếu may mắn, cứ cho là cậu có thể leo lên đến đầu mút cái thang thì cậu cũng không thể đẩy được cái nắp cống nặng trịch đó, hoặc nếu có đẩy được cái nắp thì cậu cũng sẽ thò đầu ra đúng chỗ đám truy lùng trên đường phố. Không - dù có muốn hay không, cậu vẫn phải đi tiếp.

Các ngón tay của Sherlock lùa trong làn nước khi cậu vừa đi vừa cố gượng lại dòng nước chảy. Một thứ gì đó chạm vào tay làm cậu giật mình rảy hất nó đi, suýt kêu thành tiếng. Cậu tưởng tượng đó có thể là một con chuột đang bơi trong dòng nước hôi thối, hoặc chỉ là thứ rác rưởi gì đó bị vất qua tấm lưới sắt hay lỗ hổng nào trên đường. Có lẽ thế. Nhưng tim cậu vẫn còn đập thình thịch như đầu máy hơi nước và hai tay run lẩy bẩy.

Phần đáy sông dưới chân cậu đầy bùn và lồi lõm. Chân cậu như bị dính xuống, phải dùng hết sức mới nhấc lên được. Chỉ có trời mới biết đôi giày sẽ như thế nào khi cậu ra khỏi nơi này – nếu mà

còn thoát được. Dưới nước cũng có nhiều thứ cây cỏ, rong rêu cứ quấn xung quanh cổ chân khiến cậu không đi nhanh được. Cậu phải vung mạnh chân ra phía trước để giật đứt đám rong ra khỏi rễ. Sherlock mường tượng đôi giày của mình dính đầy bùn và kéo theo những túm rong mỗi khi di chuyển về phía trước.

Những tiếng động phía sau cậu ngày càng rõ hơn: tiếng lội nước bì bõm… bì bõm của tên đang săn đuổi cứ vang lên đều đặn. Cậu thở hổn hển, như một động cơ sắp hết hơi.

Sherlock cố nhướng mắt nhìn trong bóng tối, hy vọng tìm thấy lối thoát ở phía trước. Cậu mong đó là một cái cửa vòm hoặc một cái cửa hình tròn mở hướng vào sông Moscow, mà theo tưởng tượng là một mặt nước mênh mông với nhiều cây cầu bắt qua. Tuy nhiên, cậu chẳng thấy gì cả. Trước mặt cậu chỉ là bóng tối dày và đặc quánh.

Việc gì sẽ xảy ra nếu lỗ thoát nằm dưới mặt nước, và phía trên chẳng có gì ngoài một bức tường gạch để đánh dấu mức nước từ sông nhỏ đổ vào sông lớn? Cái gì sẽ xảy ra khi có một tấm lưới sắt phân cách hai phía? Việc gì xảy ra nếu cậu không lọt qua được, mà phải quay trở lại, cố tránh gã đàn ông đang theo đuổi phía sau, người nhận được lệnh phải giết cậu? Những suy nghĩ này giống như các tảng đá cứng xoay xung quanh, không ngừng nghỉ, liên tục va vào nhau tạo nên những lớp sóng dội vào trong trí não Sherlock.

Cậu phải nhận định đúng tình hình. Phải tập trung nếu muốn sống sót qua hoàn cảnh này.

Một thứ gì đó chạm vào mặt cậu. Sherlock thót tim, suýt kêu lên

vì kinh hãi, nhưng cố gắng không để tiếng kêu bật ra bằng cách đưa mu bàn tay lên miệng cắn chặt. Không biết đó là thứ gì nhưng nhớt nhợt và lạnh ngắt. Cậu khua khua bàn tay trước mặt và thở phào nhẹ nhõm khi biết rằng cái thứ ẩm ướt đó chỉ là những tua rêu từ trên trần nhà thòng xuống mà cậu đã thấy từ trước. Cậu giật mạnh, mấy tua rêu tróc ra khỏi lớp gạch với tiếng "bóc" khẽ.

Khi nhấc chân lên, Sherlock cảm nhận mấy ngón chân mình đã hoàn toàn tê cóng.

Sau lưng cậu, lúc nào cũng có tiếng sì soạp và tiếng thở phì phò của gã đàn ông đang theo đuôi ở phía sau. Ngoái đầu nhìn ra sau, cậu không thấy gì ngoài bóng tối đen kịt. Bất cứ giây phút nào cậu cũng có thể cảm thấy một bàn tay chạm vào vai, kéo ngược cậu ra sau, nhấn cậu chết chìm dưới lòng sông Neglinnaya và sẽ chẳng bao giờ tìm ra xác.

Bất chợt một ý nghĩ lóe lên nhưng Sherlock còn do dự.

Cậu có thể bò lên bờ chỗ này rồi đợi đến lúc kẻ truy đuổi đi qua. Ngay khi băng qua bên dưới cái nắp che miệng cống kế tiếp, cậu đi sát vào triền sông chỗ bờ dốc lên, để tránh không bị nhìn thấy. Rồi cậu chồm tới tóm lấy một túm cỏ bạc màu để làm điểm tựa đu lên.

Từ trong bóng tối, một thứ gì đó bước ra và cất tiếng gầm gừ.

Đó là một con vật đi bốn chân, đầu hình tam giác, mõm nhọn, và cái sọ với hai tai lớn loe ra phía sau. Hai mắt nó nhỏ và sâu hoắm, không biết có đúng là mắt hay không, miệng rộng tới tận mang tai, bên trong mõm loa lóa đầy răng giống như mảnh thủy tinh của chiếc ly vỡ. Nó có bộ lông nâu đen loang lổ dính bết vào da.

Đằng sau nó, có ba con vật tương tự đang bước tới. Sherlock

nhận ra rằng đó là những con chó, nhưng thứ chó này cậu chưa bao giờ trông thấy. Cậu cho rằng lũ chó hoang này sống ở đây, trong chốn tăm tối này, từ đời này sang đời khác, có thể chúng là chó đi lạc vào chỗ dòng sông bị vùi này, sống được là nhờ săn chuột và có thể là cá. Do không cần phải nhìn, cho nên mắt của chúng teo lại và trở thành mù, nhưng hai tai lại phát triển quá khổ để bù trừ. Sherlock cho rằng, đối với chúng, chỉ có âm thanh là quan trọng.

Ngay lập tức, Sherlock nhớ lại cái cảnh dưới đường hầm nhà ga Waterloo và lũ trẻ hoang dã sống ở đó. Lòng cậu đã dấy lên chút thương hại, một thứ thương hại mà cậu chưa kịp cảm nhận khi cố sức thoát ra khỏi tay bọn chúng. Chúng bị buộc phải sống như thú hoang, nhưng ít nhất thì mấy con chó tại Moscow này cũng còn có nanh có vuốt để tồn tại. Còn bọn con nít chẳng có gì cả, ngoài trí thông minh ra, nhưng Sherlock có cảm tưởng rằng chẳng mấy chốc chúng cũng sẽ đánh mất nó.

Con chó đầu đàn khịt khịt mũi. Dường như nó đang đánh hơi, nhưng cái mùi thối rữa từ dưới sông xộc lên làm nó chưa nhận ra được mùi gì. Hai tai nó vểnh ra như cố dò xem Sherlock đi hướng nào. Cậu đang đứng trước mặt nó, tay vươn ra, nhưng nếu cậu không cử động thì nó cũng không nghe được.

Nhưng, đó chỉ là lý thuyết suông.

Tay Sherlock lạnh buốt nên cậu phải nắm chặt tay lại để bớt run, nhưng do bị cóng quá mức nên các ngón tay đột nhiên co mạnh. Âm thanh của da cọ vào nhau chỉ là tiếng động khẽ, nhưng là tiếng nổ lớn đối với lũ chó. Còn đầu đàn nhảy vụt lên. Sherlock

rút tay lại khiến con chó táp hụt. Nó giật mạnh đầu ra sau rồi bắt đầu sủa. Ba con chó khác hùa theo. Tiếng sủa vang dội khắp đường hầm.

Sherlock thụt lùi, nhưng tiếng nước tóe ra khi cậu di chuyển làm cho lũ chó dễ dàng xác định được vị trí.

Con chó đầu đàn dợm vài bước rồi nhe răng nhảy chồm vào Sherlock.

Một cánh tay đột nhiên kẹp vào cổ Sherlock và thít chặt, xoay tréo người cậu trong làn nước. Gã đàn ông đuổi bắt cậu vừa kịp la lên hể hả "Tóm được rồi!" thì con chó đã lao vào người hắn như quả pháo đại bác và nhe răng cắn phập vào cánh tay hắn ta. Tuy không phải là mục tiêu mà nó muốn, nhưng chẳng hề gì. Con chó đớp một phát thật sâu.

Gã đuổi bắt Sherlock kêu thét lên: tiếng thét the thé lạ lùng với người có chất giọng khô khốc. Vòng tay thít quanh cổ Sherlock lơi dần và Sherlock dằn ra được.

Qua chút ánh sáng ít ỏi từ trên nắp cống rọi xuống, Sherlock có thể thấy kẻ đuổi bắt cậu đang giằng co lui tới trong dòng nước, tìm cách đẩy con chó ra khỏi người. Hai trong số ba con chó trên bờ cũng nhảy xuống sông. Một con bơi lại cắn vào chân hắn ta, còn con kia nhào lên chỗ ngực và nhe răng táp vào cổ họng. Gã té ngửa xuống dòng sông đầy váng bọt, hai tay quẫy đập liên hồi.

Sherlock lặng lẽ lội ra xa khi con chó hoang còn lại lặn xuống và biến mất trong lòng nước. Trong tích tắc cậu nghĩ ngay đến việc bò lên bờ sông, nhưng phía đó biết đâu còn nhiều con chó khác đang ẩn nấp. Cậu chỉ còn cách lội dọc theo dòng nước.

Phía sau cậu còn vẳng lên tiếng tóe nước và tiếng gầm gừ, rồi chỉ còn tiếng tóe nước, và rồi không còn gì cả.

Xa phía trước cậu nhìn thấy một chút ánh sáng lấp loáng, giống như một ngọn đèn dầu treo trên bậu cửa trong đêm tối. Cậu cắm cúi đi về phía trước, nước khuấy lên trước mặt khi cậu hối hả lướt tới. Nguồn sáng càng lúc càng sáng hơn đến nhức cả mắt. Nó có dạng một khung vòm - cái khung mà qua đó cậu thấy được mặt nước màu xanh đậm của một con sông lớn hơn chắn ngang con sông mà cậu đang bì bõm.

Mắt cậu càng lúc càng quen dần với ánh sáng ban ngày khi lội đến chỗ cái khung vòm. Chỗ này không bị chặn mà cũng không có khung sắt chắn ngang. Sông Neglinnaya đổ vào sông Moscow qua miệng thoát nơi bờ sông nằm cách mặt nước chừng ba tấc, nước sông đổ xuống như một cái thác nhỏ.

Sherlock nhích từng bước về phía trước. Một tay bám vào vách gạch để lấy điểm tựa, cậu thò người ra và nhìn nghiêng theo hướng dọc bờ sông Moscow.

Con sông chạy giữa hai bức tường đá. Đất, cát, hay bất kỳ bãi đất nào, nếu có thì chắc hẳn phải nằm ở bên dưới mặt nước. Nhìn lên phía trên, Sherlock có thể thấy đỉnh của miệng thoát - nơi sông Neglinnaya đổ vào sông Moscow chỉ cách mặt đường chừng hai thước. Bên hông chỗ miệng thoát là một cái thang sắt sơn màu đen, loang lổ những chỗ hoen rỉ màu đỏ. Sherlock hiểu ngay là nếu cậu lần theo cái thang sắt này bò lên trên, chắc chắn sẽ lọt vào tay đám cảnh sát và gã đàn ông đã cáo buộc cậu ăn cắp ví tiền của hắn.

Cậu nhìn theo bờ sông lần nữa, và nhận thấy có cái gì đó mà cậu

đã bỏ sót không chú ý: phía sau lớp đá chừng ba bốn tấc là một bờ kè khác. Bờ kè này cao chừng hai thước: có lẽ đây là ý đồ của kiến trúc sư để bảo đảm cho khoảng không bên trên con sông mở rộng ra khi nước dâng cao lên, chắc là để tránh gây lũ lụt. Lý do gì cũng không cần biết, điều quan trọng là Sherlock có một con đường thoát. Việc cậu phải làm giờ đây là tìm cách đi men theo kè đá này giống như người làm xiếc đi trên dây căng.

Cậu mất khoảng nửa giờ loay hoay, trong đó có ba lần suýt té nhào xuống dòng nước của sông Moscow chảy phía dưới. Khi rớt xuống sông, quần áo cậu vừa lạnh vừa ướt, còn bây giờ thì khô nhưng cứng lại vì đóng băng, mặc dù cậu không chắc có phải là do làn gió thổi lùa qua kè đá bờ sông làm khô quần áo hay vì nước ngấm vào quần áo đã đóng băng. Cuối cùng khi tìm được một cái thang sắt hoen gỉ để trèo lên mặt đường, cậu lại gặp may mắn khi nhìn thấy một cái lò than chỉ cách đó vài thước, đầy than cháy hừng hực. Một người đàn ông Nga đang ngồi nướng hạt dẻ trên bếp than. Sau khi trả cho ông ta vài xu, Sherlock được ngồi bên lò để sưởi ấm.

Sau khi ngồi sưởi khoảng nửa giờ, ăn hết chừng hai túi hạt dẻ, Sherlock cảm thấy ổn hơn đủ sức quay về khách sạn. Giờ thì cậu đã vững tin là mình sẽ an toàn để đi về: vì không có bóng dáng ai hướng ra dọc bờ sông để tìm cậu, nếu cậu không bị bọn vô lại tình cờ phát hiện, theo kiểu đồng bọn ở London đã làm. Cậu đưa tay lên vẫy chào cảm ơn người bán hạt dẻ và bước đi. Hai chân cậu đau buốt, đầu nhức nhối, còn quần áo thì cứng ngắc, nhưng ít ra người cậu giờ đã khô ráo và được sưởi ấm.

Khoảng đường quay trở lại chỉ mất chừng hai mươi phút cuốc bộ, và khi cậu thấy được cánh cửa lớn của khách sạn Slavyansky Bazaar thì người cậu đã mướt mồ hôi. Gió lạnh của Moscow đã làm những giọt mồ hôi dâm dấp trên trán Sherlock không còn nhiệt nữa và đông thành đá ngay sau đó.

Có tiếng ồn ào trước cổng khách sạn. Một chiếc xe ngựa không có bảng hiệu hoặc số hiệu đang đậu bên ngoài. Thay vì cửa mở ra bên hông, chiếc xe này mở ra sau. Người đánh xe mặc một bộ quần áo màu xám khó nhận diện, đầu đội mũ lông giống như hai người đàn ông khác từ khách sạn tiến ra hướng về phía chiếc xe, nhưng điều khác biệt giữa họ là hai gã đàn ông từ trong khách sạn đi ra có lôi theo một người thứ ba. Người bị lôi đi mặc một bộ comple màu đen và choàng chiếc áo khoác cắt may khéo.

Chính là anh Mycroft.

Mycroft vùng vẫy, la hét phản đối nhưng Sherlock không nghe được anh nói những gì.

Người đánh xe bước xuống càng xe để giúp hai gã kia đẩy Mycroft vào bên trong. Hai kẻ kia cùng chui vào xe và đóng sập cửa lại. Dường như tay đánh xe sập chốt và khóa cửa từ phía ngoài.

Rồi hắn ta trèo lên xe, vụt chiếc roi vào đầu mấy con ngựa.

Ngựa phi nước kiệu, kéo cái xe rời xa Sherlock.

Sherlock thấy mình không còn chút nhuệ khí nào. Tất cả những gì mà cậu đã nếm trải trong mấy giờ vừa qua, trong những tuần qua – lại dẫn đến kết cục như thế này đây: một mình đơn độc trên đường phố của một thành phố xa lạ trong lúc anh trai bị mật vụ bắt đi. Sherlock cố tìm ra một chút đầu mối để đưa ra một kế

hoạch, một mầm mống nhỏ để từ đó lần ra cách cứu Mycroft, nhưng chẳng có gì cả. Nói trắng ra là cậu không biết phải làm gì tiếp theo.

CHƯƠNG 14

"Nếu cậu quí mạng sống và tự do thì đừng có nhìn!"

Sherlock nhìn quanh. Có một người đàn ông đứng sát bên cậu; trên người mặc một áo khoác xơ cả chỉ kéo kín cổ và đội chiếc mũ lông chụp xuống tận mắt. Thậm chí Sherlock không thấy miệng anh ta.

"Tại sao?"

"Bởi vì bọn mật vụ Ban Ba vô hình. Chúng đến bắt người đi mà chẳng ai thấy cả. Không ai thấy bởi vì không ai nhìn hết."

"Bọn chúng sẽ làm gì với anh ấy?"

"Nếu may mắn," người đàn ông nói, thì có lẽ sẽ bị hành quyết ngay. Nếu không may mắn, thì sẽ là knout hoặc pleti."

"Nhưng đó là thứ gì?" Sherlock hỏi giọng khiếp sợ.

Người đàn ông nhún vai. "Một kiểu đánh bằng roi, nhưng tệ, tệ hơn nhiều."

Sherlock thình lình nhận ra là người đàn ông đang nói tiếng Pháp chứ không phải tiếng Nga. "Ông là ai?"

"Tôi là Robert Wormersley."

"Anh là...-"cậu định nói là "nhân viên", nhưng sau đó chuyển ngay thành "bạn" của Mycroft.

"Đúng vậy". Mặt của Wormersley sáng lên và đôi mắt dưới vành mũ cảnh giác dò xét mặt mũi Sherlock. "Cậu là em anh ta. Người em duy nhất. Anh em cậu giống nhau ở đôi mắt. Mycroft thường

nói về cậu."

Ánh mắt của Sherlock đảo về phía góc phố nơi chiếc xe ngựa vừa vòng qua. "Anh ấy bị đem đi rồi. Ta phải làm gì đây?"

"Tôi chỉ muốn báo cho cậu biết những gì ta không nên làm - là không quay lại khách sạn. Không quay lại khách sạn bởi vì họ đã cử người đứng ở đó chờ cậu tới." Wormersley nhìn quanh. "Không xa đây mấy có một tiệm cà phê tử tế. Cậu nên uống chút gì cho ấm bụng – có vẻ cậu uống cà phê được đấy, tôi thấy rằng ta cần tìm chỗ nào đó ngồi nghỉ một lát. Tới đó ta sẽ vạch ra một kế hoạch."

"Được thôi." Sherlock đã quá mệt nên cậu chỉ muốn trút đi tất cả. Cậu cần một ai đó nhận lãnh công việc này. "Đi thôi."

Quán cà phê cách đó mười phút đi bộ. Nó ở dưới tầng hầm của một tòa nhà văn phòng, đi xuống bằng một cầu thang sắt ở phía ngoài. Ở dưới chân cầu thang là một cái sân nhỏ và bức tường bằng kính. Phía sau là quán cà phê.

Wormersley dẫn đường, đưa Sherlock đến một cái bàn. Anh ta bước sang một quầy nhỏ và mang ra hai cốc trà rót từ một cái bình lớn.

Sherlock nhìn sang các khách hàng khác. Đàn ông, phụ nữ và trẻ con ngồi thành từng cặp hoặc riêng lẻ, người nào quần áo cũng dày cộm. Đám đàn ông đang ngồi đọc báo, hoặc sách. Không người nào nhìn về hướng họ cả.

Sherlock chăm chú nhìn một người có vẻ đặc biệt, trên người khoác một chiếc áo choàng to xụ, và đang ăn một chiếc bánh kẹp gì đó. Mặt anh ta ửng đỏ, nổi u nần giống như củ khoai tây. Sherlock chưa bao giờ gặp anh ta, nhưng người này có một cái gì đó trông

quen lắm.

“Pirozkhi,” Wormersley nói, đặt chiếc khay lên bàn giữa hai người. “Đây là một loại bánh của người Nga bên trong nhét thịt, rau, rất cay”. Anh ta cởi áo choàng, giở mũ ra và đặt tất cả trên một cái ghế trống. Anh ta gầy, theo ước tính của Sherlock thì chừng hai mươi mấy tuổi, tóc hung thưa, hai mai tóc dày, bộ ria mép mảnh mai uốn cong giống như được vẽ bằng đầu bút nhọn và một chùm râu cằm tỉa tót gọn gàng.

Sherlock hớp ngụm trà đen một cách dễ chịu. Cậu nhìn một lần nữa người đàn ông ở bàn bên, cố nghĩ đã gặp người này ở đâu, nhưng xem ra anh ta hoàn toàn xa lạ. Sherlock nhận thấy bàn tay mình run lên. Cậu đã phải trải qua quá nhiều áp lực. “Mycroft nghĩ rằng anh đã bị bắt,” cậu nói.

“Và anh ta phải vượt cả một hành trình đến Nga để kiểm tra? Mycroft đã đi cả một chặng đường dài đến Nga để kiểm tra sao?” Wormersley cười. “Thật là một vinh dự cho tôi.”

“Thế đã xảy ra chuyện gì?” Sherlock đặt cốc trà xuống và cắn một miếng bánh. Nhân bánh đầy hương vị của nấm và thịt bò bằm bên trong. Khói nóng muốn bỏng cả môi.

“Một ngày nọ khi trở về nhà tôi thấy bọn Ban Ba đang lục tung chỗ ở của tôi. Tôi biết đó là bọn Ban Ba vì thấy chúng mặc quần áo rẻ tiền. Tôi liền quay đi trước khi chúng nhận ra tôi. Từ hôm đó tôi phải dời chỗ luôn, hết khách sạn này đến khách sạn rẻ tiền khác, không ở lâu một chỗ. Tôi tìm cách nhắn cho Mycroft, nhưng tất cả các chỗ đánh điện tín đều có người của Sa hoàng.” Anh ta ngúc ngoắc cái đầu. “Ai đã gợi ra việc này – để anh bạn Mycroft nhấc

người ra khỏi chiếc ghế bành êm ái tại London và đi cả một hành trình đến đây chỉ để xem tôi có ổn hay không."

"Không chỉ có việc liên quan đến anh," Sherlock nói. Cậu kể cho Wormersley biết qua về những gì đã xảy ra tại London và Moscow.

Wormersley ưỡn người ra sau ghế, hớp một ngụm trà.

"Thú vị đây", anh ta nói. "Thú vị và kỳ quái".

"Nó giống như một mớ các mảnh đồ sứ vỡ," Sherlock lên tiếng. "Em không biết sẽ là cái gì khi sắp xếp các thứ đó lại." Khi nói ra những từ này không biết vì sao hình ảnh so sánh với một thứ đồ sứ vỡ lại đột nhiên hiện ra trong đầu cậu.

"Tất cả phụ thuộc vào lý do vì sao Mycroft bị bắt," Wormersley ngẫm nghĩ. "Anh ta đến đây bằng tên thật hay tên giả?"

"Ở đây anh ấy là ông Sigerson," Sherlock trả lời. "Anh ấy theo một đoàn kịch đến trình diễn tại đây theo lời mời của Hoàng thân người Nga. Em nghĩ tên ông ta là Yusupov."

Wormersley gật đầu. "Một vỏ bọc tốt. Anh ta có đến chỗ tôi ở không?"

"Cả hai anh em."

"Có lẽ đó là lý do vì sao anh ta bị bắt. Họ đang canh chừng căn hộ, nên họ bắt Mycroft vì họ nghi Mycroft biết tôi trốn ở đâu."

"Điều này không nói được cái gì cả." Nước trà và bánh ngọt đã giúp đầu óc của Sherlock thoát ra khỏi cơn tê liệt. "Nếu đúng vậy, thì họ đã bắt anh ấy - bắt cả hai anh em luôn - ngay tại căn hộ thay vì chờ quay lại khách sạn. Và cũng không giải thích được vì sao họ dàn cảnh để bắt em vì tội móc túi." Cậu ngừng một chút, cố gắng

tập trung suy nghĩ và sau đó xem xét những ý nghĩ này theo cách mà Amyus Crowe đã chỉ bảo. Cứ xem những ý tưởng này như các dấu vết trên đất và trên cây cối do con vật để lại – suy đoán xem con vật đi về hướng nào và kích thước ra sao. Và có bao nhiêu con ở đó?

Cậu hít một hơi thật mạnh khi nắm được vấn đề. "Dường như có hai nhóm khác nhau ra tay – một nhóm bí mật, lo dàn cảnh vu oan để bắt người, còn nhóm kia thì bắt người công khai và nhét vào xe chở đi. Một nhóm không công khai và một nhóm công khai."

Wormersley thận trọng gật đầu. "Tôi đang theo cậu đây. Tiếp tục đi."

"Nhóm công khai – em đoán là Ban Ba – theo em biết thì họ không có lý do gì để bắt ông Sigerson cả, ông ta chỉ là một người quản lý vô tội của một đoàn kịch. Ngược lại, nếu họ biết ông Sigerson thực ra là Mycroft Holmes, một viên chức chính phủ Anh đang ở Moscow làm một nhiệm vụ bí mật thì họ sẽ có đủ lý do để bắt giữ anh ta."

"Họ sẽ làm như thế thật, nhưng ai báo cho họ biết?" Wormerley lúc lắc đầu. "Cứ cho đó là một tổ chức bí mật, hoạt động trong bóng tối như cậu nghĩ đi. Nhưng tại sao họ muốn Mycroft bị bắt?"

"Để gạt ra rìa?" Sherlock suy nghĩ một lúc. "Không, điều này không nói được cái gì cả. Có nhiều cách dễ dàng hơn để loại trừ một người nào đó. Không, không phải, họ muốn để anh ta bị bắt." Sherlock ngừng một chút, để tập trung. "Họ muốn Ban Ba bắt Mycroft – ban này dưới quyền kiểm soát của một người mà Mycroft nói rằng anh ấy quen biết: Bá tước Pyotr Andreyevich

Shuvalov. Hai người đã gặp nhau tại Paris mấy năm trước."

Wormersley ra hiệu cho Sherlock nhỏ giọng lại. "Đừng có nhắc đến cái tên đó ở nơi công cộng," anh ta nói thận trọng. "Ban Ba có tai mắt khắp nơi. Chỉ cần nhắc tới tên họ cũng đủ gây sự chú ý."

Shelock quá phấn khích đến nỗi không ngừng lại được. Như thể cậu đang nhìn những mảnh ghép và di chuyển sắp xếp chúng lại cho đến khi thành hình một bức tranh. Hoặc, tiếng nói trong đầu cậu lại cất tiếng, giống như cậu đang tập hợp những mảnh sứ vỡ trong đầu ghép thành một bức tượng bằng sứ. Giờ đây cậu thấy rõ là nhóm thứ hai – nhóm bí mật - thực sự muốn Mycroft bị bắt bởi vì họ biết rằng Bá tước Shuvalov sẽ đích thân đến nhà giam hỏi cung anh ấy. Anh ruột của cậu là một nhà ngoại giao quan trọng, và Shuvlov cũng quen biết anh. Sherlock suy nghĩ, thật là khó để Shuvalov giao việc thẩm vấn một nhà ngoại giao quan trọng cho một người dưới quyền và chắc chắn ông ta không muốn có người nào khác hiện diện trong trường hợp các bí mật ngoại giao được tiết lộ. Có thể đó là một buổi chuyện vãn thân mật giữa hai người đã từng quen biết nhau trong quá khứ - diễn ra tại phòng làm việc của Shuvalov, bởi vì đây là chỗ mà ông ta cảm thấy thoải mái nhất, như là nhà riêng của mình và cũng bởi vì Mycroft là một người quan trọng, xứng đáng được đối xử tử tế.

Sự thật bất thần ào đến trong đầu Sherlock, rất rõ ràng, rất ấn tượng đến nỗi làm cậu không thở được vì một nỗi kinh ngạc mà cậu chưa hề trải qua. Tất cả những việc này đã được sắp xếp ngay từ đầu! Mọi thứ xảy ra tại London đã được vạch ra là nhằm đưa Mycroft đến Moscow! Việc dàn cảnh cho anh dính vào vụ giết

người tại câu lạc bộ Diogenes không phải là một ý đồ để ngăn cản anh nhận các báo cáo gởi đến văn phòng – mà đó chính là cách bảo đảm anh sẽ phải xem những báo cáo này. Nếu Mycroft nghĩ rằng những báo cáo này đủ tầm quan trọng để cho ai đó lập mưu dàn cảnh anh mang tội giết người nhằm ngăn anh nhận báo cáo, thế thì chắc chắn anh sẽ phải hết sức chú ý đến việc này khi quay lại văn phòng của mình! Họ đã đưa ra chiếc cần câu để nhử anh đi đến Moscow! Wormesley nhìn chăm chăm vào mặt Sherlock, nhưng các ý nghĩ trong đầu đang quay cuồng quá nhanh khiến cho cậu không mở miệng được. Giờ đây các mảnh sứ trong đầu cậu đã được ghép xong. Các chi tiết lúc này trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết.

Chính đoàn kịch cũng là một sự xếp đặt, Sherlock choáng người khi nhận ra điều này. Đúng là sự xếp đặt. Đó là một báo cáo khác đặt trên bàn của Mycroft – anh ấy tưởng là sự trùng hợp tình cờ, nhưng không phải vậy. Cái tổ chức bí mật này, không biết là ai, muốn anh đi đến Moscow để bị bắt tại đó, cho nên họ cũng tạo ra lý do để anh đi Mosow và cách thức đi đến Moscow, mọi thứ đều được chuẩn bị trước và sẵn sàng để khởi hành ngay!

Trong đầu của Sherlock hiện lên những khuôn mặt của đoàn kịch – ông Kyte, ông Malvin, cô Dimmock, bà Loran, đó là chưa nhắc đến ông nhạc trưởng Eves và các tay nhạc công. Còn những tay kéo màn – Pauly, Henry, Judah và Rhydian thì như thế nào? Có phải toàn bộ những người này đều nằm trong trò đố chữ? Có phải họ đều thủ vai, ngay cả những người không phải là kịch sĩ? Mức độ của sự sắp xếp này quả là quá to lớn!

Bây giờ nhìn lại, mọi thứ đều rõ ràng. Cái tổ chức bí mật này tính toán là Mycroft sẽ bị rối trí sau khi bị bắt giam ở London và sẽ tìm ngay cơ hội tốt đầu tiên để đến Moscow sau đó. Nhưng do Sherlock và Amyus Crowe cũng có mặt ở đó cho nên họ tìm cách tống đi cho khuất mắt. Vụ tấn công tại nhà bảo tàng xảy ra là vì thế. Tổ chức bí mật đã nhanh tay xử lý các tình huống bất ngờ, chính vì thế các kế hoạch của họ lại đâm ra khó hiểu.

Nhịp thở của cậu trở nên gấp gáp, cái cảm giác phấn khích khi biết mình đã suy nghĩ đúng như tuôn tràn khắp cơ thể và kích thích mỗi đầu dây thần kinh.

Tất cả đều được sắp xếp, từng chi tiết nhỏ, để chỉ một mình Mycroft gặp bá tước Pyotr Andreyevich Shuvalov, người lãnh đạo Ban Ba trong phòng làm việc của ông ta. Tất cả các sự kiện đếu dẫn tới thời điểm đó. Nhưng tại sao? Suy nghĩ lần theo mọi thứ đã xảy ra, câu trả lời trở nên hiển nhiên trong đầu Sherlock. Họ muốn giết bá tước Shuvalov, và họ muốn Mycroft bị kết tội. Đó là phương cách hoạt động của họ - âm mưu dựng chuyện mưu hại người khác. Họ đã dàn cảnh để kết tội Mycroft giết người, rồi dàn cảnh để Sherlock bị bắt vì tội móc túi.

Ánh mắt của Sherlock nhìn lên chạm phải cái nhìn của Wormersley. "Còn anh, anh cũng tham gia trong âm mưu này phải không?" Những lời này thình lình bật ra khỏi miệng, nhưng cậu biết chắc là đúng như vậy. Chỉ trong tích tắc, trong đầu cậu hiện ra mọi chứng cứ.

Wormersley nhìn Sherlock thán phục. "Cậu đúng là em của Mycroft. Hoan hô!"

Yên lặng bao trùm khắp quán cà phê. Như thể mọi cuộc chuyện trò, mọi việc ăn uống của các khách hàng khác trong tiệm đều ngưng lại trong một lúc.

Wormersley gục gặc đầu. Cặp môi mỏng dính của hắn nở ra một nụ cười. "Dĩ nhiên là tôi có dự phần. Tôi không ngạc nhiên là cậu đã nhận ra, không ngạc nhiên chút nào, vì biết anh cậu là ai, nhưng tôi muốn biết cái gì đã làm cho tôi bị lộ."

"Có hai điều," Sherlock trả lời. Cậu cố giữ giọng điềm tĩnh. "Ở bộ râu của anh đấy. Anh nói là mình đã trốn chui nhủi hơn một tuần, chạy từ khách sạn tồi tàn này sang khác sạn tồi tàn khác, nhưng bộ râu và bộ ria của anh lại được tỉa tót khá kĩ lưỡng. Tôi cứ nghĩ rằng trong đầu anh hẳn phải lo nghĩ đến nhiều việc quan trọng hơn là bộ cánh bên ngoài chứ."

Wormersley đưa tay sờ lấy cằm. "Nhận xét hay lắm. Tôi không bao giờ cưỡng lại được ý muốn trau chuốt bề ngoài. Rồi còn gì nữa?"

"Căn hộ của anh. Nhìn qua giống có vẻ bị lục soát, nhưng những thứ đập phá được tính toán quá kĩ lưỡng." Sherlock nhận ra đó là điều mà đầu óc cậu luôn dồn mọi sự chú ý để hướng tới trong khi suy nghĩ về các mảnh vỡ của những bức tượng nhỏ bị đập nát. "Nếu ai đó thực sự muốn đập phá tan tành mọi thứ trong phòng thì các mảnh vỡ phải vung vãi loạn xạ, nhưng đằng này những mảnh vỡ của các đồ vật trang trí lại nằm trên đống đồ gỗ bị đập phá. Ai đó đã ra tay một cách có hệ thống, đập thứ lớn trước, rồi mới đến thứ nhỏ hơn. Đây không phải là lục lọi mà là dàn cảnh."

Wormersley gật đầu. "Tôi sẽ nhớ cho lần sau. Cậu Holmes ạ, cậu

quả là có tài nhận xét tuyệt vời. Đúng là tuyệt vời."

Sherlock nhìn quanh. "Anh biết là chúng ta đang ở nơi công cộng đúng không? Anh khó mà kéo tôi ra khỏi đây mà không có ai can thiệp khi tôi vùng vẫy, la hét."

"Ồ, tôi nghĩ là cậu đánh giá thấp cái khả năng làm lơ và tránh bị liên luỵ của người Nga rồi." Anh ta bật cười lớn tiếng. "Nhưng trừ trường hợp cậu muốn thử..."

Anh ta đảo mắt nhìn khắp tiệm cà phê nhỏ, rồi thình lình búng tay một cái.

Mọi ngươi trong tiệm cà phê đều quay nhìn về phía anh ta. Trên mặt họ không hề có chút ngạc nhiên. Đó là cái nhìn của các binh sĩ hướng về sĩ quan chỉ huy: sự kiên nhẫn khi chờ mệnh lệnh.

Sherlock nhìn kĩ vào hai người đàn bà ngồi ở bức tường phía xa. Một người trẻ, tóc nâu chải ngược ra sau dưới một cái khăn trùm đầu, còn người kia trung niên, đội mũ lông. Cô Dimmock và bà Loran? Cậu không chắc lắm cho tới khi người phụ nữ trẻ hơn cười chào mình và đột nhiên cậu nhận ra cái cằm thanh tú của cô ta dưới lớp phấn trang điểm.

Còn đám đàn ông – phải chăng đó là ông Malvin, ông Furness, ông Eves và các nhạc công mà Sherlock không biết tên. Nhạc trưởng dàn nhạc đệm, nếu đúng là ông ta, đã cạo đi bộ ria mép - hoặc có thể, đã tháo đi bộ ria giả - nhưng căn cứ theo chiều cao của đám đàn ông thì có ông ta trong bọn.

Người đàn ông có khuôn mặt sưng, mũi như quả cà chua nháy mắt với Sherlock. Ông ta đưa tay lột lớp da mặt sưng húp xuống. Lớp da mặt rớt ra như bột dẻo khi ông ta bóc ra từng miếng một

để lộ ra khuôn mặt thật nằm bên dưới: hai cái má đầy tia gân máu và cái mũi to như bắp cải. Đúng là ông Furness. "Giờ mới thấy dễ chịu," ông ta nói. "Ngứa không chịu được! Bột dẻo hóa trang đấy, nhớ không thằng nhóc?"

Nhìn mặt, cậu cũng nhận ra bốn đứa trẻ là Judah, Pauly, Henry và Rhydian, bọn chúng đang chụm vào nhau cho đỡ lạnh, mặt chúng trét đầy bụi, răng giả vẩu ra phía trước, má được độn cho phồng lên kèm theo những hóa trang trên mặt để tránh bị nhận diện. Pauly gật đầu chào Sherlock; Henry nhún vai một cách thờ ơ, như thể đây chỉ là chuyện thường ngày.

Dù đã hình dung ra hầu như mọi thứ dựa trên các suy luận dồn dập kéo đến, nhưng Sherlock chưa hề nghĩ đến tình huống này.

"Giờ thì sao?" cậu hỏi.

"Bây giờ hả? Bây giờ thì bọn tao chỉ phải ngồi đây, uống trà ăn bánh thôi. Chủ tiệm sẽ không bị phiền: lão ta đã được trả đủ tiền để làm lơ. Bọn tao ngồi đây chờ khi nhận tin Bá tước Pyotr Andreyevich Shuvalov chết và anh mày bị bắt vì tội mưu sát." Wormersley đáp.

"Nhưng để đạt mục tiêu gì?" Sherlock hỏi. "Tại sao phải dài dòng dụ Mycroft đến Moscow, đến ngay nơi đây? Tại sao mấy ông không tự tay giết Bá tước Shuvalov?"

Wormersley nhún vai. "Mày chẳng biết là ông ta được bảo vệ chặt chẽ như thế nào đâu. Không bao giờ xuất hiện nơi công cộng, đi đâu cũng có các cận vệ đã theo ông ta từ hai mươi năm trở lên. Họ tuyệt đối trung thành. Khi đi ra bên ngoài, ông ta cho nhiều xe chạy theo nhiều hướng khác nhau, nhưng chỉ có một chiếc có ông

ta bên trong mà thôi. Ông ta là nhân vật quan trọng, chỉ đứng sau Sa hoàng. Tin tao đi, bọn tao đã thử. Nhiều lần rồi. Chỉ còn một giải pháp duy nhất là tạo ra một tình huống mà bọn tao biết chỉ có một mình ông ta tại một địa điểm và một thời điểm mà bọn tao nắm được."

"Nhưng ông ta đã làm gì các ông?"

"Ông ta biết bọn tao. Ông ta biết rõ và ông ta phản đối. Ông ta muốn chặn bọn tao lại."

"Nhưng các ông là ai?"

"Bọn tao là Viện Paradol," một giọng nói cất lên sau lưng Sherlock.

Mấy lời này làm Sherlock sởn gai ốc.

Cậu quay đầu lại. Bà Loran, người phụ nữ luôn tử tế với cậu, bước từ bàn của mình sang bàn Sherlock. Vẫn giữ nụ cười dễ mến, với lớp quần áo khiến bà ta trông giống như một bà già Nga, nhưng trong mắt bà ta lóe lên một ánh nhìn độc ác mà trước đây Sherlock chưa hề nhìn thấy.

"Nhưng Viện Paradol là cái gì?" giọng Sherlock hơi ngập ngừng, lòng đầy sợ hãi và ngán ngẩm vì một lần nữa một người lớn mà cậu tin yêu lại làm cho cậu thất vọng.

"Là một tổ chức," bà ta lên tiếng. "Một câu lạc bộ. Một tổ chức của những người cùng chí hướng. Một quyết tâm. Thậm chí là một quốc gia không có lãnh thổ. Còn nhiều thứ khác nữa. Bọn ta là những người đang quan sát cách vận động của thế giới và quyết định là không thích cách vận động này. Bọn ta quyết định thay đổi hướng đi của lịch sử"

“Thế thì toàn bộ vụ việc bán vùng đất Alaska cho Mỹ và khả năng người Mỹ trả tiền không đúng hạn, rồi người Tây ban nha sẽ nhập cuộc và mua lại là thế nào? Tất cả đều là giả tạo hết phải không?”

Bà ta cười phá lên. “Không đâu, tất cả đều là thực. Thực, nhưng đúng ra là không liên can. Chỉ là mồi nhử. Cách nói dối hay nhất là làm cho nó giống như thật. Bọn ta chỉ lợi dụng một tình huống chính trị thực tế và đem nó làm mồi để nhử anh cậu mà thôi. Vụ đó, và vụ ông Wormersley mất tích ở đây.”

“Thế còn Mycroft? Tại sao lại chọn anh ấy?”

“Anh ta là một chọn lựa thuận tiện – một người tuy còn trẻ nhưng được coi là nhân vật quan trọng trong chính phủ Anh. Quả là khó cho Thủ tướng nước Anh khi phải tuyên bố rằng Mycroft Homes là người thuộc nhóm quá khích đầu óc bộp chộp. Ta cũng không thể nào tưởng tượng có một người nào khác mà đầu óc bình tĩnh và chín chắn hơn Mycroft Holmes được. Không hề có, khi Mycroft bị xác định là người ám sát Bá tước Shuvalov thì mọi chính phủ trên thế giới sẽ cho là nước Anh nhúng tay vào một vụ mưu sát chính trị được nhà nước chủ trương. Nước Anh sẽ đi ăn mày. Không còn ai nghe nước Anh nữa. Ảnh hưởng trên thế giới của các người sẽ tan biến đi.”

“Vậy điều này quan trọng đối với các người sao? Cũng quan trọng bằng việc thanh toán bá tước Shuvalov?”

“Bọn ta là Viện Paradol,” bà Loran trả lời cộc lốc. “Khi bọn ta làm một việc gì thì không bao giờ chỉ có một lí do. Mỗi hành động bọn ta đưa ra đều nhắm vào nhiều mục đích khác nhau. Giải quyết

như thế sẽ gọn hơn."

Sherlock nhìn Wormersley vẻ trách móc. "Nhưng tại sao lại là anh? Ai lôi kéo anh vào toàn bộ chuyện này?"

Wormersley ngước nhìn bà Loran như thể xin phép để nói. Bà ta gật đầu.

"Tao đi rất nhiều nơi," Wormersley nói, "đâu đâu tao cũng thấy con người lừa gạt nhau, bắt nhau làm nô dịch và hành hạ nhau, tất cả đều nhân danh chính trị hoặc tôn giáo." Vẻ mặt xa xôi của Wormersley cho biết là anh ta đang nghĩ tới những nơi đã đi qua, những thời gian đã trải qua. "Thế giới đang chìm vào hỗn loạn. Phải có người bước ra nhận nhiệm vụ." Anh ta mỉm cười, nụ cười vừa mơ mộng vừa nham hiểm. "Hãy tưởng tượng đi, Sherlock – một chính phủ thế giới! Từ thời Alexander Đại Đế đến tới nay vẫn chưa có, còn thế giới hiện nay thì lớn hơn nhiều! Tao không nghĩ là sẽ có chính phủ này trong đời, nhưng tao đang góp sức – bằng cách làm việc cho Viện Paradol."

"Thật ra thì," bà Loran nói, "Wormersley bị nhốt ở Nhật. Người Nhật không ưa người nước ngoài. Anh ta có thể bị tra tấn và hành hình. Bọn ta gởi cho anh ta một bức điện, báo cho anh ta biết là sẽ được cứu thoát nếu chịu làm việc cho bọn ta."

Sherlock cau mày. "Nhưng còn một việc mà tôi không hiểu. Mycroft và Bá tước Shuvalov cuối cùng sẽ gặp tại phòng Shuvalov, chỉ có hai người. Thế thì cái gì sẽ xảy ra? Làm sao mà Shuvalov chết được, làm sao mà Mycroft bị buộc tội? Các người không thể nào làm cái trò con dao nước đá một lần nữa, phải vậy không? Ngài Bá tước sẽ không lấy dao đâm vào chính mình đâu."

“Con dao bằng nước đá là một mánh khóe hữu ích, chẳng qua chỉ là một cách diễn tập cho một màn ám sát nào đó trong tương lai, nhưng cậu nói đúng - bọn ta không làm thế tại đây. Bọn ta có một kế hoạch khác, hay ho hơn nhiều”

“Đó là cái gì?” Sherlock hỏi.

“Một ngạc nhiên dành cho cậu đấy,” bà ta nói.

Sherlock lắc đầu. “Vậy tất cả các kế hoạch của mấy người cũng đều rắc rối như thế này à? Tôi biết Mycroft đi đến đây, rồi bị bắt, và có lẽ sắp được Bá tước Shuvalov thẩm vấn, nhưng việc gì rồi cũng có lúc bị chệch choạc. Có thể Mycroft không được cảnh sát thả ra, hoặc có thể anh ta quyết định không đi, hoặc anh ta quyết định đến gặp chính thức với tên thực của mình, hoặc Shuvalov có thể giao cho người khác thẩm vấn Mycroft, hoặc có thể ông ta tra hỏi Mycroft trong một phòng giam – bất cứ mắt xích nào trong chuỗi dây cũng có thể bị đứt. Cơ hội để tất cả những việc này xảy ra đúng theo dự kiến là cực kỳ thấp.”

“Đừng nghĩ đây là một chuỗi mắt xích,” Wormersley giải thích. “Hãy nghĩ đến thứ chính xác hơn như... như một cái lưới bắt cá. Mỗi nút thắt là một quyết định, nhưng có nhiều cách để lộn mặt lưới trở lại. Lấy ví dụ, nếu Mycroft không được cảnh sát thả ra thì bọn ta sẽ tìm người hỗ trợ pháp lý cho anh ta, thù lao sẽ do một mạnh thường quân có tiếng tăm trả. Bọn ta sẽ tung ra các manh mối - những manh mối giúp cho cảnh sát tìm chứng cứ để minh oan cho Mycroft, dù chẳng dễ dàng gì. Bọn ta bị bất ngờ khi mày và tay người Mỹ to xác dính vào, nhưng việc này cũng giúp cho bọn ta đỡ rắc rối vài việc.” Anh ta nhún vai. “Mặc dù tại nhà bảo tàng bọn

ta phải tìm cách để gạt hai người bọn mày ra khỏi vụ này, rồi sau đó điều chỉnh kế hoạch đi Nga thì lại biết là Mycroft sẽ không đi Moscow nếu không có mày. Nếu Mycroft không mắc mồi, không đi Moscow thì bọn ta sẽ phải tốn nhiều công phu hơn. Có lẽ tao sẽ gởi cho anh ta một thư riêng xin được giúp đỡ. Dù cách này hay cách khác – cùng nhiều cách đã được lên kế hoạch - thì Mycroft đều phải tới Moscow, mà khi anh ta đến Moscow thì bọn ta sẽ mật báo cho Ban Ba đến tóm anh ta. Người ta cho rằng, thiên tài là cái khả năng vô hạn đối với những việc nhỏ nhặt, và Viện Paradol có đủ nhiều thiên tài thứ thiệt để tiến hành các mục tiêu của mình. Và đương nhiên, tất cả đều dẫn tới một điểm duy nhất là ba giờ chiều nay, Shuvalov sẽ cho dẫn Mycroft tới phòng làm việc của mình, rồi ông ta sẽ phải chết."

"Nhưng làm sao các người biết là sự việc sẽ xảy ra vào lúc ba giờ?" Sherlock hỏi một cách vô vọng. Cậu biết mình thông minh, nhưng thật tình là cậu phải kinh ngạc trước sự kiên nhẫn và những kế hoạch tỉ mỉ không thể nào tin nổi của Viện Paradol.

"Bọn ta đọc được nhật ký của ông ta," bà Loran nói một cách điềm tĩnh. "Một viên thư ký bậc thấp bị mua chuộc. Anh ta chưa bao giờ gặp Shuvalov, chưa bao giờ tiếp cận được ông này để ra tay ám sát, nhưng anh ta biết mọi hành tung của Shuvalov. Shuvalov có khoảng nửa giờ trống từ ba giờ đến ba giờ rưỡi chiều nay. Trước đó, ông ta dự họp tại điện Kremlin; sau đó ông ta triều kiến Sa hoàng. Nếu xảy ra hôm nay, thì phải là lúc ba giờ. Nếu không phải hôm nay, thì bọn ta cũng sẽ biết khoảng thời gian nào trống trong lịch làm việc của ông ta vào những ngày khác trong

tuần thôi."

"Còn tôi thì các người xử thế nào?"

Wormersley lại nhìn qua bà Loran. "Ồ, cậu là người biết quá nhiều," bà ta kín đáo nói. "Đó là lý do tại sao Wormersley đón cậu tại khách sạn và dẫn tới đây – bọn ta cần phải biết rõ là cậu đã biết những gì và suy đoán ra được gì. Câu trả lời là cậu đã biết quá nhiều, và cậu cũng tinh ranh như anh cậu. Bá tước Maupertuis cũng có nói, nhưng bọn ta phải kiểm tra lại. Bọn ta không thể cho cậu sống được. Cậu sẽ được dẫn về miền quê nước Nga rồi khử đi. Lũ gấu và sói sẽ thanh toán sạch sẽ các dấu vết cho bọn ta."

Sherlock cảm thấy toàn thân ớn lạnh. Nhìn quanh, cậu không thấy có lối nào thoát ra được. Xung quanh là các nhân viên của Viện Paradol. Nếu cậu tìm cách bỏ chạy, thì một giây sau họ sẽ rượt bắt ngay.

Còn anh Mycroft? Anh Mycroft tội nghiệp, lại sắp bị gài bẫy cho tội mưu sát mà anh không phải là thủ phạm. Lần này thì không có ai để chứng minh anh vô tội nữa.

Sự việc sẽ dẫn tới chiến tranh – chiến tranh giữa nước Nga và nước Anh. Một sự cố ngoại giao tầm cỡ này sẽ làm thay đổi cục diện lịch sử. Nhưng phải chăng đó là những gì mà Viện Paradol muốn?

"Dẫn nó đi đi," bà Loran ngoái lại nói với ông Furness. "Phải bảo đảm là nó mất xác đấy."

Ông Malvin bước tới sau lưng bà Loran. Ông ta cầm một cái hộp. Sherlock nhận thấy mặt trên của hộp có khoan nhiều cái lỗ, nhưng cậu không đoán được vì sao.

Bà ta khoát tay chỉ cái hộp và nói với Wormersley, "Còn cái này là của anh. Phải cẩn thận. Và nhớ kĩ - chính xác lúc ba giờ."

Bà ta quay sang Sherlock. "Mong cậu hiểu cho, ở đây không có tình cảm. Bọn ta chẳng ghét bỏ gì cậu, mặc dù đã xảy ra nhiều việc với Bá tước Maupertuis. Cậu chỉ là một hòn đá nằm trên đường – một hòn đá mà bọn ta cần phải lấy đi để cho chiếc xe lịch sử tiến lên."

"Đi thôi," Wormersley vừa nói vừa đứng lên. "Giờ phải đưa mày đến nơi cực kỳ nguy hiểm mới được."

Đột nhiên có tiếng kính vỡ rơi trên bậc thềm bên ngoài tầng hầm lót đá. Sherlock chưa kịp nhìn lên thì khu vực mái hiên bùng nổ dữ dội.

CHƯƠNG 15

Trong nháy mắt quán cà phê bỗng tràn ngập một thứ khói đen kịt. Wormersley lên tiếng chửi thề và cố nắm lấy vai Sherlock, nhưng cậu dằn ra được. Chiếc ghế đang ngồi ngã bật ra đằng sau, khiến cậu chỏng gọng trên sàn. Nhanh như chớp cậu lồm cồm chui ngay xuống dưới một cái bàn trống.

Những khách hàng khác đang ngồi trong quán – các thành viên của đoàn hát mà cậu cùng đi, cùng ăn chung, đặt lòng tin vào họ - đều nhổm người dậy, sửng sốt vì đám cháy bất ngờ. Bàn ghế tung tóe khắp nơi.

Bà Loran la lên, "Bắt lấy nó, bắt thằng bé mau!"

Ngọn lửa đang liếm bức vách gỗ của quán cà phê. Thủy tinh vỡ loảng xoảng dưới sức nóng. Một cái bàn ở phía trước, gần cửa lớn, bắt lửa.

Có ai đó chộp lấy cánh tay Sherlock kéo ra sau quán cà phê. Cậu cố gượng lại, nhưng một giọng Ai-len bật ra: "Nếu cậu chỉ tin ai một lần trong đời, thì giờ đây phải tin tôi." Rufus Stone!

Sherlock cứ để cho mình bị kéo ra sau cái quầy nằm sát bức tường đằng sau. Một người trong đám Wormersley – Sherlock nghĩ là ông Malvin, nhưng không chắc lắm – trông thấy họ và cố bám theo, nhưng Stone đẩy hắn ngã xuống sàn.

Có một cánh cửa nhỏ khép hờ đằng sau quầy. Stone kéo Sherlock đi qua và hất cho cánh cửa đóng lại sau lưng.

Lúc này họ đang ở trong nhà kho. Quanh tường bề bộn những

bao lớn đựng bột mì và các thùng đựng trà. Stone bắt đầu xếp những thứ này chận ngang cánh cửa. Sherlock cũng tiếp tay, mắt cay xè vì khói.

"Làm sao bọn họ thoát ra ngoài được?" cậu hét lên.

"Không phải chuyện của tôi," Stone trả lời. "Họ có thể lấy mấy cái bàn ở phía sau làm tấm chắn, rồi tiến dần đến cầu thang. Nếu nhanh chân, họ có thể trèo được lên mặt đường được. Người ở phía ngoài cũng cố tìm cách dập tắt đám cháy. Đừng có lo - họ không bị buộc phải chết thảm, dù tôi rất muốn thế!"

"Anh tạo đám cháy bằng cách nào vậy?"

"Đơn giản thôi, ở ngoài đường có một anh đẩy xe bán nước chè. Anh ta dùng cồn để đun nóng ấm samovar."

"Ấm gì cơ?"

"Bình nấu trà - ở đây người ta gọi là ấm samovar. Anh ta có một chai cồn. Tôi mượn lấy, trong khi họ mãi tập trung vào cậu thì tôi tưới khắp bên ngoài, và rồi chỉ cần đốt một mảnh giấy nhỏ thả lên. Tôi cho là mọi thứ xảy ra đúng như ý muốn."

Stone đưa Sherlock ra phía sau của nhà kho, chỗ này có mấy bậc thang bằng đá dẫn tới một cái sân nhỏ.

"Làm sao anh tìm ra em?" Sherlock hỏi.

"Tôi đi đến khách sạn để nói chuyện với ông Holmes. Tôi thấy ông ta bị bắt, rồi tôi thấy có một người lạ chặn ngang cậu. Tò mò, nên tôi đi theo. Quanh quẩn bên ngoài một khung cửa sổ mở ta có thể thấy nhiều cái lạ lắm."

"Anh đã nghe hết mọi chuyện."

Gương mặt Stone đầy vẻ hung tợn. "Nghe hết."

Cái sân nhỏ mở ra một con hẻm hẹp chạy giữa các tòa nhà. Stone quẹo phải rồi bước nhanh. Sherlock phải chạy lúp xúp mới theo kịp.

"Ta phải làm gì bây giờ?" Cậu vừa hỏi vừa thở hổn hển.

"Ta đến tòa Đại sứ Anh và xin ngài Đại sứ giúp đỡ, chúng ta phải làm thế thôi."

"Không được!" Sherlock dừng ngay lại.

"Đi thôi," Stone hối thúc. "Đứng ngoài đường sẽ rất nguy hiểm."

Sherlock cứ đứng tại chỗ, vẻ ngoan cố, bướng bỉnh, và mệt mỏi đến tận xương tủy. "Phải đi cứu anh Mycroft," cậu nói một cách quả quyết.

"Nghe này anh bạn trẻ, chẳng thể làm gì để giúp anh cậu lúc này đâu. Tốt nhất là cứ để bên ngoại giao họ thu xếp. Nói thẳng ra, họ là người làm việc sống còn cho những sự cố ngoại giao khẩn cấp. Chính là việc đó và các tiệc tùng trao đổi. Nếu ta gặp may, thì họ sẽ gặp Bá tước Shuvalov trước khi bọn Wormersley hoặc mụ Loran ra tay." Anh ta ngoái nhìn về hướng tiệm cà phê. "Còn tùy bọn họ có thoát ra được chỗ đó nguyên vẹn hay không. Có thể ta đã làm hỏng kế hoạch của họ rồi." Anh ta cười. "Hoặc nướng họ luôn rồi."

"Các kế hoạch của họ không nhất thiết cần sự có mặt của họ đâu," Sherlock chỉ ra. "Ông Kyte không đến tiệm cà phê. Ông ta không cách nào ngụy trang được. Có lẽ ông ta là người thực hiện âm mưu ám sát."

Stone nhìn trừng trừng Sherlock một lúc. "Tôi hiểu ý cậu rồi.

Mắt cậu cứ lóe lên sự quyết tâm giống y như lúc cậu muốn tập cho thành thạo các thang âm và hợp âm rải khi còn ở trên tàu SS Scotia vậy. Cậu đúng là đứa cứng đầu cứng cổ phải không?"

Sherlock nhún vai, ngượng ngùng một chút rồi lầm bầm: "di truyền của gia đình ấy mà."

Stone thở hắt thật mạnh. "Được rồi," anh ta nhượng bộ, "thôi thì ta đành phải đến chỗ tòa nhà có văn phòng của Shuvalov. Ta có thể đưa cho lính canh ngoài cửa một lời cảnh báo, hoặc cái gì tương tự."

"Thế anh có biết văn phòng của ông ta ở đâu không?"

"Quảng trường Lubyanka." Stone cười rầu rĩ. "Một địa chỉ nổi tiếng tại Moscow, ít có ai vô đó mà trở ra được." Anh ta nhìn đồng hồ. "Ta chẳng có mấy thời gian đâu. Nếu tính toán giờ giấc của Wormersley mà đúng, thì khoảng hai mươi phút nữa Mycroft sẽ được dẫn tới để gặp Shuvalov."

Sherlock nhìn quanh. "Chẳng thấy chiếc xe ngựa nào cả!"

"Không còn thì giờ để chờ xe nữa," Stone nói. "Chạy băng qua các con hẻm còn nhanh hơn nhiều."

Stone dẫn đường, chạy len lỏi qua các con hẻm và đường phố như thể anh đã ở Moscow cả đời. Sherlock vắt giò chạy theo anh ta. Hết dãy nhà này đến dãy khác, màu sắc tuy khác nhau nhưng đều cùng kiểu kiến trúc từng khối nặng nề. Người đi đường tránh ra khi bọn họ chạy qua, cố không giao tiếp bằng mắt với bọn họ. Những bầy chim sáo đá và chim sẻ vỗ cánh bay lên khi hai người chạy ào vào chỗ chúng. Không khí lạnh cắt da, và ngay cả khi Sherlock chạy cật lực đến nỗi mồ hôi tuôn ra ướt cả hông và lưng,

cậu vẫn cảm thấy mặt mình như bị kim châm khi các tinh thể tuyết trong gió đập vào da mặt. Cậu tưởng tượng hai bên má mình đang dày dặc hàng ngàn vết cắt nhỏ do chúng gây ra. Ý nghĩ này làm cậu nhớ đến khuôn mặt của ông Kyte, và những vết sướt quanh mắt, má và mũi. Cậu tự hỏi không biết do cái gì gây ra? Cậu nghĩ chắc mình chẳng bao giờ biết được.

Tim cậu đập nhanh theo từng nhịp bước chân. Ở trường cậu cũng từng chạy đua, nhưng chỉ là chạy hết tốc lực trong một khoảng thời gian ngắn – đến đích là hết. Nhưng ở đây là chạy marathon: không có đích đến, và không thể cố thêm.

Tiếng dội thình thịch của đôi bàn chân làm các bắp chân cậu rung theo dữ dội, xương cốt toàn thân chuyển động mạnh. Dưới chân, chỗ nào cũng đầy tuyết. Thình lình khi băng ngang qua một con đường và nhảy tránh những chiếc xe ngựa, xe chở hàng, Sherlock đặt chân trúng một chỗ tuyết đóng băng và mất đà trượt ra sau. Cậu hoảng hồn nghĩ thế nào mình cũng bị té. Hai tay cậu quơ loạn xạ khi người chồm ra phía trước để cố giữ lấy thăng bằng. Thời khắc này dường như vô tận, nhưng cuối cùng nhờ đụng phải một phụ nữ Nga áo quần dày cộm băng qua đường cậu mới gượng lại được.

Cậu ngoái đầu lại và la to "Xin lỗi!"

Cậu cố buộc hai chân chạy nhanh hơn trong lúc Stone dẫn trước cậu một quãng khá xa.

Hai đuôi mắt Sherlock giật giật cùng lúc với tiếng vỗ cánh bay vụt lên của đàn chim sáo đá và chim sẻ xung quanh. Trước mắt cậu chỉ còn hình bóng thấp thoáng của Rufus Stone ở phía trước.

Cuối cùng, Stone cũng bắt đầu lơi bước. Nhưng phải chạy thêm hết con hẻm cậu mới dừng lại được. Sherlock đứng sựng bên cạnh anh ta, lồng ngực rát bỏng. Cậu thở hổn hển, khom người lại chống hai bàn tay xuống đầu gối. Hơi thở cậu nóng như lửa. Stone thì đứng dựa vào một bức tường gần đó, ho rũ rượi.

Phải đến một phút sau hai người mới đủ sức mở miệng.

"Ta đã tới quảng trường Lubyanka," Stone thở phù phù. Anh ta hất mạnh cái đầu về phía tòa nhà bên kia đường. "Đó là tổng hành dinh của Ban Ba."

Sherlock đưa mắt nhìn tòa nhà từ dưới lên trên. Như một pháo đài: với những cánh cửa sổ nhỏ, hẹp, có chấn song bên ngoài lớp kính, tường là đá tảng màu đỏ láng nhẵn không thể nào bám vào mà leo lên được, mỗi góc tường là những tháp pháo để lính canh có thể nhìn rõ mọi góc cạnh của tòa nhà, và nếu cần thì khai hỏa vào bất cứ người nào có ý định tấn công.

Bên kia đường là mấy chiếc xe chở hàng, xe ngựa bốn bánh, xe ngựa hai bánh đậu sát vỉa hè để người đánh xe có thể ngồi nghỉ. Theo phỏng đoán thì những chiếc xe này đang ngồi chờ những vị khách người Nga quan trọng sẽ boa hậu hĩnh có phương tiện đi ngay khi rời khỏi tòa nhà.

"Bá tước Shuvalov làm việc ở phòng nào?" Sherlock hỏi giọng khản đặc.

Stone đảo mắt nhìn khắp các vuông cửa sổ. "Tôi sẽ không đưa tay chỉ chỗ đó đâu," anh ta lên tiếng. "Tôi không muốn kéo thêm sự chú ý sau màn trình diễn điền kinh vừa rồi. Cậu hãy để mắt nhìn vào cánh trái của tháp canh, rồi lướt dọc theo rìa của mái nhà cho

tới khi thấy một cánh cửa sổ mở lớn hơn các cánh khác và hơi lồi ra khỏi tòa nhà. Đó là văn phòng của ông ta." Anh ta ngừng lại để ho. "Hãy chú ý đến các chấn song lồi ra, và thực sự thì không có hướng nào để vào được chỗ đó, dù là trên dưới hoặc phải trái. Không hề có cái gờ nào. Cửa kính cũng nhuộm đen cho nên từ phía ngoài không thể nào nhắm đươc mục tiêu bên trong, và nếu cậu nhìn xung quanh, cậu sẽ thấy đây là tòa nhà cao nhất trong khu vực. Không có điểm ngắm cho xạ thủ. Phía bên trong cũng rất nhiêu khê: người ta nói rằng phải đi qua sáu chặng kiểm soát trước khi đến được chỗ đám cận vệ bên ngoài phòng làm việc của ông ta - họ là những người được chính tay ông ta chọn. Thực tình tôi không biết bằng cách nào mà Wormersley lại nghĩ đến việc ám sát được con người này."

Sherlock nhìn kĩ vào chỗ cửa sổ của phòng làm việc. Cậu nhìn đồng hồ. Gần đến ba giờ rồi! Nếu Viện Paradol nói đúng - và cậu nghĩ rằng họ luôn luôn đúng – thì ngay lúc này Mycroft đang trên đường được dẫn tới văn phòng!

Cậu liếc nhìn xung quanh, mong thấy được thứ gì đó bất thường, bất cứ thứ gì có thể là manh mối cho sự việc sắp xảy ra.

Và cậu nhận thấy có cái gì đó.

"Không thấy chim chóc gì cả," cậu kêu lên.

"Cái gì?"

"Không thấy chim. Thành phố này đầy rẫy chim sáo đá và chim sẻ, nhưng bây giờ chúng đi đâu? Em chẳng thấy con nào cả."

Stone nhìn xung quanh. "Cậu nói đúng, nhưng tôi không rõ cậu định nói đến cái gì."

“Cái gì làm cho chim hoảng sợ bay đi mất?”

Người chơi đàn vĩ cầm nhún vai. “Phải mèo không?”

“Mèo thì đúng rồi, và những loài chim khác. Chim săn mồi chẳng hạn.”

Stone nhướng mày, rồi trợn mắt lên như chợt hiểu ra. “Con chim ưng mà Mycroft đã nói cho tôi nghe, con chim ở bảo tàng tại London. Cậu có nghĩ đó là kế hoạch của Wormerslley không?”

“Nhìn cái cửa sổ kìa,” Sherlock nhấn mạnh. “Căn cứ theo những gì anh nói thì không ai có thể lên chỗ đó được, cả từ bên trong lẫn bên ngoài. Nhưng một con chim có thể bay tới đó.”

“Nhưng mà để làm gì? Con chim không thể đâm hoặc bắn Shuvalov, hoặc dùng vuốt tấn công, cho nên không có cách nào để cho Wormersley tạo dựng cái cảnh Mycroft là thủ phạm tấn công được.”

Đầu óc của Sherlock căng lên suy nghĩ. “Khi con chim ưng tấn công em tại nhà bảo tàng, vuốt của nó có gắn một thứ gì đó - giống như lưỡi dao bén. Hãy tưởng tượng cái cảnh Mycroft được đưa vào phòng làm việc của Mycroft, sau khi đi qua tất cả các trạm kiểm tra an ninh. Chỉ có Shuvalov và Mycroft trong phòng làm việc. Con chim ưng đã được huấn luyện của Wormersley sẽ bay vào cái cửa sổ mở và nhào xuống người Shuvalov. Nó đánh xoạt một nhát dao vào cổ ông ta, cắt đứt họng, rồi bay ra ngoài. Có thể Shuvalov sẽ la lên hoặc có lẽ Mycroft kêu cứu. Vệ sĩ của Shuvalov ào tới. Tất cả những gì họ thấy là Shuvalov bị cứa họng chết vì chảy máu còn Mycroft lại đứng đó, trong một căn phòng nội bất xuất ngoại bất nhập!”

“Nhưng Mycroft không có dao,” Stone lên tiếng.

“Chẳng có gì quan trọng. Tất cả các bằng chứng đều chống lại anh ấy. Họ sẽ cho rằng anh ấy đã quăng ra ngoài cửa sổ con dao, hoặc dao cạo, hoặc bất cứ thứ gì!”

“Tôi không rõ... Nhưng cửa sổ bị đóng mà?”

“Thế thì họ sẽ dùng ná và một cục đá để bắn cho vỡ cửa đi, để cho con chim có thể bay vào bên trong. Sau đó trong hoang mang, họ sẽ cho rằng chính Mycroft đã đập vỡ cửa kính để tìm cách trốn thoát. Đó là cách thức của Viện Paradol. Họ đã tính trước mọi thứ! Có lý lắm! Em không hiểu được tại sao mình lại bị một con chim ưng được trang bị đủ khí giới tấn công. Ai đã mang con chim sống vào trong một bảo tàng về chim nhồi rơm? Họ đã huấn luyện chúng ở đó, họ đã sử dụng bảo tàng như là một căn cứ hoạt động.”

Sherlock chợt nhớ ngay đến một việc, cậu thọc tay vào túi áo khoác. Bên trong túi, sát cái lọ thủy tinh lấy từ túi áo khoác của người đàng ông tự sát tại câu lạc bộ Diogenes, là cái xác tí teo của con chuột chết mà cậu nhặt trên tàu khi đi từ Dunkerque đến Moscow. Cậu đã quên khuấy đi. Cái xác chuột nằm gọn trong lòng bàn tay. “Đây hẳn là thức ăn để dành cho con chim”, cậu nói vội. “Em nhặt được trên tàu. Ông Kyte là người chăm sóc con chim – đó là lý do tại sao ông ta cứ ngồi lì trong khoang suốt chuyến đi. Ông ta phải vỗ về con chim, cho nó ăn để nó khỏi bay mất.”

“Cứ cho là cậu nói đúng đi.” Stone nhìn quanh quất. “Nhưng nó sẽ bay từ chỗ nào?”

“Chỗ nào rất gần đây. Có thể là từ một tòa nhà - nếu họ trèo được lên nóc nhà hoặc từ một phòng trống.” Sherlock hối hả nhìn

xung quanh. "Hoặc đâu đó từ dưới đường, có lẽ vậy."

Cậu chợt nhìn thấy một chiếc xe ngựa đang đậu ở phía bên kia đường. Chiếc xe này cũng giống như những chiếc xe khác lọc cọc đi qua, nhưng có cái gì đó buộc Sherlock chú ý. Có lẽ do thân hình đồ sộ của người đánh xe, hoặc cái cách ông ta vụng về lấy chiếc khăn choàng cố che bộ râu rậm rạp.

"Ở đằng kia," Sherlock hối hả nói. "Cái xe ngựa đó."

Stone đưa mắt nhìn theo. "Chính là ông Kyte."

"Em cũng nghĩ vậy."

"Wormesley sẽ ở trong xe. Cùng với con chim, nếu cậu suy nghĩ đúng." Anh ta đảo mắt sang tòa nhà trụ sở của Ban Ba. "Ta phải đi đến chiếc bàn tiếp khách - để báo cho họ chuyển lời cảnh báo lên Bá tước Shuvalov."

"Không còn thời gian đâu!" Sherlock kêu lên.

Trên chiếc xe đậu phía bên kia đường, cánh cửa sổ nhỏ nhìn về phía tòa nhà được kéo xuống để lộ ra một khe nhỏ.

Sherlock chỉ thấy được một cái gì đó xuất hiện qua cái khoảng vuông tối đen bên trong chiếc xe. Một cánh tay – đúng là một cánh tay có con chim lông màu nâu đậu phía trên. Có lẽ là con chim đã từng tấn công cậu tại viện bảo tàng ở London, hoặc có thể là con chim khác, nhưng trông chúng đều có vẻ dữ dằn cả.

Một tiếng huýt gió trầm vang lên trong không trung: có ba nốt; giống như tiếng huýt mà Sherlock đã nghe tại nhà bảo tàng.

"Nốt A ngang, nốt E, G cao." Stone nói nhỏ.

Con chim ưng cất cánh, hai chân đạp mạnh vào không khí để lấy

thế vụt lên sau đó vẫy mạnh cánh một, hai, ba lần để giữ thăng bằng trong không khí. Nó đảo mắt nhìn xuống để định hướng, rồi vỗ cánh để bay lên cao hơn. Dưới ánh nắng mặt trời, hai lưỡi dao được gắn vào chân con chim, ngay trên mấy cái vuốt sáng lóa lên nhức cả mắt.

Người đàn ông ngồi bên trong chiếc xe ngựa – Wormersley chăng?- huýt gió lần nữa, lần này những nốt khác, và con chim điều chỉnh lại hướng bay, nghiêng một chút sang phía trái, rồi nhắm thẳng. Tiếng huýt gió điều khiển cho nó nhắm vào đúng khung cửa sổ! Wormersley hẳn đã huấn luyện con chim trên một mô hình giống như tòa nhà này, hoặc cái gì đó được sơn cho giống, nhưng anh ta không hề cầu may. Anh ta hướng dẫn con chim bay tới đúng chỗ mà anh ta muốn.

"Ta muộn quá rồi," Stone nói.

"Không," Sherlock lên tiếng, giọng cậu đầy vẻ vững tin đến nỗi chính mình cũng ngạc nhiên. "Không đâu!"

Sherlock nắm chặt một bàn tay lại, bàn tay kia đang giữ con chuột chết, và nhích ra phía sau. Dang rộng cánh tay trái ra phía trước để giữ thăng bằng, cậu ném mạnh con chuột như một người chặn bóng dùng hết sức ném trái banh trong môn bóng gậy.

Cái xác con chuột nhỏ xíu lượn vòng trong không khí bay về phía khung cửa sổ mở. Sherlock huýt gió, cố gắng huýt giống như âm thanh mệnh lệnh của Wormersley. Con chim xoay hẳn đầu để nhìn người nào khác dám ra hiệu cho nó. Mắt nó chợt thấy con chuột chết, lúc này bắt đầu chuyển hướng rớt xuống đất. Con chim ưng xoay mình trong không khí và đâm bổ xuống. Xác con chuột

đang lao xuống theo trọng lực, nhưng con chim ưng vẫy cánh hai cái thật mạnh, rồi xếp cánh lại sát thân mình. Nó như vọt đi trong không khí, đường bay nhắm thẳng tới xác con chuột.

Cái mỏ của nó há ra rồi ngậm lại, toàn bộ con chuột bị nuốt gọn.

Nhiều tiếng huýt sáo vang lên trong không khí khi Wormersley hối hả cố điều khiển con chim, nhưng cái đói đã thắng sự tập luyện. Sherlock biết là phải để cho con chim ưng đói, nếu không chúng sẽ không theo lệnh của người luyện chim. Con chim lượn một vòng lớn hướng về chiếc xe ngựa. Nó hướng về cái vật đang nằm thật gần bên trong cái tổ của nó trong lúc này; đó là cái hộp được bao lại mà mấy người kia giao cho Wormersley ở tiệm cà phê.

Trong cái khoảng vuông đen ngòm bên trong chiếc xe ngựa, Sherlock thấy khuôn mặt của Wormersley phồng lên như thây ma, méo xẹo như một cái mặt nạ, đầy giận dữ.

Sherlock nghĩ tới các tín hiệu mà cậu đã nghe tại nhà bảo tàng: tín hiệu khiến con chim tấn công. Cậu cố gắng hết mức để nhớ lại các nốt. Cậu chơi violon cũng khá. Cậu đọc được bản nhạc. Cậu chắc chắn có thể nhận ra một nốt nhạc khi cần thiết.

Cậu huýt gió thật lớn, lập lại tiết tấu nhạc mà cậu nhớ được.

Trong lúc bay thấp xuống để quay về chiếc xe ngựa, con chim nghe được tín hiệu. Thay vì chuẩn bị hạ cánh để đậu trên cánh tay người luyện chim, nó giương vuốt ra làm thành hai khí cụ hủy diệt tai ác.

Con chim ưng ập vào khung cửa sổ của chiếc xe ngựa rồi đâm bổ vào mặt Wormersley.

Bên trong chiếc xe ngựa vang lên một tiếng kêu thét, và toàn bộ cái xe như rung lên khi Wormersley vật lộn với con chim bên trong. Còn ông Kyte, ngồi trên nóc chiếc xe, ngoái đầu lại xem chuyện gì xảy ra. Bị làm giật mình, con ngựa đang bị cột vào càng xe lồng hai chân sau lên.

"Ra tay nào!" Sherlock thét to gọi Stone. "Anh lo Kyte – em lo Wormersley."

"Nhưng mà..."

"Ra tay đi!"

Lần này cậu không để Viện Paradol sống được bằng mọi cách. Họ đã ra tay giết chết nhiều người, với đủ các lý lẽ biện minh. Cậu phải lôi Wormersley ra khỏi chiếc xe ngựa này bằng chính đôi tay của mình và buộc hắn ta phải khai cho bá tước Shuvalov biết tất cả những gì mà hắn định làm.

Thấy Stone chạy vượt qua mình để tóm Kyte, Sherlock đưa cả người tông vào cái cửa gần nhất của chiếc xe ngựa.

Khi cậu vừa chạm vào cánh cửa thì nó mở bật ra, đẩy cậu té ngửa xuống đường. Wormersley nhảy ra, gỡ con chim ưng khỏi đầu mình rồi ném nó về phía Sherlock. Mặt và áo hắn ta đầy máu, trên trán có dấu mỏ chim mổ vào và ngang cổ có nhiều nhát rạch.

Con chim đập cánh liên hồi rồi bay bổng lên. Việc tập luyện chỉ đi đến mức này thôi: tất cả những gì nó muốn bây giờ là được tự do.

Wormersley lấy ống tay quệt ngang mặt, vấy máu nhòe nhoẹt lên khuôn mặt đỏ ngầu vì giận dữ.

“Thằng nhãi phá đám!” hắn ta gào lên. “Kế hoạch tụi tao phải chuẩn bị hàng năm trời, thế mà mày làm hỏng trong tích tắc!”

“Đầu hàng đi,” Sherlock lên tiếng. Cậu thủ thế phòng trường hợp Wormersley xấn tới. “Hết đường rồi.”

“Lúc nào cũng có lối thoát cả.” Wormersley lùi ra sau và lấy trong xe ra một thứ gì đó trông giống như một cái vành, một thứ vành chơi của trẻ con, nhưng sau đó hắn ta lắc lắc bàn tay và cái vành này duỗi thẳng ra dưới đất.

Đó là một cái roi da, nhưng không giống thứ roi da mà Sherlock đã từng thấy. Không giống như cái roi mà ông Surd, người hầu của Bá tước Maupertuis đã sử dụng để chống lại cậu mấy tháng trước. Không phải, chiếc roi này giống như được bện bằng sợi kim loại, và ở đầu chóp là một cái vuốt sắt.

“Mày có nhớ tao từng nhắc tới cái knout của người Nga không?” Wormersley hỏi. “Giờ mày có dịp làm quen với nó rồi đấy.”

Hắn bất ngờ vung cái roi ra. Mút chóp của cái roi rít lên khi xoáy cắt vào không khí. Sherlock né sang một bên và cái đầu có móc kim loại vụt sát rạt qua tai cậu.

Nó móc vào áo khoác cậu khi Wormersley giật ngược cái roi lại.

Cả người Sherlock bị giật ra trước khiến cậu mất thăng bằng. Cậu sụm xuống chống tay và đầu gối lên nền đất phủ đầy tuyết.

Wormersley vòng ra sau lưng Sherlock và thít cái knout quanh cổ họng cậu. Hắn kéo mạnh cổ Sherlock ra sau để chẹn đường thở.

Trước mắt Sherlock giăng một màn sương màu đỏ. Cậu quờ quạng cố hít mạnh không khí vào lồng ngực, nhưng chẳng có chút

gì lọt qua những mắc xích sắt của chiếc knout đang bấu chặt vào da thịt. Mấy ngón tay cậu cuống cuồng tìm cách luồn bên dưới chiếc vòng kim loại, nhưng nó bị Wormersley thít chặt đến mức không còn chút kẽ hở nào cả.

Lớp màn sương màu đỏ trước mắt cậu bắt đầu chuyển sang tối sầm. Cảnh vật chung quanh chỉ còn là một thứ mờ ảo của ánh sáng và tiếng động.

Sherlock tì trên chân phải ngả người ra sau, nhưng Wormersley đã xoạc chân ra, chồm về phía trước để xiết cổ cậu. Hắn ấn mạnh cùi chỏ vào cổ Sherlock.

"Mày chết đi!" hắn rít lên, đầu cúi sát vào tai trái của

Sherlock. "Chết đi!"

"Cố tìm một điểm tựa trên mặt đất, một kiểu lực đòn bẩy để giúp mình đứng dậy, bàn tay của Sherlock xợt qua mặt ngoài của chiếc áo khoác. Cậu cảm thấy bên trong túi có một cái gì cứng và cong cong - cái lọ có nút xịt lấy ở câu lạc bộ Diogenes. Cái lọ thuốc đã được dùng để gây mê Mycroft.

Mắt chỉ còn thấy màn đen và tai chỉ nghe nhịp tim của chính mình đập thình thịch, Sherlock cố chút sức tàn rút cái chai ra khỏi túi. Cậu mò mẫm cố đặt ngón tay cái lên cái nắp có nút bấm của chai. Không biết hướng xịt ở đâu, cậu đưa cao cái chai quá đầu rồi liên tục nhấn nút.

Ở phía sau, Wormersley há hốc miệng. Hai tay hắn lơi dần ra. Sherlock ngả về phía trước, hít mạnh vài ngụm khí trời vào phổi. Cậu xoay người lại, giơ cao hai tay về phía Wormersley để chống đỡ nếu tên này tấn công trở lại, nhưng qua lớp màn đỏ tan dần

trước mắt, Sherlock thấy Wormersley bất động, đôi mắt nhìn vào chốn hư không, mặt đầy vẻ sững sờ.

Sherlock nhắm mắt lại và đầu đập xuống nền đường đầy đá cuội.

Nhiều bàn tay túm lấy Sherlock và kéo cậu đi. Cậu nghĩ đó là ông Kyte, nhưng lại có những bàn tay khác gỡ cái thòng lọng bằng da và kim loại của chiếc roi knout ra khỏi cổ cậu.

Ngoảnh đầu lại, cậu thấy xung quanh mình có nhiều binh sĩ quân phục màu xanh và xám. Một người đỡ lấy cậu còn người kia tháo chiếc knout. Người thứ ba tóm lấy Wormersley, lúc này mặt hắn đã sưng húp đến mức không nhận ra được. Người lính thứ tư đang kéo Stone ra từ phía bên kia của chiếc xe ngựa. Cánh tay Stone có một vết cứa lớn đang chảy máu, một vết cứa sâu cắt qua lớp vải của chiếc áo choàng đến tận phần da thịt bên dưới.

Không thấy bóng dáng ông Kyte đâu cả.

Mấy phút sau đó thoáng qua nhanh. Cả hai người, Sherlock và Rufus Stone, vừa bị đẩy vừa bị kéo vào bên trong tòa nhà Lubyanka, dọc theo các hành lang tối om và đi lên nhiều bậc cầu thang. Sherlock không nhớ được mình đang đứng nơi nào trong tòa nhà. Cuối cùng họ được dẫn qua những hàng cận vệ mặc đồng phục và đi vào khu vực có nhiều văn phòng sát nhau.

Đến văn phòng cuối cùng, có hai người đàn ông đang đứng chờ họ.

Một người mặc quân phục, trang phục của ông ta cầu kỳ hơn nhiều so với những bộ mà binh lính đang mặc, ông ta lại khoác thêm một chiếc áo choàng. Người đàn ông này khoảng bốn mươi

tuổi, tóc muối tiêu, cắt ngắn, bộ ria uốn vểnh ngược. Người kia độ tuổi trên hai mươi, mặc bộ comlê màu đen và áo choàng có sọc.

"Sherlock đây rồi," Mycroft nói giọng điềm tĩnh. "Đây là ngài Bá tước Pyotr Andreyevich Shuvalov. Và tiện đây xin phép ngài cho tôi giới thiệu em tôi, Sherlock."

Shuvalov nhìn Sherlock rồi nhìn trở lại Mycroft.

"Xin chào," ông ta nói giọng tiếng Anh chuẩn. "Tôi cho rằng cậu ta rất giống bên nội của anh."

CHƯƠNG 16

Phòng ăn của câu lạc bộ Diogenes im ắng như một nấm mồ, đó là lý do tại sao Mycroft đã thu xếp để người ta dọn bữa ăn tại Phòng dành cho khách. Ít nhất bốn người bọn họ cũng có điều kiện chuyện trò.

Mycroft ngồi ở đầu bàn, Sherlock bên trái còn Amyus Crowe phía bên phải anh ta. Rufus Stone ngồi đối diện với Mycroft.

Nhìn quanh, Sherlock cảm thấy khó mà nhớ được rằng toàn bộ chuyện phiêu lưu đã bắt đầu từ chính căn phòng này. Cậu kiểm tra tấm thảm để tìm vết máu, vừa nhớ đến người đàn ông kém may mắn trong cơn tuyệt vọng muốn kiếm chút tiền cho gia đình đã tự sát theo chỉ đạo của Viện

Paradol, với mục đích duy nhất là dụ Mycroft đi sang Nga. Hoặc vết máu đã được lau chùi hết sức kĩ lưỡng hoặc người ta đã thay toàn bộ tấm thảm.

Mycroft và Crowe đang thảo luận chính phủ Mỹ sẽ làm gì với Alaska khi họ đã trả xong tiền. Sherlock tập trung chú ý vào bữa ăn tối. Mấy người hầu bàn mặc quần áo đen lặng lẽ mang các bát xúp lên bàn.

Crowe nghi ngờ nhìn lớp chất lỏng màu đỏ có bọt kem. "Thứ này chắc chắn không dành cho người phải không?" ông hỏi. "Nhìn như là máu bò trộn với sữa vậy."

"Đây là món borscht," Mycroft trả lời. "Tức là xúp củ cải đỏ của người Nga nấu với smetana, là kem chua, trộn đều lên. Tôi nghĩ

rằng nên chia sẻ một vài kỷ niệm trong chuyến phiêu lưu của chúng tôi với anh. Bếp trưởng ở đây rất nhiệt tình. Cũng hơi liều một chút. Tôi không chắc là anh ta có dám thử sức với món gì khác ngoài món xúp Windsor màu nâu không, nhưng hóa ra anh ta lại sẵn sàng dấn vào thử thách khác."

"Nói đến các thử thách," Stone lên tiếng, "anh có tin tức gì về lão Kyte không?" Bàn tay anh ta sờ lên cánh tay phải vẫn còn đang quấn băng che một vết cứa sâu. Giọng nói lộ vẻ bực bội khiến Sherlock nghĩ rằng anh ta chưa hết căm tức người đàn ông tóc đỏ to con đó.

Mycroft lắc lắc cái đầu to tướng của mình, giọng ảo não. "Không chút tăm hơi. Lão dường như chui xuống đất rồi vậy. Tôi cho rằng Viện Paradol đang chăm sóc lão ở đâu đó – cứ cho là họ vốn có từ tâm đi."

"Thế còn những người khác trong đoàn kịch Kyte ạ?" Sherlock hỏi.

"Cũng giống lão Kyte thôi, họ lặn mất tăm, có lẽ là đang trốn." Mặt anh toát ra vẻ nghiêm trọng. "Việc đã từng ở sát Viện Paradol như thế - tiếp xúc cận mặt bà Loran, người mà giờ anh tin chắc là thành viên quan trọng nhất của chúng - và lại mảy may không nhận ra... đã làm anh thật sự giận dữ, Sherlock. Tâm trí anh đã bị ảnh hưởng trầm trọng bởi vụ cáo buộc giết người và sau đó là vụ tạm giam ngắn ngủi. Đúng ra anh phải nhận thấy bọn họ có cái gì đó kì lạ. Đúng ra anh phải biết là chúng ta bị gài bẫy ngay từ đầu."

"Còn Wormersley?"

"Chuyện này thì anh có câu trả lời đấy. Vì những lí do dễ hiểu,

Bá tước Shuvalov sẽ không giao hắn ta cho chúng ta. Hắn ta sẽ chết mòn trong nhà ngục Lubyanka. Thật là chuyện mỉa mai, khi chúng ta phải đi cả một quãng đường dài đến Moscow là nơi anh nghĩ có thể lần ra sự việc bắt đầu từ hắn." Mycroft thở dài. "Hắn đã thay đổi. Hắn không còn là con người mà anh biết. Nhưng sau đó, anh rút ra rằng chính việc đi lại đây đó trên thế giới đã làm con người ta ra nông nỗi thế, cho nên anh có ý định là từ giờ đến cuối đời anh sẽ càng ít đi xa càng tốt."

"Tôi ngạc nhiên là vì sao Shuvalov lại quá dễ dàng tin tưởng anh như thế," Crowe nói to, mắt vẫn nhìn một cách ngờ vực vào bát xúp. Ông lấy cái muỗng khuấy mạnh bát xúp.

"Lại một điều mỉa mai nữa," Mycroft nói. "Tôi biết Shuvalov ít hơn nhiều so với Wormersley, nhưng cuối cùng mối quan hệ này lại được duy trì nhờ vào sự tin tưởng còn mối quan hệ kia lại thất bại thảm hại. Shuvalov và tôi hiểu nhau. Chúng tôi suy nghĩ giống nhau. Khi được báo là tôi bị bắt, ông ta lập tức gọi cho tôi và cho người đưa lên gặp mặt. Chúng tôi uống trà, trò chuyện rất tử tế. Ông ta xin lỗi vì hành động thiếu suy nghĩ của nhân viên, còn tôi thì xin lỗi vì đến nước Nga mà không thông báo đúng theo qui định. Đó là cách thức mà các mối quan hệ quốc tế được tiến hành: lịch sự và chiêu đãi, chứ không ai sử dụng mấy con chim ưng được huấn luyện làm công cụ ám sát cả."

"Và ông ta tin toàn bộ câu chuyện điên rồ này?"

"Khi Sherlock kể lại câu chuyện thì rõ ràng là có đủ chứng cứ để chứng minh. Mọi người đều thấy con chim ưng có gắn vuốt sắt, rồi con chim bay vào chiếc xe ngựa, rồi họ cũng thấy cảnh đánh nhau

giữa Sherlock và Wormersley và giữa Stone với lão Kyte. Shuvalov cũng đã nhận báo cáo về vụ tôi bị bắt tại London vì tội giết người. Ông ta có nhân viên tại London, và dĩ nhiên, cũng như tôi có - hoặc đã từng có – nhân viên tại Nga." Anh ta ngưng lại, đầy tư lự. "Mặc dù tay chân của ông ta chắc chắc không làm việc bí mật cho Viện Paradol, một lợi thế cho ông ta trong cuộc chơi đang diễn ra."

"Cuộc chơi ư?" Sherlock hỏi.

"Cuộc tranh giành chiến lược liên tục giữa nước Nga và nước Anh để dành quyền kiểm soát vùng Trung Á - Afghanistan và Ấn Độ. Ta gọi đó là Cuộc chơi lớn."

"Cha đang ở Ấn Độ," Sherlock lên tiếng. "Cha đang chiến đấu ở đó. Không phải là một cuộc chơi chút nào đâu anh Mycroft."

Mycroft tỏ vẻ bối rối. "Em nói đúng đấy, nhóc ạ. Đó không phải là một trò chơi, chứ đừng nói là Cuộc chơi lớn. Thật là dễ dàng quên mất điều này khi chúng ta được ngồi thoải mái trong một chiếc ghế bành ở London. Và một điều mà anh học được từ khoảng thời gian ở Nga là những con cờ mà ta vô tư di chuyển trên bàn cờ chính là người thật với cảm xúc thật. Đó là bài học anh sẽ nhớ mãi." Anh cười ngập ngừng. "Nhưng nhờ em nhắc anh mới nhớ là anh chưa đưa em xem bức thư của cha gởi về từ Ấn Độ mà em phải lặn lội từ Farnham lên London để đọc. Anh có mang theo đây. Chút nữa anh sẽ đưa em đọc."

Ông Amyus Crowe hắng giọng. "Vậy thì kế hoạch bây giờ là gì?" ông hỏi, rõ ràng muốn chuyển sang một đề tài nhẹ nhàng hơn. "Chúng ta sẽ đi đâu tiếp theo? Còn tôi, tôi tính về thăm cô con gái tôi một thời gian."

“Tôi thì định quay về nhà và tiếp tục công việc,” Mycroft nói.

“Em thì chắc phải về trang viên Holmes, với chú thím và bà Eglantine tuyệt vời rồi.” Sherlock nói giọng rầu rĩ. Cậu nhìn qua Rufus Stone. Trong khoảnh khắc, cậu nghĩ đến Farnham, đến người phụ nữ mặc đồ đen theo dõi cậu và rồi biến mất trong ngõ hẻm. Lúc ấy cậu nghĩ rằng đó là bà Eglantine, nhưng bây giờ thì không chắc. Có thể đó là cô Aiofe Dimmock theo dõi em trai của Mycroft trước khi Viện Paradol tung ra kế hoạch đầy rắc rối của họ. Hoặc cũng có thể là bà Eglantine. Sherlock quyết định khi nào về trang viên Holmes cậu sẽ tìm hiểu cặn kẽ cái bí mật đó, nắm bắt bản chất thực sự vì sao bà Eglantine thao túng được gia đình mình.

“Thế còn anh, anh Stone?” Mycroft cất tiếng hỏi, chặn ngang dòng suy nghĩ của Sherlock.

Stone mỉm cười và nhìn Sherlock. Một cái răng vàng trong miệng Stone lấp lánh dưới ánh đèn cầy. “Tôi biết cậu có một cây đàn violon tốt.” Anh ta nói. “Hy vọng cậu sẽ cho tôi hân hạnh được nghe cậu chơi chứ. Hai lần trong tuần, mỗi lần một giờ. Thứ ba và thứ năm được không?”

“Quá được,” Sherlock trả lời.

HẾT